

BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH THÁI NGUYÊN

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG
VÀ
ANH HÙNG LLVT NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

1997
Thái Nguyên

NĂM 1997

BỘ CHỈ HUY QUẢN LÝ TỈNH THẢI NGUYỄN

BÁ ĐỆ VIỆT NAM ANH HÙNG

ẢY

ANH HÙNG LẬT MÀN ĐÀN

TỈNH THẢI NGUYỄN

NĂM 1997

Chỉ đạo nội dung: - THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY
- ĐẢNG ỦY, BỘ CHỈ HUY
QUÂN SỰ TỈNH THÁI NGUYÊN

Chỉ đạo thực hiện:

- Đại tá NGUYỄN VĂN KHANG
Chỉ huy trưởng BCHQS tỉnh
- PHẠM TẮT QUYNH
Phó ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
- Đại tá NGUYỄN BÌNH NGUYÊN
Phó chỉ huy về chính trị BCHQS tỉnh

Chịu trách nhiệm xuất bản:

- Đại tá NGUYỄN VĂN KHANG

Người viết:

- Trung tá NGUYỄN VĂN THẮNG (Chủ biên)
- Trung tá DƯƠNG VĂN TÂM
- PTS KHLS NGUYỄN XUÂN MINH
- NGUYỄN THỊ HƯƠNG CẢNH
- TRẦN KIM THỦY
- NGUYỄN XUÂN HÙNG
- NGUYỄN MINH HẰNG
- HÀ ĐỨC TOÀN
- VŨ THANH KHÔI
- NGUYỄN THỊ THU HUYỀN

Hoàn chỉnh bản thảo:

- NGUYỄN VĂN THẮNG
- PHẠM TẮT QUYNH

Sửa bản in:

- NGUYỄN VĂN THẮNG
- DƯƠNG VĂN TÂM

Bìa: THẾ NGỰ

Chi đạo nội dung: - THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY
- BANNG ỦY, BỘ CƯ THUY
QUẢN SỰ TỈNH THAI NGUYÊN

Chi đạo thực hiện:
- Ban là NGUYỄN VĂN KIANG
Chi đạo trưởng: BCHQS tỉnh
- PHẠM TẤT QUYNH
Phó ban thực hiện: Tỉnh ủy
- Ban là NGUYỄN BÌNH NGUYỄN
Phó chi đạo về chính trị: BCHQS tỉnh

Chi đạo trách nhiệm xuất bản:
- Ban là NGUYỄN VĂN KIANG
Người viết:

- Trung là NGUYỄN VĂN THẮNG (Chi đạo)
- Trung là ĐƯƠNG VĂN TÂM
- TS KHALS NGUYỄN XUÂN MINH
- NGUYỄN THỊ HUƠNG CẢNH
- TRẦN KIM THUY
- NGUYỄN XUÂN HỒNG
- NGUYỄN MINH HẰNG
- LÊ ĐỨC TOÀN
- VŨ THANH KHÔI
- NGUYỄN THỊ THU HUYỀN

Hoàn chỉnh bản thảo:
- NGUYỄN VĂN THẮNG
- PHẠM TẤT QUYNH

Sửa bản in:
- NGUYỄN VĂN THẮNG
- ĐƯƠNG VĂN TÂM
Ban: THỂ NGU

LỜI GIỚI THIỆU

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 50 ngày Thương binh - Liệt sĩ (27-7-1947 - 27-7-1997) Đảng ủy, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã tổ chức sưu tầm tư liệu, biên soạn và xuất bản cuốn sách "Bà mẹ Việt Nam anh hùng và Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Thái Nguyên" nhằm giới thiệu các bà mẹ của tỉnh Thái Nguyên đã được Nhà nước phong tặng và truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" từ đợt I đến đợt III, giới thiệu các cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân sinh, trú quán tại tỉnh nhà được Quốc hội và Nhà nước tuyên dương danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" trong hơn nửa thế kỷ qua.

Bằng những tư liệu được sưu tầm, đối chiếu và biên soạn một cách tương đối hệ thống và khá công phu, cuốn sách đã ghi lại tóm tắt tiểu sử và sự cống hiến, hy sinh thầm lặng mà cao cả của 100 Bà mẹ Việt Nam anh hùng và 13 Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Thái Nguyên, nêu bật lên truyền thống "Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang" của phụ nữ Việt Nam nói chung và phụ nữ Thái Nguyên nói riêng, cũng như truyền thống "Trung với nước, hiếu với dân" của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang là con em nhân dân các dân tộc tỉnh nhà. Cuốn sách giới thiệu với bạn đọc sự cống hiến lớn lao cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc của các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và gương chiến đấu dũng cảm, thành tích đặc biệt xuất sắc của các Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Thái Nguyên trong các cuộc

kháng chiến chống xâm lược và bảo vệ Tổ quốc. Cuốn sách là tài liệu sinh động góp phần giáo dục khí phách anh hùng và truyền thống cách mạng, giáo dục đạo lý "uống nước, nhớ nguồn" cho cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc tỉnh nhà, là tấm gương để chị em phụ nữ và thế hệ trẻ Thái Nguyên noi theo, phấn đấu hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Được Thường vụ Đảng ủy, Bộ chỉ huy Quân sự và Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử quân sự tỉnh tập trung chỉ đạo thực hiện, được các cơ quan ban, ngành, đoàn thể, cá nhân và các gia đình Bà mẹ Việt Nam anh hùng và Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong tỉnh tận tình giúp đỡ, tập thể tác giả có rất nhiều cố gắng trong sưu tầm tư liệu và biên soạn, cuốn sách đã được xuất bản và phát hành vào dịp kỷ niệm lần thứ 50 ngày Thương binh - Liệt sĩ.

Tuy nhiên, do hoàn cảnh và điều kiện khó khăn thực tế nên cuốn sách chắc chắn sẽ không tránh khỏi những hạn chế nhất định. Rất mong bạn đọc đóng góp ý kiến phê bình.

Thay mặt Tỉnh ủy, tôi hoan nghênh sự cố gắng của các đồng chí chỉ đạo và biên soạn cuốn sách, trân trọng giới thiệu cuốn sách "Bà mẹ Việt Nam anh hùng và Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Thái Nguyên" với Đảng bộ, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang tỉnh nhà cùng toàn thể bạn đọc.

NGUYỄN NGÔ HAI

Ủy viên Trung ương Đảng

Bí thư Tỉnh ủy

Kiểm Bí thư Đảng ủy Quân sự

tỉnh Thái Nguyên

Phần I

**BÀ MẸ VIỆT NAM
ANH HÙNG**

Phần I

BÀ MẸ VIỆT NAM
ANH HÙNG

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ NĂM



Mẹ Nguyễn Thị Năm sinh ngày 23-7-1916; dân tộc Kinh; quê ở xã Tiên Hội, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần và an táng tại xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ; có 3 con là liệt sĩ hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc.

Mẹ Nguyễn Thị Năm sinh trưởng trong một gia đình nông dân. Năm 21 tuổi mẹ xây dựng gia đình. Chồng mẹ là ông Nguyễn Hữu Cầu, làm ruộng ở cùng quê. Năm 1945 phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ và lan rộng ra khắp vùng Đại Từ - quê mẹ. Vợ chồng mẹ tích cực tham gia phong trào Việt Minh ở xã. Từ năm 1945 đến năm 1952, mẹ được chị, em phụ nữ tin yêu, tin nhiệm bầu làm Bí thư Ban chấp hành phụ nữ xã Bản Ngoại. Những năm sau đó mẹ đều tham gia vào Hội mẹ chiến sĩ. Tháng 3-1945, ông Nguyễn Hữu Cầu - chồng mẹ - được kết nạp vào Đảng, rồi sau đó trong những năm kháng chiến ông xung phong vào bộ đội đánh Pháp, hòa bình lập lại ông chuyển ngành, mãi tới năm 1975 mới về hưu. Suốt hơn 30 năm trời dài dang dẳng, đi qua 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, một mình mẹ ở nhà vừa tần tảo cấy cày, làm nương, làm rẫy thay chồng nuôi dạy

cả 7 người con gái, con trai khôn lớn, trưởng thành, vừa tham gia công tác xã hội. Chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông năm 1947, giặc Pháp tấn công, cần quét lên quê hương Đại Từ của mẹ, một mình mẹ phải gánh một bên là con, một bên là gạo, áo, quần chạy giặc hết cánh rừng này, sang cánh rừng khác.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, khi Tổ quốc cần mẹ đã động viên 3 người con trai đầu của mẹ lên đường đánh giặc.

Lần thứ nhất, tháng 2-1964 mẹ tiễn người con trai thứ hai là anh Nguyễn Xuân Thủy, sinh năm 1944 vào bộ đội. Lần thứ hai, tháng 5-1966 mẹ đưa người con trai thứ nhất là anh Nguyễn Hữu Nghị sinh năm 1940 nhập ngũ. Và lần thứ ba, tháng 5-1968 mẹ lại tiễn tiếp người con trai thứ ba là anh Nguyễn Mai Duy sinh năm 1947 lên đường đánh giặc.

Ba lần tiễn các con đi là ba lần mẹ phải khóc trong đau thương và mất mát lớn lao vì các con của mẹ đều đã "ra đi" và ra đi mãi mãi. . . Vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà, mẹ đã hiến dâng cho Tổ quốc cả 3 người con trai đầu thân yêu nhất của mình. Đó là liệt sĩ Nguyễn Xuân Thủy - Trung sĩ - Tiểu đội phó thuộc Tiểu đoàn 26 KB, hy sinh ngày 15-3-1969 tại Mặt trận phía Nam; Liệt sĩ Nguyễn Hữu Nghị, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Chuẩn úy, Trung đội phó thuộc đơn vị KN, hy sinh ngày 15-5-1969 tại Mặt trận phía Nam và liệt sĩ Nguyễn Mai Duy, đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, Thượng úy, Chính trị viên đại đội thuộc Sư đoàn 7, hy sinh ngày 27-3-1975 cũng tại Mặt trận phía Nam.

Ngày 27-10-1975 (tức ngày 23-9 năm Ất Mão) mẹ đã từ trần sau một đợt ốm nặng kéo dài.

Xét công lao của mẹ đã sinh thành, nuôi dưỡng và cống hiến 3 người con cho độc lập, tự do của Tổ quốc, ngày 24-4-1995 Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

"NƯỚC MẮT MẸ KHÔNG CÒN. . ."

(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng

Lê Thị Ong được phong tặng

ngày 17-12-1994)



Tôi mượn lời một bài hát để nói về mẹ Lê Thị Ong – Bà mẹ Việt Nam anh hùng – 88 tuổi, hiện ở xã Dương Thành, huyện Phú Bình. Nhìn thân hình nhỏ thó, khô gầy của mẹ, tôi trộm nghĩ: "Có lẽ bao nhiêu sức sống trong mẹ đã thổi cả vào các con và bao nhiêu nước trong cơ thể mẹ đã trở thành nước mắt và cạn khô vì khóc cho 3 người con của mẹ đã hy sinh vì Tổ quốc".

Mẹ sinh được 5 người con trai, anh lớn sinh năm 1930, anh út sinh năm 1964, tất cả đều hiền lành, chăm chỉ và cùng lớn lên trong sự thiếu hụt về vật chất nhưng lại dồi dào tình thương yêu của mẹ.

Vợ, chồng mẹ đều là người gốc Nam Định nhưng vì cuộc sống ở quê quá chật vật mà gia đình phải rời lên Bắc Giang để tìm kế sinh nhai. Và Bắc Giang cũng chưa phải điểm dừng, năm 1949 cả nhà mẹ lại chuyển đến Dương Thành sinh sống đến bây giờ.

Đời mẹ bốn lần tiễn con đi bộ đội nhưng chỉ có một anh trở về, còn ba anh vĩnh viễn nằm lại với đất mẹ ở

cả 2 miền Nam, Bắc và hiện nay gia đình mẹ cũng chưa tìm được mộ của các anh.

Người con cả của mẹ là Nguyễn Văn Vũ. Năm 1948 (khi đó nhà mẹ còn ở Bắc Giang) anh trốn nhà đi bộ đội, đến đơn vị rồi mới viết thư về báo cho gia đình biết. Hai năm sau (lúc bấy giờ anh là chiến sĩ trinh sát thuộc tỉnh đội Bắc Giang) nhân một chuyến công tác, anh được tranh thủ thăm nhà một đêm. Đêm ấy mẹ thức trắng, trò chuyện, dặn dò anh đủ điều. Anh ngủ rồi mẹ ngồi chuẩn bị cho anh từng li, từng tí, để sớm mai anh lên đường. Đúng hẹn, anh cùng 7 đồng đội xuất phát, đến xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang thì gặp trận càn của địch. Các anh chống trả quyết liệt và đã anh dũng hy sinh. Hiện nay 8 ngôi mộ vẫn nằm giữa lòng dân xã Việt Tiến (không có tên tuổi cụ thể) hàng năm gia đình vẫn đến thăm và săn sóc cho các anh.

Anh Nguyễn Hà Bắc, sinh năm 1948. 18 tuổi đang học cấp III, noi gương anh cả và bao chiến sĩ khác, anh xung phong vào bộ đội. Hơn một năm trong quân ngũ nhờ rèn luyện và phấn đấu tốt anh đã trở thành thượng sĩ, tiểu đội phó, đơn vị KN. Biết con trai tiến bộ, lòng mẹ vui lắm và thầm mong anh lập nhiều chiến công, nguyên vẹn trở về.

Năm 1968, trước sự đánh phá điên cuồng của giặc Mỹ, anh Nguyễn Văn Hào, người con trai thứ hai của mẹ, mặc dù tuổi đã 35, đã có gia đình vợ, con song vẫn động viên gia đình cho mình tham gia tòng quân giết giặc. Thương con trai không còn ở độ tuổi sức dài, vai rộng, lại thương con dâu vất vả một nách nuôi con thơ... Nhưng mẹ nghĩ không thể vì tình riêng mà thoái

thác việc nước, thế là mẹ lại gạt nước mắt tiễn con lên đường, lòng thầm mong nước nhà sớm thanh bình để con trai mẹ trở về với vợ, con.

Năm 1969, anh Hào được về phép, mẹ có thêm một cháu nội. Ngoài việc đồng áng, việc nhà, mẹ lại sang đỡ đần con dâu và cháu vừa là san sẻ với con và để yên lòng người nơi tiền tuyến.

Cuộc sống cứ trôi cùng với vô vàn công việc và nỗi nhớ mong các con cháy bỏng. Cuối năm 1970, một tin đau xé ruột ập xuống đời mẹ, đó là giấy báo tử anh Nguyễn Hà Bắc đã anh dũng hy sinh ngày 3-10-1967 tại Mặt trận phía Nam. Nuốt nước mắt vào trong, mẹ vẫn hoàn thành bốn phận và trách nhiệm với gia đình. Còn một chút hy vọng, mẹ hướng cả vào anh Hào. Mẹ mong ngày, mong đêm từng lá thư của anh từ nơi tiền tuyến gửi về... Nhưng rồi, đến ngày đất nước hoàn toàn giải phóng, bao trai làng đã lần lượt trở về mà con trai của mẹ vẫn "bặt vô, âm tín". Đến cuối năm 1976 cái điều mà mẹ lo sợ nhất lại đến, lần thứ 3 mẹ nhận giấy báo tử con mình. Mẹ ốm liệt giường. Đêm đêm mẹ âm thầm khóc gọi tên các anh, mỗi tiếng gọi là một nhát dao cửa sâu vào lòng mẹ.

Mẹ suy sụp nhanh chóng, cái gánh nặng mẹ mang hơn nửa đời người giờ đây đã làm mẹ kiệt sức: thân tàn, sức cạn, mắt lòa..., cảnh nhà đã khó khăn giờ càng thêm túng bấn. May nhờ cái nghĩa xóm, tình làng, bà con đỡ đần, đùm bọc; cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm, thường xuyên động viên thăm hỏi, hỗ trợ về kinh tế, và đặc biệt, là sự quan tâm, thương yêu, chăm sóc cho mẹ từ miếng ăn, giấc ngủ của anh Nguyễn Văn

Bình, người con duy nhất của mẹ từ chiến trường trở về nên mẹ đã dần dần hồi phục. Dù ngày mưa bão, đường xá ngập ngụa, khó đi, anh vẫn đội mưa, lặn lội ra chợ (cách nhà 3 km)" kiếm chút thức ăn cho mẹ". Là trai nhưng anh chẳng nề hà việc gì. Mẹ thều thào nói với chúng tôi: "Bố nó chăm tôi kỹ lắm, từng ly từng tý một", Anh út ở kề bên cũng chạy qua chạy lại luôn nằng giặc, chuyện trò "cho bà đỡ buồn".

Ồi mẹ Ong! mẹ đã sinh được những người con thật là chí nghĩa, chí tình. Ấu đó cũng là một phần bù đắp lại những mất mát trong cuộc đời của mẹ.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG TRẦN THỊ TÝ



Mẹ Trần Thị Tý sinh năm 1914; dân tộc Kinh; quê ở xã Vũ Bản, huyện Bình Lục, tỉnh Nam Hà; đã từ trần tại thành phố Thái Nguyên. Có một con nuôi hi sinh trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và hai con đẻ hi sinh trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước.

Sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo, dưới chế độ thực dân, phong kiến, mẹ Trần Thị Tý đã phải sớm chịu nhiều nỗi gian truân, vất vả. Mới năm, sáu tuổi, mẹ đã phải đi ở chăn trâu, cắt cỏ cho địa chủ. Mười một, mười hai tuổi mẹ đã phải đi cuốc mướn, cấy thuê để kiếm sống. Năm 20 tuổi, mẹ xây dựng gia đình. Chồng mẹ là Lương Hữu Lâm, một nông dân 21 tuổi ở cùng quê. Sau ngày cưới, hai vợ chồng mẹ dắt nhau lên thị xã Nam Định xin vào làm công nhân ở Nhà máy Dệt những mong cuộc sống nơi đô thị sẽ đỡ vất vả hơn cuộc sống chân lấm, tay bùn ở vùng quê chiêm trũng. Nhưng "tránh vỏ dưa, lại gặp vỏ dừa", tránh cày thuê, cuốc mướn cho địa chủ ở nông thôn, lên thị xã lại gặp cảnh đòn roi, cúp lương của Tây, của chủ. Không cam chịu bị áp bức bóc lột, vợ, chồng mẹ đã tích cực tham gia các phong trào đấu tranh, biểu tình, rải truyền đơn

đòi tăng lương, giảm giờ làm, chống cúp lương và đánh đập công nhân. Năm 1940, không chịu được cuộc sống trâu ngựa "có làm mà chẳng có ăn" ở Nhà máy dệt Nam Định, vợ chồng mẹ lại đưa nhau lên Thái Nguyên làm hàng xay, hàng sáo kiếm sống. Cách mạng tháng 8 năm 1945 thành công và cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp thắng lợi, vợ chồng mẹ được chia ruộng đất, cày bừa ở xã Đồng Quang, huyện Đồng Hỷ (nay là phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên). Từ năm 1959 vợ, chồng mẹ đã gương mẫu góp ruộng, góp trâu vào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp. Với bản tính cần cù, chịu khó nên mặc dù đông con (mẹ có 8 người con trong đó có 1 người con nuôi) nhưng mẹ vẫn tần tảo không những nuôi các con ăn, học, trưởng thành mà còn giành thời gian cho chồng tham gia công tác dân quân, tự vệ và mặt trận ở xã.

Ngày 10-6-1949, Lương Hữu Bản sinh năm 1932 là con nuôi đồng thời cũng là con cả của mẹ xung phong vào bộ đội đánh Pháp. (Lương Hữu Bản là con ông Lương Hữu Gia anh ruột chồng của mẹ. Ông Gia đã bị ốm chết từ năm 1933. Khi Lương Hữu Bản lên 6 tuổi thì mẹ là bà Nguyễn Thị Lớn tái giá. Mẹ Trần Thị Tý đã đón cháu về nuôi dưỡng và chăm sóc chu đáo như con đẻ). Sau gần 2 năm chiến đấu, công tác ở Đại đội 245, Tiểu đoàn 11, Trung đoàn 141, Đại đoàn 304, ngày 03-01-1951 trong một trận chiến đấu với địch ở Mặt trận Nghĩa Lộ - Yên Bái, Lương Hữu Bản đã anh dũng hy sinh.

Tháng 4-1963, Lương Ngọc Dân sinh năm 1944 - người con thứ ba của mẹ - đang công tác tại Ty Bưu điện

Thái Nguyên thì được lệnh nhập ngũ. Qua hơn hai năm rèn luyện và chiến đấu trong quân đội, Lương Ngọc Dân đã trưởng thành từ một chiến sĩ lên cán bộ tiểu đội phó, tiểu đội trưởng rồi trung đội phó. Ngày 31-5-1965 trong một trận chiến đấu ở Mặt trận phía Nam, Lương Ngọc Dân của mẹ đã hy sinh trên cương vị là cán bộ trung đội phó thuộc Sư đoàn 2, Quân khu 5.

Năm 1966, mẹ lại tiến người con thứ hai của mẹ là Lương Xuân Hải sinh năm 1940 lên đường đánh giặc. Ngày 01-8-1972 trong một cuộc chiến đấu quyết liệt để bảo vệ Thành cổ Quảng Trị con trai Lương Xuân Hải của mẹ đã anh dũng hy sinh.

Các con hy sinh lòng mẹ đau như cắt từng khúc ruột. Vượt lên trên mọi nỗi đau không gì có thể bù đắp được, ngày ngày mẹ vẫn cùng chồng nuôi lợn, chăn gà, giúp con trông cháu và hương khói cho 3 người con của mẹ đã hy sinh vì Tổ quốc. Mẹ đã từ trần tại thành phố Thái Nguyên năm 1989 thọ 75 tuổi. Mẹ được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" ngày 24-4-1995.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG PHAN THỊ SÁY

Mẹ Phan Thị Sáy sinh năm 1883, dân tộc Nùng; quê ở làng Cao, xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần năm 1947, an táng tại quê nhà; có 4 con là liệt sĩ hi sinh trong thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám và trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Mẹ Phan Thị Sáy sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân nghèo, ở một vùng quê còn nhiều phong tục, tập quán lạc hậu. Bởi vậy, ngay từ tuổi ấu thơ, lứa tuổi lẽ ra phải được vui chơi và học tập, mẹ đã phải lao động để kiếm sống. Vốn bản chất thật thà, chất phác, mẹ lớn lên trong sự yêu thương, đùm bọc của mọi người.

Lớn lên, mẹ trở thành một cô gái hiền lành, chăm chỉ, được nhiều chàng trai để ý. Mẹ kết duyên với ông Nông Văn Minh cũng là một thanh niên nghèo, quê ở làng Phật, xã Phú Thượng. Hai người thương yêu nhau hết mực và niềm vui đã đến với họ. Bảy lần sinh nở, mẹ sinh được 7 người con trai. Mẹ đã cùng chồng vượt qua bao nỗi khó khăn, vất vả để nuôi dạy các con, mong sao các con trưởng thành để giúp ích cho quê hương, đất nước đang bị quân thù giày xéo.

Năm 1937, người bạn đời chung thủy của mẹ qua đời vì một căn bệnh hiểm nghèo. Mọi gánh nặng trong gia đình đều dồn lên đôi vai gầy, yếu của mẹ. Vừa gánh vác công việc gia đình, mẹ vừa giúp đỡ, tạo điều kiện cho các con lớn tham gia hoạt động cách mạng.

Vào những năm 1940-1941, trên quê hương mẹ, phong trào cách mạng đang dâng cao. Căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai và Cứu quốc quân ra đời. Thực dân Pháp và tay sai tăng cường đàn áp, khủng bố, bắn giết. Người dân Võ Nhai sục sôi căm thù bè lũ cướp nước và bán nước. Chính vào thời gian này, mẹ nhận được tin hai người con: Nông Văn Sọc (con trai thứ ba), Nông Văn Sám (con trai thứ tư) bị giặc Pháp bắt và đưa đi giam giữ tại nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội) bị tra tấn dã man, cả hai đều đã hy sinh trong nhà tù.

Nổi đau mất 2 người con thứ ba và thứ tư chưa nguôi thì đến năm 1945, một tin dữ lại đến với mẹ: Anh Nông Văn Cún - tức Nông Thái Long - người con trai thứ hai hy sinh trong trận đánh đồn Đình Cả (ngày 21-3-1945). Đầu năm 1946, con trai cả của mẹ (anh Nông Văn Ký) cũng hy sinh anh dũng tại Mặt trận Cần Thơ (Nam Bộ).

Liên tiếp trong mấy năm, mẹ đã mất 4 người con. Sự tổn thất to lớn này khiến cho mẹ không thể gắng gượng được nữa. Mẹ đã qua đời vào năm 1947. Giờ đây, có lẽ ở nơi chín suối, mẹ cũng thấy mãn nguyện vì đã sinh ra và nuôi dạy được những người con biết tận trung với nước, tận hiếu với dân. Các con, cháu, chất của mẹ hiện nay đều trưởng thành và đang phát huy truyền thống cách mạng của gia đình.

Ngày 24-4-1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu cao quý "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ MONG



Mẹ Nguyễn Thị Mong sinh năm 1918; dân tộc Kinh; quê ở xã Minh Khai, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; đã từ trần ngày 22-2-1994, an táng tại xã Trung Lương, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên; có 1 con là liệt sĩ hi sinh trong kháng chiến chống Pháp và 2 con là liệt sĩ hi sinh trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ Nguyễn Thị Mong sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo. Cũng như nhiều phụ nữ nông dân nghèo khác ở vùng lúa Thái Bình, dưới ách áp bức thống trị của thực dân, phong kiến mẹ đã sớm phải đi ở đợ, làm thuê, làm mướn để kiếm sống. Đến tuổi trưởng thành mẹ xây dựng gia đình. Chồng mẹ đã có vợ và 5 con (2 trai, 3 gái). Sau khi lấy chồng mẹ sinh được 7 người con (4 trai, 3 gái). Lấy chồng trong hoàn cảnh chồng đã có vợ, có con riêng nên mẹ phải vất vả thức khuya, dậy sớm tần tảo một mình làm lụng để kiếm sống và nuôi con. Thế rồi chồng mẹ không may ốm nặng, mất sớm. Năm 1964, mẹ đưa các con rời quê hương lên xóm Văn Lương, xã Trung Lương, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên xây dựng vùng kinh tế mới. Được bà con xóm, làng cứu mang, đùm bọc và dưới

bàn tay cần cù cùng với tấm lòng yêu thương vô bến bờ của mẹ, các con của mẹ đều được ăn, học, nuôi dạy chu đáo và trưởng thành. Trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ trường kỳ của dân tộc mẹ đã động viên 3 người con trai đầu của mẹ vào bộ đội. Người con trai cả là Phạm Văn Long nhập ngũ sau ngày Toàn quốc kháng chiến, hy sinh tháng 12-1950 tại Thái Bình, ngày 20-4-1972 được Chính phủ ra quyết định số 141/TTg công nhận là liệt sĩ, gia đình được cấp bằng Tổ quốc ghi công số DC584B.

Người con trai thứ hai của mẹ là Phạm Văn Trọng sinh năm 1948, nhập ngũ tháng 1-1966, nguyên là hạ sĩ, chiến sĩ thuộc đơn vị KN, hy sinh ngày 29-5-1967 tại Mặt trận phía Nam. Liệt sĩ được truy tặng 1 Huân chương Kháng chiến hạng ba, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 1 Huy chương chiến sĩ giải phóng.

Người con trai thứ ba của mẹ là Phạm Văn Từ sinh năm 1952, nhập ngũ tháng 5-1972, nguyên là hạ sĩ, chiến sĩ, Tiểu đoàn 4, Quân khu 5 hy sinh ngày 28-8-1974 tại Mặt trận phía Nam. Liệt sĩ đã được truy tặng: 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 1 Huy chương Chiến sĩ giải phóng.

Xét công lao sinh thành và nuôi dưỡng 3 người con là liệt sĩ của mẹ, ngày 24-4-1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu cao quý "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ DÂN

Mẹ Nguyễn Thị Dân sinh năm 1905; dân tộc Kinh; quê ở xã Tân Hương, huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần và an táng tại quê; có 1 con là liệt sĩ hy sinh trong kháng chiến chống Pháp và 2 con là liệt sĩ hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ Nguyễn Thị Dân sinh trưởng trong một gia đình nông dân. Từ nhỏ mẹ đã phải chăn trâu, cắt cỏ và phụ giúp việc đồng áng, vườn tược cùng với bố, mẹ để kiếm sống. Năm 23 tuổi mẹ xây dựng gia đình. Chồng mẹ là Nguyễn Đức Mai, sinh năm 1901, làm ruộng ở cùng xã. Hai vợ chồng mẹ dựng nhà ở riêng và làm ruộng tại quê. Mẹ sinh được 5 người con (5 trai, 2 gái). Cả 5 người con trai của mẹ, mẹ đều động viên đi bộ đội giết giặc.

Người con trai cả là Nguyễn Văn Phiếm sinh năm 1951. Khi anh Phiếm đến tuổi trưởng thành, mẹ xây dựng gia đình cho anh. Vợ anh là chị Nguyễn Thị Bình, làm ruộng ở cùng quê. Tháng 7-1948, mẹ đã động viên anh Phiếm, con trai đầu lòng của mẹ nhập ngũ. Sau hơn 2 năm chiến đấu ở trong vùng địch, ngày 3-2-1951, anh Phiếm đã anh dũng hy sinh tại xã Hồng Kỳ, huyện Đa Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời kỳ trực tiếp chống Mỹ, cứu nước, tháng 2-1968, mẹ động viên người con trai thứ ba là anh Nguyễn Đức Hùng, sinh năm 1949, xung phong vào bộ đội. Tiếp đó tháng 4-1968, mẹ lại cho tiếp người con trai thứ hai là anh Nguyễn Văn Phi, sinh năm 1934 tái ngũ. (Anh Nguyễn Văn Phi đã nhập ngũ năm 1962,

xuất ngũ năm 1964. Trước đó, khi anh 20 tuổi, mẹ đã xây dựng gia đình cho anh. Vợ anh là chị Tạ Thị Nhuận. Vợ chồng anh Phi đã sinh cho mẹ được 4 cháu nội: Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Văn Lực, Nguyễn Thị Lý và Nguyễn Thị Lan).

Sau khi 2 người con trai thứ hai và thứ ba ra trận, mẹ ở nhà bị ốm nặng rồi đột ngột qua đời vào cuối năm 1968. Trước khi đi về cõi vĩnh hằng, mẹ có ngờ đâu rằng cả hai người con trai thứ hai và thứ ba của mẹ, cũng như người con trai cả đều đã phải vĩnh viễn nằm lại ở chiến trường, cống hiến trọn vẹn cuộc đời của mình cho độc lập, tự do của Tổ quốc. Anh Nguyễn Văn Phi là Trung sĩ, Tiểu đội phó thuộc đơn vị c01 đã hy sinh ngày 9-10-1969 tại Mặt trận phía Nam. Anh đã được truy tặng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba và 1 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng ba.

Anh Nguyễn Đức Hùng, là Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng thuộc Tiểu đoàn 5, Trung đoàn 246, hy sinh ngày 16-12-1973 tại Mặt trận phía Nam.

Đảng và Nhà nước đã ghi nhận công lao sinh thành và nuôi dưỡng ba người con là liệt sĩ của mẹ. Ngày 24-4-1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG VŨ THỊ GÁI

Mẹ Vũ Thị Gái sinh năm 1906; dân tộc Kinh; quê ở xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định; đã từ trần và an táng tại xã Lục Ba, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; Có 1 con là liệt sĩ hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Pháp và 2 con là liệt sĩ hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ Vũ Thị Gái sinh trưởng trong một gia đình nông dân ở vùng quê chiêm trũng. Trước cách mạng tháng 8-1945, sống dưới ách thống trị tàn bạo của thực dân, phong kiến, cũng như bao nhiêu người phụ nữ khác, mẹ Vũ Thị Gái đã từng phải chịu một cuộc sống tủ nhục, dọa dẫm của một người đi ở đợ, làm thuê cho địa chủ, phú nông để kiếm sống.

Năm 1925, mẹ lấy chồng. Chồng mẹ là Phan Gia Tường sinh năm 1899, người cùng quê. Mẹ sinh được 7 người con trai và 3 người con gái. Tuy phải chịu nhiều khó khăn, vất vả trong cuộc sống của một gia đình đông con, nhưng mẹ đã cùng chồng thức khuya, dậy sớm, tần tảo ruộng vườn, cấy thuê, gánh mướn... để kiếm cho các con có miếng cơm ăn và manh áo mặc. Không phụ công nuôi dưỡng, dậy dỗ của mẹ, các con của mẹ đều khỏe mạnh, ngoan ngoãn và khôn lớn. Trong 7 người con trai, mẹ đã động viên 5 người đi bộ đội đánh Pháp và đánh Mỹ. Đó là các anh:

1. Phan Gia Bằng, sinh năm 1926
2. Phan Gia Khánh, sinh năm 1929.

3. Phan Gia Châu, sinh năm 1942.
4. Phan Gia Ngọc, sinh năm 1946.
5. Phan Gia Ngà, sinh năm 1948

Trong 5 người con trai của mẹ đi đánh giặc, có 3 người con đã vĩnh viễn nằm lại ở các chiến trường. Đó là các liệt sĩ:

1. Phan Gia Bằng, nhập ngũ tháng 3-1946, Trung đội trưởng thuộc Tiểu đoàn 517, Tỉnh đội dân quân tỉnh Vĩnh Phúc, đã anh dũng hy sinh trong chiến đấu tại Bắc Giang ngày 26-7-1949.

2. Phan Gia Ngọc, nhập ngũ tháng 1-1966, hạ sĩ, chiến sĩ thuộc đơn vị KN, hy sinh ngày 11-9-1969 tại Mặt trận phía Nam.

3. Phan Gia Châu, nhập ngũ năm 1966, hy sinh ngày 10-2-1971 cũng tại Mặt trận phía Nam.

Các con hy sinh, mẹ đau đớn vô cùng. Thương nhớ các con đang yên nghỉ nơi núi đồi xa vắng, đã bao đêm mẹ ngồi bó gối khóc thầm. Vượt lên trên mọi nỗi đau, mẹ đã nuôi dạy các con còn lại khôn lớn, trưởng thành, lo cho các con yên bề gia thất. Tháng 11-1980 mẹ ốm nặng rồi từ trần. Hiện nay người con trai út của mẹ là Phan Gia Ngà đang đảm nhiệm việc hương khói, thờ cúng mẹ.

Xét công lao mẹ đã sinh thành, nuôi dưỡng và cống hiến 3 người con cho các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ vĩ đại của dân tộc, ngày 17-12-1994 Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu vinh dự "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

"NGỌT BÙI NHỚ LÚC ĐẮNG CAY".

(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng

Dương Thị Đào, được phong tặng

ngày 17-12-1994)



Có ai đó đã nói: "Gánh nặng chiến tranh, cuối cùng đặt lên vai các bà mẹ". Điều đó đúng. Chiến tranh đã lùi xa hơn 20 năm, nhưng trong lòng những người mẹ, vết thương vẫn ngày đêm rỉ máu. Mẹ Dương Thị Đào ở xã Thượng Đình (huyện Phú Bình) là một trong rất nhiều bà mẹ như thế. Mẹ chỉ có 2 người con trai, các anh đều ra đi chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Độc lập, tự do đã về với dân tộc, còn các anh thì mãi mãi không thể về với mẹ.

Cũng như bất cứ một người dân Việt Nam nào, mẹ không muốn chiến tranh, không muốn hận thù, mẹ cầu mong một cuộc đời bình dị, mọi người đùm bọc, thương yêu, che chở cho nhau. Khao khát đó mẹ đặt vào tên 2 con trai Thuận - Hòa của mẹ.

Nhưng ước nguyện của mẹ chỉ thực hiện được một nửa. Các con của mẹ biết thương yêu nhau, có hiếu với cha, mẹ, lễ phép với người trên, nhường nhịn kẻ dưới,

song cuộc đời của mẹ thì chẳng được bằng an. Chiến tranh đã chẳng để cho người nông dân yên ổn làm ăn sau lũy tre làng. Trước vận mệnh của đất nước, vừa đến tuổi trưởng thành, các con của mẹ lần lượt ra đi thực hiện nghĩa vụ quân sự. Thương nhớ các con vô hạn nhưng mẹ nghĩ: "Thanh niên thì phải có nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc". Thế là các anh đi, để mẹ ở nhà với trăm ngàn lo toan, vất vả.

Người con đầu của mẹ là anh Ngô Đức Thuận, sinh năm 1942. Anh Thuận lên 3 tuổi mẹ sinh thêm anh Ngô Xuân Hòa. Một năm sau khi sinh con thứ hai (1946), chồng mẹ vội vã từ giã cõi đời để lại người vợ mới 22 tuổi một nách 2 con thơ, đứa lên 4 tuổi, đứa mới lên 1 tuổi. Không thể kể hết những gian truân mà mẹ đã trải qua. Trong cái khó khăn chung của toàn xã hội, nhà đủ vợ, đủ chồng mà cuộc sống còn trăm bề khốn khó, đàng này mẹ chỉ có một mình... Bao cơ cực, thiếu thốn mẹ đều chia vai gánh vác, chỉ mong sao các con mạnh khỏe, ngoan ngoãn.

Năm 1962, anh Thuận - lúc này đã có vợ và 1 con trai - nhập ngũ. Được về phép một lần, rồi cuộc kháng chiến ngày càng ác liệt anh đi Nam chiến đấu và từ đó gia đình không nhận được tin tức gì của anh nữa. Đến năm 1973 thì có giấy báo tử anh đã hy sinh. Còn anh Hòa năm 1966, 21 tuổi đi làm công nhân lâm nghiệp, năm 1968 thì lên đường chiến đấu. Năm 1969, anh viết thư về nhà báo tin mình ăn tết ở dãy Trường Sơn, mỗi người được hăn 1 chiếc bánh chưng. Từ đó gia đình bắt

tin anh. Năm 1972 anh hy sinh trong chiến đấu để lại người vợ trẻ chưa sinh được mụn con nào.

*

Có lẽ cả cuộc đời mẹ Đào là 2 chữ: "gánh vác", 11 tuổi mẹ đi làm dâu phải đảm đương mọi việc trong nhà, mười tám, đôi mươi làm mẹ, rồi chồng chết, phải thay chồng nuôi con khôn lớn; bố mẹ chồng mất, là chị dâu cả (con bà 3) mẹ đứng ra gả chồng cho em cô, lấy vợ, làm nhà cho em chú, rồi anh, chị chồng (con bà 2 của bố chồng) mất, lại đứng ra lo việc trăm năm cho cháu gọi bằng thím. Sau này, khi cả 2 con đã hy sinh, vẫn một tay mẹ sắp đặt việc gia đình, bảo ban con dâu và cháu tổ chức cuộc sống. Khi con dâu út muốn ra ở riêng, chính mẹ lại cho đất, dựng nhà, tạo điều kiện để con xây dựng cuộc sống. Ôi! lòng mẹ thật bao dung !

Nỗi đau đã nhiều, có lẽ từ đây, cuộc đời sẽ bù đắp cho mẹ. 74 tuổi, mẹ sống với lòng hiếu thảo của con dâu cả, vợ chồng cháu đích tôn và 2 chất nội trong ngôi nhà tổ tiên. (Một cháu nội lấy chồng ngay gần đó). Nhờ tài quán xuyến của mẹ, tính chăm chỉ của con dâu và thêm đầu óc tính toán giỏi của cháu đích tôn, kinh tế gia đình mẹ ngày càng khá giả. Cháu nội của mẹ là Ngô Văn Thanh, nhờ chính sách đối với gia đình liệt

sĩ, năm 1981 được đi xuất khẩu lao động ở Tiệp Khắc, năm 1989 trở về được vào công tác tại Nhà máy phụ tùng ô tô số I (Gò Dầu) nhưng thương bà, thương mẹ, cháu không nỡ thoát ly mà ở nhà tính toán, làm kinh tế bằng con đường chăn nuôi lợn, gà, cá và cấy trồng 1 mẫu ruộng (vợ Thanh là giáo viên tiểu học). Nhờ cần mẫn, biết tính toán nên kinh tế gia đình mẹ ngày càng được củng cố, có xe máy Nhật, trong nhà tiện nghi chưa thật sang, nhưng đầy đủ. Đó là điều mừng. Đáng mừng hơn đó là sự hiếu thảo của con, cháu đối với bà và mẹ (người đã có công sinh ra và nuôi Thanh trưởng thành), điều này được chứng tỏ bằng nụ cười rạng rỡ kia đang nở trên gương mặt mẹ. Và giờ đây mẹ đã toại nguyện, đó là một cuộc sống thanh bình, chan chứa thương, yêu.

NỖI NIỀM CỦA MẸ

(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng
Lê Thị Bé, được phong tặng ngày 24-4-1995).



Mẹ lập cập vợ năm lá khô
đun siêu nước mời khách. Đã
ngoài 80 tuổi nhưng mắt mẹ
vẫn còn tinh, tai thính, chỉ có
hàm răng là rụng nhiều.

Ngồi trên chiếc giường một
kê trước gian thờ làm bàn tiếp
khách, tôi ngắm căn nhà nhỏ
trát bùn, lợp lá, đồ đạc đơn sơ,
trước nhà là khoảnh vườn
rộng mẹ vẫn chịu khó trồng
rau thêm thật cho bữa ăn. Đó
là cơ ngơi của mẹ Lê Thị Bé ở
xóm Gò Chè, xã Cao Ngạn,
huyện Đồng Hỷ, người có 2 con trai và một cháu ruột
đã hy sinh trong chống Pháp và chống Mỹ.

Đằm trong câu chuyện của mẹ, tôi như thấy lại cảnh
sống cơ hàn của dân ta những năm trước Cách mạng.
Lấy chồng khi 16 tuổi, mẹ lam lũ, vất vả sớm khuya, 14
lần đẻ nhưng nuôi được đến lớn chỉ còn 6 người. Sao đạo
ấy người đẻ chết thế, gần 10 lần chứng kiến cái chết của
những đứa con mình tim mẹ như khô lại vì đau khổ. Còn
6 người con: 3 trai, 3 gái mẹ cho cả 3 người con trai ra
trận, chỉ có người con cả Nguyễn Thanh Tuấn là may
mắn trở về còn anh Nguyễn Đức Thuận sinh năm 1938,
hi sinh năm 1972 ở Mặt trận phía Nam. Anh Nguyễn Bá

Lợi, sinh năm 1948, hi sinh năm 1968 khi tròn 20 tuổi. Còn một người nữa là anh Đặng Văn Hoàn, cháu gọi mẹ bằng thím được mẹ nuôi từ bé cũng là liệt sĩ, hi sinh trong kháng chiến chống Pháp.

Mẹ lẩm rẩm kể:

- "Phải nói đến cái họ của cháu tôi. Tại sao con tôi họ Nguyễn mà cháu tôi họ Đặng? Tình đầu thế này: Gia đình chồng tôi ngày xưa nghèo lắm, bởi thế khi bố chồng tôi đến tuổi trưởng thành mà nhà không đủ tiền lấy vợ cho. Trong làng có một người phụ nữ lấy chồng được mấy tháng thì chồng chết, ông bà tôi bèn hỏi người đó cho bố chồng tôi, khi lấy nhau rồi bố chồng tôi mới biết là bà đã có thai với người chồng trước. Đứa trẻ sinh ra (chính là anh ruột của chồng tôi) không đủ tháng, đủ ngày nên không được phép lấy họ Nguyễn (họ của bố chồng tôi) mà phải lấy họ Đặng của người chồng trước. Người anh ruột cùng mẹ khác cha của chồng tôi mang họ Đặng đã sinh ra cháu Đặng Văn Hoàn mà tôi nuôi sau này.

Mẹ cháu Hoàn mất khi cháu 3 tuổi, mấy tháng sau thì bố cháu cũng mất, vợ, chồng tôi phải đón mẹ chồng tôi và cháu Hoàn về nuôi. Những năm ấy cuộc sống thật cơ cực, bữa rau, bữa cháo, gia đình lại đông con. Cháu Tuấn, cháu Thiện phải đi ở cho người ta. Cháu Hoàn tính tình hiền lành, cháu đi bộ đội năm 18 tuổi, 2 năm sau thì hi sinh, nghe nói cháu hy sinh trong trận đánh đồn Bản Ne. Giặc bắn pháo vào hang, cháu bị hi sinh, anh em mang xác ra ngoài lấy đá xếp thành mộ, đến giờ gia đình tôi cũng chưa tìm thấy mộ cháu, cả mộ của 2 đứa con tôi cũng vậy".

Tôi hỏi sang chuyện khác cho mẹ đỡ buồn: "Sao mẹ không sang ở với các anh các chị cho vui, lại ở một mình, nhớ đêm hôm." Mẹ cười: "Mảnh đất này tôi dành cho thằng út nó về lấy vợ đấy". Hình như mẹ quên anh Lợi con út của mẹ đã hi sinh rồi. Tôi biết mẹ sống đạm bạc mà tự lập, chắc trong những đêm dài thanh vắng mẹ lại nghĩ về những người con, người cháu, người mất, người còn và sống với biết bao kỷ niệm vui buồn của cuộc đời.

Chia tay mẹ tôi hỏi: "Mẹ có yêu cầu gì với địa phương, với tỉnh không?" Mẹ lại cười: "Mẹ chỉ mong được hưởng gì mà chính sách cho hưởng".

Đó là câu chuyện của vài tháng về trước. Hôm nay tôi lại gặp mẹ. Mẹ ngồi hàng ghế đầu, mặc áo dài, ngực đeo huân chương. Hôm nay là ngày đáng nhớ của mẹ. Mẹ được phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng cùng với 59 bà mẹ nữa của tỉnh Bắc Thái đợt 2 này.

Lần trước tôi đến được ngắm nụ cười của mẹ, còn lần này mẹ lại khóc. Những giọt nước mắt làm ướt át khuôn mặt nhăn nheo. Tôi hiểu, mẹ đang nghĩ đến các con mẹ, nghĩ đến đứa cháu hiền lành ngoan ngoãn ngã xuống giữa tuổi xuân phơi phới. Nhưng những cái chết đã không đi vào quên lãng. Đất nước và nhân dân đã bù đắp phần nào nỗi mất mát của mẹ.

Tôi nghĩ, chắc mẹ yên lòng.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG LƯƠNG THỊ MẠC

Mẹ Lương Thị Mạc sinh tháng 4-1909; dân tộc Tày; quê ở xã Thần Sa, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; có 3 con là liệt sĩ đã hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc. Mẹ từ trần năm 1988, an táng tại xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai.

Sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo, đông con, từ lúc bé mẹ đã phải gánh vác những công việc nặng nhọc, từ phát nương, làm rẫy đến cày, bừa ruộng... Cả nhà mẹ, người nào cũng chịu khó, chăm làm, nhưng quanh năm vẫn đói, rét.

Từ lúc còn là một cô bé, mẹ đã nhận thức được những điều hay lẽ phải, biết yêu thương, kính trọng và giúp đỡ người nghèo, biết căm ghét bọn cường hào, ác bá chuyên đi ức hiếp dân lành. Có lần mẹ đứng ra bênh vực cho một gia đình nghèo khó bị nhà giàu cưỡng bức bắt gán con thay ruộng.

Với đức tính cương trực, quả cảm, mẹ đã làm cho bọn nhà giàu phải kiêng nể, người nghèo yêu mến, tin cậy. Năm 1931, vừa tròn 22 tuổi, mẹ kết duyên với ông Ma Văn Cảnh, một thanh niên nghèo hiền lành, hay làm và cũng hay giúp đỡ mọi người.

Sinh ra và lớn lên trong lúc đất nước đang bị thực dân Pháp cai trị, bóc lột tàn bạo, hai vợ chồng mẹ đều là những người yêu quê hương, đất nước, biết hy sinh vì nghĩa lớn. Bởi vậy, dù đang có chữa, mẹ vẫn động viên chồng tham gia du kích. Từ đó, trong một thời

gian dài, mẹ phải vừa gánh vác mọi công việc gia đình, lại vừa phải nuôi dạy 6 người con.

Tháng 11-1947, thực dân Pháp nhảy dù xuống La Hiên. Mẹ cùng đàn con nhỏ dắt díu nhau chạy vào rừng tránh giặc. Đó thực sự là những ngày gian nan, vất vả; mẹ phải chắt chiu từng củ sắn, bắp ngô bòn mót từng ngọn măng để đảm bảo cuộc sống gia đình. Mẹ còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội ở địa phương.

Hòa bình lập lại, mẹ hăng hái tham gia khôi phục và phát triển kinh tế rồi làm đơn xin vào hợp tác xã. Đời sống gia đình mẹ cũng như nhân dân trong vùng được cải thiện. Trong khi đó, tại miền Nam, nhân dân ta đang phải sống rên xiết dưới chế độ Mỹ - Diệm. Từ tháng 5-1959, nghị quyết Diệm đưa ra luật phát xít "10/59", kéo lê máy chém khắp miền Nam, gây nên sự căm phẫn tột cùng trong mọi tầng lớp nhân dân, dẫn đến phong trào đồng khởi giành quyền làm chủ.

Cùng với cả nước, cùng nhân dân các dân tộc Võ Nhai tích cực chi viện sức người, sức của cho đồng bào miền Nam, mẹ đã động viên 3 người con lần lượt lên đường đánh Mỹ. Đó là: anh Ma Văn Chú nhập ngũ 3-1959, anh Ma Văn Chu nhập ngũ 1-1965 và anh Ma Văn Kỳ nhập ngũ 3-1968. Cả ba người con của mẹ đều chiến đấu dũng cảm trên chiến trường miền Nam.

Ngày 30-9-1972, mẹ choáng váng khi nhận được giấy báo tử của anh Ma Văn Kỳ. Nỗi đau này mới nguôi đi phần nào thì nỗi lo của mẹ mỗi ngày một tăng từ sau ngày Đại thắng mùa Xuân năm 1975. Trong lúc đang mõi mết trông chờ hai người con trở về xum họp với gia đình thì ngày 30-12-1976, mẹ đau đớn đến tột

độ khi nhận được tin hai anh đã vĩnh viễn nằm lại ở chiến trường miền Nam.

Sự mất mát, hy sinh của ba người con đã làm cho sức khỏe của mẹ bị giảm sút nhanh chóng. Trong những ngày cuối đời, mẹ dồn tình thương chăm nom các cháu, mong sao các cháu trưởng thành. Ngày 8-12-1988, mẹ qua đời.

Cuộc đời của mẹ là cả một quãng đường dài vượt qua những khổ đau, những hy sinh to lớn. Mẹ đã cống hiến cho đất nước những người con ưu tú, biết hiến dâng cuộc đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Ngày 24-4-1995 Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ LÝ

Mẹ Nguyễn Thị Lý sinh năm 1919; dân tộc Kinh; quê ở xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam; đã từ trần và an táng tại xóm Trường Thọ, xã Tân Hương, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; Có 1 con độc nhất là liệt sĩ hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước oanh liệt và vĩ đại của dân tộc.

Mẹ Nguyễn Thị Lý sinh ra trong một gia đình nông dân rất nghèo. Các cụ thân sinh ra mẹ đều mất sớm, nên từ nhỏ mẹ đã phải đi mò cua, bắt ốc, làm thuê, làm mướn đủ nghề để kiếm sống. Ở quê đất chật, người đông, làm ăn khốn khó nên mẹ đã phải bỏ quê hương tha phương lên xóm Trường Thọ, xã Tân Hương, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên để làm hàng xay, hàng xáo kiếm sống. Năm 1945 nạn đói lan rộng, làm ăn khó khăn lại thân gái một mình sớm tối, mẹ chấp nhận về làm lẽ ông Nguyễn Văn Lượng để tìm nơi nương tựa. (Ông Lượng sinh năm 1902, là người cùng quê ở Hà Nam, đã có vợ và 2 con trai, 2 con gái, đã có con dâu). Lấy chồng tưởng được nương tựa chồng, nào ngờ mẹ vẫn phải ngày ngày đi mươi, mười hai cây số xuống chợ Thắng, chợ Chả mua thóc về xay, giã thành gạo rồi lại gánh vãi xuống chợ Nỉ, chợ Long Thành bán lấy lãi kiếm sống, cũng đoạn đường mười, mười hai cây số như vậy...

Năm 1950, mẹ sinh con trai đầu lòng đồng thời đó cũng là người con độc nhất của mẹ. Mẹ đặt tên con là Nguyễn Văn Chính. Sinh con, phải nuôi con một mình trong điều kiện không ruộng, không vườn, chỉ có một túp lều gianh và hai bàn tay trắng nên cuộc sống của mẹ đầy gian truân, cơ cực. Sau cải cách ruộng đất, mẹ

được chia ruộng, chia vườn nên cuộc sống cũng dần dần được "dễ chịu" hơn. Mẹ tích cực tham gia hoạt động nông hội, được bà con tín nhiệm bầu làm Ủy viên Ban chấp hành phụ nữ xã Tân Hương nhiều năm, nhiều khóa liền. Tính tình mẹ hiền lành, chịu khó, cởi mở, gần gũi với mọi người nên được bà con xóm, làng thương yêu quý mến.

Khi con trai đến tuổi cấp sách đến trường, mẹ cho con đi học. Vừa học hết cấp 2, tháng 7-1967, con trai của mẹ mới 17 tuổi đã tình nguyện viết đơn xung phong vào bộ đội đánh Mỹ. Để cho con được toại nguyện mẹ đã xuống tận xã xin cho con được nhập ngũ... Con trai ra trận, ngày ngày mẹ lại lặng lẽ một mình với căn nhà 1 gian 2 chái, lợp rạ, vách đất, tấn tảo vừa làm ăn, vừa mong con ngày chiến thắng trở về... Nhưng con trai của mẹ đã không bao giờ về nữa. Ngày 22-9-1970, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái đã ký giấy báo tử con trai của mẹ là: - Liệt sĩ Nguyễn Văn Chính, hạ sĩ, chiến sĩ đã hy sinh trong chiến đấu ngày 9-5-1968 tại chi khu Khâm Đức, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Ngày xã làm lễ truy điệu con trai của mẹ, đau đớn và mất mát lớn quá, không chịu đựng nổi mẹ đã ngất đi, bà con xóm làng phải đưa đi viện cấp cứu... Nhưng rồi, được cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và bà con xóm, làng động viên, an ủi nên mẹ cũng bình tâm lại được. Đầu năm 1976, mẹ bị ốm nặng, được bà con làng xóm tận tình đưa đi viện cứu, chữa nhưng do bệnh nặng nên ngày 29-4-1976 (tức 30-3 Bính Thìn) mẹ đã từ trần.

Ngày 24-4-1995 Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ ĐỊNH

Mẹ Nguyễn Thị Định sinh năm 1913; dân tộc Tày; quê ở xã Yên Trạch, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần và an táng tại xã Phượng Tiến, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên; Có 3 con đã hi sinh trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ Nguyễn Thị Định sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo. Cũng như bao nhiêu người phụ nữ ở nông thôn miền núi khác dưới chế độ thực dân, phong kiến, mẹ đã sớm phải đi ở đợ, làm thuê, làm mướn kiếm ăn. Năm 1941, thương anh nông dân Đỗ Văn Bảo sinh năm 1908 quê ở xóm Mấu, xã Phượng Tiến, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, vợ mất sớm, một mình phải "gà trống" nuôi 2 con nhỏ, mẹ đã tự nguyện lấy anh làm mẹ kế để chăm sóc, nuôi dạy các con cháu thay anh. Lấy chồng, mẹ sinh được 5 người con trai. Do hoàn cảnh đông con nên mẹ phải cùng chồng ngày đêm tần tảo làm ruộng, làm nương, làm rẫy, nuôi dạy các con riêng của chồng, của mình ngày càng khôn lớn ăn học, trưởng thành.

Khi con trai Đỗ Văn Tu của mẹ (sinh năm 1943) đến tuổi trưởng thành, mẹ đã cùng chồng xây dựng gia đình cho anh. Vợ anh là Hoàng Thị Hiên làm ruộng ở cùng quê. Vợ chồng anh đã sinh cho mẹ 2 cháu nội là Đỗ Văn Tuyên (sinh năm 1965) và Đỗ Văn Tuyển (sinh năm 1967). Năm 1966, trước tình hình giặc Mỹ mở rộng chiến tranh xâm lược ra cả 2 miền Nam, Bắc nước

ta, tháng 11-1966 mẹ đã động viên và tiễn con trai Đỗ Văn Tu của mẹ lên đường vào bộ đội đánh Mỹ.

Tiếp đó tháng 7-1968 mẹ lại tiễn tiếp người con trai nữa là Đỗ Đình Cán sinh năm 1950 lên đường nhập ngũ.

Tháng 8-1971, trước những đòi hỏi cấp bách của chiến trường, mẹ lại cho tiếp một người con trai nữa là Đỗ Phương Bản, sinh năm 1952 vào bộ đội.

Cả 3 người con trai của mẹ sau khi nhập ngũ đều lên đường vượt Trường Sơn vào chiến đấu ở chiến trường miền Nam. Vì độc lập, tự do của Tổ quốc, cả 3 người con trai của mẹ đều đã vĩnh viễn nằm lại ở mảnh đất miền Nam thành đồng, bất khuất, đều được công nhận là liệt sĩ.

- Liệt sĩ Đỗ Văn Tu, Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng thuộc Tiểu đoàn 254, đơn vị KN, hy sinh ngày 7-1-1970. Liệt sĩ đã được truy tặng 1 huân chương Chiến công giải phóng hạng ba và 1 huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng ba.

- Liệt sĩ Đỗ Đình Cán - Trung sĩ, Tiểu đội phó thuộc Đại đội 1, Tiểu đoàn 8 đơn vị KT - hy sinh ngày 15-5-1970. Liệt sĩ cũng được truy tặng 1 huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 1 huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng ba.

- Liệt sĩ Đỗ Phương Bản - hạ sĩ, chiến sĩ thuộc Đại đội 6, Tiểu đoàn 46, đơn vị KT - hy sinh ngày 11-11-1972. Cũng như hai người anh liệt sĩ của mình, liệt sĩ Đỗ Phương Bản đã được truy tặng 1 huân chương Chiến công giải phóng hạng ba và 1 huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng ba.

Tin các con hy sinh đã dồn dập bay về, đôi vai yếu, gầy của mẹ đã phải rung lên từng đợt theo không biết bao nhiêu tiếng nấc nghẹn ngào của nhớ thương, đau xót... Sau Đại thắng mùa xuân năm 1975, cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương tổ chức báo tử và làm lễ truy điệu liệt sĩ Đỗ Văn Tu - người con trai mà mẹ đã tiễn đầu tiên lên đường đánh giặc. Thương cô con dâu Hoàng Thị Hiên tuổi còn xanh mà đã thành góa bụa, mẹ an ủi động viên cô đi bước nữa. Còn mẹ, mẹ tự nguyện gánh vác việc gia đình và chăm sóc, nuôi dạy 2 cháu nội Đỗ Văn Tuyên và Đỗ Văn Tuyền thay con.

Các con hy sinh làm cho lòng mẹ chưa kịp nguôi ngoai thì ngày 13-9-1977 mẹ lại đau buồn vĩnh biệt người bạn đời "trăm năm" của mẹ. Ông đã sớm bỏ mẹ con, bà, cháu mẹ để "ra đi" khi tuổi đời chưa kịp bước sang "thất thập, cổ lai hy".

Ngày 23-8-1980, sau một trận ốm nặng kéo dài, mẹ từ trần - bỏ con, bỏ cháu "ra đi" về cõi vĩnh hằng - trong niềm tiếc thương vô hạn của gia đình và của bà con xóm giềng, làng, bản.

Xét công lao của mẹ đã sinh thành, nuôi dưỡng và cống hiến 3 người con cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc, ngày 24-4-1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ KHUYÊN



Mẹ Nguyễn Thị Khuyên sinh ngày 3-10-1910; dân tộc Kinh; quê ở xã Bách Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; đã từ trần và an táng tại xã Trung Lương, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên; Có 2 người con là liệt sĩ hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Pháp và 1 con là liệt sĩ hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ Nguyễn Thị Khuyên sinh ra trong một gia đình làm nghề trồng dâu, nuôi tằm. Năm 20 tuổi mẹ lấy chồng và cùng chồng làm ruộng ở quê. Một năm sau ngày cưới, mẹ sinh được một người con gái. Được mấy năm sau thì chồng mẹ không may ốm nặng rồi qua đời. Cuộc sống ở quê khó khăn, vất vả, mẹ dắt con gái đi tha phương, cầu thực khắp nơi rồi cuối cùng lên xã Trung Lương, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên làm nghề "buôn thúng, bán mẹt" và làm hàng xay, hàng xáo kiếm sống, nuôi con. Tại đây mẹ đã gặp và xây dựng gia đình lần thứ hai với ông Nguyễn Văn Thụy, quê ở xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, vợ chết có 1 con trai là Nguyễn Văn Khảm sinh năm 1931, cũng vì cuộc sống ở quê quá khó khăn mà phải đưa con lên kiếm sống ở đây. Vừa nuôi con mình, nuôi con chồng, năm 1937, mẹ lại nhận thêm cháu Hà Tiến Tăng có bố mẹ đều bị chết khi mới 2 tuổi về làm

con nuôi. Vợ chồng mẹ sinh thêm được 3 người con nữa. Mẹ tần tảo nuôi cả 6 con khôn lớn trưởng thành.

Ngày 15-10-1950, con nuôi Hà Tiến Tăng của mẹ lên đường nhập ngũ vào làm chiến sĩ Trung đoàn 88, Đại đoàn 308. Gần một năm hai tháng sau, ngày 10-12-1951 anh đã chiến đấu dũng cảm và hy sinh anh dũng tại Tu Vũ (Hòa Bình). Tiếp đó ngày 30-11-1952 người con riêng của người chồng thứ hai cũng là con trai cả của mẹ là Nguyễn Văn Khảm lại lên đường nhập ngũ vào làm chiến sĩ Trung đoàn 238, Đại đoàn 308. Ngày 3-1-1953 Nguyễn Văn khảm đã hy sinh trong chiến đấu tại Bắc Giang.

Ngày 30-6-1967 con trai thứ ba là Nguyễn Văn Hội sinh ngày 3-10-1948 lại tiếp bước 2 anh lên đường đánh giặc. Cuối năm 1972, khi nổi đau mất chồng lần thứ 2 chưa kịp nguôi (chồng mẹ bị ốm chết tháng 1-1970) thì mẹ lại nhận được giấy báo tử số 392 ngày 30-9-1972: Liệt sĩ Nguyễn Văn Hội, Hạ sĩ, chiến sĩ Đại đội 1, Tiểu đoàn 52, Trung đoàn 267, Sư đoàn 365 đã hy sinh trong chiến đấu ngày 1-9-1972 tại xã Quỳnh Lưu, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Vượt lên mọi nỗi mất mát đau thương (2 lần mất chồng, 3 lần mất con), mẹ đã tích cực tham gia công tác xã hội, năm 1976 mẹ được Hội liên hiệp phụ nữ huyện Định Hóa tặng giấy khen. Với cuộc sống giản dị, cần cù, chịu khó, yêu chồng, thương con, sống có trước, có sau, có nghĩa, có tình nên mẹ luôn được bà con làng xóm tin yêu, mến phục. Ngày 1-9-1994, do tuổi già, sức yếu mẹ đã từ trần tại Định Hóa, thọ 84 tuổi. Ngày 24-4-1995 mẹ đã được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG ĐÀM THỊ THÌN

Mẹ Đàm Thị Thìn sinh năm 1910; quê ở xóm Cây Xanh, xã Thịnh Đán, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; dân tộc Kinh; đã từ trần; Có 1 con là liệt sĩ hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Pháp và 2 con là liệt sĩ hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Mẹ sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo, ngay từ thuở nhỏ, mẹ đã phải đi ở làm thuê, làm mướn, phụ giúp gia đình để kiếm sống. Đến tuổi trưởng thành mẹ xây dựng gia đình. Chồng mẹ là Hà Xuân Tỉnh, sinh năm 1890 tại xã Mậu Cầu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. (Vì gia đình ông nghèo đói, nên cha mẹ ông đã phải bán ông cho một người ở Thái Nguyên khi ông mới 10 tuổi). Hai người nghèo cùng cảnh ngộ, phải đi làm thuê, làm mướn để kiếm sống gặp nhau, thương nhau và đã nên vợ, nên chồng. Cảnh nghèo gặp nhau, dù gia đình mẹ có cố gắng đến đâu cũng khó thoát ra khỏi cảnh đói, nghèo.

Mẹ đã tận tảo làm ăn, có lúc phải lên rừng đào củ nâu, lấy vỏ về bán nuôi gia đình, tạo điều kiện cho chồng yên tâm tham gia công tác cách mạng. (Trong kháng chiến chống Pháp (từ 1946-1950) chồng mẹ làm Trưởng ban tản cư và ủy viên Ban nông hội của xã; từ 1950 đến 1954 làm trung đội trưởng chỉ huy dân quân tiếp tế lương thực cho bộ đội của huyện Đồng Hỷ; hòa bình lập lại, ông lao động sản xuất cùng với vợ nuôi dạy các con, gia đình vào Hợp tác xã nông nghiệp năm 1959, kinh tế lúc này tạm đủ ăn. Ngày 2-5-1959 mẹ

không may qua đời, chồng mẹ đã thay mẹ nuôi dạy các con và tiếp tục tham gia công tác xã hội. Năm 1972 ông lại được nhân dân tín nhiệm bầu làm ủy viên Mặt trận Tổ quốc tỉnh. Trong quá trình hoạt động, ông đã có nhiều đóng góp cho xã hội, năm 1983 ông được bầu là chiến sĩ thi đua của tỉnh Thái Nguyên. Cùng năm đó ông bị ốm và qua đời ngày 16-1-1983). Trong mấy chục năm chung sống cùng chồng, mẹ đã sinh nở 11 lần, nuôi được 10 người con (7 trai, 3 gái) trưởng thành, trong đó 8 người con (7 trai và 1 gái) đã xung phong vào bộ đội trực tiếp chiến đấu chống Pháp, chống Mỹ. Trong số 8 người con của mẹ lên đường đánh giặc có 3 người con đã anh dũng hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Đó là: - Liệt sĩ Hà Văn Hoạt sinh năm 1930, nhập ngũ năm 1949, nguyên là Tiểu đội trưởng thuộc Đại đội 217, Tiểu đoàn 29, Trung đoàn 88, Sư đoàn 308 đã chiến đấu dũng cảm và anh dũng hy sinh ngày 01-5-1954 tại chiến trường Điện Biên Phủ. - Liệt sĩ Hà Minh Thông sinh năm 1937, nhập ngũ năm 1965 hy sinh ngày 27-7-1970 tại Mặt trận phía Nam. Liệt sĩ đã có vợ và 2 con (các con của liệt sĩ nay đã trưởng thành). - Liệt sĩ Hà Minh Lịch sinh năm 1949, nhập ngũ 1967, nguyên là cán bộ trung đội phó thuộc đơn vị KN, đã hy sinh ngày 19-8-1969 tại Mặt trận phía Nam.

Sự hy sinh và cống hiến của mẹ đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận. Ngày 24-4-1995 Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu cao quý "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ VÂN



Mẹ Nguyễn Thị Vân sinh năm 1911; dân tộc Kinh; đã từ trần tại khối 3, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên; Có hai con đều là liệt sĩ hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc.

Mẹ Nguyễn Thị Vân sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo, cha mẹ mất sớm nên từ nhỏ đã phải đi ở dợ chăn trâu, cắt cỏ, bế con cho địa chủ, phú nông, rồi sau đó đi tha phương cầu thực khắp nơi để kiếm sống, chính vì vậy mà sau này không ai biết quê gốc của mẹ ở đâu. Khi trưởng thành mẹ xây dựng gia đình ở Hải Phòng. Chồng mẹ là Nguyễn Đức Thước quê ở xã Xuân Canh, huyện Đông Anh, Hà Nội. Hai vợ, chồng mẹ chỉ sinh được 2 người con trai. Do ở Hải Phòng làm ăn khó khăn nên cuộc sống vô cùng cực khổ, đói kém nên vợ chồng mẹ dắt díu nhau lên Thái Nguyên "buôn thúng, bán mẹt" để kiếm sống và nuôi con. Ở đâu mẹ cũng chỉ là người làm ăn lương thiện, yêu chồng, thương con. Trong kháng chiến chống Pháp mẹ đã thay chồng nuôi các con, để chồng yên tâm lên chiến khu Việt Bắc tham gia vào đội quân giới sản xuất vũ khí cho bộ đội đánh giặc. Dù

cuộc sống không mấy sung túc, nhưng các con của mẹ cũng được chăm lo học hành đến nơi, đến chốn.

Hòa bình lập lại, chồng mẹ trở về địa phương cùng mẹ làm ăn. Năm 1958 gia đình mẹ vào hợp tác xã nông nghiệp, kinh tế ổn định và khá khá dần lên. Mẹ phấn khởi động viên chồng tích cực tham gia công tác xã hội, làm đội trưởng sản xuất nông nghiệp, đội trưởng đội trồng cây của các cụ.

Năm 1959 mẹ tiễn người con trai cả là anh Nguyễn Đăng Hải sinh năm 1935 lên đường nhập ngũ. Một năm sau (năm 1960) mẹ lại tiễn người con trai út là anh Nguyễn Nam Giang lúc đó vừa tròn 20 tuổi lên đường vào bộ đội. Khi tiễn các con vào bộ đội, mẹ chỉ một mực dặn dò các con của mẹ yên tâm ra đi làm nhiệm vụ và phải làm sao để bằng anh, bằng em, đừng làm điều gì để cha mẹ phải hổ thẹn. Năm 1962 con cả của mẹ vì lý do sức khỏe đã phục viên về địa phương. Năm 1966, khi cuộc chiến tranh xâm lược của Đế quốc Mỹ ngày càng ác liệt ở cả 2 miền Nam Bắc, mẹ lại động viên anh xung phong tái ngũ. Tạm biệt cha, mẹ và người vợ hiền lành đảm đang, hay lam, hay làm là chị Nguyễn Thị Hồi cùng với ba đứa con nhỏ là Nguyễn Trung Hậu, Nguyễn Thị Thu Hiền và Nguyễn Thị Thu Hảo, anh lên đường ra trận.

Cả hai người con của mẹ đều chiến đấu ở Mặt trận phía Nam, các anh chiến đấu rất dũng cảm và đã anh dũng hy sinh vào năm 1967. Ngày 20-12-1969 mẹ đau đớn vô cùng khi nhận được giấy báo tử người con cả của mẹ là anh Nguyễn Đăng Hải, thượng sĩ hy sinh ngày 8-4-1967. Khổ đau và mất mát, nhưng mẹ vẫn cố

gắng vượt lên để cùng chồng và con dâu nuôi dạy các cháu ăn học. Nỗi đau ấy chưa nguôi ngoai trong lòng thì ngày 20-2-1971, mẹ lại nhận được giấy báo tử người con thứ hai là Nguyễn Nam Giang hy sinh ngày 16-2-1967. Nỗi đau chồng chất nỗi đau, làm cho sức khỏe của mẹ suy giảm, mẹ đã qua đời vào cuối năm 1971, hưởng thọ 60 tuổi. Sự hy sinh của mẹ cho độc lập tự do của Tổ quốc là rất lớn lao, mẹ đã được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu cao quý "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" ngày 24-4-1995.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG LƯU THỊ CHÂU

Mẹ Lưu Thị Châu sinh năm 1886; dân tộc Nùng; quê ở xóm Pà Mìn, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn; gia đình trú tại xóm Đồng Tác, xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; có 3 con là liệt sĩ hi sinh trong thời kì vận động cách mạng tháng 8-1945 và trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Mẹ mất ngày 26-11-1947, an táng tại Võ Nhai.

Mẹ sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo, có 5 chị em. Do hoàn cảnh khó khăn, ngay từ nhỏ, mẹ đã phải giúp đỡ bố mẹ làm ruộng, làm nương, chăn trâu và kiếm củi để kiếm sống. Mới tuổi 14, 15, mẹ đã phải thay cha phát nương rẫy, cấy bừa, cấy hái. Lớn lên theo năm tháng và công việc... mẹ trở thành một thiếu nữ rồi kết duyên với ông Trừ Văn Thân người Nùng. Vì nhà nghèo, đám cưới của vợ chồng mẹ không thể "ăn to", tốn kém như một số người khác. Trước bàn thờ, vợ chồng mẹ thấp nén nhang, quỳ lạy tổ tiên, xin phù hộ cho vợ chồng mẹ sinh con và sống mãi bên nhau. Với ước nguyện này, vợ chồng mẹ làm lụng sớm hôm, cùng nhau chia ngọt sẻ bùi và hạnh phúc cũng đã đến: mẹ sinh được con trai đầu lòng. Vợ chồng mẹ đặt tên con là Thân - một cái tên mộc mạc - hy vọng rằng với cái tên này, "con ma rừng không bắt". Vui mừng với niềm hạnh phúc mới nảy sinh, vợ chồng mẹ tận tảo kiếm sống nuôi con. Thế rồi mẹ sinh thêm được người con trai thứ hai đặt tên là Văn.

Sống trên mảnh đất khô cằn, hình như đất đã phụ lòng với công sức của vợ chồng mẹ. Vợ chồng mẹ vất

vả một nắng hai sương cày sâu, cuốc bẫm, gieo trồng v.v... vậy mà vẫn thiếu ăn, sống cuộc đời cơ cực. Vợ chồng mẹ đã quyết định rời quê hương, tìm một nơi mới để sinh sống. Sau những tháng, ngày lặn lội vất vả, vợ chồng mẹ đã dừng chân tại xóm Đồng Tác (xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên) làm nơi an cư, lạc nghiệp. Lại một lần nữa, vợ chồng mẹ vừa nuôi con, vừa khai phá ruộng, vườn và lên rừng đốn gỗ dựng nhà. Được sự giúp đỡ về vật chất của bà con, chòm xóm, vợ chồng mẹ đã có được một nếp nhà sàn xinh xắn. Cuộc sống của vợ chồng mẹ sớm ổn định. Tại quê hương mới mẹ tiếp tục sinh được 7 người con. Thế là mẹ đã có 9 người con (3 trai, 6 gái). Đông con, cuộc sống gia đình càng đè nặng lên đôi vai gầy của mẹ. Vì sinh nở nhiều và làm việc vất vả, nặng nhọc, sức lực của mẹ tiêu tụy đi nhiều. Giữa những ngày đó, điều bất hạnh lại đến với vợ chồng mẹ. Hai người con gái út của mẹ đã chết. Bằng bắp ngô, lát sắn, với tất cả tình thương yêu của mình, vợ chồng mẹ đã nuôi các con ngày càng khôn lớn và trưởng thành (có hai người con đầu của mẹ đã xây dựng gia đình).

Sinh ra, lớn lên rồi lấy chồng, nuôi con trong hoàn cảnh nước mất, nhà tan, được chứng kiến và chịu sự áp bức bóc lột của thực dân và chính quyền phong kiến tay sai v.v.. mẹ tha thiết được sống trong độc lập, tự do. Tháng 2 năm 1938, ánh sáng cách mạng đã đến bản, làng của mẹ. Mẹ và nhiều người dân lao động trong vùng được giác ngộ, nhiệt tình ủng hộ cách mạng. Ngoài việc tích cực tham gia vào các đoàn biểu tình của nhân dân đứng lên đòi quyền sống, quyền tự

do, hạnh phúc, mẹ cùng chồng bí mật nuôi dưỡng cán bộ cách mạng trong nhà và vận động các con, các cháu thanh niên tham gia hoạt động cách mạng. Trong căn nhà sàn nhỏ nhắn, đơn sơ, vợ chồng mẹ đã nuôi dưỡng che giấu và bảo vệ an toàn nhiều cán bộ cách mạng như các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Hà Kiếm v.v... Năm 1940, lo sợ trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng, giặc Pháp mở cuộc càn quét, khủng bố. Chúng đến bao vây đốt phá nhà mẹ. Chúng kết tội gia đình mẹ có con phản quốc, bắt chồng và con của mẹ đi tù. Chồng mẹ bị chúng giam ở nhà tù Chợ Chu (Định Hóa). Còn con mẹ (anh Thâm - hoạt động trong ban tương tế của cách mạng) bị chúng bắt giam ở nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội). Trong nhà giam anh đã luôn giữ vững khí tiết, không khuất phục trước kẻ thù. Bị tra tấn dã man đến kiệt sức, anh đã hy sinh năm 1941. Trước nỗi đau mất con, mẹ càng tích cực giúp đỡ cách mạng và động viên các con quyết đi theo cách mạng để trả thù nhà, đền nợ nước. Anh Thông - người con trai út của mẹ - cũng tham gia cách mạng từ năm 1938. Năm 1943, anh đã hy sinh ở tuổi 28. Nỗi đau mất con chưa nguôi, mẹ lại nhận được tin người chồng thân yêu cũng hi sinh tại nhà lao (1944). Với mẹ, nỗi đau lại chồng chất nỗi đau. Song mẹ hiểu, sự hy sinh này sẽ đem lại chiến thắng, đem lại cuộc sống mới cho những cuộc đời cần lao như mẹ và mẹ đã nén lòng, vượt lên đau thương, động viên các con tiếp bước cha anh, tích cực ủng hộ cách mạng. Anh Văn - con trai thứ hai của mẹ - đã tham gia hoạt động trong đội tự vệ, sau đó là đội viên đội Cứu Quốc quân 2. Ngày 26-3-1945 đội Cứu

Quốc quân 2 đánh đồn Đông Danh (Tràng Xá), anh về hoạt động công khai tại xã nhà. Cách mạng tháng Tám thành công không được bao lâu thì cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ trong toàn quốc, anh đứng trong lực lượng vũ trang, chiến đấu dũng cảm bảo vệ quê hương. Các con gái của mẹ: Chị Va, chị Ngọc, chị Mặt, chị Văn, đều tích cực tham gia tiếp lương, tải gạo, bảo vệ, giao liên cho những cán bộ hoạt động cách mạng. Ngày 26-11-1947, giặc Pháp đã ném bom và thả dù xuống bản, làng của mẹ. Một quả bom tàn ác rơi trúng nơi mẹ trú ẩn đã cướp mất cuộc đời của mẹ. Chúng đốt phá nhà cửa, lùng bắt cán bộ. Trong trận càn này, anh Văn, người con trai thứ hai của mẹ bị chúng bắt và giết. Sự hy sinh anh dũng và đóng góp to lớn của các con mẹ đã được Đảng, Nhà nước truy tặng liệt sĩ và bằng "gia đình có công với nước". Giờ đây, việc hương khói cho mẹ và gia đình mẹ do người con út (cô Văn) cùng chồng (đại tá Mai Trung Lâm) chăm lo. Các con cháu mẹ cũng đã và đang gắng sức làm tròn nhiệm vụ của thế hệ hôm nay, thực hiện ước mơ của mẹ. Với sự đóng góp và hy sinh to lớn của mẹ, ngày 24-4-1995 mẹ được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG HÀ THỊ NHE

Mẹ Hà Thị Nhe sinh năm 1912; dân tộc Kinh; quê ở xóm Gò Cao, xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; có 3 con liệt sĩ, hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc. Mẹ qua đời vào tháng 12/1972;

Mẹ Hà Thị Nhe sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo, từ thuở nhỏ, mẹ đã phải đi ở cho nhà địa chủ. Năm 1932, vừa tròn tuổi 20, mẹ kết duyên với một chàng trai nghèo cùng quê. Hạnh phúc đến với vợ chồng mẹ trong cảnh bần hàn. Trải qua 7 lần sinh nở, nhưng vợ, chồng mẹ chỉ nuôi dưỡng được 4 người con đến tuổi trưởng thành.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công đã xóa bỏ kiếp sống tối tăm cho người dân lao động Việt Nam. Cuộc đời của gia đình mẹ Nhe cũng thay đổi từ đó. Được sống trong độc lập, tự do, được hưởng các quyền lợi do cách mạng đem lại, mẹ hăng hái tham gia các hoạt động xã hội, đóng góp phục vụ kháng chiến, đồng thời cùng chồng nuôi, dạy các con khôn lớn. Kháng chiến thắng lợi, hòa bình được lập lại, miền Bắc hoàn toàn được giải phóng và bước vào thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội. Gia đình mẹ Nhe vào tổ đổi công, rồi tham gia hợp tác xã. Các con mẹ được học hành, được sinh hoạt đoàn thể, ngày càng hiểu rõ trách nhiệm của tuổi trẻ đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất đất nước. Từ cuối năm 1964, đầu năm 1965, vì thất bại nặng nề trên chiến trường miền Nam, đế quốc Mỹ liều lĩnh leo thang chiến tranh xâm lược ra cả nước ta. Chúng bắt đầu đưa quân đội viễn chinh và quân

chư hầu vào miền Nam trực tiếp tham chiến, đồng thời dùng không quân và hải quân ném bom, bắn phá miền Bắc. Hành động xâm lược của đế quốc Mỹ đã gây nên làn sóng căm phẫn trong toàn dân ta. Lớp lớp thanh niên xung phong tòng quân. Anh Trần Văn Hổ – con trai của mẹ – sinh năm 1940, cũng có mặt trong đoàn quân ra trận năm 1964. Đến năm 1966, mẹ lại động viên một lúc hai con là các anh Trần Văn Cường, sinh năm 1938 và Trần Văn Hề sinh năm 1942 lên đường đánh Mỹ. Trong khi ba con trai đang chiến đấu ở chiến trường miền Nam, mẹ lại tiếp tục cho người con thứ 4 là anh Trần Văn Hả làm đơn tình nguyện vào bộ đội. Các con của mẹ đều chiến đấu dũng cảm và lập được nhiều chiến công, được tặng thưởng nhiều huân chương và huy chương.

Sau khi tiễn người con thứ 4 lên đường vào Nam chiến đấu được một thời gian ngắn, mẹ lần lượt nhận được giấy báo tử của ba người con trước. Trong nỗi đau quá lớn, tuổi lại cao, sức đã yếu, mẹ lâm bệnh nặng và qua đời vào cuối năm 1972. Nhận thấy hoàn cảnh gia đình mẹ gặp nhiều khó khăn, mất mát, theo đề nghị của Ủy ban nhân dân xã Hòa Thượng, đơn vị quân đội cho anh Trần Văn Hả trở về địa phương.

Với 4 con đi bộ đội, trong đó có 3 người con là liệt sĩ, ngày 24-4-1995, mẹ Hà Thị Nhe đã được Nhà nước truy tặng danh hiệu cao quý: "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ MÙI



Mẹ Nguyễn Thị Mui sinh năm 1921; dân tộc Kinh; nguyên quán ở xóm 8, xã Nguyên Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; gia đình trú tại xóm Trung Thành, xã Vô Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần tháng 2-1994; có chồng và 1 con là liệt sĩ hi sinh trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và 1 con là liệt sĩ hi sinh trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân nghèo, cần cù chất phác ngay từ nhỏ mẹ Nguyễn Thị Mui đã thể hiện rõ đức tính chịu thương, chịu khó và hay làm.

Năm 1948, mẹ lấy chồng. Chồng mẹ là Nguyễn Văn Nuôi, ở cùng quê. Năm 1949, vợ chồng mẹ sinh được một người con trai tên là Nguyễn Viết Thắng. Không cam chịu sống cuộc đời nô lệ của người dân mất nước, được giác ngộ cách mạng chồng mẹ đã tham gia vào đội du kích làng Nguyễn. Ngày 10-2-1950, ông đã chiến đấu và anh dũng hy sinh tại chân bốt Cầu Nguyễn, để lại người vợ chưa qua tuổi 30 với một đứa con thơ chưa tròn 1 tuổi. Cuối năm 1950, để có nơi nương tựa, mẹ đi

bước nữa với ông Nguyễn Duy Tình và sinh được 6 người con (3 trai, 3 gái).

Năm 1962, theo tiếng gọi của Đảng và Nhà nước, gia đình mẹ rời quê hương Thái Bình lên xây dựng kinh tế mới ở xã Vô Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Khi còn ở Thái Bình, cũng như khi lên Thái Nguyên, mẹ luôn là người phụ nữ tần tảo sớm hôm, chất chiu từng hạt lúa, củ khoai để nuôi các con khôn lớn. Năm 1968, khi Nguyễn Việt Thắng 18 tuổi mẹ đã động viên con lên đường làm nghĩa vụ quân sự. Được thừa hưởng truyền thống cách mạng của gia đình và sự dạy dỗ của mẹ, suốt 5 năm trong quân ngũ Nguyễn Việt Thắng luôn luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Với cấp bậc thượng sĩ, chức vụ tiểu đội trưởng Nguyễn Việt Thắng luôn luôn được anh em trong đơn vị mến mộ, cấp trên tin tưởng. Ngày 20-7-1973, trong một trận chiến đấu không cân sức với địch, Nguyễn Việt Thắng đã chỉ huy tiểu đội chiến đấu dũng cảm và hy sinh anh dũng tại Mặt trận phía Nam.

Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, vĩ đại của nhân dân ta, miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, Bắc - Nam xum họp một nhà. Nỗi đau của mẹ được bù đắp một phần bởi thắng lợi vẻ vang của cả dân tộc. Chồng và con mẹ đã hy sinh xương, máu góp phần vào thắng lợi vẻ vang đó.

Mặc dù đã có chồng và một con hi sinh vì sự nghiệp giải phóng đất nước, nhưng khi nhiệm vụ bảo vệ lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc cần mẹ lại động viên

người con thứ 2 là Nguyễn Duy Điều lên đường nhập ngũ. Nguyễn Duy Điều sinh năm 1958, nhập ngũ tháng 9-1976 được biên chế vào Đại đội 10, Tiểu đoàn 6, Trung đoàn 677, Sư đoàn 346. Cũng như anh Nguyễn Viết Thắng, ở gia đình Điều là người con ngoan, hiếu thảo, ở đơn vị Điều là chiến sĩ luôn luôn chấp hành tốt kỷ luật, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ. là Hạ sĩ, Tiểu đội trưởng, Điều luôn luôn là trụ cột, là chỗ dựa cho anh em trong tiểu đội.

Ngày 17-2-1979, địch mở cuộc tiến công xâm lược trên tuyến Biên giới nước ta. Quyết tâm bảo vệ Biên giới thiêng liêng của Tổ quốc, Nguyễn Duy Điều đã mưu trí chỉ huy tiểu đội chiến đấu kiên cường, dũng cảm, tiêu hao, tiêu diệt được nhiều sinh lực địch và cuối cùng anh đã anh dũng hy sinh. Thành tích chiến đấu của anh đã được ghi nhận, anh được truy tặng 1 Huân chương Chiến công hạng III.

Như vậy cả một đời lam lũ, vất vả nuôi con, mẹ Nguyễn Thị Mùi đã cống hiến cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc 3 người thân yêu nhất của mình. Ghi nhớ công lao của mẹ, ngày 24-4-1996, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

LÒNG MẸ BAO LA

(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng
Nguyễn Thị Thu, được phong tặng
ngày 17-12-1994).



Chúng tôi đến nhà nhưng không gặp mẹ, "lũ" chất nội của mẹ "mách": Cụ và bà nội đi bệnh viện. Thế là chúng tôi lại kéo nhau ra viện, đường xa nhưng chẳng ai phàn nàn gì !

Con dâu của mẹ là chị Nguyễn Thị Đào đang ngồi bóp tay cho mẹ. Cứ nhìn cách cư xử của 2 người phụ nữ với nhau, người ta dễ nghĩ đó là mẹ đẻ và con gái chứ ít ai nghĩ đó là mẹ chồng và nàng dâu. Bất giác, tôi nghĩ tới lời anh trưởng phòng tổ chức lao động xã hội huyện Phú Bình: "Mẹ Thu sống thoải mái và thương con dâu lắm!" ... Đó là những điều đầu tiên tôi biết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Thu ở xã Dương Thành, huyện Phú Bình.

Mẹ là con gái Bắc Ninh, đẹp người, đẹp nét. Trời se duyên cho, gặp người con trai Hà Tây, hai người làm bạn với nhau. Đứng vào cái năm đất nước lâm vào nạn đói khủng khiếp, bố mẹ sinh được anh Nguyễn Văn Tiến và đưa nhau lên lập nghiệp tại xã Dương Thành, huyện Phú Bình.

Số mẹ vất vả, vừa chuyển đến nơi đất khách quê người, cuộc sống còn chưa ổn định, việc nhà ngổn ngang, con mới chập chững biết đi thì chồng mẹ đột ngột qua đời để lại vợ góa, con cô nôi đất khách. Lo cho chồng mồ yên, mả đẹp xong, mẹ tự nhủ mình ở vậy thờ chồng, nuôi con khôn lớn.

Nhà chỉ có một mẹ, một con, khỏi phải nói mẹ thương anh Tiến đến mức nào. Hiểu được tấm lòng của mẹ, anh Tiến lớn lên sớm biết đến chữ hiếu chịu khó đỡ đần chăm sóc mẹ, bù đắp phần nào những tháng ngày mẹ vất vả nuôi anh.

Năm anh 20 tuổi, mẹ lấy vợ cho anh. Năm sau, vợ chồng anh sinh con trai đầu lòng, đặt tên là Chuyên. Mẹ kể: "Lẽ ra anh Tiến xung phong nhập ngũ từ tháng 3-1966 nhưng lúc đó vợ anh chưa sinh con, anh sợ mình đi rồi ở nhà không có ai cày bừa nên đành hoãn lại. Đến tháng 10, khi con trai được 6 tháng, lo gặt xong, anh tranh thủ lấy rơm rạ về rũ vội cố lợp xong mái bếp để sớm hôm sau lên đường".

Qua kỳ huấn luyện, anh Tiến được thưởng 15 ngày phép. Anh về tranh thủ sửa sang nhà cửa, cày, bừa mảnh ruộng, xem xét việc này, sắp xếp việc kia...

Tháng 3 năm 1967, trước khi vào Nam chiến đấu, anh Tiến được về thăm nhà ba ngày, anh vỗ lấy con mà thương, mà nựng. Mẹ và vợ nấu cho anh những bữa cơm thật ngon, anh sống trong cảnh nhà đầm ấm. Ba ngày trôi qua nhanh quá, anh chào mẹ già, từ biệt vợ, con lên đường và không bao giờ quay về nữa. Vào Nam được 8 tháng, anh tham gia chiến đấu dũng cảm và đã hy sinh ngày 20-11-1967.

Anh không về, tình cảm của mẹ lại dồn cả cho con dâu và cháu nội. Mẹ chồng, con dâu ăn ở với nhau chẳng xảy ra điều tiếng gì. Nghĩ phận mình ngày xưa cũng sớm lâm vào cảnh góa bụa, mẹ càng thương con dâu nhiều hơn. Mẹ cho phép chị ra ở riêng và giành phần nuôi dạy cháu. Nay con dâu của mẹ đã có thêm 2 cháu gái nhưng tình cảm mẹ con vẫn không hề thay đổi. Nhờ sự độ lượng của bà nội, anh Chuyên đã hiểu và vẫn kính trọng mẹ như xưa và thương yêu 2 em cùng mẹ hết mực, đồng thời hai cháu gái cũng được bà coi như cháu ruột của mình.

Hiện nay, mẹ Thu ở cùng cháu đích tôn, cháu dâu và ... 5 cháu nội. Anh Chuyên giỏi tính toán, vợ chồng lại chịu khó nên kinh tế rất khá giả, anh không để bà nội phải thiếu thốn gì. Ở tuổi 76, mẹ đã hơi còng và nặng tai, vả lại tuổi tác làm cho con người "kỹ tính" hơn một chút. Mẹ Thu tỏ ra rất hài lòng với con, cháu, chỉ có điều (mẹ nói nhỏ): "Hậu sinh khả... úy(!) chúng nó dễ nhiều quá, bảo không được" Con dâu của mẹ cùng 2 con gái cũng ở gần bên, tối lửa tắt đèn vẫn có nhau.

Hai người phụ nữ thuộc hai thế hệ, có hai nếp nghĩ khác nhau vậy mà lại tìm thấy nhau trong cuộc sống, dìu nhau đi qua những bước khó khăn nhất trên đường đời. Điều này hẳn chúng ta không dễ gặp.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG TRẦN THỊ BỐN

Mẹ Trần Thị Bốn, sinh năm 1925; dân tộc Kinh; quê ở xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần và an táng tại quê; Có con độc nhất là liệt sĩ đã hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ Trần Thị Bốn sinh trưởng trong một gia đình nông dân. Vì nhà nghèo nên ở tuổi đi học không những mẹ không được cấp sách đến trường mà còn phải chăn trâu, cắt cỏ, làm thuê cho nhà giàu để kiếm sống. Đến tuổi trưởng thành, mẹ xây dựng gia đình. chồng mẹ là Tô Văn Biển làm ruộng ở cùng quê. Năm 1947, mẹ sinh con trai đầu lòng đồng thời đó cũng là người con độc nhất của mẹ. Mẹ đặt tên con trai của mẹ là Tô Cát Chiếu. Sau khi sinh con đầu lòng được 2, 3 năm, biết vợ mình không có khả năng sinh nở nữa, chồng mẹ đi lấy vợ hai, mẹ phải một mình gánh vác toàn bộ việc nuôi, dạy con ăn, học đến tuổi trưởng thành. Không phụ công lao biển trời của mẹ, con trai của mẹ vừa chăm học, chăm làm, vừa tích cực tham gia hoạt động công tác xã hội ở địa phương. Tháng 2-1966, anh được kết nạp vào Đảng.

Hưởng ứng lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước thiêng liêng của Bác Hồ "Không có gì quý hơn độc lập tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn...", tháng 11-1966, mẹ động viên con trai của mẹ xung phong lên đường đánh Mỹ.

Sau khi con trai ra trận, mẹ ở nhà vừa tần tảo làm lụng sớm khuya để sinh sống, vừa vận động bà con làng, xóm làm đầy đủ nghĩa vụ đóng góp của hậu phương cho tiền tuyến...

Sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước được thanh bình, tuy mới ở tuổi 50 nhưng cuộc đời mẹ đã gặp nhiều gian truân, vất vả lại cộng thêm nỗi lo lắng, bồn chồn đến mất ăn mất ngủ vì vẫn bồn biệt vắng tin con, nên mẹ đã bị ốm nặng. Mặc dù được gia đình, bà con xóm, làng hết lòng chạy chữa, nhưng mẹ vẫn không qua khỏi. Ngày 18-8-1975, mẹ đã từ trần. Trước lúc ra đi về cõi vĩnh hằng, mẹ có biết đâu rằng Tô Cát Chiếu - người con độc nhất mà mẹ hết mực yêu thương và thiết tha mong đợi trở về - đã không bao giờ trở về quê hương cùng mẹ nữa. Vì Tổ quốc, vì nhân dân, Hạ sĩ Tô Cát Chiếu, Chiến sĩ thuộc Tiểu đoàn 14 đơn vị KN đã hy sinh anh dũng tại mặt trận phía Nam ngày 10-3-1969. Liệt sĩ đã được truy tặng: 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng ba và 1 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng ba. Xét công lao sinh thành và nuôi dưỡng liệt sĩ Tô Cát Chiếu của mẹ, ngày 17-12-1994 Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

PHIÊU DIÊU ĐÒI MẸ
(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng
Nguyễn Thị Nhữ, được phong tặng
ngày 17-12-1994)



Trong số bảy Bà mẹ Việt Nam anh hùng hiện còn sống ở huyện Phú Bình chỉ có mình mẹ là sống cô đơn trong ngôi nhà nhỏ ven đường thuộc xã Kha Sơn. Thấy chúng tôi đến, mẹ khóc... những giọt nước mắt cho sự éo le của đời mẹ và của người con độc nhất của mẹ - liệt sĩ Nguyễn Huy Lăng, Hạ sĩ, Chiến sĩ Tiểu đoàn 8, Trung đoàn 568, hy sinh ngày 17 tháng 12 năm 1969 tại Mặt trận phía Nam - Mẹ Nguyễn Thị Nhữ, sinh 1916 tại thôn Lương Ngọc, xã Làng Ngâm, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh. Mẹ lấy chồng cùng xã, năm 1938 thì sinh được anh Lăng. Vợ chồng mẹ chạy vạy làm lụng sớm hôm mong sao có đủ miếng cơm, manh áo nuôi con thành người. Cuộc sống đói khổ, thiếu thốn trăm bề đã cướp đi của anh Lăng người cha khi anh vừa 8 tuổi. Cả gánh nặng dồn lên đời mẹ. Hai mẹ con côi cút, tần tiện, tần tảo mà vẫn không đủ ăn. Lúc bấy giờ người làng mẹ rủ nhau đi buôn hàng chuyến rất đông. Xót xa cho con không

được bằng bạn bằng bè, mẹ dắt con sang gửi bà ngoại, cất gánh theo người làng ngược hướng huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên mà đi lòng mong ngày về có thêm chút tiền nuôi con.

Đường xa, lại không thông thuộc, tốp người đi cùng cứ tản mát, rơi rụng dần và cuối cùng chẳng còn ai nữa. Mình mẹ đi ngược, đi xuôi mà vẫn không tìm được đường về. Thương mẹ già đã vất vả giờ lại phải bóp bụng nuôi thêm cháu ngoại, thương con sớm mồ côi cha giờ lại lạc mất mẹ, mẹ chạy đôn, chạy đáo nhờ người chỉ đường về quê mà sao không ai giúp nổi? Ân hận, nhưng đã quá muộn, mẹ đành ở lại xứ người và trở thành dân Kha Sơn từ đó, ngày đêm không nguôi nhớ con. Mẹ thậm gọi tên anh và xin anh tha thứ cho mẹ suốt những đêm dài không ngủ được. Lòng mẹ héo hon vì nhớ con, nhớ quê nhà. Thời gian cứ trôi, nặng nề, chậm chạp.

Thấm thoát gần chục năm trôi qua, mẹ sống âm thầm như một cái bóng. Bỗng một hôm có người cùng làng cũ tình cờ gặp mẹ và mách rằng: Anh Lăng đang làm dân công ở Hiệp Hòa (Hà Bắc) cách nhà mẹ hơn chục cây số. Chỉ kịp nghe có thế, mẹ nhào ra vườn vợ ít quả, tất tưởi chạy một mạch đến công trường tìm con quên cả mệt, quên cả đói. Mẹ, con gặp nhau mừng mừng, tủi tủi, bao điều mẹ muốn nói, muốn hỏi anh mà sao bỗng nhiên không thể cất thành lời? Mẹ chỉ biết ôm lấy anh mà khóc. Khóc cho bao năm mẹ con xa cách, khóc cho sự trưởng thành của anh thiếu vắng bàn tay mẹ. Hiểu và thương mẹ, anh Lăng (lúc này đã có vợ ở quê) tỏ ý muốn đón mẹ về làng, nhưng mặc

cảm không làm tròn trách nhiệm với con đã níu giữ bước chân mẹ, không cho mẹ về quê cha, đất tổ. Thế là mẹ lại trở về căn nhà nhỏ lấm lũi sống và thấp thỏm mong con lên chơi! Thỉnh thoảng con trai và con dâu lên thăm mẹ, đó là những ngày hạnh phúc nhất từ khi mẹ xa nhà.

Tháng 12-1967, mặc dù đã có vợ và bốn mặt con, song nghe tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, anh Lăng vẫn xung phong nhập ngũ. Tháng 4-1968, anh đi chiến đấu ở miền Nam, ở nhà mẹ chôn chặt trong lòng nỗi lo canh cánh trong những giấc ngủ chập chờn. Tháng 12-1969, trong một trận chiến ác liệt anh đã vĩnh viễn nằm lại mảnh đất phía Nam của Tổ quốc, trước sự đau đớn, xót xa của mẹ già, vợ trẻ và đàn con thơ.

Con dâu và các cháu nội của mẹ nhiều lần muốn đón mẹ về quê, song mẹ vẫn không chịu. Ngày ngày mẹ lặng lẽ sống trong căn nhà nhỏ, thấp hương trên bàn thờ con trai của mẹ và khóc những giọt nước mắt xót xa.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG VŨ THỊ SÙNG

Mẹ Vũ Thị Sùng sinh năm 1906; dân tộc Kinh; quê ở huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; đã từ trần và an táng tại xã Lương Phú, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Có 1 con độc nhất là liệt sĩ đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc.

Mẹ Vũ Thị Sùng sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân nghèo. Ngay từ khi mới lớn dậy, mẹ đã phải chịu nhiều nỗi gian truân, vất vả của một người không ruộng, không vườn phải đi làm thuê, làm mướn để kiếm ăn. Năm 1935, 19 tuổi, mẹ lấy chồng. Chồng mẹ là Trần Văn Kim sinh năm 1905, làm ruộng ở cùng quê. Năm 1937, mẹ sinh được một người con trai đặt tên là Trần Văn Truyền, sau đó, có lẽ do bệnh tật nên mẹ không sinh đẻ được nữa. Dưới chế độ thực dân phong kiến, hai vợ chồng mẹ sống trên vựa lúa Thái Bình mà cơm chẳng có ăn nên đành phải rời bỏ quê hương dắt nhau đưa con tha phương lên vùng Phú Bình của tỉnh Thái Nguyên để làm thuê, làm mướn kiếm sống. Lên tới đất Phú Bình, vợ chồng mẹ định cư tại xã Lương Phú. Được bà con xóm Phú Lương thương yêu, giúp đỡ nên cuộc sống của vợ, chồng, con cái mẹ cũng đỡ khổ hơn.

(Ngày 1-10-1950 mẹ không may bị cảm nặng rồi đột ngột qua đời để lại cho chồng mẹ một đứa con trai mới 13 tuổi.)

Rồi theo năm tháng con trai của mẹ cũng trưởng thành, khôn lớn. Đầu năm 1960 con trai của mẹ xây dựng gia đình. Con dâu của mẹ là Hoàng Thị Hạ, cùng tuổi với con trai của mẹ. Vợ chồng con trai của mẹ sinh được 3 cháu: Trần Thị Hợp (sinh tháng 12-1962), Trần Thị Lý (sinh tháng 3-1965) và Trần Văn Thanh (sinh tháng 8-1969). Tháng 4-1964 con trai của mẹ được kết nạp vào Đảng.

(Tháng 4-1968, theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, con trai của mẹ đã tạm biệt quê hương, tạm biệt vợ con xung phong lên đường đánh Mỹ. Ngày 13-10-1969, con trai của mẹ, trên cương vị cán bộ Trung đội phó thuộc Tiểu đoàn 3, Sư đoàn 304 đã chỉ huy trung đội chiến đấu dũng cảm và đã hy sinh anh dũng tại Mặt trận phía Nam.) Liệt sĩ đã được truy tặng 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng ba, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba và 1 huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng ba.

Xét công lao của mẹ đã sinh thành và nuôi dưỡng một người con độc nhất là liệt sĩ, ngày 17-12-1994, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

NGÔI NHÀ THOANG THỎANG HƯƠNG CAU

(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng

Nguyễn Thị Nhất, được phong tặng

ngày 17-12-1994)



Nhà mẹ ở xã Hà Châu (Phú Bình), một xã giáp với huyện Phổ Yên. Ngôi nhà chưa có được vẻ bề thế, uy nghi nhưng sạch sẽ, mát mẻ. Mảnh sân rộng nhìn ra hàng cau cao vút, hương cau quyện vào gió, thoang thoang khắp khu nhà.

Mẹ là Bà mẹ Việt Nam anh hùng có người con độc nhất là liệt sĩ Phạm Ngọc Thoa. Mẹ sống trong khu nhà này cùng con dâu, vợ chồng cháu đích tôn và 2 chất nội ngoan, dễ thương.

Nguyễn Thị Nhất là tên ông bà đặt cho mẹ. Quê ở Bắc Ninh, giống như mẹ Liễu, ông trời dun dủi cho mẹ gặp người con trai Hà Châu thật thà, chất phác tên là Phạm Văn Mỳ. Phải duyên phải số, biết ông đã có vợ nhưng mẹ vẫn chấp nhận thân phận làm lẽ mọn, theo ông về Hà Châu sinh sống.

(Năm 1943, mẹ sinh anh Thoa rồi không sinh nở thêm được lần nào nữa.) Những năm 1945 - 1946, cái

đói khủng khiếp sục sạo khắp các hang cùng, ngõ hẻm trên đất nước ta, làm hơn 2 triệu người chết vì đói. Hàng ngày không biết bao nhiêu xác chết được gom lại, đặt lên xe bò mang đi chôn (!). Gia đình mẹ cũng phải trải trật lấm mới kiếm nổi bữa rau, cháo qua ngày. Đói, rét, kiệt sức, bao phen khốn quẫn tưởng rằng sức người không thể chịu đựng, nhưng rồi gia đình mẹ đã gượng được qua cơn "đại nạn", may phúc cả nhà vẫn còn được xum họp bên nhau. Song trong nhà không còn gì đáng giá. Thế là lại một cuộc vật lộn với cái đói, cái nghèo. Vợ chồng mẹ nai lưng làm thuê, làm mướn, chắt bóp, bớt ăn, bớt tiêu giành dụm được tí vốn, xoay sang buôn bán nhè nhàng kiếm sống. Lúc đầu là buôn nổi dất, rồi đến bán bánh dúc, lạc luộc... đôi chân của mẹ dạo khắp nơi với gánh quà trên vai, lòng mong kiếm thêm được củ khoai, củ sắn nuôi con. Tình thương yêu và sự tần tảo, tần tiện của cha mẹ đã nuôi anh Thoa khôn lớn từng ngày.

Học hết lớp 8, anh Thoa xin nghỉ học đỡ dần việc nhà. Là con một nên được nuông chiều từ bé, nhưng anh không chơi bời lêu lổng, không ỷ vào vị thế "độc tử" của mình. Trái lại anh chăm chỉ, khéo tay làm gì cũng giỏi, tính lại thật thà, vui nhộn khiến bao gái làng phải thương trộm, nhớ thầm và tình yêu đã nảy nở giữa anh và một cô gái nhỏ nhắn, nhanh nhẹn hoạt bát.

(Cưới vợ cuối 1962, đầu 1963 anh Thoa lên đường nhập ngũ. Năm 1965, trước khi vào Nam chiến đấu anh được đơn vị cho về phép thăm gia đình. Sau ngày

anh trả phép, ở nhà vợ anh đã có tin vui.) Từ nơi chiến trường, biết mình sắp được làm cha, anh mừng quýnh, vội viết thư cho mẹ, thưa rằng "con ra đi giữa cơn mưa to, bão lớn của đất nước vậy xin mẹ đặt tên cháu là Phạm Bá Phong" và không quên động viên vợ: "Em hãy vì anh gắng khắc phục khó khăn, chờ khi Bắc Nam thống nhất, anh sẽ về!".

Lời hứa "sẽ về" của anh Thoa đã tiếp thêm vô vàn sức mạnh cho mẹ và vợ anh vượt qua bao nỗi gian truân, vất vả. Ai cũng sống, cũng làm việc vì người thân yêu nhất đang ở nơi tiền tuyến... Nhưng anh không chờ được đến ngày thống nhất mà trở về nhận mặt đứa con yêu dấu của mình. (Trong một trận chiến đấu ác liệt với quân thù ngày 27-9-1969, anh đã anh dũng hy sinh tại Mặt trận phía Nam với chức vụ trung đội phó thuộc đơn vị KH.

Năm 1971, cấp ủy và chính quyền xã tổ chức báo tử anh. Hôm làm lễ truy điệu anh, đất dưới chân mẹ như sụt lở, mẹ ngất đi. Đêm đêm, mẹ khóc gọi tên anh nhưng không dám khóc to vì sợ con đau thêm đau lòng, nào ngờ giường bên, con dâu mẹ cũng từng đêm thức trắng khóc thương chồng, thương mẹ.)

Nỗi đau này chưa dịu, nỗi đau khác lại đến, năm 1972, chồng mẹ qua đời, mẹ suy sụp hoàn toàn cả về tinh thần lẫn thể xác. Nhìn mẹ đau khổ, chị Nhất (con dâu mẹ) thấy xót xa, chị động viên, an ủi mẹ. Ngày ngày 2 người đàn bà cùng tên, có chung một nỗi đau diu nhau vượt qua mất mát để sống. Đảng, Nhà nước và nhân dân không quên ơn mẹ, ngày mẹ được phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, bà

con ai cũng mừng cho mẹ, còn mẹ chỉ biết khóc: Khóc vì sự quan tâm của Đảng của Nhà nước, khóc vì nhớ thương con.

Hiện nay, hàng tháng với mức trợ cấp 360.000 đồng của Nhà nước và 150.000 đồng của cán bộ, công nhân Nhà máy Diêzen Sông Công phụng dưỡng mẹ, con dâu, cháu trai và cháu dâu đều có việc làm và thu nhập, nhà mẹ đã có bát ăn, bát để. 80 tuổi, mẹ vẫn tinh tường và vui tính. Tôi thầm mong mẹ sống lâu trăm tuổi để chứng kiến sự trưởng thành của một dân tộc Việt Nam độc lập, nền độc lập mà con mẹ và biết bao chiến sĩ khác phải đổ bằng máu của mình.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG DƯƠNG THỊ XAY

Mẹ Dương Thị Xay sinh ngày 19-3-1912; dân tộc Kinh; quê ở xóm Múc, xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần và an táng tại xã Bảo Lý, huyện Phú Bình; có 1 con nuôi độc nhất là liệt sĩ đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

(Mẹ Dương Thị Xay sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân nghèo. Mới ở tuổi 13, 14 mẹ đã phải đi tìm việc để làm thuê, làm mướn phụ giúp cùng gia đình kiếm sống. Tháng 5-1947, thương cháu Dương Mai Lục mới được 7 tháng tuổi mà đã phải mồ côi mẹ, mẹ đã tình nguyện làm mẹ kế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Lấy chồng nhưng vì hoàn cảnh tuổi đã cao lại bệnh tật nên mẹ không sinh nở được. Mẹ thương yêu, chăm sóc, nuôi dạy cháu Dương Mai Lục tận tình chu đáo, thực sự coi cháu như con đẻ của mình. Mẹ đã cho cháu ăn học hết cấp 2 phổ thông. Ngày 20-2-1965, mẹ động viên Dương Mai Lục nhập ngũ vào Tiểu đoàn 144 Bộ Tổng tham mưu, đơn vị canh gác, bảo vệ các cơ quan của Bộ Quốc phòng.

Những tháng cuối năm 1967, đế quốc Mỹ tăng cường cho máy bay liều lĩnh đánh phá ác liệt vào Thủ đô Hà Nội. Ngày 15-12-1967, trong một trận chiến đấu với máy bay Mỹ, người con nuôi độc nhất của mẹ là Hạ sĩ Dương Mai Lục đã anh dũng hy sinh tại Cửa Nam. Liệt sĩ đã được truy tặng 1 Huân chương Chiến công hạng ba.)

Sau khi người con nuôi độc nhất là Dương Mai Lục hy sinh, vợ, chồng mẹ tuổi già, sức yếu không còn nơi nương tựa. Ngày 28-3-1984, bà con xã viên Hợp tác xã Cổ Dạ họp nhất trí xét công "Mẹ đã coi con chồng như con đẻ của mình, nuôi dưỡng và chăm sóc chu đáo", mẹ được hưởng chế độ tiền tuất hàng tháng, và ngoài ra mỗi khi khó khăn, giáp hạt vợ, chồng mẹ còn được các cấp huyện, xã, hợp tác xã trợ cấp tiền, thóc, gạo... Hội phụ nữ xã đã vận động chị, em cất rác, kiếm củi giúp đỡ vợ, chồng mẹ.

Ngày 15-11-1993 do tuổi cao, sức yếu mẹ đã từ trần hưởng thọ 81 tuổi.

Xét công lao của mẹ đã nuôi dưỡng và dạy dỗ người con nuôi độc nhất là liệt sĩ Dương Mai Lục, ngày 17-12-1994, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG AN THỊ HÀ



Mẹ An Thị Hà sinh năm 1921; dân tộc Kinh; quê ở phố Yên Hưng, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; đã từ trần tại thị xã Sông Công, an táng tại xóm Hải Minh, xã Tân Kim, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; có con nuôi độc nhất là liệt sĩ hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

(Mẹ An Thị Hà sinh trưởng trong một gia đình lao động nghèo bố làm công nhân ở Nhà máy kềm Quảng Yên, mẹ ở nhà "buôn thúng, bán mẹt" và làm "hàng xay, hàng xáo" kiếm sống. Mẹ có 5 chị em, trong đó mẹ là lớn nhất nên mới học đến lớp 2, lớp 3 mẹ đã phải nghỉ học, ở nhà phụ giúp việc cho gia đình để kiếm sống. Năm 18 tuổi, thương anh Lê Văn Thảo, công nhân Nhà máy kềm Quảng Yên vợ chết sớm, phải "gà trống" nuôi đứa con trai Lê Văn Hiếu còn đang "âm ỉu", mẹ đã tự nguyện làm mẹ kế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Mẹ lấy chồng nhưng do bệnh tật nên mẹ không sinh đẻ được. Mẹ tận tụy chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy bảo con riêng của chồng rất chu đáo, coi cháu như đứa con mà mình đã phải dứt ruột để sinh ra.)

Sau ngày Toàn quốc kháng chiến, hưởng ứng lời kêu gọi của Bác Hồ, cùng với 784 hộ gia đình ở vùng mỏ Hồng Quảng, vợ, chồng mẹ đã tự nguyện phá cửa, đốt nhà, tản cư lên Việt Bắc theo Đảng, Chính phủ và Bác Hồ kháng chiến. Lên Thái Nguyên, vợ chồng mẹ định cư tại trại di cư Hải Minh thuộc xã Tân Kim, huyện Phú Bình. Kháng chiến thành công, hòa bình lập lại, vợ chồng mẹ được Đảng, Chính phủ chia ruộng đất, cày bừa... làm ăn, sinh sống lâu dài. Xã Tân Kim, huyện Phú Bình đã trở thành quê hương thứ hai của mẹ. Theo năm, tháng Lê Văn Hiếu, người con nuôi độc nhất của mẹ đã trưởng thành. Năm 1958, mẹ lấy vợ cho anh. Con dâu của mẹ là chị Chu Thị Lan, người dân tộc Sán Dìu, quê ở xã Tân Thành, huyện Phú Bình. Vợ chồng anh Hiếu, chị Lan đã sinh cho mẹ được 4 cháu nội là Lê Thị Thủy, Lê Văn Chung, Lê Văn Dũng và Lê Bích Thúy. (Năm 1963, anh Hiếu được kết nạp vào Đảng. Những năm sau đó anh được tin nhiệm bầu vào Ban Thường vụ Đảng ủy xã Tân Kim. Tháng 8-1967, hưởng ứng lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước thiêng liêng của Bác Hồ, mặc dù chỉ có một người con nuôi độc nhất mẹ vẫn động viên anh xung phong lên đường tòng quân, giết giặc.) Anh Hiếu ra trận, ngoài việc thường xuyên qua lại trông nom nhà, cửa cho con, cho cháu, mẹ đã đưa cháu trai Lê Văn Chung về nuôi nấng, dạy dỗ từ nhỏ đến tuổi trưởng thành...

(Cuối năm 1975, đất nước đã có hòa bình, non sông đã thu về một mối, quê hương có nhiều người ra trận đã trở về thì mẹ bàng hoàng nhận được tin con, một cái tin đầy đau đớn: người con nuôi của mẹ là Liệt sĩ

Lê Văn Hiếu, Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng thuộc Đại đội 2, Tiểu đoàn 4 KN đã hy sinh ngày 21-9-1969 tại Mặt trận phía Nam.) Liệt sĩ đã được truy tặng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhì.

Nén đau thương, mẹ đã động viên chồng, động viên con dâu bình tĩnh trụ vững cuộc sống gia đình và nuôi dạy các cháu, ăn, học, trưởng thành.

Xét công lao nuôi, dạy liệt sĩ Lê Văn Hiếu của mẹ, ngày 17-12-1994, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã phong tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng". Rất buồn là khi địa phương chưa kịp tổ chức lễ đón nhận danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" cho mẹ thì ngày 28 tháng chạp năm Giáp Tuất mẹ đột ngột qua đời, hưởng thọ 73 tuổi.

NIỀM MONG KHÔNG THỎA
(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng
Trương Thị Hối, được phong tặng
ngày 17-12-1994)



- Bá ơi, bá có khách đây này!

Đứa cháu dâu gọi to mấy lần, nhưng chừng 10 phút sau mới thấy mẹ lên, chậm chạp, nặng nề, gương mặt già nua vàng vọt nổi buồn, đôi mắt dưng đục dưng lại hơi lâu ở phía chúng tôi, rồi như chợt nhớ "nhà có khách", mẹ cười, gật gật đầu... Ông Trương Văn Khúc - em ruột mẹ - nói nhỏ:

"Bà năm nay yếu và lẩn quá rồi". Vâng, đó là quy luật. Yếu và lẩn, cái điều không ai muốn, nhưng lại không thể cưỡng lại ở tuổi già. Năm nay mẹ đã 84 tuổi rồi còn gì!

Ông Khúc dáng người xương xương, nhanh thoăn thoắt, là em trai của mẹ Trương Thị Hối, Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Ông cùng vợ, con sinh sống tại xã Đào Xá, huyện Phú Bình, còn mẹ cùng nhà chồng ở mãi trên phường Cam Giá (thành phố Thái Nguyên). Việc nhà nông quanh năm đầu tắt, mặt tối không hết, lại còn lo trăm thứ bà dằn nào quan hệ xã hội, nào việc hiếu hỷ trong họ mạc... rồi lo thu vén tạo dựng cuộc

sống gia đình nên chị, em mỗi năm chỉ gặp nhau vài bận vào dịp giỗ chạp, lễ tết... không có việc thì chẳng ai bỗng dưng mà bỏ việc đến chơi (...).

Thế rồi, ông được tin cháu trai hy sinh, năm 1985, anh rể ốm và mất, một mình chị gái sống nơi đất khách ở cái tuổi ngoài 70 với một xuất tiền trợ cấp cho bố, mẹ liệt sĩ. Cuộc sống thật vất vả, cơ cực bởi phải nhờ, cậy ở người em dâu chồng cũng không lấy gì làm dư dật. Không đành nhìn chị khổ, ông bàn với vợ đón chị về ở cùng để chị em, bác cháu gần gũi, đỡ dần nhau. Thôi thì không còn con thì cậy, nhờ cháu vậy và thế là từ năm 1990 mẹ Hồi về Đào Xá ở với em.

Ở tuổi 84 mẹ không còn tinh tường nữa, nhiều câu chúng tôi hỏi, mẹ nghe xong mẹ chỉ ừ... à cho qua chuyện, bao sự kiện trong cuộc đời mẹ đang bị lớp bụi thời gian dần dần xóa nhòa. Nhưng khi chúng tôi nhắc đến liệt sĩ Đặng Văn Tiến – người con độc nhất của mẹ – mẹ sực tỉnh: "Thằng Tiến hả, ờ con tôi đấy. Nó lành như cục đất ấy, mẹ bảo gì cũng nghe nhưng bảo lấy vợ thì không chịu, nó trốn đi bộ đội...".

Con trai mẹ là thế đấy. Anh sinh năm 1950, mẹ không sinh ra anh nhưng lại có công nuôi anh từ khi còn trứng nước. Số mẹ hiếm hoi chẳng sinh được mụn con nào và anh Tiến trở thành con đẻ của mẹ. Từ nhỏ tới lớn, anh lành như đất, ai trêu gì chỉ cười. Đi học về giúp mẹ đủ việc lớn, nhỏ chẳng kêu ca phàn nàn. Thấy anh hiền lành, chăm chỉ, bạn bè rất mến. Mẹ cũng đã "nhắm" cho anh một cô hàng xóm tốt nét, đẹp người. Năm anh 18 tuổi, mẹ ngấm ngấm lo tiền, lo lợn để cưới vợ cho anh, lòng mừng khắp khối vì sắp có dâu hiền vì: "Thằng này từ trước đến nay nghe lời mẹ lắm". Nào

ngờ anh giã náy: "Con còn đang đi học" và lảng lạng xung phong nhập ngũ. Được tin anh đi, mẹ sững người nhưng không giận mà chỉ thương anh nhiều lắm, lên đường mà chẳng được mẹ dặn dò, chuẩn bị hành trang... Thế rồi bán lợn cộng với số tiền chuẩn bị cưới vợ cho con mẹ, tậu 3 con bò về chăn: "Để dành tới ngày thằng Tiến về, bán đi, cưới vợ".

Từ khi nhập ngũ, anh được về thăm mẹ hai lần, lần nào cũng ào về rồi lại vội đi ngay. Mẹ chỉ biết ngồi nghe anh kể chuyện và ngắm anh: "Chà nó chóng chạc quá, rắn rỏi quá, khác hẳn lúc ở nhà với mẹ". Mẹ cuống quýt gói thứ này, sắp thứ nọ bắt anh mang đi. Trong những thứ mẹ giành cho anh, không bao giờ thiếu tình thương vô bờ của mẹ.

Con trai đang chiến đấu nơi chiến trường khói lửa, ở nhà mẹ ngày, đêm cùng bà con Hợp tác xã Bình Minh (Cam Giá) tăng gia sản xuất, củng cố hậu phương, chi viện tiền tuyến, cố gắng vượt qua mọi khó khăn để có cuộc sống tốt hơn đón con trở về. Chờ mãi hết năm này qua năm khác mà con mẹ vẫn bất tin. 16 năm sau ngày anh nhập ngũ, điều bất hạnh nhất đã xảy ra với mẹ: thay cho sự trở về của anh là giấy báo tin anh vĩnh viễn nằm lại ở Mặt trận phía Nam ngày 10 tháng 11 năm 1969 với cấp bậc trung sĩ, chiến sĩ Sư đoàn 304 để lại người mẹ thân yêu vẫn từng ngày chất chiu, mong anh về cưới vợ.

TRÁI TIM NGƯỜI ME
(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng
Dương Thị Liên, được phong tặng
ngày 17-12-1994)



Hai người đàn bà, một mẹ chồng, một nàng dâu, một ngoài 80 tuổi, một hơn 50 tuổi, cuộc đời buồn nhiều hơn vui, sống lặng lẽ trong một nếp nhà cheo leo trên sườn đồi. Đó là cảnh nhà Bà mẹ Việt Nam anh hùng Dương Thị Liên ở xã Đầm Thụy, huyện Phú Bình.

Nghe kể về mẹ, tôi tự hỏi: Sao có những số phận suôn sẻ thế, mà đời mẹ lại đau thương nhiều vậy?

22 tuổi, mẹ đã thành góa bụa. Một tai nạn đột ngột đã cướp đi người chồng của mẹ khi ông đang trèo cây trám để hái quả. Mẹ bật khóc trước bất hạnh quá lớn. Khóc mãi, nước mắt cũng chẳng làm vợi nỗi đau, mẹ ôm trọn nỗi buồn sống với những tấm lòng nhân hậu của người thân và xóm, làng.

Một mình thui thủi, chồng không còn, con chưa có, nỗi cô đơn như lớn lên từng ngày. Thương cảnh thân gái một mình vò vớ sớm khuya, mọi người khuyên mẹ đi bước nữa... Bảy năm sau ngày chồng chết, khao khát được có 1 đứa con, mẹ làm lẽ 1 người ở làng bên. Kiếp

làm lẽ mới tủi nhục làm sao, nhưng mẹ cắn răng chịu đựng, chỉ mong được mụn con để vỗ về, cưng nựng và làm chỗ dựa mai sau.

Năm 1945, tròn 30 tuổi, mẹ sinh được con trai. Bao tủi cực, thiếu thốn như tan biến hết trước hạnh phúc lớn lao của mẹ. Mẹ đặt tên con trai là Dương Văn Hậu và niềm vui, nỗi buồn của mẹ đặt cả ở nơi anh.

Tiếng là có bố, nhưng con mẹ rất ít được sự chăm sóc của cha. Từ khi thai nghén, tới lúc sinh nở rồi những đặn khó khăn chạy ăn từng bữa để nuôi con, mẹ đều một mình xoay sở, không dám hé răng đòi hỏi điều gì.

Rồi khó khăn cũng vơi dần, mỗi ngày anh Hậu càng tỏ ra biết thương mẹ. Anh chăm chỉ, xốc vác không nề hà việc gì, lại luôn an ủi mẹ, xoa dịu những nỗi đau mà mẹ phải trải qua. Phần mẹ, cứ nghĩ đến anh là bao âu lo, phiền muộn tiêu tan hết. Mẹ thầm cảm ơn ông trời đã cho mẹ người con hiếu thảo. Xóm, làng cũng mừng cho mẹ.

Anh Hậu 20 tuổi, mẹ nghĩ đến chuyện dựng vợ cho anh để có người nối dõi. Con dâu mẹ là chị Dương Thị Phẩm thật thà, ngoan ngoãn, chịu thương, chịu khó. Thấy 2 con biết bảo ban nhau làm ăn, mẹ cũng yên tâm. 22 tuổi (1967) anh Hậu được làm cha, vợ anh sinh con gái đầu lòng. Năm sau chị lại có mang cháu thứ 2. Mẹ cũng không còn trẻ, vợ vừa nuôi con mọn lại vừa mang thai, cảnh nhà chỉ còn trông cậy vào anh. Nhưng trước sự đánh phá điên cuồng của giặc Mỹ xâm lược, không người dân Việt Nam nào có thể ngồi yên và anh

Hậu đã xung phong nhập ngũ. Trước khi lên đường, anh cứ thương mẹ rồi đây sẽ vì đâu, vì cháu mà vất vả.

Lòng anh lo một, lòng mẹ lại lo mười. Mẹ không sợ khó, không sợ vất vả mà chỉ lo cho anh, ra nơi mũi tên hòn đạn, biết thế nào... Không! mẹ vội gạt ý nghĩ đó ra khỏi đầu và tỏ ra cứng rắn để con trai yên lòng ra đi giết giặc.

Đầu năm 1968 anh lên đường đánh giặc và không bao giờ được trở về gặp mẹ, gặp vợ và trò chuyện với đứa con gái thứ 2 mà anh chưa kịp biết mặt.

Nhận tin con hy sinh, mẹ khóc ròng rã, cái điểm tựa lớn nhất đời mẹ đã không còn. Đau đớn lắm nhưng mẹ không ân hận vì đã để anh ra đi, mẹ tin rằng sự hy sinh của anh sẽ không uổng phí.

Dòng đời vẫn chảy, mang theo sự đa dạng của nó trong đó có một mái nhà với 4 người phụ nữ thuộc 3 thế hệ sinh sống. 2 đứa trẻ mồ côi cha từ khi chưa đủ tuổi đến trường được ấp ủ bằng tình thương của bà và mẹ. Nhìn cháu lớn lên thiếu tình cảm người cha, mẹ lại âm thầm khóc thương con, thương cháu.

Ngày, tháng trôi qua, các cháu đã trưởng thành, lòng mẹ đã phần nào ấm lại. Cứ tưởng từ đây hết bão táp cuộc đời, nào ngờ năm 1992, đứa cháu gái nội đầu lòng lúc này đang là cô giáo bị chứng bệnh tim hành hạ, đã "bỏ bà, bỏ mẹ" mà "đi". Hai người đàn bà, một lần nữa lại phải chịu đựng nỗi đau mất người thân! Sao đời nghiệt ngã thế!

Sau khi cháu gái nội thứ hai xây dựng gia đình, về làm dâu nhà người, trong căn nhà nhỏ chỉ còn lại 2

người đàn bà đã gần cạn khô nước mắt. Thương bà và mẹ, vợ chồng cháu vẫn về thăm luôn và Công ty Xuất nhập khẩu tỉnh - nơi nhận phụng dưỡng mẹ cũng thường xuyên quan tâm, thăm hỏi nhưng mẹ vẫn ước "Giá như tôi có một thằng cháu trai!". Tôi hiểu lòng mẹ, không phải mẹ "trọng nam, khinh nữ" đâu mà vì nếu cháu mẹ là trai thì chắc chắn, gian nhà này sẽ trở nên đỡ lặng lẽ hơn và nơi đây sẽ có tiếng bi bô của con trẻ.

Với 360.000 đồng trợ cấp Bà mẹ Việt Nam anh hùng và 150.000 đồng tiền phụng dưỡng hàng tháng của Công ty Xuất nhập khẩu tỉnh, cuộc sống của mẹ không mấy khó khăn. Đã ngoài 80 tuổi nhưng mẹ vẫn tranh thủ chăn con bò, con lợn và cõm nước đỡ dần cho con dâu. Hai người đàn bà vẫn lặng lẽ, vì nhau sống trong một ngôi nhà.

NGƯỜI BÀ TÂN TẢO

(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng
Nguyễn Thị Ngán được phong tặng
ngày 17-12-1994)



Mẹ sinh năm 1922 tại Thái Bình. Quê mẹ thời ấy đông dân ít ruộng, cuộc sống khó khăn nên từ khi lẫm chẫm biết đi, mẹ đã theo gia đình lên Lục Ba, Đại Từ lập nghiệp.

Con gái Thái Bình vừa chăm làm, vừa nết na, vừa biết thu vén cửa nhà nên chẳng những dân cùng quê mà cả dân địa phương đều ái mộ. Mười bảy tuổi mẹ Ngán về làm dâu nhà họ Trần, một gia

đình nề nếp ở Lục Ba. chồng mẹ là ông Trần Văn Tứ, cùng tuổi, được học hành đôi chút, say mê hoạt động xã hội.

Về làm dâu nhà họ Trần, cô Ngán vừa vui, vừa ngại ngùng. Gia đình này có bát ăn bát để. Anh em trai có đến bốn người đều được học hành. Trước cô đã có một người làm dâu rất đoan trang. Đó là vợ anh Cả Ý. chồng cô là Tứ rồi đến chú Mẫn, chú Cán. Chỉ nghe cách đặt tên cũng biết gia đình này nề nếp đến chừng nào. Giá cứ là cái Ngán quê mùa sống với bố mẹ nghèo, đầu tắt mặt tối, làm lụng, nói cười thoải mái lại vui. Về

đây tuy là thím Tứ đấy, chồng đẹp trai và thương vợ đấy nhưng mà lúc nào cũng phải ý tứ, cũng phải giữ gìn. Được cái bố mẹ, anh em nhà chồng đều là người tốt, thương người...

Thế rồi cách mạng đến. Trong ngày tháng sôi động tiền khởi nghĩa, anh Tứ hăng hái tham gia tập tành, hội họp. Rồi cách mạng thành công, anh Tứ càng say mê lao vào công tác. Cô Ngẩn hết lòng chăm sóc bố mẹ, gánh vác việc đồng áng.

Năm 1947, Trần Đức Tuệ ra đời, lúc ấy cô Ngẩn và anh Tứ đã 25 tuổi, so với thời ấy là muộn màng. Con dâu lòng lại là trai nên cả nhà, cả xóm đều vui. Hai năm sau, 1949, Trần Đức Thế lại cất tiếng khóc chào đời. Nhà bốn nhân khẩu đã vui vui. Cô Ngẩn phải cố gắng làm lụng để nuôi con cho chồng tham gia công tác. Pháp tấn công khi bé Tuệ còn ẵm ngửa phải luồn rừng, luồn núi để ẩn náu. Bé Thế ra đời khi máy bay bắn phá liên tiếp. Kiếm được miếng cơm, manh áo đã khó lại còn lo bảo vệ con thơ trước quân thù hung ác càng khó hơn. Nhờ trời hai cháu đều bình yên rồi lần lượt cấp sách đến trường.

Mẹ Ngẩn nghĩ lại đời mình cứ như giấc mơ. Chồng đi công tác xa một nách hai con thơ với trăm công ngàn việc thế mà mẹ vẫn vượt qua.

Chiến tranh ập tới, tháng 1-1966 cậu học sinh lớp 9 Trần Đức Tuệ vừa bước sang tuổi 19 vác súng lên đường. Năm sau mẹ cưới vợ cho Trần Đức Thế, tháng 8-1968 mẹ có cháu đặt tên là Trần Đức Năng. Cháu nội vừa tròn năm thì tháng 8-1969, bố nó lại theo anh ra trận. Sau đó bốn tháng, con dâu mẹ sinh con thứ hai. Gia đình mẹ lúc này lại vẫn tròn con số bốn. Ông Tứ

đi công tác xa, hai con trai đi chiến đấu bất tin, mẹ và con dâu lại vất vả với ruộng đồng để nuôi hai cháu nhỏ. Ước mơ của mẹ là nuôi con học hành thành đạt nhưng gặp lúc chiến tranh, các con phải gác bút nghiên để theo nhau vác súng lên đường. Mẹ mong ngày về, mẹ mong gia đình đoàn tụ xây dựng cuộc đời. Đột ngột ngày 21-7-1970, chính quyền địa phương tổ chức báo tử: Binh nhất Trần Đức Thế, nhập ngũ tháng 8-1969, đơn vị C2, D923, Đoàn 766 hy sinh ngày 4 tháng giêng năm 1970 tại Mặt trận miền Tây. Làm mẹ ai chẳng thương con? Đã từng làm mẹ, đã từng dứt ruột tiễn hai con ra trận, mẹ Ngẩn hiểu rõ điều này. Ông Tứ đi công tác xa, mẹ hiểu cái nhọc nhằn, lẻ loi của một gia đình vắng bóng đàn ông. Con dâu mẹ tuy đã hai con nhưng mới ngoài hai mươi, làm sao ở vậy? Ngày 3-2-1974, cái ngày mẹ nhớ mãi, mẹ gạt nước mắt tiễn con dâu đi tái giá. Đứa con dâu hiền thảo của mẹ, sáu bảy năm trời cùng mẹ đảm đang việc nhà, bầu bạn với mẹ khi tối lửa, tắt đèn, san sẻ với mẹ nỗi lo khi tiếng súng ngoài xa ình ình vọng lại, khi hai đứa trẻ kém ăn, nóng đầu. Nó cúi nón qua cầu như lằm lổ. Nhưng làm thân con gái, trẻ trung và xinh đẹp, thôi thì việc ấy cũng thường thôi. Mẹ hiểu giọt nước mắt chân thành khi nó bước ra khỏi cửa.

Con dâu ra đi, ông Tứ vẫn kiên nhẫn đi công tác, gia đình còn có ba: mẹ Ngẩn 52 tuổi, hai đứa cháu cộng tuổi lại mới là 10.

Ngày 30-10-1976, đã một năm rưỡi nuôi cái hy vọng cuối cùng sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng, gia đình nhận được tin báo tử: Trung sĩ Trần Đức Tuệ,

sinh 1947, nhập ngũ tháng giêng 1966, hy sinh ngày 20-6-1969 tại Mặt trận phía Nam. Thế là Tuệ đã ngã xuống trên chiến trường trước ngày chú em Trần Đức Thế lên đường đánh giặc. Vừa lúc ấy, hồ Núi Cốc cũng hoàn thành dâng nước ngập xã Lục Ba. Gia đình mẹ dời vào địa điểm mới, dựng nhà vỡ ruộng...

Bây giờ ông Tứ đã qua đời, gia đình còn năm manh áo khăn: mẹ Ngẩn, vợ chồng Năng và hai chắt nội, chưa kể cô Chiến đã đi lấy chồng. Ngôi nhà ngói năm gian khang trang trên đồi cao, sân lát gạch, hàng rào xây gạch, nhà bếp, chuồng trại cũng đều xây gạch lợp ngói ngự trị cả mé đồi ở xóm Bình Hương. Bốn sào ruộng khai hoang, ba sào chè lại còn trồng cây, nuôi lợn, thả cá đời sống gia đình sung túc.

Để đền ơn, đáp nghĩa, đơn vị Z127 đã nhận phụng dưỡng mẹ. Ngoài tiền trợ cấp của Nhà nước, Nhà máy Quốc phòng Z127 hàng tháng gửi biếu mẹ 150.000 đồng. Xí nghiệp xăng dầu Bắc Thái cũng gửi biếu mẹ số tiết kiệm 1 triệu đồng để lo cho mai sau.

Sinh hai lần, nuôi hai con khôn lớn, cả hai đã anh dũng hy sinh vì Tổ quốc đó là nỗi đau và cũng là vinh quang của đời mẹ. Mẹ trụ vững trước nỗi đau, động viên con dâu tái giá, nuôi hai cháu con liệt sĩ thành người.

MẸ CÒ

(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng
Trần Thị Tụ, được phong tặng
ngày 17-12-1994)



Mẹ sinh năm 1926 tại xã Lục Ba, huyện Đại Từ, Thái Nguyên. Lục Ba thời ấy là một làng khá trù phú.

Con tuổi Lục Ba nhỏ nhỏ, chảy từ Tam Đảo ra, hợp lưu với những dòng suối khác mang nước trong mát thượng nguồn về sông Công thơ mộng với huyền thoại "Chàng Công - Nàng Cốc" nao lòng.

Dòng họ Trần của mẹ là dòng họ lớn, đông đàn con cháu lại định cư ở vùng này từ những thế kỉ xa xưa nên được tôn trọng. Gia đình mẹ có bảy anh chị em, mẹ là thứ ba. Nhà không giàu nhưng có bát ăn bát để. Thời ấy con gái như mẹ được cấp sách đến trường là hiếm. Mẹ học chăm, cái chữ vào đầu con gái, lóe lên bao điều mới lạ.

Cách mạng tháng 8 thành công, cô Tụ vừa mười chín tuổi. Có đôi chút chữ nghĩa trong đầu nên nhận thức ngay được con đường cách mạng là chính nghĩa. Cô lăn vào hoạt động trong giới phụ nữ xã, vận động chị em thực hiện đời sống mới, đi học bình dân học vụ,

tăng gia sản xuất, luyện tập quân sự. Cô Tự tiến bộ được điều lên làm cán bộ phụ nữ huyện.

Tuổi 19, 20 là tuổi yêu, nhưng thời ấy yêu đương được coi là cấm kị. Năm 1947, cô Tự lấy chồng rồi về quê. Tình riêng nghiệt ngã, cô trở về với cha mẹ, sinh con trai đặt tên là Nguyễn Đình Viên.

Bố mẹ xa nhau, Viên lớn lên ở gia đình ông ngoại trong tình thương của các cậu, các dì. Nó cứ thui thủi chơi một mình trong xó nhà, góc sân, bờ tre, gốc mít nên người ta đặt cho nó cái tên là Cò. Lũ trẻ trong làng cứ trêu:

Con cò lặn lội bờ ao

Ăn sung thì chát, ăn đào thì chua

Nó chỉ toét miệng cười, ngây thơ. Thân phận mẹ nó bấy giờ âm ỉ một nỗi đau, nó làm sao biết được. Mẹ nó nương nhờ ông ngoại, đầu tắt mặt tối để nuôi con, được cả nhà cư mang nên không đến nỗi lo về miếng cơm, manh áo. Nhưng cái nghiệt ngã vẫn rình rập khách hồng nhan. Năm 1952, ta đánh mạnh ở trung du, tràn về đồng bằng. Thực dân Pháp lỏng lẻo cho máy bay bắn phá hậu phương kháng chiến. Những tốp khu trục cổ ngỗng, cổ rụt vãi đạn xuống bản, làng. Những tốp đa-cô-ta bay chậm như rùa, ỉ ạch tải bom tấn, bom tạ, bom dây rải xuống những lũy tre xanh mà chúng nghi là căn cứ của Việt Minh. Thế là cô Tự bị bom cắt đi một chân. Năm ấy cô 26 tuổi. Bố mẹ già, anh em "kiến giả nhất phận", cô còn lại một chân, một đứa con trai bốn tuổi.

*

* *

Người đàn bà có đủ cả hai chân, vật lộn với khó khăn để nuôi con còn khỏe, hướng chi mẹ chỉ có một chân? Cày, bừa, cấy, gặt..., những việc phải lội xuống bùn là không được rồi. Chân con lợn, con gà, chăm mảnh vườn, cây chuối thu hoạch cũng chẳng đáng bao nhiêu. May quá, trong đầu mẹ còn cái chữ.

Thời ấy bậc học phổ thông bắt đầu từ lớp 1 kết thúc vào lớp 10. Cái lớp vỡ lòng còn để đó cho dân lo. Mẹ kiếm được một chân dạy i-tờ. Bà con thương đấy nhưng nghèo, học phí cả năm cũng chỉ dăm, bảy cân thóc đối với một học sinh. Cứ thế nhân lên gia đình cũng thu một năm vài ba tạ. Còn lại vẫn phải nai lưng ra mà xới đất, lật cỏ và trông nhờ vào anh em. Thật là kì diệu, khi được lấp chân giả, mẹ đi lại nhẹ nhàng hơn. Ngoài dạy học mẹ cũng theo công điểm hợp tác xã. Cày, gặt, làm cỏ, phải dúng chân xuống bùn mà mẹ vẫn làm thành thạo. Có thu nhập khá, mẹ còn giúp đỡ con cháu họ hàng.

Thằng Cò lớn lên, nó cũng như bạn bè cấp sách đến trường. Mẹ dạy biết chữ rồi cho vào cấp I, cấp II. Nó tốt nghiệp lớp bảy thì cuộc kháng chiến chống Mỹ bước vào giai đoạn quyết liệt. Năm 1966, Nguyễn Đình Viên lên đường nhập ngũ. Anh được phân công làm thủy thủ của Đại đội 5, Tiểu đoàn 2, Binh trạm 8, Cục Vận tải, Tổng cục Hậu cần, hoạt động ở miền tây Nghệ An ngút trời bom đạn. Sáu năm tận tụy với công việc, anh dũng cảm hoàn thành nhiệm vụ, được phong trung sĩ, làm lái trưởng. Ngày 10-11-1972 anh đã anh dũng hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.

*

* *

Bây giờ, ở xóm Gò Lớn, giữa lưng chừng dốc có một ngôi nhà tình nghĩa ba gian. Tường xây, mái ngói đã nhuộm màu năm tháng như những ngôi nhà khác của làng quê. Trong nhà bài trí giản đơn. Hai gian cạnh kê giường. Gian giữa kê tủ và bàn nước. Trên tường treo bằng "Bà mẹ Việt Nam anh hùng", bằng Huân chương của liệt sĩ và Bằng Tổ quốc ghi công. Cùng với bát hương thờ tiên tổ, những tấm bằng vinh quang do Nhà nước phong tặng đã nói lên công lao to lớn của người mẹ tần tảo nuôi dạy con trai cống hiến cho sự nghiệp giải phóng đất nước. Làng xóm thương yêu vẫn gọi mẹ là mẹ Cò thân thiết như xưa.

Vẫn một chân lành và một chân giả, mẹ đi cà nhắc trong nhà, ra vườn chăm sóc luống rau, khóm chuối và cây cối. Một đời mẹ còn có vậy? Không, mẹ còn những tấm lòng thương yêu đùm bọc của bà con chòm xóm, anh em họ hàng, nhân dân trong vùng và tất cả những ai biết "uống nước, nhớ nguồn".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ MỸ



Mẹ Nguyễn Thị Mỹ sinh năm 1908; dân tộc Kinh; quê ở thôn Lương Cả, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; gia đình trú tại xóm Hợp Thành, xã Cao Ngạn, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ; Mẹ đã tử trần năm 1985; an táng tại huyện Đông Hỷ.

Mẹ Nguyễn Thị Mỹ sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo. Tuy sống ở một vùng đất nổi tiếng là vựa lúa của miền đồng bằng Bắc Bộ, nhưng dưới chế độ thực dân phong kiến, gia đình mẹ cũng như bao gia đình nông dân Việt Nam đã rơi vào cảnh bần cùng, phá sản không có lối thoát. Bé tắc, gia đình mẹ buộc phải rời bỏ quê hương, tha phương cầu thực để kiếm ăn. Sau những tháng ngày phiêu bạt, gia đình mẹ đã dừng chân ở xóm Hợp Thành, xã Cao Ngạn, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Trên mảnh đất này, mẹ cùng với gia đình ra sức làm thuê, làm mướn kiếm sống qua ngày. Năm 1928, vừa tròn hai mươi tuổi mẹ đã kết duyên với ông

Nguyễn Đình Ty, một người nông dân hiền lành, chất phác. Sau bảy năm chung sống với chồng, đến năm 1935 mẹ mới sinh được một người con trai, đặt tên là Nguyễn Đình Nghi. Bé Nghi ra đời là nguồn động viên to lớn đối với vợ, chồng mẹ. Sau bao năm trông đợi, nay mới được một mụn con trai, vợ, chồng mẹ dồn tất cả tình thương cho nó. Năm 1943, một tai họa giáng xuống gia đình mẹ: Người chồng thân yêu của mẹ qua đời do cuộc sống lam lũ và lao động quá sức. Chồng mẹ "ra đi", khi con trai của mẹ mới tròn 8 tuổi. Trước nỗi đau mất chồng, thương con còn thơ dại, mẹ quyết định ở vậy để thờ chồng và nuôi dạy con khôn lớn nên người.

Năm 1945 Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Nhân dân lao động Việt Nam từ địa vị nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội và được hưởng những quyền lợi do cách mạng đem lại. Cũng như bao gia đình nông dân khác, mẹ được chia ruộng đất để cày, cấy. Cuộc sống của mẹ đỡ phần cơ cực, khốn khổ. Cùng với lo toan công việc gia đình, mẹ hăng hái tham gia các phong trào ở địa phương, đóng góp sức mình vào sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc. Con trai của mẹ cũng lớn lên trở thành chàng thanh niên khỏe mạnh, tích cực hoạt động phong trào thanh niên của xã.

Sau hòa bình lập lại, cùng với nhân dân địa phương, mẹ tích cực tăng gia sản xuất, tham gia tổ đổi công và sau đó gia nhập Hợp tác xã nông nghiệp. Cuộc sống gia đình mẹ được cải thiện từng bước. Con trai của mẹ

cũng lập gia đình riêng và chẳng bao lâu, mẹ có thêm nguồn vui mới: ba cháu nội lần lượt ra đời.

Tháng 9-1969, trước những đòi hỏi cấp thiết của chiến trường và theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, mẹ đã động viên người con duy nhất của mẹ lên đường nhập ngũ. Chia tay với mẹ, vợ và con, con trai của mẹ đã hăng hái làm nhiệm vụ, hẹn ngày đất nước hòa bình, Tổ quốc thống nhất sẽ trở về. Sau 3 tháng huấn luyện cấp tốc, anh đã cùng đồng đội hành quân vào chiến trường miền Nam chiến đấu. Gần 2 năm trực tiếp cầm súng, bảo vệ Tổ quốc, anh lập được nhiều chiến công và được tặng thưởng nhiều huân chương. Trong một trận chiến đấu ngày 14-8-1971, anh đã hy sinh anh dũng tại Mặt trận phía Nam. Ngày 30-10-1976, nhận được tin con hy sinh, lòng mẹ quặn đau, trời đất quay cuồng. Song mẹ đã cố gắng vượt lên, nén lòng và tĩnh tâm để thay con mình cùng nàng dâu nuôi các cháu ăn, học. Đến năm 1985, do tuổi cao sức yếu, mẹ đã qua đời, hưởng thọ 77 tuổi.

Với sự hy sinh lớn lao của mẹ, ngày 22-4-1995 Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

NIỀM VUI TUỔI GIÀ

(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng
Nguyễn Thị Vượng, được phong tặng
ngày 17-12-1994)



Những ngày mưa gió thế này, đất Cao Ngạn tỏ ra thật "mến" người, giày, dép và cả bánh xe đường như muốn dính chặt vào con đường, nhưng cái đích của chuyến đi cũng đã hiện ra. Đó là căn nhà của Bà mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Vượng ở xã Cao Ngạn, huyện Đồng Hỷ.

Cách đây 2 năm, tôi đã theo chân anh Phó phòng Văn hóa huyện Đồng Hỷ đến nhà mẹ, năm ấy mẹ vừa mừng thượng thọ 90. Hôm chúng tôi đến, mẹ vừa ốm 4 tháng, mới ngồi dậy được, mắt mờ, giọng nói yếu. Thế mà hôm nay, sau 2 năm gặp lại, tôi thấy mẹ khỏe hơn trước, mau mắn mời khách vào nhà, xởi lởi tiếp chuyện khách. Hình như niềm vui đã giúp mẹ có thêm sức khỏe.

Hồi nhỏ mẹ Vượng khổ lắm, đi làm thuê, làm mướn cho người, đến năm 1947, hai vợ chồng gồng gánh lên đất Đồng Hỷ này khai sơn, phá thạch, của rá quý nhất là đứa con lên 6 tuổi. Người con độc nhất ấy là anh Trần Văn Khoa, nhập ngũ năm 1965, hy sinh năm 1969. Mất người con duy nhất nhưng may mắn sao mẹ

lại được người con dâu hiếu thảo. Chị Đào Thị Hồng về làm dâu nhà mẹ năm 22 tuổi, được sống với chồng 70 ngày, ở vậy tự nguyện gánh vác gia đình nhà chồng đã 34 năm nay. Hai người đàn bà tựa vào nhau mà vượt qua nỗi đau to lớn và những khó khăn trên đường đời. Chị Hồng kể:

- Nhà tôi bên đặc công nước, đi bộ đội 1 năm thì về phép, nhìn tóc chồng đổ quạch, cứng quèo, tôi hỏi, anh bảo suốt ngày tập luyện dưới nước tóc mới thế. Anh hy sinh năm 1969, đến năm 1976 mới có giấy báo tử. Tôi cũng linh cảm là anh đã hy sinh nhưng vẫn cứ hy vọng. Cũng may ngày anh về phép được nhìn mặt con lúc ấy mới vài tháng tuổi. Đạo anh đi vắng, mẹ, con tôi ở nhà chật chiu xây được căn nhà cấp 4 này, lúc đầu lợp rạ, mới xây cao thêm và lợp ngói. Bé Hà giờ đã là chàng trai cao khoảng 1m80, là chỗ dựa của bà, của mẹ, và là bố của 3 cậu con trai. Sau khi đi lao động ở nước ngoài về Hà ở nhà cùng vợ làm nông nghiệp, ngoài lúa còn trồng mía, mỗi năm cũng kéo được đôi tấn đường. Trong nhà có xe Win, tủ lạnh, máy khâu, ti vi màu... Cụ, bà, cháu, chất đều khỏe mạnh, vui vẻ. Tôi đọc thấy trong mắt mẹ Vượng, mắt chị Hồng một sự hài lòng. Dù người con độc nhất đã mất nhưng gia đình này vẫn phát triển trên con đường no ấm.

Đến giờ khi ngồi viết những dòng này tôi vẫn còn nhớ hình ảnh chất nôi của mẹ Vượng mới lên 3 tuổi đã biết ngồi tỉ mỉ gấp chiếc áo dài cho cụ, cái bàn tay tí xiu vuốt ve nhẹ nhẹ trông thật đáng yêu. Và tôi cứ tiếc lúc đó đã không kịp "chớp" một kiểu ảnh.

BÀ MẸ NGƯỜI TÀY TỪ BIÊN GIỚI XUỐNG

(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng

Hứa Thị Pít, được phong tặng

ngày 24-4-1995)



Mẹ Hứa Thị Pít sinh năm 1908 ở Lục Bình, Lạng Sơn. Nơi đây là vùng đồi núi trập trùng nằm sát biên giới. Những làng, bản người Tày, người Nùng nhấp nhô nhòa trong sương trên sườn đồi núi. Những mái nhà trình tường thấp, kín để chống chọi với gió hun hút từ phương Bắc tràn về. Những thửa ruộng bậc thang đuối nhau lên núi, len lách vào các khe sâu.

Những mảnh nương nham nhở trên sườn dốc đỏ quạch. Kiếm được miếng ăn khó đến chừng nào.

Lớn lên cô Pít mặc áo chàm dài, bao thắt ngang lưng hòa vào dòng áo chàm ngắn, vạt chéo của người Nùng, duyên dáng xuống chợ, gặp anh Châu Văn Hồi hơn hai tuổi hiền lành và vạm vỡ thế là thành vợ, thành chồng.

Ở xóm núi Lục Bình, có ngôi nhà nhỏ nhỏ như những ngôi nhà khác, sớm chiều phảng phất khói lam. Chủ nhân của nó là hai người cần cù với nương, với ruộng. Lần lượt năm 1937 rồi 1941 hai đứa trẻ ra đời. Gia đình bốn miệng ăn đã vui vui như cây tre ẩm bụi.

Độc một cái, năm 1943, trong một chuyến đi thăm bà con ở Cao Bằng, cả hai đứa nhỏ lăn đùng ra chết vì bệnh hiểm nghèo. Hai vợ chồng trắng tay về quê trong đau thương. Nhờ trời, nhờ phật một năm sau bé trai Châu Văn Siu lại cất tiếng khóc chào đời. Mái tranh xóm núi lại có tiếng trẻ thơ...

Vùng Lộc Bình bấy giờ dân đông, ít ruộng. Được người quen mạnh mối, năm 1957 gia đình mẹ Pít dắt díu nhau về xóm Vèn Nà, xã Bình Long, huyện Võ Nhại. Đây là mảnh đất giáp ranh ba tỉnh Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, còn hoang vu lắm. Người Kinh ở xuôi lên, người Tày, người Nùng, người Dao ở biên giới về, chung sức khai phá ruộng nương bên bờ sông Dong, dựng lên làng bản. Gia đình mẹ Pít là lớp đến sau, khai hoang những khoảng đất khó hơn rồi được bà con nhượng lại tất cả được 1 mẫu 9 sào. Năng suất lúc ấy còn thấp nhưng ba miệng ăn với bằng ấy ruộng không đến nỗi khổ. Vài năm sau vào hợp tác xã, cùng nhau chung sức xây dựng quê hương.

Châu Văn Siu đến đất Bình Long mới 13 tuổi, hòa nhập vào đám trẻ địa phương, sớm sớm cắp sách đến trường, chiều chiều chăn trâu, câu cá, bạn bè quần quýt lấy nhau. Rồi chàng trai lớn lên, lọt mắt xanh cô Lương Thị Vân hơn 3 tuổi, thành gia thất.

Năm 1965, cháu Châu Thị Phòng ra đời trong tiếng máy bay phản lực gào thét. Bom nổ ở Thái Nguyên, bom nổ ở Bắc Giang, bom nổ ở Lạng Sơn, mảnh đất Bình Long hẻo lánh cũng không yên trước bom rơi, đạn lạc. Cái gia đình 5 miệng ăn có ông, có bà, có cha, có mẹ, có con đằm ẵm thì Châu Văn Siu ra đi làm

nhiệm vụ của người con trai thời chiến. Năm sau Châu Thị Tiến ra đời, gia đình lại thành năm.

Ông bà đã trên sáu mươi, người mẹ một nách hai con nhỏ, người đàn ông trụ cột lại ốm sùng ngoài xa, công việc ngập lụt đầu mà nỗi nhớ không vơi.

Gia đình những chiến sĩ đi chiến đấu ở chiến trường B được phụ cấp, đỡ dần một phần sinh hoạt phí. Anh lính Châu Văn Siu chiến đấu với máy bay giặc Mỹ ở đất Hà Tĩnh nóng bỏng lửa đạn nhưng vẫn là chiến trường A, gia đình vất vả hơn.

Giặc Mỹ ném bom hạn chế miền Bắc, lửa đạn tập trung vào điểm thất ở miền Trung. Ngày 1-8-1968, một trận quyết chiến dữ dội xảy ra ở Cẩm Mỹ, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh, binh nhất Châu Văn Siu chiến sĩ Đại đội 12, Tiểu đoàn 68, Trung đoàn 275 đã anh dũng hy sinh.

Mẹ Hứa Thị Pít năm nay đã sang tuổi 90, theo cách tính của bà con nông thôn, thế mà còn nhanh nhẹn lắm. Mẹ vẫn luôn tay, luôn chân với công việc, quần quýt cùng cháu chắt. Tính mẹ vui, hay nói, hay cười. Nhìn gương mặt phúc hậu ấy, chẳng ai hình dung ra quãng đời vất vả, tuổi già vẫn thay con gánh vác gia đình.

Mãn tang chồng, ngày 2-9-1970 con dâu đi tái giá. Mẹ buồn vì chia ly nhưng giữ làm sao được? Cái duyên cái số nó đã thế rồi. Đêm chia tay, hai người đàn bà cùng khóc vì cảm thông. Hai trái tim một thời chia sẻ nỗi vui buồn, nay đi về hai ngã. Lúc ấy, cái Phòng 5 tuổi, cái Tiến 4 tuổi, cụ ông đã 64 lại nhiều bệnh tật, gánh nặng gia đình đè lên vai người đàn bà 62 tuổi ở nơi đất khách, quê người...

Thấm thoát đến nay lại thêm 27 năm trời. Cụ ông về với tổ tiên. Người Tày có phong tục lấy rể để kế tiếp dòng dõi. Hai cháu rể ngoan ngoãn và chịu khó lần lượt về đây. Một mẫu chín sào ruộng thấm mồ hôi của ông bà chia đôi, đàn trâu cũng chia đôi, cơ nghiệp chia đôi. Mái tranh nghèo năm xưa đã thay bằng mái ngói. Bốn đứa cháu lông lốc như củ khoai, củ sắn, hay ăn chóng lớn trong niềm vui của mẹ. Bàn thờ của dòng họ Châu có treo bằng huân chương, bằng Tổ quốc ghi công, bằng Bà mẹ Việt Nam anh hùng vẫn thơm khói hương thờ tiên tổ.

Người mẹ Tày, vẫn cái dáng phúc hậu, lúc nào cũng đăm chiêu, tất bật của miền quê biên giới đã hòa vào cuộc sống đất Bình Long, nơi con gà gáy cả ba tỉnh cùng nghe.

Ngôi nhà ấy còn đơn sơ, ruộng ở đây canh tác còn bấp bênh vì phải trông vào đất trời. Nhưng dự án về thủy lợi, về phát triển cây con phù hợp với miền núi đang từng bước thực thi. Chúc mẹ trường thọ trăm tuổi để tận mắt nhìn thấy quê hương thay da, đổi thịt, bỏ công con trai mẹ đem xương, máu để giữ gìn, bỏ công cả đời mẹ đổ mồ hôi để xây dựng lên.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG LA THỊ SÁU



Mẹ La Thị Sáu sinh năm 1911; dân tộc Kinh; quê ở huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, gia đình trú tại xóm Cây Bàng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Mẹ đã từ trần ngày 17-5-1991.

Mẹ La Thị Sáu sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo. Vì hoàn cảnh khó khăn của gia đình nên mẹ đã lưu lạc, di cư ra vùng Mỏ than Hòn Gai, tỉnh Quảng Ninh để cuốc than, làm thuê kiếm sống. Tại đây mẹ đã xây dựng gia đình với ông Vũ Đức Thắng, một người cùng cảnh ngộ.

Sau khi xây dựng gia đình, điều kiện sinh hoạt ở vùng mỏ cùng cực. Không thể sống lâu dài ở đây được, vợ chồng mẹ quyết định rời bỏ khu mỏ về định cư tại xóm Cây Bàng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên để sinh sống. Trên mảnh đất này, vợ, chồng mẹ đã an cư lập nghiệp, cùng nhau khai phá ruộng, nương với hy vọng cuộc sống đỡ phần cơ cực. Năm 1937, mẹ sinh con trai. Vợ, chồng mẹ đặt tên con là: Vũ Tiến Minh. Anh Minh là người con độc nhất nên

được mẹ cưng chiều, yêu thương. Tất cả những khó khăn, vất vả, mẹ cùng chồng vượt qua, chất chiu dành dụm để nuôi con, mong con mau khôn lớn nên người. Trong những năm kháng chiến chống Pháp, mẹ đảm đang mọi công việc gia đình, đồng thời tham gia công tác xã hội, tạo điều kiện cho chồng yên tâm tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong vòng tay chăm sóc của mẹ anh Minh ngày một khôn lớn và trưởng thành. Đến tuổi xây dựng gia đình, mẹ đã cưới vợ cho anh. Con dâu của mẹ là Vũ Thị Dung, sinh năm 1942. Đến năm 1966 mẹ lần lượt có 3 đứa cháu nội. Đó là niềm vui lớn đối với mẹ lúc về già. Cũng vào thời gian này, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta ngày càng trở nên quyết liệt. Miền Bắc vừa sản xuất, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, vừa tích cực chi viện sức người sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam. Nghe theo lời kêu gọi của Đảng và Bác Hồ, mẹ đã tình nguyện động viên người con duy nhất của mình nhập ngũ. Ý thức được trách nhiệm thiêng liêng của mình, ngày 30-11-1966, anh Minh đã chia tay mẹ già và vợ con, hăng hái lên đường làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Sau đợt huấn luyện quân sự, con trai của mẹ cùng đồng đội vượt Trường Sơn vào chiến trường miền Nam đánh Mỹ. Mẹ ở nhà giúp đỡ con dâu công việc nội trợ và nuôi dạy các cháu ăn, học.

Ngày 30-4-1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi. Trong không khí hân hoan Bắc Nam xum họp, mẹ và con cháu của mẹ mong mỗi chờ đợi anh trở về. Mẹ có biết

đâu, con trai của mẹ đã vĩnh viễn nằm lại ở chiến trường, hiến dâng xương máu của mình cho độc lập, tự do của Tổ quốc. Ngày 30 tháng 12 năm 1976 mẹ nhận được giấy báo tử: Liệt sĩ Vũ Tiến Minh anh dũng hy sinh ngày 28-11-1968 tại Mặt trận phía Nam. Nhận được tin con hy sinh mẹ và con, cháu của mẹ đau đớn không nguôi. Người con duy nhất của mẹ đã cống hiến trọn vẹn cuộc đời mình cho quê hương, đất nước. Năm 1991, do tuổi cao, sức yếu, mẹ đã qua đời, hưởng thọ 81 tuổi.

Giờ đây các cháu nội của mẹ đều đã trưởng thành, có nghề nghiệp, cuộc sống ổn định và có phần tích lũy. Với công lao và sự hy sinh to lớn của mẹ, ngày 24-4-1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

MẸ CHÌM DƯỚI GIAN NAN
(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng
Nguyễn Thị Chúc, được phong tặng
ngày 24-4-1995)



Khi chúng tôi đến nhà, mẹ đang nằm nghỉ trong buồng. Mấy hôm nay thời tiết thay đổi, cái nắng mới làm cho bọn trẻ chúng tôi còn phải "ngán ngẩm" nữa là người già? Mẹ ra kia, dáng còng, chậm chậm, hai hố mắt trũng xuống, thâm quầng, biểu hiện chứng mất ngủ của tuổi già. Mẹ bảo "mấy hôm nay cái đầu đau dữ quá"! Đó là mẹ Nguyễn Thị Chúc. Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở xã Đắc Sơn, huyện Phổ Yên.

Mẹ sinh năm 1913 trong một gia đình nông dân nghèo tại xóm Đầm, xã Đắc Sơn, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Dưới chế độ cũ tư tưởng trọng nam, khinh nữ thật nặng nề. Kiếp sống của người phụ nữ Việt Nam thật gian nan. Nhà nghèo, quanh năm vất vả, đã thế mọi việc trong gia đình hầu như chỉ chờ bàn tay con gái trong nhà, mẹ quần quật làm việc quanh năm, suốt tháng, người gầy dẹt, quắt queo, đen dúa không lớn được. 14 tuổi, cái tuổi "vắt mũi chưa sạch" ông bà cho mẹ về làm dâu một gia đình thuộc diện đủ ăn ở gần đó với hy vọng là đời mẹ sẽ đỡ khổ. Nào ngờ

công việc nhà chồng quá bận bịu, sức vóc còn côi so với cái tuổi 14 của mẹ không đảm đương nổi, hiếm có ngày nào mẹ thoát khỏi đòn roi. Mẹ sụt sùi nhớ lại cảnh: Con bé gầy guộc càng trở nên bé nhỏ hơn trước nồi cơm quá to của nhà chồng. Vậy mà "nó" vẫn phải gắng sức bê lên, đặt xuống, vật lộn qua từng bữa ăn. Có lần không biết sơ ý thế nào, khi bắc nồi cơm xuống làm vỡ một ông đồ rau thế là lại no đòn. Hai năm làm dâu, bao nhiêu bữa cơm là bấy nhiêu lần chan nước mắt, trẻ con còn biết làm gì hơn ngoài lấy nước mắt để làm vơi bớt tủi nhục. 16 tuổi không thể chịu hơn cảnh nghiệt ngã mẹ cùng chồng ra ở riêng. Từ ngày ra ở riêng, vợ chồng bảo ban nhau làm ăn và nhất là không còn cảnh bị đánh đập như xưa, mẹ có điều kiện quan tâm đến tình hình xã hội. Quá hiểu nỗi thống khổ của người dân lao động bị áp bức, được tổ chức giác ngộ mẹ đã nhiệt tình tham gia các phong trào hoạt động ở địa phương như: Nông hội, xã đội và trưởng xóm (từ 1944 - 1956). Vừa hoạt động xã hội, vừa gánh vác việc gia đình (chồng mẹ hiền lành, tốt bụng nhưng đau yếu luôn, mọi việc đều trông cả ở nơi mẹ). Phận mẹ hiếm hoi, lấy chồng sớm mà mãi đến năm 1948, niềm ao ước đến cháy bỏng của mẹ cũng như của bao phụ nữ khác mới thành hiện thực. Sau hơn 9 tháng "mang nặng" mẹ đã sinh được 1 người con trai trong sự vui mừng khôn xiết. Mẹ đặt tên con là Đỗ Trọng Thê. Anh Thê lớn lên trong tình thương yêu của cha mẹ. Mặc dù kinh tế rất eo hẹp nhưng mẹ đã chắt chiu cho anh đi học. Năm con 15 tuổi, chồng mẹ sau 13 năm bị chứng bệnh dạ dày hành hạ đã qua đời để lại trong lòng mẹ một nỗi

trống trải. Khác với bố, anh Thế có thân hình vạm vỡ, khỏe mạnh. Giống hệt tính mẹ, anh Thế năng nổ nhiệt tình trong các hoạt động của thanh niên ở địa phương. Chính vì vậy anh đã được địa phương tin nhiệm giao nhiệm vụ và kết nạp Đảng trước khi nhập ngũ.

Tháng 2 năm 1966, trước sự điên cuồng đánh phá của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, không thể ngồi yên nhìn đất nước trong cơn loạn lạc, anh Thế xung phong lên đường đánh giặc, thực hiện nghĩa vụ của một người con đối với Tổ quốc.

Chồng vừa mất, đứa con trai dứt ruột đẻ ra lại lên đường trong lúc "nước sôi, lửa bỏng", mẹ lo lắng vô cùng. Biết bao đêm mẹ âm thầm khóc trong nỗi sợ hãi khắc khoải. Lòng thương con của người mẹ muốn giữ con ở lại. Nhưng nghĩ đến cương vị và trách nhiệm mình đang gánh vác, mẹ lại không muốn mọi người thất vọng vì mình và càng không muốn con trai phải hổ thẹn về mẹ và cuối cùng mẹ đã nén thương, dồn nhớ động viên con vững bước ra đi. Anh đi rồi mẹ ở nhà ngày, đêm cầu nguyện mong cho anh tránh được mũi tên, hòn đạn. Bao hy vọng mẹ hướng cả ra chiến trường, thậm chí mong ngày anh trở về để mẹ có được dâu hiền, cháu thảo. Nhưng nghiệt ngã thay, điều mẹ mong mỏi đã không thể có. Giặc Mỹ đã cướp đi của mẹ người con độc nhất khi anh chưa đầy 20 tuổi (anh hy sinh ngày 23-6-1967 tại Mặt trận phía Nam với chức vụ Trung sĩ, Tiểu đội phó, thuộc Tiểu đoàn 8 KN). Anh được công nhận là liệt sĩ và đã được truy tặng 1 huân chương Chiến sĩ giải phóng và một huân chương Chiến công giải phóng hạng 3. Nổi đau chồng chất nổi đau đè

lên đôi vai gầy guộc làm cho mẹ suy sụp nhanh chóng. Khi nhận giấy báo tử anh (năm 1970) mẹ ốm liệt giường. Đau đớn, buồn phiền, thương phận con, tủi phận mình, căn bệnh thấp khớp khi xưa và chứng đau đầu, buồn nôn mới xuất hiện thi nhau hành hạ mẹ nhất là những khi trái gió, trở trời. Đau đớn về mặt tinh thần cùng với tàn tạ về mặt thể xác tưởng chừng mẹ không gượng dậy được. May nhờ chính quyền địa phương và bà con hàng xóm cảm thông, giúp đỡ mẹ đã vượt qua nỗi đau tưởng chừng không thể bù đắp được. Với bản chất con người lao động, mặc dù hiện nay tuổi già, sức yếu những ngày ốm thì thôi, hễ khỏe thì mẹ lại ra vườn xới rau, nhặt cỏ.

Ghi nhận những cống hiến của mẹ, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã phong tặng mẹ danh hiệu cao quý "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" và nhân kỷ niệm 45 ngày thương binh liệt sĩ, huyện - xã đã công nhận gia đình mẹ là gia đình cách mạng gương mẫu. Thấp nén nhang trên bàn thờ người liệt sĩ, con trai của mẹ, tôi thâm khấn anh phù hộ cho mẹ khỏe mạnh, thanh thoi trong những năm tháng còn lại của cuộc đời.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ SẢO

Mẹ Nguyễn Thị Sảo sinh năm 1912; dân tộc Kinh; quê ở xóm Đình, xã Tân Hương, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần và an táng tại quê; có con độc nhất là liệt sĩ đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc.

Mẹ Nguyễn Thị Sảo sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo. Mẹ có ba anh em (2 trai, 1 gái) mẹ là út. Vì nhà nghèo nên lúc nhỏ, mẹ không được đi học, mới lớn lên đã phải theo bố, mẹ đi làm thuê, làm mướn hoặc vào rừng lấy củi bán kiếm sống.

Đến tuổi trưởng thành, mẹ lấy chồng. Chồng mẹ là Nguyễn Văn Hồ sinh năm 1903, người cùng xã, cùng cảnh nghèo, khổ phải đi làm thuê, làm mướn như mẹ. Thành vợ, thành chồng mà mẹ vẫn phải đi cấy thuê, chồng mẹ vẫn phải đi "ở mùa" cấy mướn cho địa chủ. Hết mùa cấy thuê, cấy mướn thì vợ chồng mẹ lại dắt nhau lên rừng Đầm Ban, Phúc Thuận (Phổ Yên - Thái Nguyên) lấy củi mang về chợ Cầu Sau (Hiệp Hòa - Bắc Giang) bán lấy tiền đóng gạo. Mẹ sinh được 2 người con (1 trai, 1 gái), người con gái bị bệnh thần kinh bẩm sinh, nhà mẹ lại nghèo, không có tiền chạy chữa nên đã chết từ khi mới 2, 3 tuổi, mẹ chỉ còn lại 1 người con trai là: Nguyễn Văn Sang, sinh năm 1942. Chồng mẹ là người chất phác, hiền lành, nhưng mắt lại kém nên mẹ phải vất vả nhiều trong việc đảm bảo cuộc sống gia đình và nuôi, dạy con ăn, học. Cách mạng tháng 8-1945

thành công, rồi cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, cải cách ruộng đất, gia đình mẹ được chia ruộng, đất, cày, bừa nên cuộc sống cũng dần dần được cải thiện. Mẹ cho con đi học. Học hết cấp I, con mẹ nghỉ học ở nhà làm ruộng và tham gia công tác thanh niên ở thôn, ở xóm, được tín nhiệm cử làm ủy viên, làm Bí thư Chi đoàn thanh niên thôn Phù Hương, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Khi con đến tuổi trưởng thành mẹ đã lấy vợ cho anh. Con dâu của mẹ là Nguyễn Thị Kỳ sinh năm 1943, làm ruộng ở cùng quê.

Tháng 6-1968, trước những đòi hỏi cấp bách của chiến trường về sức người, sức của, con trai của mẹ đã xung phong lên đường nhập ngũ. Mặc dù chỉ có một người con độc nhất đã có vợ nhưng chưa có con để nối dõi tông đường, song vì Tổ quốc mẹ vẫn vui vẻ động viên con ra trận. Con đi bộ đội ra tiền tuyến đánh giặc, ở hậu phương mẹ lại cùng chồng và con dâu tích cực làm ăn để đảm bảo cuộc sống gia đình và đóng góp cho tiền tuyến... Ngày ngày mẹ mong con của mẹ sớm hoàn thành nhiệm vụ để trở về đoàn tụ với gia đình, để sinh cho mẹ những đứa cháu bụ bẫm và ngoan ngoãn. Nhưng ước mong của mẹ đã không thành. Cuối năm 1974, mẹ nhận được giấy báo tử: Liệt sĩ Nguyễn Văn Sang, Trung sĩ, Tiểu đội phó thuộc Đại đội 17, Trung đoàn 174, Sư đoàn 5 đã hy sinh ngày 31-12-1970 tại miền Đông Nam Bộ. Khổ đau không cùng, mẹ cố nén lòng chịu đựng. Thương con dâu góa bụa, mẹ động viên cô đi bước nữa. Nỗi đau mất con chưa kịp nguôi ngoai thì chồng mẹ lại ốm nặng rồi qua đời. Còn một mình mẹ lại thân cò lặn lội tận tảo kiếm ăn và sống cô đơn

trong mấy gian nhà tranh, vách đất đơn sơ mà không một lời kêu ca, đòi hỏi...

Năm 1979, mẹ ốm nặng rồi từ trần, hưởng thọ 67 tuổi. Xét công lao của mẹ đã sinh thành, nuôi, dạy và cống hiến cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước một người con độc nhất của mình, ngày 24-4-1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ TÂN



Mẹ Nguyễn Thị Tân sinh năm 1906; dân tộc Kinh; quê ở xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; đã từ trần và an táng tại xóm Vinh Xương, xã Đồng Tiến, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, có con nuôi độc nhất là liệt sĩ đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ Nguyễn Thị Tân sinh ra trong một gia đình nông dân rất nghèo. Các cụ thân sinh ra mẹ bị địa chủ cướp hết ruộng, phải "buôn thúng, bán mẹt" để kiếm sống. Vì các cụ thân sinh ra mẹ đều mất sớm, cuộc sống ở quê lại quá nghèo, khổ nên ở tuổi vừa mới lớn, mẹ đã phải rời bỏ quê hương chôn rau, cắt rốn của mình lên ở đợ, cấy thuê, gánh mướn cho những nhà giàu có ở xóm Vinh Xương, xã Đồng Tiến, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên để kiếm kế sinh nhai. Tại đây, mẹ đã gặp và có cảm tình với anh nông dân Nguyễn Văn Thủy, sinh năm 1901, quê ở xã Trung Định, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hai người nên vợ, nên chồng. Vì bệnh tật nên mẹ không sinh đẻ được, Giữa năm 1950, một người đàn bà (nhà sư nữ ở chùa Đông Cao đã phá giới) đem một đứa con

trai mới đẻ đến ở nhờ nhà mẹ, rồi nhờ mẹ nuôi cho đứa con trai bé bỏng, ốm yếu mới 7, 8 tháng tuổi. Trao con cho mẹ xong, người mẹ kia đã ra đi và không bao giờ quay lại nữa.

Mẹ đặt tên con nuôi là Nguyễn Văn Nhật và chăm sóc, nuôi dưỡng tận tình, chu đáo như đứa con ruột thịt mà mình đã phải chín tháng, mười ngày mang nặng đẻ sinh ra.

Cải cách ruộng đất gia đình mẹ được chia một nửa con trâu và 6 sào, 6 thước ruộng. Từ đó, cuộc sống của gia đình mẹ đỡ vất vả, nhọc nhằn. Dưới bàn tay nâng niu, chăm sóc của mẹ, người con nuôi của mẹ lớn dần. Mẹ cho con đi học. Tháng 7-1968, vừa học xong lớp 7, theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, con nuôi của mẹ đã viết đơn tình nguyện xung phong nhập ngũ.

Ngày anh lên đường, mẹ dặn anh đi "chân cứng, đá mềm", phấn đấu cho "bằng anh, bằng em", đánh thắng giặc, rồi trở về với mẹ. Con đi rồi, ở nhà mẹ lại cùng chồng sớm, khuya tần tảo việc nhà, việc hợp tác xã nuôi nhau.

Đầu năm 1973, Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết, trong lúc lòng mẹ đang tràn đầy niềm hy vọng con sắp được trở về thì mẹ nhận được giấy báo tử con của mẹ là Liệt sĩ Nguyễn Văn Nhật, sinh năm 1949, nhập ngũ tháng 7-1968, Hạ sĩ, Chiến sĩ thuộc đơn vị KB đã hy sinh trong chiến đấu tại Mặt trận phía Nam ngày 9-11-1970. Liệt sĩ đã được truy tặng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng ba, 1 Huân chương Chiến sĩ giải phóng

hạng ba. Vượt lên trên sự mất mát, hy sinh to lớn ấy, mẹ đã động viên, an ủi chồng giữ vững cuộc sống gia đình. Vợ chồng mẹ đã được bà con trong Hợp tác xã xây tặng một ngôi nhà tình nghĩa 3 gian, lợp ngói kềm theo đầy đủ giếng nước, bếp nấu và công trình phụ.

Mẹ từ trần ngày 17-11-1993. Ngày 24-4-1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu cao quý: "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG VŨ THỊ ĐÀO

Mẹ Vũ Thị Đào sinh năm 1912; dân tộc Kinh; quê ở xã Đắc Sơn, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần và an táng tại quê, có con độc nhất là liệt sĩ hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ Vũ Thị Đào sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo. Trong kháng chiến chống Pháp, mẹ đã tham gia nấu cơm, nấu nước phục vụ bộ đội đánh giặc. Mẹ lấy chồng năm 35 tuổi. Chồng mẹ là bộ đội đánh Pháp, người cùng quê. Năm 1950, ở tuổi 38 mẹ mới sinh con trai đầu lòng đồng thời đó cũng là người con độc nhất của mẹ. Mẹ đặt tên con là Trần Quốc Thái. Do nhà nghèo, lại ít ruộng cho nên có lúc mẹ phải đi mò cua, bắt ốc để bán lấy tiền nuôi con ăn, học. Khi Trần Quốc Thái đến tuổi trưởng thành, mẹ đã lo lắng xây dựng gia đình cho anh. Con dâu của mẹ là Đặng Thị Xuân, làm ruộng, ở cùng quê. Năm 1971, vợ chồng con trai của mẹ đã sinh cho mẹ một cháu gái nội là Trần Thị Lan.

Tháng 9-1972, trước những đòi hỏi cấp bách của chiến trường, con trai của mẹ đã làm đơn xung phong vào bộ đội đánh Mỹ. Để cho con mình được toại nguyện, mẹ đã chích máu của mình để cùng kí vào đơn của con. Con trai ra trận, ở nhà mẹ lại cùng con dâu tần tảo làm ăn để đảm bảo cuộc sống gia đình và nuôi cháu, ăn học...

Ngày 30-6-1974, sau gần 2 năm con trai của mẹ đi chiến trường đánh giặc thì mẹ nhận được giấy báo tử:

Liệt sĩ Trần Quốc Thái, binh nhất, chiến sĩ thuộc Đại đội 2, Tiểu đoàn 63 KT đã hy sinh ngày 18-6-1973 tại Mặt trận phía Nam. Liệt sĩ đã được truy tặng: 1 huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 1 huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng ba.

Con trai hy sinh, thương con dâu sớm thành góa bụa, tháng 9-1974, mẹ động viên con dâu đi lấy chồng, còn mẹ, mẹ tự nguyện gánh vác việc gia đình và nuôi cháu nội Trần Thị Lan ăn, học đến tuổi trưởng thành. Thương con, thương cháu, mẹ đã khóc nhiều, khóc hết không biết bao nhiêu là nước mắt, khóc đến mức mắt mẹ bị mờ đi, không nhìn thấy gì được nữa...

Ngày 25-8-1979, mẹ đã từ trần hưởng thọ 67 tuổi. Xét công lao mẹ đã sinh thành và nuôi dưỡng 1 người con độc nhất là liệt sĩ, ngày 24-4-1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG LÊ THỊ LIÊN

Mẹ Lê Thị Liên sinh năm 1912; dân tộc Kinh; quê ở xã Nam Tiến, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần và an táng tại xã Thành Công, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; có 1 con độc nhất là liệt sĩ đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ Lê Thị Liên sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân nghèo. Năm 20, 21 tuổi mẹ lấy chồng. Chồng mẹ là người làm ruộng ở cùng quê. Sau khi lấy chồng được gần 3 năm thì chồng mẹ không may ốm nặng rồi qua đời. Mới 23, 24 tuổi mà mẹ đã bất hạnh trở thành người góa bụa. Mẹ bỏ làng lang thang đi làm thuê, làm mướn kiếm sống qua ngày. Năm 32 tuổi mẹ xây dựng gia đình lần thứ hai. Người chồng thứ hai của mẹ là Dương Văn Đức, sinh năm 1907, quê ở xã Thành Công, huyện Phổ Yên. Lấy chồng được 4 năm thì mẹ sinh được một đứa con trai bụ bẫm. Mẹ đặt tên con là Dương Văn Bộ. Vì hoàn cảnh éo le (ông Đức - chồng mẹ - đã có vợ, có con) nên mẹ phải vất vả một mình thức khuya, dậy sớm để kiếm sống và nuôi con. Do sức khỏe và bệnh tật nên sau đó mẹ không sinh đẻ được nữa. Dương Văn Bộ là người con độc nhất của mẹ. Được mẹ nuôi ăn, học hết cấp 2, thương mẹ vất vả, con trai của mẹ xin nghỉ học ở nhà làm ruộng, làm vườn giúp mẹ. Tháng 7-1967, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta bước vào thời kỳ gay go

và ác liệt, mẹ đã động viên người con trai độc nhất của mình lên đường đánh giặc.

Một mình mẹ ở nhà ngày ngày lại tần tảo việc nhà, việc hợp tác xã và mong con sớm hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu trở về.

Con trai của mẹ ở ngoài tiền tuyến, sau gần 3 năm rèn luyện và chiến đấu đã trưởng thành từ một chiến sĩ lên cán bộ tiểu đội phó, tiểu đội trưởng, trung đội phó rồi trung đội trưởng. Anh đã được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngày 4-5-1970, anh đã chiến đấu và hy sinh anh dũng tại Mặt trận phía Nam. Liệt sĩ Dương Văn Bộ đã được truy tặng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba. 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng ba và 1 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng ba. Ngày 1-7-1972, nhận được giấy báo tử người con độc nhất của mình đã anh dũng hy sinh ngoài mặt trận, mẹ vô cùng đau khổ. Được bà con xóm, làng gần gũi an ủi, động viên nên dần dần mẹ cũng nguôi ngoai...

Năm 1982, do tuổi già, sức yếu mẹ ốm nặng rồi từ trần, hưởng thọ 70 tuổi.

Ngày 24-4-1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BA LẦN ... KHÓC CON
(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng
Trần Thị Hựu, được phong tặng
ngày 24-4-1995)



Trong số các gia đình Bà mẹ Việt Nam anh hùng mà chúng tôi đến, có lẽ nhà mẹ Khang trang hơn cả. Ba gian nhà ngói nền lát gạch hoa cao ráo, sáng sủa. Cổng ngõ, tường rào bao quanh, sân xướng rồi đường đi lối lại, tất cả đều đã xây và láng xi măng, sạch sẽ, ngăn nắp.

Mẹ là Trần Thị Hựu, dân tộc Kinh, sinh năm 1913 tại Mỹ Xá (Nam Định). Ông bà sinh ra mẹ nghèo lắm, thuộc lớp bần nông. Nhà không có ruộng để làm nên quanh năm ông bà phải đi cày thuê, cuốc mướn mà vẫn không đủ ăn. Từ tấm bé mẹ đã vất vả, lam lũ cùng cha mẹ nai lưng làm lụng, kiếm sống cho qua ngày. Chính những tháng ngày đó đã tạo nên một cô Hựu nhanh nhẹn hoạt bát, giỏi giang việc nhà lẫn việc đồng áng và trở thành người lo toan chính trong gia đình nhà chồng sau này.

21 tuổi, mẹ làm bạn với ông Trần Đình Hưu (người cùng xã. Mọi người vẫn bảo: "vợ chồng cùng tuổi, năm đuổi mà ăn" nhưng mẹ đâu có được vậy. Ngày xưa, hễ

có con dâu là bố, mẹ chồng giao cả mọi việc để dâu lo, còn các cụ chỉ ở nhà trông nom nhà cửa. Tuy là dâu thứ, nhưng mẹ hoạt bát hơn chị dâu trưởng, vậy là mọi việc trong nhà đều một tay mẹ quán xuyến. Được cái bố, mẹ chồng cũng phúc hậu nên chỉ động viên mẹ chứ không hắt hủi, đánh đập gì. Nhà nhiều miệng ăn, lại ít ruộng, mẹ xoay đủ nghề để tìm kế sinh nhai. Tròn bốn phen làm dâu, mẹ lại gánh luôn cả phận làm trai của chồng, vì chồng mẹ lúc bấy giờ tham gia hoạt động chống Pháp ở địa phương, đi tối ngày, mọi việc đều "nhờ" vào sự thông cảm của người vợ tần tảo.

Năm 1933, mẹ sinh được một người con gái. Niềm vui được làm mẹ đã giúp mẹ vượt qua mọi khó khăn, vất vả. Bao yêu thương, mẹ dồn cả vào đứa con bé bỏng. Bốn năm sau, mẹ lại sinh con gái nữa. Niềm vui còn chưa trọn vẹn thì nỗi buồn đã liên tiếp ập đến, trong vòng hai tháng, không rõ nguyên do nào, tử thần đã về cướp đi của mẹ 2 đứa con gái mà mẹ yêu thương hết mực. Nỗi đau vò xé tâm can, mẹ tưởng mình có thể "chết đi" cùng các con. Nhưng còn bố mẹ già, còn chồng, còn cả gia đình đang cần có mẹ, nghĩ vậy mẹ lại không cho phép mình yếu mềm. Hai năm sau (năm 1939), khi nỗi đau đã phần nào nguôi ngoai, mẹ sinh anh Trần Đình Lưu người con độc nhất của mẹ mà sau này mẹ đã cống hiến cho Tổ quốc. Vậy là 3 lần mang nặng, 3 lần "vượt cạn" một mình và cả một chuỗi ngày nuôi con vất vả để rồi cũng lại 3 lần mẹ vừa khóc, vừa thấp những nén nhang trên bàn thờ các con mẹ... Hỏi có nỗi đau nào hơn?

Năm 1947, gia đình mẹ tản cư lên thôn Thanh Quang, xã Đông Tiến, huyện Phổ Yên sinh sống. Anh Lưu được bố mẹ cho ăn, học. Năm 1962, anh trưởng thành và đi làm công nhân. Năm 1964, nghe tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, anh lên đường vào bộ đội khi chưa kịp cưới cho mẹ một cô dâu hiền, thảo. Biền biệt 5, 6 năm trời, năm 1969, anh được nghỉ phép 1 tháng thăm gia đình. Cảm thông với tình cảnh hai thân già "lọm khọm" sớm chiều, ông bạn thân của chồng mẹ chủ động: "Thôi tốt xấu gì tôi cũng cho thằng Lưu con Cúc để nó đỡ dần ông, bà". Mẹ mừng rơi nước mắt. Mọi việc lo cho một đám cưới được diễn ra trong vòng 7 ngày. Ở nhà được 15 ngày nữa, vợ chồng vừa bén hơi nhau thì anh Lưu lại khoác ba lô về đơn vị trả phép.

Con trai về phép, mẹ có con dâu, rồi con dâu đã có tin vui... Ôi chao! bao nhiêu niềm vui dồn dập, mẹ thấy mình trẻ lại, khỏe ra, mà phải rồi mẹ phải khỏe để còn bế cháu nội chứ, điều này mẹ đã mong ước từ lâu rồi. Mẹ giục chị viết thư báo tin vui cho anh, nhưng khi thư đến thì đơn vị anh đã chuyển đi nơi khác rồi.

Đủ ngày, đủ tháng, năm 1969, chị Cúc sinh một bé gái xinh xắn, đáng yêu đặt tên Trần Thị Hoa. Càng thương cháu, mẹ càng mong anh Lưu sớm trở về để cha con được biết mặt nhau, nhưng điều mẹ mong mỏi đã không thể có. Năm 1970 con của mẹ đã hy sinh trong chiến đấu tại Mặt trận phía Nam.

Con trai hy sinh rồi, con dâu công tác trên huyện cuối tuần mới đưa cháu về thăm, mẹ lại sống những chuỗi ngày cô quạnh như xưa. Khi con dâu cai sữa cho con, mẹ đón cháu về chăm bẵm, vỗ về từ đó. Năm cháu

Hoa lên 7 tuổi, thương con dâu sớm lâm vào cảnh góa bụa, mẹ cho chị tái giá, xây dựng cuộc sống riêng.

Đau khổ chồng chất cộng với gian khó đã trải qua, năm 1985, chồng mẹ lặng lẽ "ra đi" để lại mình mẹ và đứa cháu gái nội trong căn nhà trống trải.

Tôi nhớ mãi lời mẹ: "Nếu không có hy sinh mất mát thì làm sao có hạnh phúc! Mẹ già rồi, kinh tế thì chả phải lo, ngoài phần chính sách đãi ngộ của Nhà nước, cháu của mẹ (hiện đang cư trú tại Đức) vẫn gửi quà cho nội luôn, nhưng giá mẹ còn 1 đứa con, dâu nó có vất vả để nuôi mẹ, mẹ vẫn thấy thanh thản"... và mẹ khóc...!

NGỌT NGÀO THÌ ÍT, ĐẮNG CAY THÌ NHIỀU

(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng
Lê Thị Thái, được phong tặng ngày 24-4-1995)



Anh Hùng – cán bộ phòng Lao động – Thương binh xã hội huyện Phổ Yên vừa đưa đường, vừa kể cho tôi nghe về đời sống nhân dân xã Vạn Phái: "Đây là một trong những xã nghèo nhất của huyện. Do địa hình xấu, hè mưa là lụt, hè nắng là hạn nên người dân ở đây làm ăn thật vất vả, quần quật quanh năm mà thu hoạch quá hạn chế"... Mãi nghĩ về nỗi cực nhọc của dân vùng

này, chúng tôi đã đến trước nhà Bà mẹ Việt Nam anh hùng Lê Thị Thái lúc nào không hay.

Có lẽ mẹ là người trẻ tuổi nhất trong số 28 Bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống ở tỉnh Thái Nguyên. Mẹ sinh năm 1942 tại Vạn Phái. Tuổi nhỏ, mẹ sống trong nỗi cơ cực chung của gia đình và làng xóm. Dù nghèo, ông bà thân sinh ra mẹ cũng cố tận tụy cho mẹ được đi học đến cấp II.

Thấy tôi dừng lại nhìn ở tấm bằng Tổ quốc ghi công của liệt sĩ Nguyễn Xuân Thanh – người con độc

nhất của mẹ - giọng mẹ nghẹn ngào: "Đời mẹ ngọt ngào thì ít, đắng cay thì nhiều!" rồi mẹ nhớ lại:

Hồi mẹ còn là cô bé con, cứ mỗi năm một lần, nhà mẹ lại có các anh bộ đội đến ở trọ để diễn tập. Trong số đó có một anh hơn mẹ 9 tuổi, rất đáng đàn anh, chiều mẹ như em gái và mẹ cũng quý anh như anh trai của mình. Thời gian cứ trôi, thấm thoát "cô bé con" đã 18 tuổi và thay thế tình cảm anh - em, tình yêu giữa người chiến sĩ quân y và cô học trò lớp 7 đã nảy nở tự khi nào? Năm mẹ 19 tuổi, người yêu của mẹ dẫn anh chỉ huy đơn vị về xin phép gia đình mẹ cho anh được đi lại "tìm hiểu". Chưa kịp làm lễ cưới thì năm 1961 đơn vị anh đi nhận nhiệm vụ mới. Chia tay với người yêu, mẹ đã giành cho anh tất cả sự ngọt ngào, trinh trắng của người con gái... Sau lần đó, một sinh linh đang dần hình thành trong mẹ. Họ hàng bắt mẹ quỳ xuống và ném những lời lẽ như dao cứa vào tâm can mẹ. Chịu đựng tất cả, mẹ chỉ mong bảo vệ được giọt máu của anh! Một bộ quần áo, một khoản tiền nho nhỏ và ba bức thư tràn trề yêu thương cùng với sự động viên, an ủi, hẹn ngày tái ngộ của người yêu đã trở thành kỷ vật và trở thành sức mạnh giúp mẹ vượt qua những ngày "điều đứng".

Năm sau (1962) mẹ sinh Nguyễn Xuân Thanh trong sự thiếu vắng cha đứa trẻ và sự dè bủ của dân làng. Cẩn rằng, mẹ vượt lên tất cả để nuôi con.

Qua cơn bão tố, mặt đất lại bình yên. Trước hoàn cảnh của mẹ, không ai nở khoét sâu vào vết thương lòng nữa. Mẹ được xã bố trí cho dạy mẫu giáo. Vốn năng nổ, mẹ cùng một số người hoàn thành tốt việc

dạy dỗ các cháu. Nhờ trời, cháu Thanh khỏe mạnh, ngoan ngoãn nên lòng mẹ cũng ấm lại.

Năm 1965, được tin cha Thanh hy sinh, mẹ âm thầm như chiếc bóng. Vậy là bao dự định tan thành mây khói. Vậy là vĩnh viễn con của mẹ không được biết mặt cha. Nhìn con trai bi bô nói, cười, mẹ như đứt từng khúc ruột, nhưng mẹ không để mình gục ngã. Một lần nữa, mẹ lại gượng dậy áp ủ, che chở cho con bằng tình thương của cả cha lẫn mẹ. Hai mẹ con bùi dúi, đùm bọc lẫn nhau qua những tháng, ngày khôn khó. Thanh là đứa trẻ ngoan ngoãn, hiền lành, vui tính, kể chuyện cười rất có duyên và đặc biệt Thanh rất thương mẹ. Hồi đó, mẹ phải đi buôn để kiếm đồng ra, đồng vào, Thanh ở nhà lo toan mọi việc chu đáo, tối đến nấu cơm xong vùi trấu cho nóng, rồi đi học bài, chờ đến nửa đêm mẹ về mới ăn cơm. Căn nhà của hai mẹ con lúc nào cũng tràn ngập tình thương và nụ cười...

Năm Thanh 11 tuổi, mẹ nghĩ đến tương lai của con cần có một người cha bảo ban, dìu dắt và gia đình cũng cần có một "trụ cột", mẹ "làm bạn" với ông Nguyễn Quốc Anh (người Vĩnh Phú). Thế là trong nhà có thêm tiếng nói của người đàn ông.

Thanh học thông minh, nên được thầy cô và bạn bè quý, mến. Mỗi lúc tâm tình, mẹ lại thủ thỉ với anh: "Con cố học giỏi để sau này thi vào trường Y làm bác sĩ giống cha con!". Anh cười và nhìn mẹ bằng ánh mắt triu mến. Nhưng rồi chiến tranh Biên giới bùng nổ, tháng 6-1979 Thanh đã xung phong lên đường nhập ngũ khi đang học lớp 9 ở trường cấp III Phổ Yên. Niềm

thương con vô hạn cùng với nỗi lo sợ mơ hồ cứ ám ảnh mẹ. "Xin cho con ở lại?!" - "Không - không thể!" mẹ vội gạt đi ý nghĩ chợt đến trong đầu, vì mẹ hiểu lúc này đây Tổ quốc đang cần những người như con trai của mẹ và mẹ âm thầm khóc, tiễn con đi. Những ngày sau khi con nhập ngũ sao mà mẹ thấy dài thế. Dù đang làm gì mẹ cũng dõi mắt ra đường tìm một dáng hình quen thuộc của con. Có người xā bên mách mẹ chỗ đóng quân của con, lập tức mẹ lặn lội xuống tận Cầu Giấy - Hà Nội để thăm. May sao, buổi chiều mẹ đến thì buổi tối anh hành quân đi đánh giặc. Dọc đường ra ga Hàng Cỏ mẹ được Ban chỉ huy đơn vị cho đi trong hàng quân, con Thanh của mẹ vừa đi vừa say xưa kể chuyện được đi thăm lăng Bác, thăm vườn bách thú... Mẹ cười mà nước mắt ứa ra. Đó là lần cuối cùng mẹ được gần con.

Năm 1980, đơn vị Thanh được cử sang làm nhiệm vụ quốc tế tại Căm Pu Chia. Trước khi đi anh gửi thư cho mẹ kèm theo 1 bộ quần áo và 5.000 đồng. Nhận được thư mẹ bật khóc! Làm sao lại có sự trùng hợp như vậy giữa con và cha? Mẹ không thể lý giải và mẹ không dám nghĩ đến...

Từ nước bạn, Thanh vẫn viết thư thăm mẹ và hứa sẽ trở về với mẹ, lấy vợ và đẻ "một đàn cháu" cho mẹ bé. Hơn ai hết, mẹ mong ngày đó vô cùng. Nhưng điều đó không bao giờ tới nữa. Thanh đã vĩnh viễn nằm lại nước bạn Căm Pu Chia ngày 29-12-1981 tại huyện Ka-ra-vanh, tỉnh Pua Săt khi đang là hạ sĩ, chiến sĩ ban Hậu cần, Trung đoàn 686, Sư đoàn 339, Quân đoàn 4. Được tin con hy sinh, mẹ như người

mất hôn, mọi cái trong mẹ đều sụp đổ hết. Người nhà đưa mẹ vào viện, bác sĩ bảo mẹ mắc chứng thần kinh phân liệt. May nhờ được các y, bác sĩ, y tá trong bệnh viện tận tình chữa chạy nên sức khỏe của mẹ nay đã phần nào được phục hồi.

Thanh mất rồi, mẹ càng khao khát có 1 đứa con và bấy giờ mới đi tìm hiểu vì sao từng ấy năm mình không sinh nở? Thì ra mẹ đã mắc bệnh vô sinh. Thất vọng, chồng mẹ đi lấy vợ hai và sinh được 4 người con có cả trai, lẫn gái. Hiện nay mẹ đón một con gái của chồng và một con của em cậu về ở cho vui. Vậy là tuy con Thanh của mẹ không về lấy vợ để sinh cho mẹ "một đàn cháu" nhưng rồi đây tuổi già của mẹ chắc cũng được vui vậy...

KỶ NIỆM MỘT THỜI.

(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng
Vũ Thị Ba, được phong tặng ngày 24-4-1995)



Lên huyện Phú Lương vào một ngày chủ nhật đẹp trời, tôi hỏi vào nhà mẹ Vũ Thị Ba ở xóm Cây Thị. Máy người bán nước mía ven đường thấy tôi nhắc đến tên mẹ thì ô lên vui vẻ: "À Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cô đi đến gần Ủy ban xã Phấn Mễ thì rẽ, nhớ hỏi là bà Kim Thành, mọi người ở đây gọi theo tên chồng".

Tôi ngạc nhiên thấy mái tóc bạc trắng của mẹ cắt "tém" theo kiểu thanh niên, mẹ cười móm mém bảo: "Mẹ bị bệnh đau đầu, vừa đi điều trị mấy tháng ở bệnh viện Phú Lương và bệnh viện Đông y về, bác sĩ bảo cắt tóc ngắn cho dễ chữa, ừ thì cắt, khi cần đi dâu vấn cái khăn vào lại đầu vào đấy ngay".

Mẹ sinh năm 1921 ở một làng quê nghèo khổ của tỉnh Vĩnh Phú, từ bé đã phải làm lụng vất vả kiếm ăn, 19 tuổi lấy chồng, 20 tuổi mẹ sinh được người con trai đặt tên là Nguyễn Văn Tửu, đó cũng là người con độc nhất của mẹ. Mẹ kể: "hồi bé, anh Tửu hay ốm đau, sài đen liên miên, nhiều đêm mẹ thức trắng nghe từng hơi

thở của con, lọ mọ soi đèn tìm nắm lá nhỏ nổi giã đắp lên trán cho lui cơn sốt". Quê nhà nghèo khổ, bữa đói, bữa no nhưng anh Tử được mẹ nuôi nấng dần lớn lên ra dáng một chàng trai khôi ngô, khỏe khoắn.

Nhập ngũ tháng 10-1963, anh Tử trưởng thành nhanh chóng, qua 4 năm 4 tháng đã trở thành đại đội phó, thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Anh đã anh dũng hy sinh ngày 30-1-1968 tại Mặt trận phía Nam.

Nhìn chiếc ảnh 3 x 4 đã ố vàng mà mẹ nâng niu trên tay, tôi thấy một thanh niên thật đẹp trai và đôn hậu. Anh ra đi chưa kịp lập gia đình, chưa kịp để lại cho mẹ đứa cháu nội.

Mẹ lại lầm rầm kể:

- Nó thương tôi lắm, trước khi đi bộ đội nó làm công nhân Nhà máy bê tông Hà Nội, thỉnh thoảng được về thăm nhà nó dành hết mọi việc, hai tay xách hai thùng nước, nó chạy phăng phăng, khỏe lắm.

Ngày 1-2-1973, mẹ nhận được giấy báo tử con trai của mẹ. Khó có thể nói hết nỗi đau của người mẹ khi mất đứa con độc nhất. Cũng từ ngày đó mẹ mắc bệnh đau đầu, đau ngực, đi nhiều bệnh viện, tốn nhiều tiền thuốc mà không chữa khỏi được. Cách đây mấy năm mẹ xuống điều trị tại Bệnh viện y học dân tộc, được tập thể y, bác sĩ ở Bệnh viện tặng mẹ 300.000 đồng, năm 1994 báo Tiền phong cũng biếu mẹ 500.000 đồng nhưng mẹ đã dồn vào tiền thuốc hết. Mẹ kể: "nhất là về đêm, trong đầu, trong ngực như có hàng nghìn mũi kim châm, đau buốt không chịu nổi". Có lẽ vì bệnh đau đầu ấy mà ngoài chút ký ức về đứa con hầu như mẹ

chẳng còn nhớ được gì, "Bộ nhớ" của mẹ là anh Lăng Thế Phương, cháu ruột của chồng mẹ. Anh Phương tâm sự: "Hồi bé em rất sợ bà vì mỗi lần bà lên cơn đau đầu bà kêu nghe rất hãi".

Hiện nay mỗi tháng mẹ được lĩnh 360 ngàn đồng trợ cấp và 150 ngàn đồng phụng dưỡng của Công ty Xây lắp Điện. Cuộc sống của mẹ thế là tạm ổn, chỉ có điều tuổi già, sức yếu và đau ốm luôn nên mẹ cũng chẳng dư dật là bao. Có vợ, chồng đưa cháu cùng ở, nên tuổi già của mẹ cũng đỡ hờn quạnh. Ngồi ở nhà mẹ một buổi chiều, tôi thấy tình làng, nghĩa xóm ở đây thật đầm ấm. Bà Hằng cạnh nhà chạy đi chạy lại. Cụ Dũng đã 80 tuổi đi thả trâu cũng tạt vào già với mẹ cỡi trâu, 2 đứa cháu quăn quýt, quây quần cảnh nhà tuy chẳng giàu có gì nhưng đầm ấm, đó cũng là niềm vui của mẹ lúc xế chiều. Mẹ nâng chiếc áo dài màu mỡ gà vuốt ve lên mặt lụa mịn rồi cẩn thận mặc vào người. Mẹ khoe: "Áo tình cho đấy, may cẩn thận lắm". Mẹ đưa tôi chiếc huân chương nhờ dính vào ngực trái. Chụp xong kiểu ảnh ngồi, mẹ dắt tôi ra vườn nhờ bấm một kiểu đứng ở góc sân, mặt ngoảnh về phía ngôi nhà 3 gian, mái lá mà mẹ chắt chiu dựng lên từ mấy chục năm rồi. Những vết nhăn như dán ra, dưới ánh nắng chiều nhìn mẹ rạn rờ hơn. Có lẽ những mất mát của cuộc đời mẹ đã phần nào được đền bù. Bỗng nhiên trong tôi chợt ngân lên 2 câu thơ của nhà thơ nào đó:

Bình tâm sống với cuộc đời

Bốn phương, tám hướng, đất, trời của con.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG PHÓ THỊ THANH



Mẹ Phó Thị Thanh sinh năm 1919; dân tộc: Sán Diù; quê ở xóm Gò Chè, xã Cao Ngạn, huyện Đông Hỷ; trú tại xóm Cao Sơn, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, Có con độc nhất là liệt sĩ hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc.

Sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo, lại đông anh chị, em nên ngay từ khi mới 7 - 8 tuổi, mẹ Phó Thị Thanh đã phải đi ở, chăn trâu, cắt cỏ cho địa chủ để kiếm sống. Năm 19 tuổi mẹ lấy chồng. Chồng mẹ là Lãng Văn Chúc, một tá điền cùng tuổi với mẹ ở xóm Đông Sang, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Hai vợ, chồng mẹ dựng một túp nhà gianh để ở tại xóm Cao Sơn, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, rồi ngày ngày cùng nhau lên rừng hái củi bán hoặc làm thuê, làm mướn kiếm sống. Năm 1941, mẹ sinh con trai. Hai vợ, chồng mẹ đặt tên con là Lãng Văn Minh, với hy vọng con sẽ lớn lên minh mẫn và khỏe mạnh. Nhưng niềm vui hạnh phúc vợ chồng, con cái đến với mẹ thật ngắn ngủi. Năm 1943, khi con trai của mẹ mới

vừa 2 tuổi, đang chập chững tập đi và bi bô gọi bố, gọi mẹ thì chồng mẹ không may ốm nặng rồi đột ngột qua đời để lại cho hai mẹ con mẹ một sự mất mát, đau thương không gì có thể bù đắp được. Thương con cô cút, mẹ đứng vậy nuôi con dù tuổi mẹ còn rất trẻ và có nhiều người mai mối... Những năm kháng chiến chống Pháp, mẹ vừa làm lụng, tần tảo nuôi con, vừa nấu cơm, nấu nước giúp đỡ bộ đội đánh giặc giữ bản, giữ làng. Trong vòng tay chăm sóc của mẹ, con trai của mẹ đã ngày càng khôn lớn và trưởng thành. Mẹ cho con đi học chữ. Học hết cấp 2, thương mẹ vất vả, con trai của mẹ nghỉ học ở nhà làm ruộng giúp mẹ. Năm 1965 mẹ cưới vợ cho con. Con dâu của mẹ là Nguyễn Thị Doanh làm ruộng ở xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, Hà Nội. Tháng 1-1967, vợ chồng người con trai của mẹ đã sinh cho mẹ một cháu gái nội đặt tên là Lăng Thị Đào. Vừa làm ruộng nuôi mẹ, nuôi con, con trai của mẹ vừa nỗ lực phấn đấu và đã trở thành đảng viên, một cán bộ đoàn thanh niên có uy tín. Tháng 7-1969, trước những đòi hỏi cấp thiết của chiến trường, con trai của mẹ đã tình nguyện xung phong vào bộ đội. Sau 3 tháng huấn luyện, anh cùng đồng đội hành quân vượt Trường Sơn vào chiến trường miền Nam đánh Mỹ. Con trai đi chiến đấu, mẹ lại động viên con dâu đi làm công nhân ở mỏ than Bá Sơn, tự nguyện một mình mẹ tần tảo sớm khuya làm lụng để kiếm sống và thay con nuôi cháu. Nghe đài đưa tin, ngày 27-1-1973 Hiệp định Pa ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam đã được ký kết, lòng mẹ rất phấn khởi, hy vọng một ngày không xa nữa con trai của mẹ sẽ trở về. Nhưng

con trai mẹ đã không về nữa... Ngày 21-7-1973, mẹ nhận được tin: Lãng Văn Minh, con trai của mẹ là Thượng sĩ, Trung đội trưởng thuộc đơn vị KB đã hy sinh trong chiến đấu ngày 19-2-1972 tại Mặt trận phía Nam. Đã sớm mất chồng, giờ đây lại mất đứa con độc nhất, lòng mẹ "đau như cháy ruột, xé tim gan", nhưng nghĩ đến con dâu và cháu gái nội, mẹ lại nén lòng chịu đựng để tiếp tục gánh vác việc gia đình và nuôi dạy cháu thay con.

Giờ đây cháu gái nội của mẹ đã trưởng thành và yên bề gia thất. Mẹ đã có 1 chắt gái 12 tuổi, học lớp 6. Ngoài giờ đi học chắt của mẹ đã biết đi chợ mua thức ăn và nấu cơm, nấu nước cho mẹ. Suốt một cuộc đời vò võ một mình nuôi con, rồi lại thay con nuôi cháu, nay đã bước sang tuổi 80, tuy lưng đã còng, hai tay đã run, cầm chén nước cũng không còn vững nữa nhưng mẹ vẫn gắng trông nom vườn tược, cửa nhà giúp cho cháu, cho chắt đi làm, đi học. Thương mẹ vất vả mà vẫn ở túp lều tranh, vách đất đơn sơ, năm 1991 cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 346, Quân khu I đã làm tặng mẹ một "ngôi nhà tình nghĩa" 3 gian lợp ngói khang trang.

Ghi nhận công lao của mẹ đã sinh thành, nuôi dưỡng và cống hiến cho Tổ quốc người con độc nhất của mình, ngày 24-4-1995, Chủ tịch nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã phong tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng". "Uống nước, nhớ nguồn" Sở điện lực Bắc Thái (nay là Sở điện lực Thái Nguyên) đã nhận phụng dưỡng mẹ suốt đời với mức 150.000 đồng một tháng.

NGƯỜI PHỤ NỮ Ở BẢN MÙ
(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng
Lò Thị Muôn, được phong tặng
ngày 24-4-1995).



Huyện Định Hóa kỳ này đang bận rộn. Để kỷ niệm 50 năm ngày Bác Hồ về ATK, huyện phải làm biết bao nhiêu là việc: Nâng cấp đường đi lối lại, chuẩn bị chương trình mít tinh, chỉnh lý đường điện... Các đồng chí lãnh đạo huyện không một phút thành thời. Ấy thế nhưng khi tôi đề nghị được đến thăm Bà mẹ Việt Nam anh hùng Lò Thị Muôn ở Bản Mù, xóm Thịnh Mỹ, xã Tân Thịnh, mọi người đều rất nhiệt tình, chỉ e "Tay lái nhà báo mà không "rắn" thì không thể vào được trong ngày mưa gió này...". Quả thật đường khó đi, dốc rồi dốc, qua khe, qua sườn đồi vất vả mới đến được nhà mẹ. Cũng như mẹ Đàm Thị Lá ở thị trấn Chợ Chu, mẹ cũng sắp bước vào độ tuổi 90, trông mẹ yếu, có lẽ vì vóc dáng nhỏ bé lại thêm dị tật một bên mắt do tai nạn lao động từ thời trẻ.

Cuộc đời của mẹ thật ít ai gian truân bằng. Về làm dâu xóm Thịnh Mỹ từ khi còn rất trẻ. Vợ chồng mẹ quần quật làm lụng từ sớm mai đến tối mịt nhưng cái nghèo,

cái túng chưa một phút buông tha. Riêng mẹ, với bản tính chịu thương, chịu khó mẹ dành việc nặng nhọc vào mình, bới đất, vặt cỏ, thức khuya, dậy sớm, bữa ăn, bữa nhịn. Có lẽ vì quá thiếu thốn khổ sở mà mẹ sinh nở nhiều lần đều không nuôi được. Các con của mẹ cứ lần lượt bỏ đi khi còn trứng nước. Nhiều đêm nước mắt chảy ướt gối, mẹ cứ lẩm nhẩm hỏi trời: Sao ở hiền mà không gặp lành? Mẹ cầu khẩn đất trời cho mẹ một đứa con để nương tựa lúc tuổi già. Sang năm 1945 hình như trời, phật động lòng thương đã cho mẹ một mụn con trai, mẹ vui sướng đặt tên con là Lương Văn Lưu. Niềm vui chưa được bao lâu thì mẹ lại phải mang trên đầu vành khăn tang trắng: chồng mẹ qua đời. Với đứa con đỏ trên tay, cảnh nhà thật gieo neo. Khó kể hết những vất vả mẹ trải qua, chỉ biết rằng bằng dòng sữa ngọt ngào của mình mẹ đã nuôi con khôn lớn. Năm anh Lưu 16 tuổi mẹ cưới vợ cho anh và năm sau anh đã có cháu nội cho mẹ bé. Đứa cháu đích tôn ấy là Lương Văn Lệ. Giữa năm 1963 anh Lưu tình nguyện đi chiến đấu, mẹ ở nhà cùng con dâu nuôi cháu chờ anh trở về. Năm 1964 anh được về thăm nhà, cháu Lương Thị Thu ra đời, từ đấy anh đi biệt. Nhiều năm không có tin tức, có lúc thấy con dâu nuốt tiếng thở dài mẹ cũng thấy náo lòng, mẹ lại lựa lời động viên an ủi con dâu yên tâm làm ăn chờ chồng trở về. Những ngày tháng đợi chờ ấy dài đằng đẵng. Nghe mẹ kể lại tôi cũng thấy lòng mình khắc khoải, bên tai tôi cứ ngân nga câu thơ của một tác giả địa phương:

Nuôi con lớn để con đi

Chiều hôm tựa cửa nghĩ gì mẹ ơi.

Vâng, bà mẹ dân tộc ấy nghĩ gì trong những chiều tựa cửa ngắm con, bên 2 đứa cháu nội thơ dại, bên mái

nhà tranh cùn mòn bởi tháng, năm. Nhưng đứa con độc nhất của mẹ đã không bao giờ trở về nữa, anh đã hy sinh ngày 15-6-1967 tại Mặt trận phía Nam. Ba năm sau mẹ nhận được cái tin đau đớn ấy qua giấy báo tử số 235 B/BT. Dù cố nén nhưng dòng nước mắt của mẹ cứ tuôn trào. Trải qua bao lần "vượt cạn" một mình, trải qua tháng, ngày vò võ trông chờ đến bây giờ mẹ thấm thía đến tận cùng gan ruột cái nỗi đau do chiến tranh gây ra. Nhìn 2 đứa cháu, đứa lớn 8 tuổi, đứa bé 6 tuổi ngơ ngác dưới vành khăn trắng, nhìn con dâu còn trẻ tuổi, tương lai hạnh phúc còn dài... mẹ lại lần nữa gạt nước mắt để sống. Ít lâu sau vợ liệt sĩ Lương Văn Lưu đi bước nữa, mẹ đảm trách nuôi cả 2 cháu. Cái gánh gia đình quá nặng ấy đè lên đôi vai đã bắt đầu trĩu xuống vì tuổi tác của mẹ.

Giờ đây mẹ đã có chất nội, tam, tứ đại chung sống trong một gia đình đầm ấm. Lãnh đạo các cấp của huyện Định Hóa luôn qua lại thăm hỏi, động viên săn sóc mẹ. Ngoài số tiền 360.000 đồng một tháng mẹ còn được hưởng số tiền phụng dưỡng đến cuối đời của một công ty trong tỉnh.

Trải qua bao cay đắng nhọc nhằn đến giờ mẹ đã tìm thấy niềm vui bên cháu chắt, bên tình làng nghĩa xóm. Mẹ muốn sống thêm để nhìn cảnh đất nước đang từng giờ đổi thay.

Chia tay Bà mẹ Việt Nam anh hùng Lò Thị Muôn khi trời đã ngả chiều, tôi ngoái lại nhìn con đường khúc khuỷu, chính ở bản Mù hỏ lạnh này đã có một bà mẹ bình dị mà anh hùng như thế.

TÌNH THUƠNG CỦA MẸ
(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng
Đàm Thị Lá, được phong tặng
ngày 24-4-1995)



Theo chỉ dẫn, tôi đến nhà chị Hoàng Thị Nga giáo viên trường tiểu học Chợ Chu - cháu nội của mẹ Đàm Thị Lá, người có con độc nhất là liệt sĩ hy sinh năm 1972, được Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Sinh năm 1909 tại làng Duyên, xã Tân Thịnh (Định Hóa) trong một gia đình dân tộc nghèo khổ, mẹ Lá cũng như bao phụ nữ Việt Nam lúc đó không được đi học, không được hưởng quyền bình đẳng trong xã hội. Quanh quần bên cối gạo, máng nước, lớn lên một chút mẹ lấy chồng cùng làng, nhiều người bảo: "lấy chồng làng - vàng trong túi", nhưng chẳng thấy vàng đâu, hai vợ chồng quần quật trên nương, dưới ruộng mà nghèo đói vẫn hoàn nghèo đói. Năm 39 tuổi mẹ mang thai anh Hoàng Văn Đông cũng là năm chồng mẹ ra đi về cõi vĩnh hằng. Nỗi đau mất chồng được người ngoại phần nào khi đứa con trai ra đời, bao

nhiều tình thương mẹ dồn vào nó, hai mẹ con lần hồi nuôi nhau bữa đói, bữa no. Rồi toàn dân đứng dậy kháng chiến mẹ cũng hăng hái tham gia phòng trào tiêu thổ, rào làng, bảo vệ bộ đội, gánh gạo nuôi quân.

Đông được mẹ cho đi học ở trường xã, trường huyện. Ở nhà một mình nhưng mẹ không có nhiều thời gian để buồn, việc làng, việc xã và công tác xã hội luôn cuốn hút mẹ.

Khi Hoàng Văn Đông trở thành một chàng trai vạm vỡ, bà con xóm giềng khuyên mẹ lo vợ cho Đông để sớm có chút cháu bé. Nhưng mẹ lại nói: "Đời mẹ vất vả gian nan, nuôi mãi mới được con trưởng thành, mẹ muốn con bằng người được cống hiến cho xã hội". Thế là Đông xin thoát ly vào ngành bưu điện, mẹ lại ở nhà một mình. Đông thương mẹ lắm nhưng nhà nghèo không đủ tiền cưới vợ. Đến năm 1968 Đông lấy được vợ cũng là lúc giặc Mỹ tăng cường cho không quân và hải quân đánh phá ác liệt vùng Quảng Bình, Vĩnh Linh, Đông làm đơn xin với cơ quan được đi phục vụ chiến đấu ở tuyến lửa Quảng Bình, để lại mẹ già và người vợ trẻ vừa chân ướt, chân ráo về làm dâu.

Lật lại trang hồ sơ về anh, ta biết rõ anh đã hi sinh anh đúng như thế nào. Trên đoạn đường dây vòng từ đồi Am Tiên đến đồi Mỹ Sơn thuộc xã Liên Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình dài 15km, bị máy bay địch đánh phá ác liệt suốt ngày đêm, làm hỏng nặng từ cột số 23 đến cột số 158 thuộc khu vực Đội 10 Hợp tác xã Đông Trạch. Ngày 1-8-1972 Ty Bưu điện Quảng Bình quyết định giao cho đội công trình gấp rút

triển khai đầu thông đoạn đường dây huyết mạch này. Sáng 2-8-1972 đồng chí Hoàng Văn Đông cùng các đồng chí Nguyễn Quốc Toàn, Hà Văn Tạo, Nguyễn Văn Hồng đã xung phong đi làm nhiệm vụ trên tuyến đường dây này.

12 giờ trưa ngày 4-8-1972 các đồng chí có mặt tại cột số 23 thuộc xã Vạn Trạch. Tới nơi các đồng chí nhanh chóng bắt tay vào việc. Từ ngày 5 tháng 8 đến 17 giờ ngày 11-8-1972, 4 người đã nối thông liên lạc đến cột số 131 thuộc Đội 10 Hợp tác xã Đông Trạch. Vừa nghỉ ăn cơm thì có điện của trên giao nhiệm vụ bằng mọi giá phải gấp rút nối thông đường dây này, thế là các anh lại nhanh chóng lao vào việc. 0 giờ 35 phút ngày 12-8-1972, máy bay B52 ô ạt ném bom xuống khu vực 4 đồng chí đang làm việc. Đồng chí Hoàng Văn Đông và Nguyễn Quốc Toàn hy sinh tại chỗ, 2 đồng chí Hà Văn Tạo và Nguyễn Văn Hồng bị thương nặng.

Thi hài 2 đồng chí được an táng tại Đội 10, Hợp tác xã Đông Trạch.

Căn cứ vào nhiệm vụ nguy hiểm các đồng chí đảm nhiệm, căn cứ vào tinh thần dũng cảm không rời vị trí sẵn sàng hy sinh để nối thông mạch máu thông tin liên lạc từ Trung ương xuống địa phương phục vụ kịp thời cho tiền tuyến, ngày 12-9-1972 Ty Bưu điện Quảng Bình đã đề nghị suy tôn và cấp trên đã công nhận các anh là liệt sĩ.

Khi nghe tin con hy sinh mẹ như không còn sức để khóc. Ít lâu sau mẹ động viên con dâu đi bước nữa, mẹ nguyền một mình chăm chút đứa cháu nội và lo lắng

việc nhà. Nhưng chính quyền, đoàn thể không để mẹ cô đơn, anh em dòng tộc không để mẹ tủi lòng. Tổng cục Bưu chính viễn thông đến động viên và trợ cấp cho mẹ mỗi tháng 15 cân gạo. Tháng 5-1995, Sở Bưu điện Bắc Thái (nay là Sở Bưu điện Thái Nguyên), phòng Bưu điện Định Hóa nhận phụng dưỡng chăm sóc mẹ đến cuối đời mỗi tháng 150.000 đồng.

Phấn khởi trước sự quan tâm chăm sóc của Đảng và Nhà nước, mẹ như khỏe mạnh hồng hào hơn. Mẹ đã làm thủ tục xin nhập khẩu ở thị trấn Chợ Chu để ở với cháu nội là cô giáo Hoàng Thị Nga. Cô giáo Nga dành hẳn gian giữa của căn nhà cấp 4 cho mẹ kê giường nằm. Hoàn cảnh mấy bà cháu chưa có gì là dư dật nhưng chứa chan tình người.

Chị Nga cho biết, sắp tới huyện Định Hóa sẽ xây dựng nhà tình nghĩa cho mẹ. Cả cuộc đời vất vả, ở tuổi 90 mẹ xứng đáng được hưởng niềm vui. Nhìn mẹ cười rạng rỡ lòng chúng tôi cũng thấy hân hoan.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ TỄO



Mẹ Nguyễn Thị Tẻo sinh năm 1910; dân tộc Kinh, nguyên quán ở xã Yên Nhân, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình; gia đình trú tại xóm Bến Giềng, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, Có một con độc nhất là liệt sĩ hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ sinh trưởng trong gia đình nông dân ở nơi đất chật, người đông. Cả gia đình mẹ 6 người mà chỉ có 2 sào 7 thước ruộng. Không đủ ruộng để làm ăn, sinh sống nên ngay từ khi mới 7, 8 tuổi mẹ đã phải đi ở dợ chăn trâu, cắt cỏ, bế em cho gia đình nhà giàu để kiếm miếng cơm ăn và manh áo mặc.

Năm 1946, mẹ theo gia đình di cư lên làm ăn sinh sống ở khu Phủ Liễn, thị xã Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Cũng trong năm đó mẹ xây dựng gia đình. Chồng mẹ là Đỗ Văn Diễm sinh năm 1902, cùng cảnh nghèo "buôn thúng, bán mẹt" như mẹ ở thị xã Thái Nguyên.

Trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh, chồng mẹ lại mù lòa, mẹ chồng già, yếu, một mình mẹ phải

cáng đáng hết thảy mọi công việc trong gia đình. Năm 1949, vợ chồng mẹ sinh được một người con trai đặt tên là Đỗ Xuân Ước, với ước mong sau này cuộc sống của con trai mẹ sẽ không cơ cực vất vả như cuộc đời của bố, mẹ nó.

Năm 1952, chồng mẹ lâm bệnh nặng, mẹ phải bán dần tài sản trong nhà để thuốc thang chạy chữa cho chồng. Nhưng do bệnh tật hiểm nghèo sau 2 năm đau ốm triền miên chồng mẹ qua đời, để lại cho mẹ đứa con thơ dại và một căn nhà gianh ọp ẹp, trống rỗng.

Hòa bình lập lại (1954) mẹ chuyển về sinh cơ, lập nghiệp ở xóm Bến Giềng, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương. Gia đình mẹ được chia 5 sào ruộng. Cuộc sống của hai mẹ con mẹ tuy còn nhiều gian nan, vất vả, nhưng so với thời phong kiến, đế quốc thì đó là một sự đổi đời.

Mùa xuân năm 1968, quân và dân ta mở cuộc tấn công và nổi dậy trên khắp chiến trường miền Nam làm nức lòng nhân dân cả nước. Thanh niên khắp nơi nô nức lên đường chiến đấu. Mặc dù nhà chỉ có một mẹ, một con và mẹ những mong con sớm lấy vợ, sinh con để cho mẹ có cháu bé, cháu bông, nhưng khi con của mẹ xung phong đi bộ đội, mẹ cũng không hề ngăn cản, mẹ động viên con của mẹ yên tâm, vững bước mà đi.

Ngày 2-8-1968, mẹ tiễn con lên đường nhập ngũ. Sau mấy tháng huấn luyện tại miền Bắc, con của mẹ cùng đồng đội vượt Trường Sơn vào đánh giặc ở chiến trường miền Nam. Con đi rồi mẹ ở nhà lại vô võ một mình thức khuya, dậy sớm để làm ăn, sinh sống và

ngóng đợi con mau chóng trở về. Nhưng con của mẹ đã không bao giờ về nữa. Vì Tổ quốc, anh đã ngã xuống ở chiến trường miền Nam, hiến dâng trọn vẹn cuộc đời mình cho đất nước được bình yên, cho nhân dân được ấm no, hạnh phúc. Ngày 30-10-1976, mẹ nhận được giấy báo tử con trai của mẹ là: liệt sĩ Đỗ Xuân Ước, Hạ sĩ, Chiến sĩ thuộc đơn vị HC 340 đã chiến đấu và hy sinh anh dũng tại Mặt trận phía Nam ngày 25-12-1972. Mẹ đau đớn như đứt từng khúc ruột. Rồi mẹ đổ bệnh và ốm nặng. Được người thân, bà con lối xóm, chính quyền địa phương cùng các thầy thuốc hết lòng chăm sóc, cứu chữa nên mẹ đã dần dần hồi phục. Mẹ sống thêm được 10 năm nữa trong tình thương yêu, đùm bọc của gia đình ông Nguyễn Văn Được (cháu gọi mẹ bằng cô ruột) và nhân dân địa phương. Ngày 9-9-1986 (tức ngày 6-8 Bính Dần) do tuổi cao, sức yếu, mẹ bị xuất huyết não và qua đời hưởng thọ 76 tuổi.

Xét công lao sinh thành và nuôi dưỡng một người con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Xuân Ước của mẹ, ngày 24-4-1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu cao quý: "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ SÁU



Mẹ Nguyễn Thị Sáu sinh năm 1911; quê ở xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; dân tộc Kinh; đã tử trận và an táng tại xóm Đồng Nội, xã Phúc Trìu, thành phố Thái Nguyên; Có một con độc nhất là liệt sĩ hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo khổ, ngay từ nhỏ mẹ đã phải đi ở làm thuê để kiếm miếng cơm, manh áo. Cuộc sống của mẹ vô cùng cực khổ. Đói, rét luôn là người bạn đồng hành của mẹ. Vì muốn thoát khỏi cảnh bán hàn, mới 10 tuổi mẹ đã một mình lặn lội mấy trăm cây số lên Thái Nguyên ở với người chị. Hai chị, em lần hồi nuôi nhau và 5 năm sau - khi 15 tuổi - mẹ lại trở về quê hương Hưng Yên. Tại nơi chôn rau, cắt rốn của mình, mẹ đã hăng hái tham gia hoạt động cách mạng. Công việc của mẹ là làm liên lạc chuyển thư từ, nắm tình hình địch trong vùng tạm chiếm để báo tin cho tổ chức cách mạng. Mẹ đã có một quãng đời tuổi trẻ sôi nổi, có ý nghĩa, quãng đời ấy đã giúp mẹ phần nào quên đi thời thơ ấu cực nhọc. Tham gia hoạt động cách mạng ở

quê cho đến năm 1941, tròn 30 tuổi – mẹ lại lên vùng Thái Nguyên làm ăn, sinh sống với chị. Bốn năm sau – năm 1944 – người chị của mẹ không may mắc bệnh nặng rồi qua đời. Thương anh rẻ và 3 đứa cháu nhỏ côicút, mẹ đã tình nguyện thay chị chăm sóc bố, con anh. Chồng mẹ là Trần Đức Hoàn sinh quán tại huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, trú quán tại xóm Đồng Nội, xã Phúc Trìu, huyện Đồng Hỷ (nay là thành phố Thái Nguyên). Từ nhỏ đến khi trưởng thành ông cũng chỉ là người dân lao động bình thường. Ông chịu thương, chịu khó làm ăn và động viên vợ tham gia hoạt động xã hội. Mẹ phấn khởi tham gia vào Hội phụ nữ xã vận động chị em ủng hộ cách mạng. Năm 1948, mẹ sinh một người con trai là Trần Minh Khôi. Mẹ sống rất hạnh phúc bên người chồng, đứa con nhỏ và 3 đứa cháu. Nhưng hạnh phúc đã không "thủy chung" với mẹ. Năm 1950 chồng mẹ đã "ra đi" để lại cho mẹ 1 đứa con thơ dại và 3 đứa cháu. Mẹ lại lần hồi một mình vất vả vượt lên nỗi đau để vừa nuôi con, nuôi các cháu, vừa tham gia công tác xã hội. Các cháu và con của mẹ đều được ăn, học chu đáo. Năm 1959 gia đình mẹ vào hợp tác xã nông nghiệp. Năm 1961, mẹ tham gia vào Hội mẹ chiến sĩ chăm lo cho các anh bộ đội Cụ Hồ ở Thái Nguyên và gửi quà cho bộ đội ngoài tiền tuyến. Tháng 1 năm 1968, con trai Trần Minh Khôi của mẹ vừa tròn 20 tuổi, trước những yêu cầu cấp thiết của chiến trường, mẹ đã động viên anh xung phong vào bộ đội đánh Mỹ. Sau hơn 2 năm chiến đấu ở chiến trường, ngày 27-5-1970 anh đã chiến đấu dũng cảm và hy sinh anh dũng tại Mặt trận phía Nam. Nhận được tin con hy sinh, nỗi đau thương và mất mát tưởng chừng như mẹ

không chịu đựng nổi, vậy mà mẹ đã vượt lên để sống và tiếp tục hoạt động xã hội. Bà con ở địa phương ai cũng yêu quý và kính trọng mẹ. Khi tuổi cao, sức yếu, mẹ ở nhà trông nom nhà, cửa cho các cháu. Ngày 04-6-1991, các cháu của mẹ cùng bà, con xóm Đồng Nội đã tiếc thương đưa tiễn mẹ về nơi an nghỉ cuối cùng, hưởng thọ 80 tuổi.

Để đền đáp công lao của mẹ đã sinh thành, nuôi dưỡng và cống hiến người con độc nhất của mình cho độc lập, tự do của Tổ quốc, ngày 24-4-1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu cao quý: "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng".

NHỮNG TẤM LÒNG ĐÁNG KÍNH

(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng
Hoàng Thị Đằng, được phong tặng
ngày 24-4-1995)



Tiếng là thuộc thành phố Thái Nguyên nhưng tôi tìm được đến nhà mẹ Hoàng Thị Đằng ở xóm Nha Làng, xã Lương Sơn cũng chẳng dễ dàng gì. Hàng chục lần hỏi thăm, hàng chục lối rẽ... cũng may nhiều người biết mẹ vì mẹ là Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Theo tay chỉ của ông hàng xóm, tôi hơi ngỡ ngàng trước căn nhà 2 tầng khá đẹp nằm sâu trong ngõ. May quá, mẹ Đằng đang định đi đâu đó, nghe tôi giới thiệu mẹ lại mở khóa nhà mời tôi vào. Nhìn mẹ mặc chiếc áo nâu, cái quần lụa bạc vá hàng chục mảnh tôi lại nhớ đến mẹ tôi, lụa là con cái cho chả thiếu gì, ấy thế mà ở nhà chỉ thích mặc quần, áo cũ, cảm thấy thoải mái hơn mặc quần, áo mới. Hình như cái đức tính cần kiệm của người phụ nữ Việt Nam xưa đã ngấm vào máu các mẹ rồi.

Tôi để ý quanh tường treo nhiều bức trướng đỏ thêu chữ vàng, ấy là những lời chúc mẹ nhân lễ thượng thọ

80 hồi đầu năm Sửu. Các đơn vị: Công ty Gang thép Thái Nguyên, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc xã Lương Sơn, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên và cháu, chất, họ hàng đến với mẹ nhân ngày vui ấy khá đông.

Chắc ngày trẻ mẹ to cao và khỏe mạnh lắm, giờ đã 80 tuổi, lưng còng còng, bước chân run run, tiếng nói lập bập, tiếc nhất là trí nhớ mẹ đã giảm sút nhiều. Ngồi với mẹ cả tiếng đồng hồ mà không gợi được chuyện gì, mẹ cứ ngắt ra nghĩ ngợi rồi lại cười móm mém: Tôi quên hết mất rồi. Chỉ khi hỏi đến tên con trai mẹ thì mẹ bật ra ngay: Nguyễn Bá Ngọc. Phải rồi, cái tên ấy ở trong trái tim mẹ, mẹ đã bao lần gọi lên trong thương nhớ, trong tiếc đau.

Lấy chồng năm 20 tuổi, 6 năm sau mẹ mới sinh được anh, có lẽ vì quá yêu quý mà mẹ đặt tên là Ngọc. Hai vợ chồng mẹ "nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa" đứa con trai duy nhất của mình. Cái nạn đói năm 1945 gia đình lâm vào cảnh khốn đốn, mẹ phải đi làm thuê quần quật suốt ngày để có chút gạo nuôi con. Đến khi hòa bình lập lại, người cày có ruộng, nhà mẹ mới đỡ đói khổ. Năm anh Ngọc 16 tuổi mẹ muốn anh lấy vợ.

Chị Nguyễn Thị Yến vóc dáng mảnh mai năm ấy cũng 16 tuổi, là người cùng làng, thương anh hiền lành, sọc vác hơn nữa lại cùng cảnh nghèo nên đồng ý làm vợ anh. Năm 20 tuổi chị sinh con gái đầu lòng. Đến năm 1967, anh chị đã có 4 người con, đều là gái. Mẹ mong có đứa cháu trai nối dõi nhưng hình như trời chẳng chiều người. Tháng 3-1968 anh Ngọc nhập ngũ và 2 năm sau anh đã hy sinh tại Mặt trận phía Nam.

Ở với mẹ chồng đã 40 năm chị Yến quen từng đường ăn, nết ở của cụ. Từ khi cụ ông mất (1973) mọi công việc nặng nhọc đều qua tay chị, cảnh nhà nhiều lúc buồn tênh. Chị vừa cười như mếu, vừa nói với tôi:

- Gia đình tôi gọi là gia đình 3 thế hệ.

- 4 thế hệ chứ - tôi đính chính - bà, con, cháu, chắt.

- Không, 3 thế hệ không có đàn ông, chị ạ - ông mất chỉ còn bà, nhà tôi thì "đi xa", con gái tôi thì chết chồng. Chẳng 3 thế hệ không có đàn ông đó sao?

Tôi giật mình. Hiện thực nghiệt ngã quá. Cháu gái đầu lòng của mẹ Đảng sinh năm 1959 hiện là giáo viên trường phổ thông cơ sở xã Lương Sơn, chồng bị chết đuối trên đường về nhà từ năm 1968, đến giờ chị vẫn đứng vậy nuôi con. Cháu gái thứ 2 sinh năm 1963 đã mất vì bệnh thận, chồng chị đi tìm hạnh phúc mới để lại chắt gái ở với cụ. Cả gia đình 6 miệng ăn trông chủ yếu vào mấy sào ruộng khoán nên cũng thất lưng, buộc bụng mới đủ sống qua ngày. Từ khi mẹ được nhận danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, có trợ cấp 360 ngàn đồng/tháng lại được Công ty Gang thép phụng dưỡng thêm thì cuộc sống có khá hơn. Chị Yến là người biết chắt chiu, ăn dè, hà tiện, vay mượn thêm lúc mua vài nghìn gạch, khi mua vài bao xi măng nên đã xây được căn nhà 2 tầng khá khang trang, mẹ Đảng có phòng riêng để nghỉ, cháu, chắt có chỗ ngồi học bài, xem ra cuộc sống dần dần đi vào ổn định.

Nhìn bước đi lập cập của mẹ bên người con dâu tần tảo, đăm đăm tôi cứ thấy lòng nao nao. Ô! Những người phụ nữ Việt Nam phẩm chất chịu đựng hy sinh của họ thật chẳng có gì sánh nổi.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGÔ THỊ CHÉN



Mẹ Ngô Thị Chén sinh năm 1914; quê ở xã Xuân Trường, huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Định; dân tộc Kinh; đã từ trần và an táng tại xóm Xoi Vàng, xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên; có một con độc nhất là liệt sĩ hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Dưới thời Pháp thuộc người dân nào sinh ra cũng phải chịu cảnh bần hàn. Mẹ Chén cũng nằm trong hoàn cảnh đó. Tuổi thơ của mẹ thật khổ tui, cha mẹ nghèo khó nên con phải bươn trải với cuộc đời để tự lo kiếm miếng cơm, manh áo. Mẹ đã phải đi làm thuê cho bao nhiêu nhà, có lẽ sau này mẹ cũng không còn nhớ nữa. Tuổi trẻ đã thúc giục mẹ phải kiếm tìm cuộc sống tốt đẹp hơn, vì thế mà 20 tuổi mẹ đã rời quê hương lên sinh sống ở xóm Xoi Vàng, xã Tân Cương, huyện Đông Hỷ (nay là thành phố Thái Nguyên), tỉnh Thái Nguyên. Tại đây mẹ đã xây dựng gia đình với ông Trần Văn Quỳnh người cùng quê và cùng cảnh nghèo, khó mà phải bỏ quê lên sinh sống ở đây. Hai người cùng cảnh ngộ gặp nhau. Vợ chồng mẹ đã cùng nhau chung

lưng, đầu cật ngày ngày lặn lội làm thuê để sinh sống. Vợ chồng mẹ sinh được 4 người con, dù nghèo khó, nhưng lúc nào cũng động viên nhau cùng cố gắng để cho các con không phải đứt bữa. Nhưng số phận thật nghiệt ngã, bệnh tật đã cướp đi của mẹ 3 người con, rồi năm 1946 chồng mẹ lại "ra đi" khi tuổi già chưa đến. Mẹ như đứt từng khúc ruột vì nỗi đau và sự mất mát quá lớn, nhưng rồi mẹ đã vượt lên số phận, dồn tất cả tình thương yêu cho đứa con trai còn lại là Trần Thanh Thủy, lúc này mới lên 9 tuổi. Lại những năm, tháng vất lộn với cuộc đời, một mình một nắng, hai sương, tần tảo làm lưng cho con ăn, học đến nơi đến chốn. Khi con trai trưởng thành, mẹ đã xây dựng gia đình cho anh. Vợ anh là chị Hoàng Thị Lành sinh năm 1938, người cùng xã. Mẹ thường nhắc nhở con trai "đời mẹ đã quá vất vả, không được học hành, suốt đời mẹ chỉ làm một người dân lương thiện, còn con phải phấn đấu, phải tham gia công tác xã hội cho bằng anh, bằng em". Nghe lời mẹ, anh đã tích cực hoạt động ở địa phương, năm 1958 làm Bí thư xã Đoàn, năm 1960, anh lại được bà con tín nhiệm bầu làm Chủ nhiệm Hợp tác xã. Do có ý thức phấn đấu, có phẩm chất đạo đức tốt nên tháng 1-1961 anh đã vinh dự được kết nạp vào Đảng. Năm 1963 anh xin vào làm việc ở Công ty Nông sản Bắc Thái. 5 năm sau, với khí thế sục sôi của cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, ngày 4-4-1968, anh đã xin phép mẹ, tạm biệt vợ và 4 đứa con gái nhỏ, tình nguyện lên đường nhập ngũ.

Ở chiến trường anh được bổ nhiệm làm Trung đội phó thuộc Tiểu đoàn 7, Trung đoàn 33. Anh đã đứng

cảm, mưu trí chỉ huy trung đội chiến đấu tiêu diệt nhiều sinh lực địch và đã anh dũng hy sinh ngày 2-12-1969 tại Mặt trận phía Nam. Nhận được tin con hy sinh lòng mẹ đau đớn không cùng. Mẹ đã hiến dâng người con độc nhất của mình cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại và hào hùng của dân tộc. Và mẹ đã vượt qua được nỗi đau tưởng chừng không vượt qua nổi để động viên con dâu và các cháu sống xứng đáng với vong linh của người đã khuất. Giống như mẹ, con dâu của mẹ cũng phải sống cảnh góa bụa khi tuổi còn quá trẻ, chính vì thế mà mẹ vô cùng thương chị, lo cho chị và giúp đỡ chị nuôi dạy các cháu trưởng thành.

Do tuổi cao sức yếu, mẹ đã qua đời ngày 3-2-1994 hưởng thọ 80 tuổi. Hiện nay, các cháu nội của mẹ đã trưởng thành và đều đã xây dựng gia đình riêng. Chị Hoàng Thị Lành, con dâu của mẹ, vợ liệt sỹ Trần Thanh Thủy, đang là người hương khói cho mẹ.

Để đền đáp công lao của mẹ đã cống hiến một người con độc nhất của mình cho sự nghiệp giải phóng Tổ quốc, ngày 24-4-1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu cao quý "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

SỐNG GIỮA TÌNH THƯƠNG

(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng
Trần Thị Bấy - còn gọi là Trần Thị Bấy -
được phong tặng ngày 24-4-1995)



Đây là lần thứ 2 tôi đến xã Phúc Hà, một xã nằm kề vùng than Quang Vinh của thành phố Thái Nguyên. Đường đi đen nhánh màu than, những cục đá vá đường cũng nhuộm màu than. Xe công nông, xe tải chất than đầy ắp lẫn bánh nhẵn nại. Những công nhân mỏ khăn che kín mặt, mồ hôi đầm áo vẫn chăm chú làm việc dưới cái nắng tháng 5 bỏng rát.

Lần đầu tôi đến, mẹ Bấy không có nhà, người ta chỉ cho tôi căn nhà xây 3 gian lợp Brôximăng đứng thành thơi trên đỉnh đồi.

- Nhà bà Bấy đấy, nhưng bà xuống với chất ở Đồng Quang rồi, cuối tuần mới về.

Tôi đành đứng ngoài ngắm khoảnh sân lát gạch, mảnh vườn rộng trồng ngô và mấy cây mít khá sai quả.

Và lần này, may quá, mẹ Bấy có nhà. Chao ôi, đã ở tuổi 88 mà mẹ dáng đi còn nhanh nhẹn, giọng nói khỏe, tai thính, mắt tinh. Hình như con người ta càng trải qua nhiều gian khổ thì sức chịu đựng càng dẻo dai và sống càng bền bỉ thì phải.

Mẹ chỉ 3 gian nhà mát mẻ, trần cốt ép, bộ bàn ghế xa lông, tủ bích phê, giường mô dec... kể:

- Năm ngoài tôi ốm tưởng chết, thằng cháu đích tôn ở Tiệp về, thấy cái nhà ọp ọp quá (tôi làm từ năm 1965 bằng tre, nứa) mới cho tiền để làm cái nhà này.

Thảo nào bước chân vào tôi đã nghĩ thấy mùi vôi, ve hăng hắc. Thì ra mẹ không phải ở một mình. Sống với mẹ còn có cô Nguyễn Thị Hà, về làm dâu nhà mẹ từ năm 16 tuổi, đến nay đã bước vào tuổi 53 rồi.

Gợi lại những ngày tháng cũ, mẹ như lắng lại bởi những kỷ niệm và không nén được tiếng thở dài. 88 năm của một đời người, đâu phải ít vui, ít buồn.

Mẹ sinh năm 1909 ở tận Nam Định. Nhà nghèo lại lấy chồng nghèo, vợ, chồng mẹ kiếm được miếng ăn chẳng phải dễ dàng. Hai vợ chồng mẹ bàn nhau khăn gói lên Thái Nguyên, vùng đất có tiếng là rừng thiêng, nước độc mà hóa ra lại thương người. Vợ, chồng lần hồi vào rừng kiếm củ bán lấy tiền đóng gạo cũng đủ ngày 2 bữa. Lên Thái Nguyên năm 1937 thì ngày 8-7-1938 mẹ sinh được người con trai đặt tên là Vũ Đức Lũy. Khi anh Lũy vừa biết thỏ thẻ gọi bố thì chồng mẹ qua đời sau một trận sốt rét. Nói đến cái chết của chồng mẹ lại dần dần nước mắt:

- Ông ấy sức vóc mà chết trẻ. Cũng vì nghèo quá mà đến tận năm 95 tôi mới xây được mộ cho ông ấy.

Anh Lũy lớn lên, giống cha ở cái dáng cao to, giống mẹ ở tính hiền lành. Năm anh 23 tuổi, mẹ Bấy lấy vợ cho anh. Mẹ chả nói ra nhưng anh hiểu: là mẹ mong có cháu bé. Không phụ lòng mẹ, vợ, chồng anh sinh liền cho mẹ 3 cháu nội. Ngày 20-7-1968 anh đi bộ đội. Bốn

năm sau, ngày 10-8-1972 anh đã hi sinh trong chiến đấu tại Mặt trận phía Nam, lúc đó anh đã là trung đội trưởng. Các cháu của mẹ giờ đây đều trưởng thành, có nhà cửa dang hoàng. Cháu đầu là Vũ Văn Hải đi lao động ở Tiệp hiện vẫn ở bên đó, cháu thứ là Vũ Thị Hảo vừa đón mẹ xuống Đồng Quang ở mấy năm liền, cháu út là Vũ Thị Thanh ở kê sân nhà, chỉ ới một tiếng là đông đủ.

Anh cháu rể vừa rót thêm nước vào các chén, vừa đỡ lời bà:

- Bà tôi tuy con, cháu xúm sít nhưng cũng chưa phải nhờ vả ai cái gì: tự nấu ăn, tự đi chợ, tự giặt giũ. Chúng tôi có nói thì bà bảo: "Bà còn khỏe, cứ để bà làm, với lại bà quen lao động từ nhỏ, giờ ngồi không chân, tay ngứa ngáy khó chịu lắm". Tính bà tôi thế, hồi mới về làm rể thấy bà khổ quá tôi bảo: "Bà biết ông nọ ông kia (bà có 4 năm làm cấp dưỡng ở Tỉnh ủy), lại có tiêu chuẩn gia đình liệt sĩ sao không nhờ người ta giúp đỡ", nhưng bà gạt đi: "Phiền hà làm gì, tiêu chuẩn mình đến đâu thì mình hưởng đến đấy thôi".

Từ khi được Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng mẹ đỡ vất vả nhiều. Tiền trợ cấp cộng với tiền phụng dưỡng của Bưu điện tỉnh cũng đủ cho mẹ được ăn miếng ngon, mặc bộ quần áo đẹp.

Ngắm mấy chậu cây cảnh đặt góc hè do chính tay mẹ mua, tôi hiểu mẹ đang an tâm sống trong tình thương của người thân và xã hội.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ NGOẠI

Mẹ Nguyễn Thị Ngoại sinh năm 1920; quê ở làng Cao, xã Quyết Thắng, huyện Đồng Hỷ (nay là phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên); dân tộc Kinh; đã từ trần và an táng tại thành phố Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ hi sinh trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Trong những năm đầu thế kỷ 20, làng Cao cũng như bao làng xóm khác trên đất nước Việt Nam đều vô cùng đen tối dưới gót giày của thực dân, phong kiến. Ba năm sau cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên bùng nổ và thất bại, cuộc sống của người dân Thái Nguyên càng bị o ép từ nhiều phía. Mẹ ngoại đã được sinh ra trong hoàn cảnh ấy. Ngay từ nhỏ mẹ đã phải đi làm thuê để kiếm sống, khổ cực trăm bề.

Lớn lên mẹ xây dựng gia đình. Chồng mẹ là Nguyễn Văn Toán, người cùng quê, sinh năm 1909. Hai người cùng cảnh ngộ gặp nhau, thương nhau và cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình. Đã thành vợ, thành chồng mà vợ chồng mẹ vẫn phải đi làm thuê, làm mướn kiếm sống. Năm 1936, mẹ sinh được một người con trai là Nguyễn Văn Vượng, đó cũng là người con duy nhất của vợ chồng mẹ. Năm 1945, chồng mẹ tham gia vào Đội giao thông vận tải đi làm đường Định Hóa - Tân Trào. Một mình mẹ ở nhà lao động vừa kiếm sống, vừa nuôi con. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, đất nước được độc

lập, người chồng thân yêu của mẹ trở về mái ấm gia đình với vợ, với con.

Ông được bà con tín nhiệm bầu làm Trưởng xóm. Khi cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ, ông tích cực vận động bà con nhân dân ở địa phương ủng hộ kháng chiến và tăng cường công tác an ninh bảo vệ xóm làng. Hòa bình lập lại, ông vừa tham gia vào hội phụ lão, vừa tích cực cùng vợ con tăng gia sản xuất để đảm bảo cuộc sống gia đình và đóng góp xây dựng quê hương.

Thương chồng, mẹ vừa tạo điều kiện thuận lợi và động viên khuyến khích chồng tham gia công tác xã hội, vừa gánh vác việc nuôi dạy con khôn lớn trưởng thành. Năm 1957 mẹ xây dựng gia đình cho con trai. Năm 1959 mẹ vô cùng phấn khởi đón đứa cháu gái nội đầu tiên ra đời (con của anh Nguyễn Văn Vượng và chị Nguyễn Thị Nga). Tháng 3-1960 anh Vượng tạm biệt gia đình bố, mẹ, vợ, con lên đường nhập ngũ. Vợ anh - chị Nguyễn Thị Nga - ở nhà được mẹ giúp đỡ, động viên đã tích cực lao động sản xuất, chăm sóc bố mẹ và nuôi con. Phải nói chị là một người con dâu hiếu thảo, biết kính trọng bố, mẹ chồng, vì chị đã phải sống thiếu tình cảm của bố, mẹ đẻ từ nhỏ. Khi mới lên 8 tuổi, chị ở với ông, bà nội, chú thím cho đến khi đi lấy chồng. Chị cũng đã tham gia công tác chi đoàn thanh niên và từ năm 18 tuổi đã là ủy viên Ban chấp hành Hội phụ nữ xã.

Năm 1969 mẹ Ngoại bị bệnh nặng rồi qua đời. Trước lúc ra đi về cõi vĩnh hằng mẹ vẫn tin rằng một ngày không xa, anh Vượng - con trai mẹ - sẽ trở về với

gia đình, với vợ, với con. Mẹ có ngờ đâu rằng 4 năm sau khi mẹ qua đời, con trai của mẹ anh Nguyễn Văn Vương, Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng thuộc Đoàn 814 KB, trong một trận chiến đấu ác liệt với địch đã anh dũng hy sinh tại Mặt trận phía Nam ngày 22-12-1973.

Ngày 30-4-1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc ta đã kết thúc thắng lợi. Trong thắng lợi vĩ đại và vẻ vang đó của dân tộc, có sự cống hiến to lớn của mẹ. Mẹ đã sinh thành, nuôi dạy và hiền dăng người con độc nhất của mình cho Tổ quốc. Để đền ơn, đáp nghĩa, địa phương đã xây tặng gia đình mẹ một căn nhà tình nghĩa ở Tổ 30, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên. Hiện nay chồng mẹ, con dâu và các cháu của mẹ đang sinh sống tại đó và hương khói cho mẹ. Ngày 24-4-1995 mẹ được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu cao quý: "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ CẢI



Mẹ Nguyễn Thị Cải sinh năm 1911; quê ở tỉnh Thái Bình, dân tộc Kinh; từ trần tại Đới 2, phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc.

Sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo, ngay từ nhỏ mẹ đã phải đi ở, làm thuê cho những gia đình khá giả để kiếm sống. Những năm, tháng sống ở quê nhà, cuộc sống của mẹ vô cùng cực khổ. Mẹ phải làm việc quần quật suốt ngày mà cơm vẫn không đủ ăn, áo vẫn không đủ mặc. Chính vì vậy mà mẹ đã nảy sinh ra ý định đi tìm một cuộc sống ở một nơi khác thật xa quê hương mình. Năm 1941, khi tròn 30 tuổi, mẹ đã dời quê hương lên sinh sống tại xóm An Ninh, xã Cam Giá, huyện Đồng Hỷ (nay là phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên). Tại đây mẹ vẫn phải đi làm thuê, làm mướn để kiếm sống. Một thời gian sau mẹ xây dựng gia đình với ông Nguyễn Văn Bánh, sinh năm 1910. Gia đình nhà chồng cũng nghèo nên vợ chồng mẹ vẫn phải đi làm thuê, làm mướn cho những gia đình giàu có để

sinh sống. Năm 1943, mẹ sinh được một người con trai đặt tên là Nguyễn Ngọc Sấn, đồng thời đó cũng là người con độc nhất của vợ, chồng mẹ. Thương yêu con, vợ, chồng mẹ lại càng tích cực làm lụng với mong muốn để đời con mình sung sướng hơn cuộc đời của cha, mẹ nó. Mẹ còn động viên chồng tham gia vào dân quân, du kích để bảo vệ thôn, xóm, đồng thời mẹ cũng tích cực tham gia vào các đoàn thể Nông hội, Hội phụ nữ, vận động quần chúng nhân dân ủng hộ kháng chiến. Năm 1954 chồng mẹ tham gia dân công hỏa tuyến phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ, mẹ ở nhà lo việc gia đình và nuôi con để chồng yên tâm làm nhiệm vụ. Sau hòa bình lập lại, từ những năm 1959, 1960, gia đình mẹ đã gương mẫu vào hợp tác xã nông nghiệp. Ngay khóa đầu mẹ đã được bà con xã viên tín nhiệm bầu vào Ban quản trị Hợp tác xã.

Tháng 7-1967, theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, mẹ đã động viên người con độc nhất của mẹ lên đường nhập ngũ, góp phần nhỏ bé của mình vào công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc. Ở nhà mẹ lại cùng chồng lo toan đảm bảo cuộc sống thường ngày. Năm 1968, mẹ tham gia vào đội trồng cây của các cụ phụ lão. Ở chiến trường, con trai của mẹ có rất nhiều tiến bộ. Tháng 7-1969, anh được bổ nhiệm làm Tiểu đội trưởng, và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong trận chiến đấu ngày 19-3-1972, anh đã chỉ huy tiểu đội chiến đấu dũng cảm và đã anh dũng hy sinh cho độc lập, tự do của Tổ quốc.

Ngày 30-11-1974, nhận được tin con hy sinh tại chiến trường, lòng mẹ đau đớn không cùng vì mẹ chỉ

có anh là người con duy nhất, anh hy sinh rồi, tuổi già mẹ biết nương tựa vào ai? Nỗi đau mất con chưa kịp nguôi ngoai thì ngày 17-3-1976, chồng mẹ lại đột ngột qua đời để lại mình mẹ với căn nhà cô đơn, trống vắng. Nhưng mẹ cũng không phải cô đơn vì mẹ là một người tình nghĩa, từ xưa đến nay mẹ sống tốt với bà con xóm, làng, vì thế bà con xóm làng đều quan tâm đến mẹ, luôn gần gũi, động viên, an ủi mẹ lúc tuổi già. Ngày 30-6-1986, do tuổi cao, sức yếu, mẹ đã qua đời.

Ghi nhận sự cống hiến người con độc nhất cho Tổ quốc, cho nhân dân của mẹ, ngày 24-4-1995 Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu cao quý: "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

LÒNG MẸ

(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng
Nguyễn Thị Thục, được phong tặng
ngày 24-4-1995)



Các cụ có câu: "Mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh". Hoàn cảnh của Bà mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Thục ở phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên là một hoàn cảnh khá đặc biệt trong số những Bà mẹ Việt Nam anh hùng của tỉnh mà tôi được biết.

Mẹ sinh năm 1922 ở thị trấn Đại Từ, mới 3 ngày tuổi thì mẹ đẻ mất, bố "gà trống" nuôi con. Năm mẹ lên 8 tuổi, một hôm đi chơi về thấy nhà mình đông người, bố nằm thẳng giữa nhà, mẹ lao đến ôm gọi âm lên. Một người bảo: "Bố mày chết rồi, đừng gọi nữa".

Trong nhà chẳng có gì đáng giá để bán, người ta dắt mẹ ra chợ ngựa tay xin tiền mua áo quan. Đến giờ đã ở tuổi 75 nhưng mẹ vẫn nhớ như in cái năm hãi hùng ấy, không cha, không mẹ, mới 8 tuổi đầu đã phải tự kiếm cơm nuôi thân. Vất vưởng từ nhà này sang nhà kia, làm con mày, con nhặt, bị đánh mắng, hắt hủi đủ đường.

Năm 15 tuổi, mẹ được một gia đình tốt bụng ở xã Trung Liet, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nhận làm con nuôi, cuộc sống yên ổn hơn. Năm 19 tuổi mẹ lấy chồng, năm sau mẹ sinh con trai đầu lòng. Đã tưởng hạnh phúc mỉm cười với mẹ, nhưng không, con mẹ được hơn 3 tháng thì chết, cùng lúc ấy chồng mẹ cũng ốm rồi qua đời. Mẹ lại bơ vơ một mình.

Năm 24 tuổi, mẹ đi bước nữa, chồng mẹ là ông Nguyễn Đức Mậu ở phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên bây giờ. Ăn, ở với nhau 11 năm mà mẹ không sinh nở được. Chồng mẹ lấy vợ hai. Năm 1958 Nguyễn Đức Lộc (con bà hai) ra đời. Khát khao được làm mẹ, mẹ ôm ấp, nâng niu Lộc như con mình đẻ ra. Hai tháng tuổi Lộc đã được mẹ bế ẵm, 16 tháng tuổi Lộc rời vú mẹ để sang ở hẳn với mẹ.

Lớn lên, Lộc được mẹ cho đi học, năm anh học trường cấp 3 Lương Ngọc Quyến mẹ đã sắm cho anh có đồng hồ đeo tay, xe đạp Pơ-giô.

Chiến tranh biên giới phía Bắc xảy ra anh xung phong đi bộ đội. Mẹ thương nhớ anh quá, cơm dùm, cơm nắm lên tận Hoàng Liên Sơn thăm anh.

Anh hy sinh trong trận 19-2-1979. Bố anh do ốm từ trước lại thêm tin dữ về đứa con yêu quý nên chỉ vài tháng sau cũng qua đời.

Năm 1994 gia đình mẹ lên tận nơi anh ngã xuống, được nghe kể lại trận đánh ngày 19-2-1979, khi anh bị thương, đồng đội đưa về dốc Khe Tôm, nhưng không cứu được. Mộ anh giờ nằm ở nghĩa trang Phố Lu.

Mẹ Thục chỉ lên cái xe đạp treo trên mái nhà. Xe của thằng Lộc tôi vẫn giữ. Mỗi lần nhìn xe lại nhớ cái

dáng khỏe khoắn nhanh nhẹn của nó... Mỗi người có nỗi khổ riêng, tôi thông cảm với nỗi khổ của mẹ. Tuổi tác đã cao lại thêm bệnh đau bụng kinh niên (có cục gì to to ở bụng chạy lên, chạy xuống, rất đau) nay đi viện, mai đi viện cộng với những day dứt trong quan hệ gia đình mẹ buồn là phải.

Có thể ai đó đọc bài này sẽ trách tôi: Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng mà toàn nói chuyện buồn. Nhưng biết làm sao được, đó là sự thật của đời thường. Cũng như dòng sông Cầu ngay sát nhà mẹ Thực đi vào thơ ca thì dịu dàng, lơ thơ đến thế nhưng giờ đây nó cuộn cuộn chảy vì trên nguồn đang có mưa to.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ HỨA



Mẹ Nguyễn Thị Hứa sinh năm 1900, quê ở thôn Duyên Phúc, xã An Đông, huyện Duyên Hà, tỉnh Thái Bình; dân tộc Kinh; gia đình trú tại tổ 4, Cụm 2, phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên; đã từ trần; có con độc nhất là liệt sĩ hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Thuở nhỏ mẹ đã từng được sống trong một gia đình yên ấm. Lớn lên, mẹ xây dựng gia đình với người cùng xóm. Do nghèo túng, mẹ đã phải cùng với chồng làm thuê, làm mướn để kiếm ăn. Nhưng cũng thật không may cho cuộc đời của mẹ, mới 23 tuổi mẹ đã phải góa bụa. Chồng mẹ "ra đi" quá sớm, để lại cho mẹ một đứa con trai là Doãn Công Canh mới ở tuổi chập chững tập đi.

Thương con, mẹ đã ở vậy suốt đời tận tảo nuôi con khôn lớn, cho con ăn học và xây dựng gia đình cho con. Vợ chồng anh Canh đã sinh cho mẹ được hai cháu nội. Có con, có cháu vui cửa, vui nhà cũng làm người ngoại nổi trống vắng cô đơn trong lòng mẹ. Mẹ đã cùng con dâu làm lụng sớm hôm để nuôi dạy hai cháu. Những năm kháng chiến gian khổ, giặc Pháp đã tàn

phá quê hương mẹ, chúng đốt ngôi nhà, tài sản duy nhất của gia đình mẹ, mẹ đã phải cùng con, cháu ra ở nhờ nhà chùa. Cầm thù giặc Pháp anh Canh đã vào dân quân du kích cầm súng đánh giặc và được bổ nhiệm làm Thôn đội trưởng. Năm 1952 lực lượng dân quân của thôn do anh Canh chỉ huy đã đánh vào bất địch ở Duyên Hà, gây cho chúng thiệt hại lớn. Trong trận này, anh Canh đã bị địch bắt. Ngày 15-4-1952 chúng đã bắn anh ngay trên mảnh đất quê hương yêu dấu của anh. Thật đau đớn cho mẹ, trong lúc con trai mẹ hy sinh thì hai cháu nội cũng bị bệnh nặng rồi lần lượt bỏ mẹ mà "ra đi". Con dâu thì chạy giặc không trở về. Lòng mẹ thật xót xa, đau đớn. Mẹ sống ở nhà chùa và lấy việc quét dọn chùa làm niềm an ủi, để quên đi nỗi bất hạnh, cô đơn và trống vắng trong lòng mình. Hòa bình lập lại, mẹ được chia ruộng và hai gian nhà ở, cuộc sống của mẹ lúc này đã ổn định hơn. Năm 1965 cháu của mẹ là Nguyễn Hữu Kỳ công tác ở Thái Nguyên đã đón mẹ lên ở cùng gia đình tại tổ 4, cụm 2, phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên. Những năm, tháng sống cùng cháu, chất đã phần nào làm người ngoại nỗi đau mất mát trong lòng mẹ. Đối với mẹ, dù sống ở quê cha, đất tổ hay sống ở quê hương thứ hai, mẹ vẫn là một người dân lương thiện, sống có trước, có sau với bà con xóm làng, được mọi người yêu thương, kính trọng. Ngày 6-12-1986 mẹ đã "ra đi" trong niềm tiếc thương của cháu, chắt và bà con xóm giềng. Sự hy sinh cống hiến người con độc nhất cho sự nghiệp giải phóng quê hương, đất nước của mẹ đã được đền đáp phần nào bằng danh hiệu cao quý "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" mà Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ ngày 24-4-1995.

NGƯỜI MẸ Ở XÓM BA CỐNG
(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng
Lê Thị Chắt, được phong tặng
ngày 24-4-1995)



Không hẹn mà gặp, trên bức tường ở ngôi nhà tình nghĩa của mẹ Lê Thị Chắt ở xã Tích Lương, thành phố Thái Nguyên tôi lại gặp những bức trưng chúc thọ. Các mẹ đều ở tuổi thượng thọ rồi.

Khác với mẹ Đăng ở cùng cháu chắt, mẹ Chắt sống một mình trong căn nhà nhỏ lợp ngói được chính quyền địa phương xây cho từ năm 1993. Nhà trước của mẹ ọp ẹp lắm, mái giột cũng không dám trèo lên dọi lại, từ khi có ngôi nhà tình nghĩa này mẹ yên tâm hơn tuy hơi hẹp và do lợp ngói xi măng nên khi mưa còn bị hắt nhưng lúc mưa to, gió lớn mẹ không phải nơm nớp lo âu nữa.

Anh Năng (cháu gọi bằng dì) nhà cách một quãng sân chạy sang pha cho mẹ ấm trà, kể:

- Bố tôi ngày xưa muốn con đàn cháu đống nên lấy 2 vợ. Mẹ tôi (đã mất) và dì tôi đây, tôi tự coi mình là con của dì. Hai mẹ tôi đều khổ, từ bé đã mồ côi cha,

mẹ phải đi ở cho người ta, lớn lên lấy chồng cùng quê (Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội). Chồng mẹ là ông Lê Nghiêm Nhân cũng cùng cảnh đi ở, làm thuê kiếm sống lẩn hồi. Là một người nông dân yêu nước, ông đã tham gia hoạt động cách mạng, vận động mọi người mang lương thực nuôi du kích. Mặc dù cuộc sống còn túng, đói nhưng mẹ vẫn ủng hộ việc làm của chồng. Đầu năm 1954, do thực dân Pháp càn quét mạnh, ông bà phải rời quê đưa cậu bé Lê Tuấn Kỳ lúc đó mới 2 tuổi lên xóm Ba Cống, xã tích Lương, huyện Đông Hỷ (nay là thành phố Thái Nguyên) và đậu lại cho đến bây giờ. Lớn lên anh Kỳ được cha, mẹ cho ăn, học. Anh học giỏi, được cử làm Bí thư Đoàn Trường cấp 2 Gang Thép. Mẹ nhớ, năm ấy lụt to, mẹ tiễn anh lên đường nhập ngũ vào bộ đội đóng quân ở Hà Bắc một thời gian. Có hôm nhớ nhà quá, anh xin phép cấp trên đảo qua nhà, mẹ vội vàng nấu nổi cơm, anh ăn xong lại đi ngay. Trong vòng 4 năm mẹ chịu 2 cái tang: Năm 1970 chồng mẹ mất, năm 1972 : con mẹ hi sinh ở chiến trường miền Nam.

Thôi thì chồng mẹ đã sắp bước vào tuổi "cổ lai hy" ra đi cũng hợp lẽ trời, còn anh, anh hy sinh giữa tuổi 20 phơi phới, chưa kịp một lần hò hẹn cùng ai. Thương con lắm nhưng mẹ hiểu: Cái chết của con mẹ không vô ích, mẹ tự hào vì đã sinh ra một người con dũng cảm. Mẹ vẫn ngày ngày cặm cụi đồng áng, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn cùng bà con, họ hàng. Từ đức tính cần cù, chịu thương, chịu khó của mẹ nên mọi người rất quý mến mẹ. Ngày, tháng qua đi, nỗi đau dần lắng xuống, thay vào đó là sự trống vắng, trống

trái đến não lòng. Dưới căn nhà mái lá đã cùn mòn, những đêm mưa nước vào tứ phía, mẹ thu mình một góc giường thấm cái lạnh và cái buồn. Thấu hiểu nỗi khổ của mẹ, cấp ủy, chính quyền xã Tích Lương đã gom góp xây nhà tình nghĩa cho mẹ, anh anh Lê Tuấn Kỳ treo trang trọng giữa nhà, mẹ có chỗ kê giường, kê chạn. Mẹ nói nhỏ: "Món tiền nhà nước cho cùng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng mẹ mua chiếc ti-vi màu, còn các khoản bây giờ mẹ chi tiêu hết. Mẹ nghĩ thế này: Đảng và Nhà nước cho mình sung sướng, thôi thì cũng chả bóp mồm, bóp miệng nữa, muốn ăn gì thì sai cháu đi mua, thỉnh thoảng cắt thang thuốc bắc ngâm rượu, mỗi bữa cơm uống một chén". Trông mẹ đỏ dần, tai còn thính, trí nhớ còn tốt, tôi cũng thấy lòng mình vui vui. Tiện chân, tôi "đảo" một lượt thăm cơ ngơi của mẹ, một ang nhỏ có mảnh tre trong đặt bát hương chắc là nơi tụng kinh, gõ mõ hôm rằm, mừng một, cái bếp nhỏ xíu "vấy" ra thêm cạnh nhà chất đầy lá khô, nguyên liệu nấu nướng của mẹ; Cái giếng khoan gọn ghẽ, nền láng xi măng sạch sẽ. Tôi ấn thử cái cần bơm: nhẹ tênh mà nước đã chảy ào ào, sức mẹ dùng cái cần này thì hợp. Mẹ khoe, cái giếng này Chính phủ làm cho, Công ty gang thép Thái Nguyên - nơi nhận phụng dưỡng mẹ - cũng rất chu đáo, vừa mới đây thôi, ngày giỗ anh Kỳ, họ nhớ, mang đồ xuống thắp hương làm mẹ rất cảm động.

Nhìn nụ cười của mẹ, tôi biết: mẹ đã yên lòng.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG LÊ THỊ BỐN

Mẹ Lê Thị Bốn sinh năm 1902, dân tộc Kinh, quê ở khu 5, xã Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội; đã từ trần và an táng xóm La Cườm, xã Tích Lương, thành phố Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ Lê Thị Bốn sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo. Lúc nhỏ mẹ không được đi học, lớn lên đã phải cùng gia đình đi làm thuê, làm mướn để kiếm kế sinh nhai. Đến tuổi trưởng thành mẹ xây dựng gia đình. Chồng mẹ là Lê Vĩnh Thế ở cùng quê. Cùng cảnh nghèo gặp nhau, hai vợ chồng mẹ phải đầu tắt, mặt tối làm thuê, làm mướn nuôi nhau và nuôi con. Trong hoàn cảnh không ruộng, không vườn thì dù có cố gắng, chăm chỉ đến đâu vợ chồng mẹ cũng vẫn không thoát ra khỏi cảnh bần hàn. Năm 1947 vợ chồng mẹ đã dắt nhau lên sinh sống ở xã Tích Lương, huyện Đông Hỷ (nay là thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên). Hòa bình lập lại, mẹ được chị em tín nhiệm bầu làm Hội trưởng phụ nữ xã và Hội viên Hội mẹ chiến sĩ. Mẹ đã động viên các mẹ, các chị tích cực hoạt động, góp phần làm cho các phong trào của xã phát triển. Năm 1960 gia đình mẹ vào hợp tác xã nông nghiệp. Mẹ luôn động viên chồng, con chấp hành đầy đủ và nghiêm chỉnh

các chính sách của Đảng và Nhà nước, sống có tình, có nghĩa với bà con làng xã, nên được mọi người tin yêu, quý trọng. Năm 1962 mẹ đã tiễn Lê Danh Toàn - người con trai độc nhất của mẹ - lên đường nhập ngũ. 20 tuổi xuân, anh ra đi mang theo bao niềm tâm sự của mẹ về đất nước, về quê hương, về tình làng, nghĩa xóm và mang theo cả tình yêu của người vợ trẻ cùng đứa con còn nhỏ dại. Vợ anh - chị Trần thị Hảo - là một người phụ nữ đảm đang và sôi nổi, ngay từ năm 1953, mới 14 tuổi chị đã tham gia vào đội giao liên chuyển thư từ bí mật cho dân quân, du kích vào vùng tề. Khi anh nhập ngũ, chị đang là một cán bộ phụ nữ xã hoạt động tích cực, chị đã thay anh đảm việc nước, giải việc nhà, giúp đỡ, chăm lo chu đáo cho cha, mẹ và gia đình.

Năm 1964, anh Toàn được phục viên về địa phương cùng gia đình tăng gia sản xuất. Năm 1968, trước những đòi hỏi cấp bách của chiến trường, mẹ lại động viên anh khoác ba lô lên đường tái ngũ. Thương nhớ con, mẹ càng thương người con dâu hiếu thảo và các cháu, càng tích cực tăng gia sản xuất, thực hiện các chính sách xã hội.

Ngày 27-1-1973, ngày ký kết Hiệp định Pari về việc chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam cũng là ngày con trai Lê Danh Toàn của mẹ, Thượng sĩ, Trợ lý quân nhu Tiểu đoàn thuộc đơn vị NB đã anh dũng hy sinh ở Mặt trận phía Nam, để lại cho gia đình 5 đứa con nhỏ dại. Cùng năm đó, chồng mẹ cũng qua đời. Nỗi đau mất con, mất chồng đã

tưởng chừng làm mẹ gục ngã. Nhưng không, mẹ đã cố
nén lòng mình động viên con dâu trụ vững gia đình
tiếp tục tham gia công tác xã hội và nuôi dạy các
cháu trưởng thành. Năm 1975 con dâu mẹ đã tham
gia vào Ủy ban nhân dân xã, phụ trách nông, lâm
nghiệp. Năm 1964 do tuổi cao, sức yếu mẹ đã qua đời.
Ghi nhận công lao sinh thành, nuôi dưỡng và cống
hiến người con độc nhất cho Tổ quốc của mẹ, ngày
24-4-1995 Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu cao quý "Bà mẹ
Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG VŨ THỊ SÁCH

Mẹ Vũ Thị Sách sinh năm 1918; dân tộc Kinh; quê ở xã Hợp Thành (nay là xã Vạn Phái) huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần và an táng tại quê; có con độc nhất là liệt sĩ hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ. Mẹ Vũ Thị Sách sinh trưởng trong một gia đình ở nông thôn mà các cụ thân sinh ra mẹ đều thuần túy làm ruộng. Lúc nhỏ mẹ không được cắp sách đến trường mà phải ở nhà phụ giúp bố, mẹ làm ruộng để kiếm sống. Năm 23 tuổi mẹ lấy chồng. Chồng mẹ là Trần Trọng Quyền, sinh năm 1918, làm ruộng ở cùng quê. Năm 27 tuổi mẹ sinh con trai đầu lòng đồng thời đó cũng là người con độc nhất của mẹ. Mẹ đặt tên con là Trần Trọng Văn. Năm mẹ sinh con, cũng là năm chồng mẹ tham gia hoạt động cách mạng và được kết nạp vào Đảng. Mẹ vừa phải kiếm sống và nuôi con, vừa phải trợ giúp cho chồng tham gia công tác đoàn thể ở xã (sau này chồng của mẹ liên tục tham gia công tác ở xã từ năm 1945 đến năm 1981. Hiện nay ông nghỉ hưu).

Thế rồi một tai họa khủng khiếp đã giáng xuống cái gia đình nhỏ bé của mẹ và giáng xuống chính cuộc đời mẹ. Mẹ bị mắc bệnh hiểm nghèo. Chồng mẹ và bà con; cô, bác làng xóm, láng giềng hết lòng tận tình, tìm mọi phương cứu chữa nhưng đều bất lực. Bệnh tình ngày càng trầm trọng, người mẹ gầy, đét, tiếng nói yếu dần...

Biết mình không qua khỏi được căn bệnh quái ác này, mẹ đã dặn chồng hãy "tìm người" thay mẹ nuôi con... rồi mẹ "ra đi" mãi mãi vào ngày 3-3-1947, khi đó con trai của mẹ chưa đầy 2 tuổi. Sau khi mẹ mất, chồng mẹ đã thay mẹ nuôi con tận tình, chu đáo. Con của mẹ được ăn học hết cấp 2 phổ thông. Năm 1965, anh xây dựng gia đình với chị Đỗ Thị Ly, sinh năm 1945, giáo viên cấp 1 ở xã. Vợ, chồng anh đã sinh được 2 cháu là Trần Trọng Minh (sinh năm 1965) và Trần Thị Mỹ (sinh năm 1967). Năm 1966, anh được tuyển chọn vào làm việc tại Phòng lương thực huyện Phổ Yên. Anh đã phấn đấu trở thành cán bộ, đảng viên. Tháng 7-1968 trước những đòi hỏi cấp bách của chiến trường về chi viện sức người, sức của, thấy rõ trách nhiệm của người cán bộ, đảng viên, anh Trần Trọng Văn đã làm đơn tình nguyện nhập ngũ. Sau ba tháng huấn luyện ở miền Bắc, anh cùng đồng đội hành quân vào Nam đánh giặc. Ngày 16-3-1970, hạ sĩ Trần Trọng Văn người con trai độc nhất của mẹ Vũ Thị Sách để lại, chiến sĩ Đại đội 17 thuộc đơn vị KB đã anh dũng hy sinh trong chiến đấu tại Mặt trận phía Nam. Anh đã được công nhận là liệt sĩ và được truy tặng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng ba, 1 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng ba.

Xét công lao mẹ đã sinh thành và nuôi dưỡng người con độc nhất là liệt sĩ, ngày 24-4-1995 Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

TÌM VỀ NƠI MẸ

(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng

Lương Thị Nhất được phong tặng

ngày 24-4-1995)



Mẹ Lương Thị Nhất dân tộc Cao Lan, sinh năm 1912 tại xã Phục Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Khi mẹ lên năm thì nghĩa quân Thái Nguyên tiến về. Mẹ chỉ loáng thoáng nhớ gặp những người vắc súng, rồi sau nghe câu vè: "năm Đinh Ty mười ba tháng bảy mới biết rằng vùng mình đã nổi dậy đánh Tây".

Mẹ lấy chồng người Sán Chỉ. Bây giờ mới biết Cao Lan và Sán Chỉ được xếp vào một dân tộc là Cao Lan – Sán Chay. Ngày ấy mẹ chỉ biết anh con trai Sán Chỉ nói tiếng hơi khang khác, phong tục hơi khang khác nhưng khỏe mạnh, hiền lành và chịu thương chịu khó.

Vợ chồng người Cao Lan – Sán Chay dựng nhà bên dòng suối dưới chân núi Chúa. Họ cần cù làm nương, làm ruộng, ăn ở tử tế với dân làng mà chẳng sinh hạ được người con nào. Ngày qua tháng lại. Mãi năm đầu thập kỷ bốn mươi mới có hai vợ chồng người Kinh đem

theo hai đứa con qua đây. Người vợ chết, người chồng dành gạt nước mắt trao đứa con còn ẵm ngửa cho một bà người dân tộc phúc hậu. Hai cha con tiếp tục ra đi và không bao giờ trở lại. Đứa trẻ hay ăn chóng lớn, chả mấy chốc biết xúc cơm, biết toét miệng cười rồi lẫm chẫm tập đi, bi bô tập nói. Cha mẹ đặt tên cho cậu bé là Bé Văn Thành, mang dòng họ Sán Chỉ để nối dõi tông đường. Hồi ấy, sau khi hòa bình lập lại, nhà nhà phấn khởi xây dựng cơ nghiệp. Chàng trai cần cù cùng cha vác rìu lên rừng đốn gỗ dựng nhà sàn. Nhà có bát ăn, bát để. Cô gái Hậu Thị Nghiêm, dân tộc Sán Chỉ hơn chàng trai hai tuổi ở xóm bên đã bắt gặp cái nhìn dục dề và táo bạo. Họ nên vợ nên chồng. Năm 1962, cháu gái Bé Thị Thực ra đời. Mẹ Nhất cũng sang tuổi năm mươi. Ngôi nhà sàn bên chân núi Chúa, cũng như trăm ngàn ngôi nhà khác sớm chiều phảng phất khói lam, ấm áp bữa cơm gia đình và bi bô tiếng trẻ. Con trai, con dâu cùng cha theo công diêm hợp tác xã. Mẹ trông nom cháu và đảm đang công việc vườn, lợn gà. Rồi cháu Bé Văn Thịnh và tiếp sau là Bé Văn Vượng lần lượt ra đời. Cái tổ ấm chỉ vền vẹn "một túp lều tranh, hai trái tim vàng" nay đã thành gia đình với bảy miệng ăn. Nhìn đàn trẻ chí chóc khi vung nôi cơm vừa mở, mẹ hả lòng hả dạ. Trời Phật đã thương nên vợ chồng mẹ chẳng kém người.

Quân Mỹ ào ạt tràn vào miền Nam. Máy bay Thần Sấm, Con Ma điên cuồng trút bom đạn xuống núi rừng, làng bản. Các cơ sở sơ tán về đây rất đông. Phục Linh trở thành mục tiêu oanh kích. Mẹ Nhất phải lo cho các cháu phòng tránh bom đạn. Người cha và cô con dâu

phải vật lộn với đồng ruộng hợp tác xã để có miếng ăn và đóng góp cho Nhà nước. Bé Văn Thành thường xuyên có mặt ở nơi gian khó và hiểm nguy. Anh được kết nạp vào Đảng, làm trung đội trưởng dân quân. Đơn vị anh luôn có mặt ở chiến hào, đối mặt với những cơn mưa bão, hợp đồng chiến đấu với dân quân xã bên (Hà Thượng) quật ngã máy bay hiện đại của quân thù.

Rồi năm 1968, sau tết Mậu Thân, trai tráng cả nước lại nối tiếp nhau ra mặt trận, chuẩn bị cho cuộc quyết chiến cuối cùng. Bé Văn Thành hòa trong dòng người vượt Trường Sơn năm ấy. Mấy tháng sau cháu bé Văn Gia cất tiếng chào đời. Mãi đến năm 1975 gia đình mới nhận được tin người ở ngoài tiến tuyến. Cái tin ngắn gọn: Liệt sĩ Bé Văn Thành sinh năm 1940, nhập ngũ tháng 4-1968, chiến sĩ Đại đội 7, Tiểu đoàn 8, Trung đoàn 6 Sư đoàn 304, vào Đảng tháng 10-1965, chính thức tháng 10-1966... hy sinh ngày 8-4-1970 tại Mặt trận phía Nam. Kèm theo là bằng Tổ quốc ghi công mang số OL575b và tám Huân chương chiến công.

Ngôi nhà sàn của mẹ ngày xưa, nay thu hẹp để làm bếp. Dưới sàn chỉ để củi đốc, cây bừa, quang gánh. Chính giữa nhà là bếp lửa. Những đêm đông giá rét, gia đình vẫn quây quần bên ngọn lửa thiêng để nhớ tới người ra đi không về. Ngôi nhà chính bây giờ được xây gạch, lợp ngói. Từ quá giang, kèo, sà đến rui mè đều được làm bằng gỗ tốt bào cẩn thận. Đứng vóc dáng của ngôi nhà miền núi vừa kiên cố, vừa thoáng mát. Chính giữa nhà kê bàn ghế, tủ đất tiền. Trên tường treo bằng "Tổ quốc ghi công" bằng "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng" nhiều huân chương và ảnh mẹ phóng to lồng trong

khung kính. Tất cả nói lên chủ nhân là một con người cẩn thận và gia đình thuộc lớp trung lưu. Giống bố như đúc, Thịnh và Vượng lớn lên trở thành những chàng trai tuấn tú. Chị gái lấy chồng xa. Hai anh em lập hai dinh cơ sát nhau để thuận tiện trông nom bà và mẹ. Điện lưới đã về đến xóm, cả hai nhà đều có máy thu thanh, ti-vi, quạt Thái và xe máy. Chỗ đất dốc sau nhà là rừng cây và nương sắn. Màu xanh của vườn rừng hòa vào màu xanh của đại ngàn núi Chúa đang được trồng lại, bạch đàn đang lên. Trước nhà là cánh đồng lúa đang độ xanh non. Các anh đều có gia đình. Hai chị em dâu một người Sán Chỉ, một người Kinh đều đẹp người, đẹp nết. Đàn cháu sớm chiều quẩn quýt bên bà, bên cụ như đàn chim non. Thanh bình và đầm ấm. Chúng tôi gợi ý chụp ảnh. Mẹ Nhất mở tủ gương lấy tấm áo dài màu hồng, chắc là quà tặng. Mẹ cài khuy áo rồi móm mém cười trước gương. Chụp ảnh xong, con dâu nhắc:

- Phải mặc áo dân tộc chứ.

Mẹ nhìn sang tôi:

- Có cần không?

- Có ạ. Mình là dân tộc mà.

Tay mẹ run run mở khóa hòm chuông. Không biết trong đó còn lưu giữ những kỉ vật gì? Bộ xống áo phụ nữ Cao Lan được đem ra màu xanh còn ánh nước chàm, những nét hoa văn còn ngời lên sắc trắng, sắc đỏ... Nổi đau cực kì to lớn đã qua rồi. Trước mắt mẹ là gia đình, là quê hương, là đất nước đang thay da, đổi thịt.

BÀ MẸ SÁN CHAY

(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng

Trần Thị Lai, được phong tặng

ngày 24-4-1995)



Xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên là một cửa ngõ đi vào ATK, "Thủ đô kháng chiến". Cái tên "quán Ông Già" còn khắc sâu trong kí ức những người có vinh dự sống ở chiến khu thời đánh Pháp.

Tại đây, trong xóm nhỏ giữa lòng thung có một ngôi nhà bình dị ba gian, cột ngà, xà xoan, lợp lá cọ. Đó là ngôi nhà khiêm tốn của Bà mẹ Việt Nam anh hùng Trần Thị Lai và chồng là ông Trần Văn Đức đang sống cùng con cháu.

Mẹ Trần Thị Lai sinh năm 1916 tại Na Mao, Đại Từ, năm 18 tuổi về Minh Tiến làm dâu. Cha mẹ nghèo, chỉ có hai chị em nên khi dứt áo ra đi cũng ngổn ngang trong lòng bên tình, bên hiếu. Cùng là dân tộc Sán Chay cả nên tuy lấy chồng thiên hạ nhưng mẹ cũng đỡ thấy cô đơn.

Cứ như là chuyện cổ tích, cô Lai xinh đẹp, nét na, hết lòng phụng dưỡng cha mẹ chồng mà trời chẳng

thương, không cho sinh sủ. Anh con trai Sán Chay Trần Văn Đức tính tình phóng khoáng, thích săn bắn và giao du với bạn bè. Có thời hăng hái, anh cũng tham gia làm liên lạc cho cách mạng. Người vợ vò vố ở nhà với thửa ruộng, mảnh nương và hy vọng... Năm 1945, giặc Nhật, giặc Pháp gây ra đói kém, những nhà nghèo đông con không chạy đâu ra bát ăn qua ngày. Số trời run rủi, ông Vũ Văn Đông, người Tày, ở Phúc Lương làng bên, quá nghèo khổ nên trao cho ông Đức đứa trẻ 18 tháng tên là Hạnh. Để dòng họ Trần của người Sán Chay có người nối dõi, gia đình đặt cho cậu bé cái tên là Trần Văn Hạnh. Ngôi nhà sàn cheo leo sườn núi từ nay không những sớm chiều có sợi khói lam mà còn có tiếng khóc trẻ thơ. Hết sài lại đẹn, đứa bé cứ lay lắt trong bệnh tật. Bố mẹ nuôi không quản công sức, sớm chiều thuốc thang, nuôi con những ước về sau.

Bác Hồ đọc Tuyên ngôn độc lập chưa được bao lâu thì kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Các cơ quan Trung ương, các đơn vị bộ đội nườm nượp qua đây để vào ATK. Một số đơn vị trụ lại trên mảnh đất này. Mẹ cùng gia đình đang vui trong không khí hào hùng của cách mạng thì giặc Pháp tấn công. Chúng từ Định Hóa không tiến sang Tân Trào được nên rút qua đây, chạm trán với đại đội Tô Văn anh hùng. Bị thiệt hại nặng, chúng hung hăng đốt phá và bắn giết. Cậu bé Hạnh 4 tuổi được mẹ địu trên lưng chạy giặc hết núi này sang núi khác. Những năm tháng tiếp theo, vùng rừng núi này trở nên sôi động của ngoại vi "Thủ đô kháng chiến". Mẹ Lai đảm đang việc nhà, phụng dưỡng cha mẹ, chăm sóc con thơ để chồng tham gia dân quân, du kích, đi dân công góp phần vào kháng chiến. Công lao

của mẹ được đền đáp, Trần Văn Hạnh lớn lên đi học cái chữ và trở thành một chàng trai tuấn tú. Cô Âu Thị Đò, người cùng làng, cùng dân tộc đem lòng thương yêu rồi thành vợ, thành chồng. Năm 1967, cháu Trần Văn Huân ra đời. Ngôi nhà người Sán Chay này bây giờ chứng kiến tiếng khóc chào đời của trẻ sơ sinh. Nó đầm ấm, nó ngọt ngào, nó thiêng liêng làm choáng ngợp tâm hồn người mẹ. Mẹ Lai rơm rớm nước mắt thấp nén nhang báo cho tổ tiên đứa cháu bé bỏng đã về với dòng họ Trần nhân nghĩa. Anh Hạnh say trong niềm vui làm cha, ngổn ngang trăm việc phải bắt đầu để xây dựng cơ ngơi, xây dựng gia đình thì cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước bước vào giai đoạn quyết liệt. Gió heo may se se lạnh đã về, rừng núi vào thu. Tháng 7 năm 1968, chị Âu Thị Đò, bụng mang thai, bỗng con tiễn chồng lên đường nhập ngũ. Ông bà Đức cùng con dâu tích cực làm lụng để thay người ra trận lo toan việc nhà. Năm 1969, cháu Trần Văn Chương ra đời, bổ sung thêm một chàng trai cho gia đình người Sán Chay nơi núi rừng heo hút. Nhưng ôi, Chương vừa hai tuổi thì gia đình nhận được tin sét đánh. Ngày 10 tháng 9 năm 1971, địa phương tổ chức báo tử: hạ sĩ Trần Văn Hạnh sinh năm 1943, nhập ngũ tháng 7 năm 1968, đơn vị D80KT hi sinh ngày 9-5-1970 tại Mặt trận phía Nam.

Thế là mẹ Trần Thị Lai cùng chồng lại sớm chiều tần tảo cùng người con dâu góa bụa nuôi hai cháu đến tuổi trưởng thành. Đến nay, Trần Văn Huân và Trần Văn Chương đã có vợ con, đủ mặt cả trai lẫn gái. Gia đình người mẹ Việt Nam anh hùng đang sống trong đầm ấm nhớ người ra trận không về.

Ngôi nhà mẹ ở vẫn là ngôi nhà lá nhỏ nhắn. Trần Văn Chương, lấy vợ, có con đã ra ở riêng. Trần Văn Huân đang lao vào làm ăn với cái chí của người từng trải. Là con liệt sĩ, anh được ưu tiên đi xuất khẩu lao động sang Liên Xô (cũ). Số rui, anh gặp ngay lúc loạn ly, tay trắng trở về. Ngôi nhà cũ để ông bà, vợ con ở. Huân và mẹ làm lán để coi hồ cá. Đất Minh Tiến bây giờ thế mà hẹp, bẫy khẩu chỉ có bốn sào ruộng, hai sào vườn, một sào chè và mặt nước hồ mênh mang. Anh đang lặn lội để tìm vốn đầu tư. Dân Sán Chay ở giữa rừng núi mà có óc năng động là quý lắm. Mẹ Trần Thị Lai bây giờ tuổi già vẫn quán quýt, bận rộn với các cháu. Gia đình đang cố gắng vươn lên trong cơ chế thị trường. Không quản đường xá xa xôi, Z127 và Công ty xăng dầu Bắc Thái vẫn thường xuyên đến thăm hỏi, tặng quà và giúp đỡ tiền bạc để phụng dưỡng mẹ.

Nghe nói, Mỏ than Núi Hồng đã nhận đóng góp cùng địa phương xây cho mẹ ngôi nhà tình nghĩa. Ở đây rừng núi xa xôi, đường xá gập ghềnh khúc khuỷu, mang được vật liệu lên đây phải lắm công phu. Nhưng chắc chắc ngôi nhà tình nghĩa sẽ được xây dựng, cắm vào sườn núi này một mái ngói đỏ au như tấm lòng biết ơn của công nhân với "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

GẶP GỠ MUỘN MÀNG

(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng

Trần Thái Ninh, được phong tặng

ngày 24-4-1995)



Tôi đến nhà khi mẹ đang đi điều trị ở bệnh viện. Tuổi già ấy mà, một đời lam lũ tích lại, bây giờ bệnh mới nẩy ra. Tôi hỏi bác Trần Kính:

– Bác gái năm nay thọ bao nhiêu rồi?

– À, tôi sinh năm 1912, bà cháu sinh năm 1910.

Thấy tôi ngờ ngợ, bác cười:

– Gái hơn hai, trai hơn một ngày xưa coi thế là vừa.

Bác Kính vui tính lại nhận ra tôi nên rất thân tình:

– Ông Toàn biết đấy bà cháu còn nhanh nhẹn, ốm thì nghỉ, khỏe thì luôn tay luôn chân, mình con nhà nghèo, lao động quen rồi, không động tay vào công việc không chịu được.

Tôi nhớ, cách đây 10 năm, nhân kỉ niệm 40 năm ngày thương binh liệt sĩ, tôi đã đưa Thứ trưởng Bộ thương binh Huỳnh Đắc Cương đến thăm và tặng quà. Lúc đó, gia đình (nói là gia đình thôi nhưng chỉ

có hai bác), ở trong ngôi nhà lá đơn sơ. Bây giờ ngôi nhà không còn, ngôi nhà tình nghĩa bốn gian thoáng rộng đang xây, mái ngói lợp rồi, chỉ còn chút trát, đắp nền và xây đôi chút đường trang trí, tôn cái sân lên là xong. Một tháng nữa hai bác sẽ có một cơ ngơi khang trang để an dưỡng tuổi già.

Bác Kính 86 tuổi mà trông quắc thước. Người to, cao, ba chòm râu để dài bạc phơ, quần áo thụng, trông như võ sư trong phim kiếm hiệp. Nhưng nói năng lại hiền khô. Mà bác đúng là con nhà võ. Tám tuổi mồ côi, đi ăn đi ở thế mà lớn lên chàng trai Ninh Bình ấy vẫn khỏe như vâm, trúng ngay vào lính. Tập tành xong, năm 1937 sang Pháp, suốt thời chiến tranh, anh lính thuộc địa này chiến đấu dưới lá cờ tự do - bình đẳng, bác ái, góp phần giải phóng nước Pháp. Được bạn bè giác ngộ và từ đáy lương tâm, anh thấy cái nhục của người dân mất nước. Bây giờ người lính ấy vẫn giữ mảnh giấy đánh máy, có đóng dấu hình ngôi sao năm cánh, trong lòng có hai chữ "Việt Minh". Dòng chữ đánh máy mang tính tuyên truyền vừa sắc sảo vừa vui: Việt Minh đã có 15 triệu hội viên xứ Việt. Anh là hội viên thứ 15 triệu lẻ 1. Khi Bác Hồ sang Pháp năm 1946, anh đã trở về trong đoàn 1.200 binh lính. Về nước, anh tham gia Vệ quốc đoàn ở Cục Quân nhu. Những biên nhận ủng hộ giấy đánh máy, ủng hộ tiền của quân nhân Trần Kính có đóng dấu "Quân nhu cục" vẫn được anh giữ cẩn thận. Sau chiến thắng Thu - Đông 1947, anh gặp cô Sâm đang làm nhiệm vụ say

thóc cho bộ đội ở Khuôn Gà và thành vợ thành chồng. Ngày 21-9-1949 anh đã vinh dự đứng vào đội ngũ đảng viên Cộng sản.

Nghe bác Trần Kinh kể tôi hình dung ra cô bé mồ côi loắt choắt mà nhanh nhẹn. Cô vào rừng đào sâm nam để bán nuôi thân. Người ta gọi cô là "cái Sâm" thế mà thành tên. Sau này cô biết bố cô họ Trần ở Phố Yên, từ đấy cô khai tên là Trần Thị Sâm. Nương nhờ anh em bên mẹ nhưng cũng là nghèo khổ cả nên phải đầu tắt mặt tối kiếm ăn... Năm 1947, cô kết hôn với anh lính quân nhu mới ghép tên quê cô Thái Nguyên và quê anh Ninh Bình thành tên Thái Ninh. Thế là cô gái nông thôn chân lấm tay bùn có cái tên mới nghe như người thành thị. Sau lễ thành hôn muộn màng, anh vệ quốc quân 36 tuổi để lại xóm núi người vợ 38 tuổi, tiếp tục rong ruổi các chiến trường.

Người đàn bà ấy vô vô dợi chồng, nhiệt tình lao vào hoạt động xã hội. Người ta thấy chị hăng hái tham gia phong trào phụ nữ giúp đỡ bộ đội, giúp đỡ đồng bào tản cư. Thời ấy làm gì có lương hoặc trợ cấp. Đi vận động chị em học bình dân học vụ, tặng gia sản xuất, đi quyên góp ủng hộ bộ đội suốt ngày, trưa tối về cơm nhà, đêm đi tiếp tế mà chị vẫn không nản chí. Ba lần sinh, ba đứa trẻ "chê mẹ nghèo không ở". Đánh xong trận Điện Biên, điều trị khỏi vết thương, anh thương binh 45 tuổi về quê thăm nhà thì cháu bé hai tuổi cũng vừa bỏ đi.

Thế là cái tuổi 50 "ngũ thập tri thiên mệnh" đã ập đến, cái thời trẻ trung đã đi vào kỉ niệm, hai vợ chồng bàn nhận con nuôi. Cháu Trần Đình Hoạn, con người

em ruột lên 5 tuổi ở Nam Định được đưa về. Thôi cũng là máu mủ ruột rà, hai người coi cháu như con.

Thời ấy, người ta sinh năm, đẻ bảy, gia đình chỉ có một đứa bé con nuôi nên quyết tâm cho ăn học thành người. Thấm thoát Hoan đã biết đọc, biết viết rồi qua cấp một, cấp hai vào cấp ba. Hy vọng của mẹ lớn dần. Nhưng từ 1965, máy bay giặc Mỹ điên cuồng đánh phá Thái Nguyên. Đại Từ quê mẹ là một mục tiêu cho bom đạn Mỹ. Mẹ vẫn quyết tâm động viên con học hành.

Chưa hết bậc học phổ thông thì cuộc chiến tranh bước vào giai đoạn quyết liệt. Chàng trai 17 tuổi nối chí cha vác súng lên đường. Một năm bật tin rồi nhận được tin sét đánh, giấy báo tử ghi gọn: Hạ sĩ Trần Văn Hoan sinh tháng 8 năm 1952, nhập ngũ tháng 8-1968, đơn vị KB, hy sinh ngày 29-7-1968. Thế là từ đây gia đình lại trở về con số tối thiểu: hai vợ chồng già.

Bà mẹ Việt Nam anh hùng Trần Thái Ninh, một đời lam lũ nuôi thân, gánh vác việc nhà cho chồng, cho con ra trận, thế mà nay đã xấp xỉ tuổi 90, tóc bạc như cước nhưng vẫn phảng phất nét dịu hiền của thời con gái đã xa. Bây giờ nghe giọng nói nhỏ nhẹ, nhìn gương mặt phúc hậu ta nhận ra ngay ở Bà mẹ Việt Nam anh hùng nét trung hậu, đảm đang, biết xả thân vì nghĩa.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ NGỌT

Mẹ Nguyễn Thị Ngọt sinh năm 1905; dân tộc Kinh; quê ở xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần và an táng tại quê; Có con độc nhất là Nguyễn Văn Hồng đã anh dũng hi sinh trên chiến trường miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ Nguyễn Thị Ngọt sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo, cả bố và mẹ đều không may bị mất sớm, anh chị, em ruột cũng chẳng có ai. Mẹ lại bị mất mờ từ nhỏ nên cuộc sống riêng của mẹ rất gian truân, vất vả. Đến tuổi trưởng thành mẹ xây dựng gia đình. Chồng mẹ là người cùng quê, đi bộ đội kháng chiến chống Pháp, sau đó yếu sức khỏe về địa phương; Vợ chồng mẹ sinh được 2 người con trai là Nguyễn Văn Lộc và Nguyễn Văn Hồng. Năm 1952, nổi bất hạnh đầu tiên đã đến với mẹ, người bạn đời của mẹ, sau một trận ốm "thập tử, nhất sinh" đã dứt áo "ra đi" về cõi vĩnh hằng để lại mẹ một mình bơ vơ không anh, em ruột thịt cùng với 2 đứa con thơ còn nhỏ dại. Nỗi đau mất chồng chưa kịp nguôi ngoai thì 2 năm sau, một tai họa nữa lại giáng tiếp xuống đầu mẹ: Nguyễn Văn Lộc - đứa con đầu lòng - mà mẹ đã hết lòng yêu thương và đặt biết bao nhiêu hy vọng đã bị ốm nặng rồi đột ngột "ra đi" theo bố khi vừa tròn 9 tuổi. Nỗi đau mất chồng, rồi tại tiếp nỗi đau mất đứa con trai đầu đã làm mẹ

tướng chừng gục ngã. Mẹ ốm liệt giường, liệt chiếu mất mấy ngày. Nhưng rồi tiếng gọi của Nguyễn Văn Hồng – đứa con trai còn lại độc nhất của mẹ – đã tiếp thêm nghị lực cho mẹ đứng dậy. Vượt lên trên nỗi bất hạnh của tật nguyên vì đôi mắt mẹ đã mờ nay do thương chồng, khóc con nên đã gần như mù hẳn. Ngày ngày mẹ lại lần mò cua, ốc, vườn tược kiếm sống và nuôi con. Không phụ lòng mẹ, người con trai độc nhất của mẹ đã trưởng thành và hiếu thảo trở thành một đảng viên, một cán bộ cơ sở. Mẹ lấy vợ cho con. Con dâu của mẹ là Lục Thị Đào, làm ruộng ở cùng quê. Tháng 9-1969, mẹ có cháu nội đầu lòng là Nguyễn Văn Tuyến và 2 năm sau đó (tháng 8-1971) mẹ lại có thêm một cháu gái nữa là Nguyễn Thị Hằng. Ngày ngày mẹ ở nhà vừa trông nhà vừa bế cháu cho con trai, con dâu đi làm. Cuộc sống của mẹ tưởng như thế sẽ được yên ổn đến khi "trăm tuổi", nào ngờ đầu năm 1972 giặc Mỹ lại leo thang mở rộng chiến tranh ra cả 2 miền Nam, Bắc nước ta. Theo tiếng gọi của tiền tuyến, Nguyễn Văn Hồng, con trai của mẹ đã tình nguyện lên đường đánh Mỹ. Con đi rồi, mẹ lại cùng con dâu tần tảo sớm khuya làm lụng vất vả để lấy tiền nuôi các cháu ăn, học, để con trai yên lòng đánh giặc.

Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc thắng lợi. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của nhân dân ta đem lại độc lập, tự do và sự thống nhất vẹn toàn cho Tổ quốc. Trong niềm vui chiến thắng, mặc dù đôi mắt bị mù không được nhìn thấy đất trời của độc lập, tự do, nhưng lòng mẹ mừng, vui hy vọng không lâu nữa con trai của mẹ sẽ

trở về. Nhưng cũng như bao nhiêu anh hùng liệt sĩ khác, để có được độc lập, tự do cho Tổ quốc hôm nay, con trai mẹ đã phải vĩnh viễn nằm lại ở chiến trường Quảng Trị - Thừa Thiên.

Cuối năm 1975, mẹ nhận được tin Liệt sĩ Nguyễn Văn Hồng - con trai của mẹ - sinh năm 1947, nhập ngũ tháng 5-1972 là Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng thuộc đơn vị 610 KH đã hy sinh trong chiến đấu ngày 16-9-1974. Anh Hồng đã được truy tặng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba.

Người con trai còn lại độc nhất của mẹ đã hy sinh vì Tổ quốc, niềm an ủi còn lại duy nhất của mẹ là người con dâu hiền thảo, đảm đang và hai đứa cháu nội hay làm, chăm học... Mẹ đã phải gắng gượng nén nỗi đau để động viên con, cháu, giữ yên, vui cuộc sống gia đình. Ngày 19-5-1978 mẹ đã từ trần, thọ 73 tuổi.

Ngày 24-4-1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ XUÂN

Mẹ Nguyễn Thị Xuân sinh năm 1906; dân tộc Kinh; quê ở xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần và an táng tại quê; Có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Lưu hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ Nguyễn Thị Xuân sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân. Khi đến tuổi trưởng thành mẹ lấy chồng. Chồng mẹ là Nguyễn Văn Lữ, sinh năm 1907 cũng là người làm ruộng ở cùng quê. Năm 1947 hai vợ chồng mẹ sinh được một người con trai và đó cũng chính là người con độc nhất của mẹ. Vợ chồng mẹ đặt tên con là Nguyễn Văn Lưu. Dưới bàn tay nâng niu và chăm sóc của mẹ, con trai của mẹ theo năm tháng đã trưởng thành, khôn lớn. Mẹ lấy vợ cho con. Con dâu của mẹ là Nguyễn Thị Nhất, làm ruộng ở cùng quê. Tháng 8-1966 vợ chồng con trai của mẹ sinh cho mẹ một đứa cháu gái nội là Nguyễn Thị Thủy. Ba tháng sau khi có cháu gái nội, hưởng ứng lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước thiêng liêng của Bác Hồ, mẹ đã tiễn người con trai độc nhất của mẹ lên đường đánh giặc. Thay cho người con trai ra trận, ngày ngày mẹ lại cùng chồng và con dâu vừa tần tảo làm lụng sớm khuya để kiếm ăn và nuôi cháu ăn học, vừa cầu mong cho con trai của mẹ mau đánh thắng giặc Mỹ để trở về. Nhưng sự cầu mong của mẹ đã không thành sự thật. Ngày

30-3-1975 mẹ đã nhận được tin con trai Nguyễn Văn Lưu của mẹ Trung sĩ, Tiểu đội phó thuộc Tiểu đoàn 80 KB đã anh dũng hy sinh trong chiến đấu tại Mặt trận phía Nam ngày 15-3-1969, thi hài được an táng tại nghĩa trang gần mặt trận. Tin con hy sinh như sét đánh ngang tai, mẹ đã khóc con, khóc đến nỗi không còn nước mắt để mà khóc nữa. Nhưng rồi, nghĩ đến chồng, nghĩ đến con dâu đang còn trẻ và nghĩ đến đứa cháu gái nội mới ở tuổi bắt đầu cắp sách đến trường, mẹ lại gắng gượng để cùng chồng, cùng con dâu trụ vững cuộc sống gia đình. Hai năm sau ngày báo tử con trai, mẹ động viên con dâu tái giá, mẹ tự nguyện gánh vác việc nuôi dạy cháu thay con. Năm 1978, chồng mẹ già yếu qua đời. Từ đó trong căn nhà đơn sơ của mẹ chỉ còn một bà, một cháu. Ngày 7-12-1980, sau một cơn đau nặng mẹ cũng từ trần. Ngày nay, cháu gái nội của mẹ đã trưởng thành, là cán bộ của Trung tâm Y tế huyện Đại Từ và đã yên bề gia thất.

Xét công lao sinh thành và nuôi dưỡng một người con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Lưu của mẹ, ngày 24-4-1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG PHẠM THỊ MẬU



Mẹ Phạm Thị Mậu; sinh năm 191; dân tộc Kinh; quê ở huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Định; đã từ trần và an táng tại xóm Đầm Mây, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con nuôi độc nhất đã ngã xuống vì độc lập tự do và thống nhất Tổ quốc

Mẹ Phạm Thị Mậu sinh ra trong một gia đình nông dân. Do cuộc sống ở quê quá khó khăn, vất vả, năm 13 tuổi mẹ đã phải cùng với các cụ thân sinh ra mẹ rời bỏ nơi chôn rau, cắt rốn của mình lên định cư kiếm sống bằng nghề cấy thuê, gánh mướn ở xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tại đây vào khoảng năm 1948, 1949 mẹ đã tìm được người bạn đời của mẹ. Chồng mẹ là Đào Văn Chung, còn gọi là Đào Văn Côn, sinh năm 1918, quê ở xã Đông Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, cũng do cuộc sống ở quê đói, kém mà phải tha phương, cầu thực lên kiếm sống ở đây. Hai vợ chồng mẹ sống với nhau yêu thương, hòa thuận, nhưng không sinh hạ được một người con nào. Năm 1950, vợ chồng mẹ về Kim Động, Hưng Yên xin vợ chồng người em chú một đứa con trai

3 tuổi về làm con nuôi để nương tựa lúc tuổi già. Người con nuôi của mẹ tên là Đào Văn Hữu hay đau, ốm. Mẹ đã phải thức khuya, dậy sớm chăm bẵm cho con từng bữa, từng ngày. Trong vòng tay yêu thương, chăm sóc của mẹ, Đào Văn Hữu đã ngày càng khôn lớn. Mẹ cho Hữu đi học. Học hết cấp 2, thương bố mẹ nuôi phải thức khuya, dậy sớm vất vả để nuôi mình ăn, học nên anh đã nghỉ học ở nhà giúp đỡ bố mẹ. Tháng 1-1965, khi vừa bước sang tuổi 18, anh xung phong vào bộ đội. Một năm sau do sức khỏe yếu nên đơn vị cho anh xuất ngũ về nhà. Tháng 3-1967, anh lại xung phong tái ngũ. Ngày anh đi, mẹ mong anh "chân cứng, đá mềm", đánh thắng giặc lại trở về với mẹ. Vâng lời mẹ dặn, trong quân ngũ anh đã phấn đấu trở thành đảng viên, thành trung đội phó. Ngày 31-12-1972 trong một trận chiến đấu ở Mặt trận phía Nam, chuẩn úy, trung đội phó Đào Văn Hữu - người con nuôi độc nhất của mẹ - đã anh dũng hy sinh. Được tin con hy sinh tại chiến trường, lòng mẹ đau như cắt. Tuy không mang nặng, đẻ đau nhưng mẹ đã nuôi con từ nhỏ, coi như đứa con mà mình đã đứt ruột đẻ sinh ra. Con mất đi, lòng mẹ chơi vơi và hẫng hụt. Nhưng mẹ đã cố nén lòng mình để động viên chồng, cùng chồng trụ vững cuộc sống gia đình khi đã ở tuổi chiều tà, xế bóng. Ngày 22-9-1993 ông Đào Văn Côn - chồng mẹ - qua đời. Ngày 13-10-1994, do tuổi già, sức yếu, mẹ cũng từ trần.

Do có công nuôi dưỡng, dạy bảo liệt sĩ Đào Văn Hữu từ lúc còn nhỏ đại đến lúc trưởng thành, mẹ Phạm Thị Mậu được Nhà nước truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" ngày 24-4-1995.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ THANH



Mẹ Nguyễn Thị Thanh sinh tháng 3-1911; dân tộc Kinh; quê ở xã An Lợi, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; đã từ trần và an táng tại xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ Nguyễn Thị Thanh sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân nghèo. Đến tuổi trưởng thành mẹ lấy chồng. Chồng mẹ là Nguyễn Văn Các, làm ruộng ở cùng quê. Năm 1940, hai vợ chồng mẹ sinh được một người con trai là Nguyễn Ngọc Ái. Một điều bất hạnh đã sớm đến với mẹ, chồng mẹ không may mắc bệnh hiểm nghèo, mất sớm, để lại cho mẹ một đứa con thơ dại ngay từ khi tóc mẹ vẫn còn xanh. Thương con cô cút, mẹ nén lòng đứng vậy nuôi con. Ở quê nhà đất chật, người đông, làm ăn khốn khó, mẹ dắt con lên sinh cơ, lập nghiệp ở xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Được bà con xã Bình Thuận cư mang, giúp đỡ, cuộc sống của hai mẹ con mẹ cũng phần nào bớt đi nỗi vất vả, nhọc nhằn. Khi con đến tuổi tới trường mẹ cho con đi học.

Đến tuổi trưởng thành, mẹ đã lo lắng xây dựng gia đình cho con sớm yên bề gia thất. Tháng 2-1966, trước tình hình đế quốc Mỹ ô ạt đưa quân viễn chinh và quân chư hầu vào mở rộng chiến tranh xâm lược miền Nam, tăng cường dùng không quân và hải quân đánh phá mở rộng và ác liệt ra toàn miền Bắc, mẹ đã động viên con trai của mẹ xung phong lên đường đánh giặc. Mẹ tự nguyện ở nhà gánh vác việc gia đình. Còn Nguyễn Ngọc Ái - con trai của mẹ - sau hơn 6 năm chiến đấu và công tác ở chiến trường miền Nam đã phấn đấu trở thành đảng viên và đã trưởng thành từ một chiến sĩ lên một tiểu đội phó, tiểu đội trưởng, trung đội phó, trung đội trưởng, đại đội phó rồi đại đội trưởng có năng lực. Ngày 22-4-1972, trong một trận chiến đấu quyết liệt với giặc Mỹ, anh đã chỉ huy đại đội đánh lui nhiều đợt tấn công của chúng và cuối cùng anh đã hy sinh anh dũng tại Mặt trận phía Nam. Liệt sĩ Nguyễn Ngọc Ái đã được truy tặng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhì, 1 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng nhì và 3 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng nhất, nhì, ba.

Tin con trai hy sinh đã làm cho mẹ đau đớn không cùng. Thương cô con dâu Nguyễn Thị Chành đã sớm thành goá bụa, mẹ đã coi cô như con đẻ của mình, động viên cô đi bước nữa. Còn mẹ, mẹ tự nguyện một mình chịu sống cảnh đơn cô. Ngày 10-12-1984, mẹ đã "ra đi" về cõi vĩnh hằng, hưởng thọ 75 tuổi. Ngày 24-4-1995 mẹ đã được Chủ tịch nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

NGÔI NHÀ TÌNH NGHĨA

(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng

Nguyễn Thị Gái, được phong tặng

ngày 24-4-1995)



Tôi đã thăm nhiều ngôi nhà tình nghĩa. Mỗi ngôi nhà có một nét riêng, một quy mô riêng. Nhưng đúng đều là tình nghĩa, nguồn kinh phí xây dựng là tấm lòng của bà con làng xóm, các cơ sở sản xuất, các cơ quan đóng góp. Trên đường 13A từ Bồ Đậu đi Đại Từ sang Tuyên Quang, ngay sát đoạn đường tàu hỏa cắt đường ô tô có một ngôi nhà tình nghĩa được xây dựng kiên

cố. Mặt tiền nhìn ra đường, cửa gỗ sang trọng, mái bằng có cầu thang lên gác thượng, nền lát gạch hoa bóng lộn, ngôi nhà nổi trội so với kiến trúc xung quanh, so với các ngôi nhà tình nghĩa khác mà tôi đã gặp. Đồ đạc trong nhà không nhiều nhưng đều mới và đẹp. Phía ngoài kê bộ xa lông tiện bằng gỗ nghiêng, tiếp theo là tủ chè rồi đến chiếc giường đôi, tất cả đều bóng nước véc ni. Tấm ri đô bằng vải hoa màu nhã còn mới, cái phích nước và bộ ấm chén cũng mới... Đó là ngôi nhà tình nghĩa của Bà mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn

Thị Gái do bà con xã Cù Vân (Đại Từ) cùng đơn vị Z127 đóng góp xây dựng.

Mẹ Nguyễn Thị Gái quê ở làng Thịnh Đán, sinh năm 1911. Bây giờ, Thịnh Đán là xã ngoại thành Thái Nguyên, cách sinh hoạt mang dáng dấp thành thị đã len vào các xóm nhỏ. Nhưng thời mẹ còn trẻ, nơi đây chỉ cách thị xã Thái Nguyên 6km nhưng đích thực là một vùng nông thôn lạc hậu. Những vạt ruộng nhỏ len lách giữa những quả đồi san sát. Trên đồi không còn cây to, chỉ có sim, mua, những cây lúp xúp và bạt ngàn thanh hao. Nhà cửa được làm bằng tre ngâm, trình tường, lợp lá hèo. Các cô gái Thịnh Đán biết đi lấy lá hèo, biết bẻ cây thanh hao làm chổi đi bán ở các chợ quê. Ngày ấy tàu xe còn hiếm lắm nhưng có nhiều đường mòn chỉ đặt lốt chân người. Từ Đán có thể ra Quán Triều, qua làng Sông, làng Ngò sang Cù Vân. Từ Đán cũng có thể qua Sà Cạt, qua Cây Xanh cũng sang được Cù Vân...

Thấy mẹ vui, tôi hỏi:

- Mẹ ở mãi bên Đán sao sang tận Cù Vân làm dâu?

- Đi chợ ấy mà.

Mẹ nói vậy mắt mơ màng, hình như nhớ lại cái thời con gái đi chợ Cù Vân gặp người con trai tên là Vũ Khắc Quyền rồi thành vợ, thành chồng. Mẹ lấy chồng năm 20 tuổi, năm 26 tuổi sinh con trai đầu lòng. Cậu bé Vũ Tân Cương cất tiếng chào đời đúng vào lúc chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Suu

cao, thuế nặng, bắt lính, bắt phu, xiết thòng lọng vào cổ những người nông dân hiền lành. Gia đình mẹ phải vật vã với mảnh ruộng để sống. Rồi cách mạng thành công, ông Vũ Khắc Quyền lao vào công tác xã hội. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ông Quyền nhiệt tình tham gia dân quân, du kích, đi dân công phục vụ các chiến dịch. Trong đoàn xe thô tiếp tế cho Điện Biên Phủ có mặt người con trai vạm vỡ của Cù Văn. Có thời ông đi công tác thoát ly, gánh nặng gia đình đè lên vai mẹ. Mẹ được phong "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" vì có con độc nhất hy sinh, nhưng đâu phải mẹ chỉ sinh nở có một lần. Ông trời cho mẹ 4 lần sinh, ba trai một gái thì cũng chỉ trong vòng 24 ngày đã cướp đi của mẹ 1 gái 2 trai vì căn bệnh hiểm nghèo. Nỗi đau đè nặng lên vai tưởng không qua nổi, mẹ phải cố gắng gượng dậy để chăm sóc cho người con cả.

Có con dâu, mẹ mừng đến rơi nước mắt. Ông trời đền công mẹ, cháu Vũ Văn Trung ra đời. Cúng năm ấy con trai mẹ đi làm công nhân ở Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ rồi đi làm nghĩa vụ quân sự. Mấy năm sau cháu thứ hai Vũ Thị Vui cất tiếng khóc chào đời. Chẳng biết cái duyên cái số làm sao mà đôi vợ chồng ấy chia tay. Hai cháu nhỏ chẳng tội tình gì lại phải nương nhờ bà nội. Ở xứ Thanh xa xôi năm 1969, cháu nội của bà là Vũ Tân Thanh ra đời...

Hiện nay hồ sơ của liệt sĩ Vũ Tân Cường còn lưu lại: Nhập ngũ tháng 4-1962, đi học trường Quân giới Quân khu III tháng 5-1965, ra trường tháng 11-1965,

cháng 6-1968 là nhân viên quân khí Tiểu đoàn 11. Trung đoàn 228, Quân chủng Phòng không - Không quân, được tặng hai bằng khen và 5 giấy khen trong chiến đấu, cấp bậc thượng sĩ, hy sinh ngày 14-3-1972 tại mặt trận Xiêng Khoảng - Lào, báo tử ngày 15-6-1972.

Năm 1972, mẹ Gái 61 tuổi, Vũ Văn Trung lên 10, Nguyễn Thị Vui lên 7. Giọt máu dòng họ Vũ trong Thanh Hóa là Vũ Tân Thanh mới chập chững biết đi. Bên đất nước bạn xa xôi, có một nắm mồ người con của đất Cù Vân, Đại Từ, Thái Nguyên. Vài năm sau, nước Lào được giải phóng, thành lập chế độ mới tươi đẹp. Người Lào mãi mãi không quên những người con Việt Nam ngã xuống với tinh thần quốc tế cao cả.

Cái năm 1972 thiêng liêng ấy đến bây giờ đã là 25 năm. Một phần tư thế kỉ đã trôi qua bên cuộc đời người mẹ. Nhìn ngôi nhà cũ của mẹ trên đồi, ai nhạy cảm là thấy ngay đó là ngôi nhà của người góa bụa. Nhưng chẳng ai biết được người mẹ liệt sĩ ấy không phải tần tảo nuôi con mà nuôi cháu. Đứa cháu mười tuổi ngày ấy đã là điểm giữa của lứa tuổi "tam thập nhi lập" rồi. Ba đứa chắt: Vũ Thị Thủy 14 tuổi, Vũ Văn Dũng 12 tuổi, Vũ Văn Huy 7 tuổi, quây quần bên cha mẹ và cụ nội. Thêm vào đó là đơn vị Z127 nhận phụng dưỡng mẹ cho đến tuổi già.

Dấu tích của chiến tranh còn để lại là tấm ảnh người đàn ông đeo quân hàm thượng sĩ, nét mặt cương nghị đặt trang trọng trên bàn thờ, là những tấm huân

chương, bằng Tổ quốc ghi công, bằng "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" và những nếp nhăn hằn sâu trên gương mặt già nua của mẹ. Người đời nhìn mãi cũng quen, nhưng với mẹ, những tấm bằng kia gắn bó với mình như số phận. Nó ghi lại một đoạn đời dài gần cả kiếp người, vượt lên trên giông bão để cống hiến cho Tổ quốc quang vinh.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ LAI

Mẹ Nguyễn Thị Lai sinh năm 1913, dân tộc Kinh; quê ở tỉnh Hải Dương; đã từ trần và an táng tại xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con nuôi độc nhất là liệt sĩ hi sinh trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ Nguyễn Thị Lai, sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo lại đông con, nên mẹ đã sớm phải bỏ quê hương Hải Dương đi lên vùng núi rừng Thái Nguyên để tìm việc làm thuê, làm mướn kiếm sống. Đến tuổi trưởng thành mẹ lấy chồng. Chồng mẹ là ông Nguyễn Thế Bật, sinh năm 1901, làm ruộng ở xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Mẹ cùng chồng sống với nhau hòa thuận, đoàn kết. Bà con xóm ngõ chưa bao giờ được nghe thấy hai vợ chồng mẹ phải to tiếng với nhau, thế mà không hiểu sao hạnh phúc được làm mẹ lại không mỉm cười với mẹ. Do bệnh tật nên mẹ không sinh hạ được một người con nào. Năm 1947 mẹ nhận một người con riêng của chồng tên là Nguyễn Anh Quý, 3 tuổi về làm con nuôi; Mẹ đã coi con nuôi thực sự như con đẻ của mình, hết lòng yêu, thương, chăm sóc con từ miếng ăn đến giấc ngủ rất tận tình, chu đáo. Khi con đến tuổi cấp sách tới trường, mẹ cho con đi học. Học hết cấp 2 phổ thông, con của mẹ nghỉ học ở nhà làm ruộng. Thế rồi thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, ngày 7-4-1963 con của mẹ lên đường nhập ngũ vào

Trung đoàn 210 pháo cao xạ bảo vệ thành phố Thái Nguyên. Trong quân ngũ, con của mẹ đã tích cực tu dưỡng, rèn luyện, đã trưởng thành từ một pháo thủ lên khẩu đội phó rồi khẩu đội trưởng. Từ cuối năm 1965 máy bay giặc Mỹ đã trực tiếp và ô ạt vào đánh phá thành phố Thái Nguyên, cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 210 trong đó có con của mẹ đã chiến đấu rất dũng cảm, bắn rơi nhiều máy bay Mỹ trong đó có chiếc máy bay Mỹ thứ 1000 bị bắn rơi trên miền Bắc. Đầu năm 1967, đơn vị con của mẹ được chuyển vào làm nhiệm vụ chiến đấu ở tuyến lửa Quân khu 4. Ngày 17-5-1968, trong một trận chiến đấu rất quyết liệt đánh trả máy bay Mỹ để bảo vệ thị trấn Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, Trung sĩ Nguyễn Anh Quý, khẩu đội trưởng pháo cao xạ 100 milimét thuộc Đại đội 102, Trung đoàn 210, Sư đoàn 367 Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân đã anh dũng hy sinh. Liệt sĩ Nguyễn Anh Quý đã được truy tặng 1 Huân chương Chiến công hạng ba.

Tin con hy sinh đã làm cho lòng mẹ nát tan, đau đớn. Mẹ đã mất đi một chỗ dựa tinh thần và tình cảm mà không gì có thể bù đắp được. Mẹ thật sự bàng hoàng và hẫng hụt. Nhưng rồi mẹ đã bình tâm, trấn tĩnh lại. Mẹ lại làm, lại ăn, và hương khói cho người con trai độc nhất của mình. Ngày 19-7-1984, mẹ đã từ trần, hưởng thọ 71 tuổi.

Xét công lao nuôi dưỡng liệt sĩ Nguyễn Anh Quý của mẹ, ngày 24-4-1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ CHẤT

Mẹ Nguyễn Thị Chất tên thường gọi là Nguyễn Thị Lộc, sinh năm 1914; quê ở xã Thăng Lợi (nay là xã Na Mao), huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần và an táng tại quê; có con độc nhất là liệt sĩ hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ Nguyễn Thị Chất sinh ra trong một gia đình rất nghèo, các cụ thân sinh ra mẹ không có ruộng nên phải quanh năm đi làm thuê, làm mướn để kiếm ăn. Mới lên 8, 9 tuổi mẹ đã phải đi ở đợ, chăn trâu, cắt cỏ cho địa chủ. Đến tuổi trưởng thành mẹ phải đi lang thang khắp nơi tìm việc, từ gánh nước, cấy thuê đến cuộc ruộng, làm nương... để kiếm sống. Ngoài 30 tuổi mẹ mới xây dựng gia đình. Chồng mẹ là Trần Văn Thi sinh năm 1913, một người cùng quê, cùng cảnh nghèo, cùng phải quanh năm cày thuê, cuốc mướn như mẹ. Năm 1950, mẹ sinh con trai đầu lòng và đồng thời đó cũng là người con độc nhất. Vợ chồng mẹ đặt tên con là Trần Văn Cử. Do cuộc sống làm thuê, làm mướn vất vả, kham khổ, ăn đói, mặc rách kéo dài nên khi sinh con và nuôi con được 1, 2 năm thì người mẹ xanh xao, gầy guộc. Mẹ mắc bệnh hiểm nghèo phải nằm liệt giường, liệt chiểu. Biết mình không qua khỏi căn bệnh quái ác này, mẹ dặn chồng hãy thương con, cố gắng nuôi con ăn, học bằng người. Rồi mẹ "ra đi", đi mãi...

Còn Trần Văn Cử con trai của mẹ, được bố nuôi dưỡng ăn, học đã trưởng thành. Tháng 9-1968, theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, anh tình nguyện xung phong lên đường nhập ngũ và sau hơn 3 tháng huấn luyện tại Tiểu đoàn 68 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái (cũ) anh đã cùng đồng đội hành quân "xẻ dọc Trường Sơn" vào chiến trường miền Nam đánh Mỹ. Ngày 14-6-1970, Trần Văn Cử - người con trai độc nhất mà mẹ để lại - Hạ sĩ, Chiến sĩ liên lạc thuộc đơn vị KB đã anh dũng hy sinh vì Tổ quốc tại Mặt trận phía Nam khi anh vừa tròn 20 tuổi. Anh đã được truy tặng 1 Huân chương Chiến công hạng ba, 1 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng ba.

Xét công lao sinh thành và nuôi dưỡng liệt sĩ Trần Văn Cử của mẹ, ngày 24-4-1995 Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG LÝ THỊ TỰ

Mẹ Lý Thị Tự sinh năm 1920; dân tộc Tày; quê ở xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; gia đình trú tại xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; có người con duy nhất là liệt sĩ hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; đã mất năm 1952, an táng tại quê nhà.

Sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo, lại đông anh, chị, em nên thời thơ ấu, mẹ Lý Thị Tự đã phải đi ở cho nhà giàu chăn trâu, cắt cỏ và làm lụng để giúp bố, mẹ kiếm sống. Do phải lao động nặng quá sớm và cuộc sống quá cực khổ nên cơ thể mẹ còi cọc. Không làm nổi công việc nặng nhọc cho nhà chủ, mẹ đã trở về ở với gia đình, sống trong tình thương yêu và giúp đỡ của bố, mẹ và các anh, chị, em. Đầu năm 1946, mẹ lấy chồng. Chồng mẹ là Hoàng Văn Lộc, dân tộc Tày, ở xóm Na Đông, xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Hai vợ, chồng mẹ về ở bên nội, cùng nhau làm lụng, khai phá ruộng, nương để trồng trọt kiếm sống. Ngoài những buổi cùng chồng lên nương, lên rẫy, mẹ còn cần mẫn sớm hôm quay tơ, dệt vải để bán và dùng trong gia đình. Mùa Thu năm 1946, đứa con gái đầu lòng của vợ, chồng mẹ đã cất tiếng chào đời. Tưởng rằng cuộc sống gia đình với những niềm hạnh phúc sẽ được nhân lên theo thời gian, nhưng thực dân Pháp đã gây ra cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ 2. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng

nổ, chiến sự ngày càng lan rộng. Tháng 10 năm 1947, thực dân Pháp mở cuộc tấn công lên Việt Bắc. Tháng 11 chúng cho quân nhảy dù xuống La Hiên, đốt phá nhà cửa, bắt bớ và bắn giết dân lành. Chồng mẹ đã gia nhập đội du kích đánh giặc, bảo vệ quê hương. Mẹ công con, cùng dân làng tản cư vào rừng tránh giặc. Cuộc sống dù khó khăn, thiếu thốn, song mẹ vẫn tích cực tham gia đóng góp cho kháng chiến, vừa làm tròn bổn phận nuôi con để chồng yên tâm đánh Pháp. Do không đạt được mục tiêu cuộc tấn công, lại bị thiệt hại nặng nề, cuối tháng 12-1947, thực dân Pháp phải rút quân khỏi Việt Bắc. Quê hương mẹ được giải phóng. Mẹ phấn khởi tăng gia sản xuất và tham gia các hoạt động xã hội. Năm 1950, một niềm vui mới lại đến với vợ chồng mẹ khi đứa con trai ra đời. Vợ chồng mẹ đặt tên con là Hoàng Văn Hiệp với ý nguyện đứa con lớn lên sẽ trở thành một chàng trai có đức tính hào hiệp. Một mình mẹ nuôi hai đứa con thơ trong cảnh sống nhiều khó khăn, thiếu thốn. Niềm vui đến chưa được bao lâu thì tai họa đã giáng xuống gia đình mẹ. Đó là đứa con gái đầu lòng của mẹ mới 4 tuổi đột ngột qua đời. Nỗi đau mất con cùng với sự làm lụng quá sức, khiến mẹ trở thành một thiếu phụ tiêu tụy. Mẹ đã qua đời ở tuổi 32, để lại nỗi mất mát, đau thương không gì có thể bù đắp được cho chồng và đứa con trai hai tuổi. Một mình chồng mẹ trong cảnh gà trống, nuôi con, cô đơn và hiu quạnh bên mái nhà sàn lại lao động quá sức, sức khỏe của ông cũng suy kiệt nhanh chóng. Sau mười năm vợ mất, ông cũng ra đi về với tổ tiên ở tuổi 50 để lại đứa con trai cô cút 12 tuổi luôn ốm đau vì thiếu bàn tay chăm sóc của cả cha và mẹ. Sống trong cảnh chim

non mất tổ, con trai mẹ được người chú ruột đưa về nuôi và cho ăn học. Vốn thông minh, nhanh nhẹn, anh học khá, song vì cuộc sống khó khăn, anh đành bỏ dở lớp 4 để giúp chú, thím cày ruộng, phát nương. Cuộc sống cơ hàn tự lập đã hun đúc cho anh có nghị lực và có tấm lòng quả cảm. Từ năm 1965, cùng với việc phát động "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam, giặc Mỹ leo thang mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra toàn miền Bắc. Cuộc chiến ngày càng gay go, ác liệt, nhận rõ trách nhiệm của người thanh niên đối với vận mệnh của Tổ quốc, tháng 4-1966, mới 16 tuổi Hoàng Văn Hiệp đã xung phong vào bộ đội. Ngày 1-8-1968, trong một trận chiến đấu quyết liệt với máy bay địch để bảo vệ mảnh đất Cẩm Mỹ, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh, Trung sĩ Hoàng Văn Hiệp, Tiểu đội phó thuộc Đại đội 12, Tiểu đoàn 68, Trung đoàn pháo cao xạ 275, Quân chủng Phòng không - Không quân đã anh dũng hi sinh. Thi hài của anh được mai táng tại nghĩa trang liệt sĩ xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Xét công lao mẹ đã sinh thành và nuôi dưỡng người con độc nhất là liệt sĩ Hoàng Văn Hiệp, ngày 24-4-1995 Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ LAI.



Mẹ Nguyễn Thị Lai, sinh năm 1912; dân tộc Kinh; quê ở xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần và an táng tại quê; có con độc nhất là liệt sĩ chống Mỹ.

Mẹ Nguyễn Thị Lai sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo. Năm 1945 mẹ lấy chồng, chồng mẹ là Nguyễn Văn Chuyên, làm ruộng ở cùng quê. Hai vợ chồng mẹ dựng nhà ở và làm ruộng thuê, mưu sinh để kiếm sống. Năm 1948 mẹ sinh được một người con trai đặt tên là Nguyễn Huy Lịch. Một thời gian không lâu sau khi sinh con, chồng mẹ không may bị mắc bệnh nặng, mẹ phải tất tả ngược, xuôi tìm đến hết thầy lang này đến thầy thuốc khác để chạy chữa cho chồng, nhưng không được. Chồng mẹ qua đời, một mình mẹ phải bươn bả ruộng vườn khuya sớm để kiếm sống và nuôi con. Mẹ đã cố gắng lo cho con trai của mẹ được ăn, học bằng người. Học hết cấp 2, thương mẹ một mình phải cấy, cày sớm trưa vất vả, con trai của mẹ xin nghỉ học ở nhà giúp mẹ việc cày, bừa, làm cỏ, bón phân...

Tháng 3-1968, mẹ rất phấn khởi khi nghe đài, báo đưa tin Cuộc tiến công và nổi dậy đồng loạt của quân và dân ta ở miền Nam trong dịp Tết Mậu Thân năm 1968 đã tiêu diệt và làm tan rã 15 vạn tên địch (trong đó có 43 ngàn tên xâm lược Mỹ), phá hủy 34% nguồn dự trữ chiến tranh của chúng, giáng một đòn quyết định làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ. Nhưng mẹ cũng biết rằng, chưa bao giờ chiến tranh lại cần phải chi viện "sức người, sức của" nhiều bằng lúc này nên mẹ đã động viên con trai Nguyễn Huy Lịch của mẹ xung phong đi bộ đội vào chiến trường đánh giặc. Mẹ ở nhà một mình vừa gánh vác việc cấy hái, cày, bừa... để sinh sống, vừa góp phần cùng bà con ở xóm, làng xây dựng hậu phương.

Trong quân ngũ con trai Nguyễn Huy Lịch của mẹ chỉ sau 2 tháng phấn đấu và rèn luyện (tháng 5-1968) đã được vinh dự đứng trong hàng ngũ của Đảng. Sau hơn 1 năm chiến đấu ở chiến trường, ngày 29-7-1969, Trung sĩ, Tiểu đội phó Nguyễn Huy Lịch đã anh dũng hy sinh trong chiến đấu tại Mặt trận phía Nam, khi đó anh vừa tròn 21 tuổi.

Đầu năm 1973 Hiệp định Pa ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam đã được ký kết. Trong lòng mẹ tràn đầy niềm hy vọng con trai của mẹ sắp trở về thì đột ngột ngày 30-7-1973, mẹ nhận được tin con trai của mẹ đã hy sinh. Được sự động viên, an ủi của cấp ủy Đảng, chính quyền ở cơ sở cùng bà con trong xóm, ngoài làng, mẹ cũng đã vượt qua được nỗi

dau thương và bất hạnh lớn lao này. Mẹ đã đứng vững để làm ăn và để sống để ngày ngày hương khói cho chồng và cho đứa con độc nhất là liệt sĩ của mình.

Ngày 13-6-1985 mẹ đã ra đi về cõi vĩnh hằng cùng với chồng và người con trai của mẹ.

Với công lao sinh thành, nuôi dưỡng và cống hiến một người con độc nhất cho Tổ quốc, ngày 24-4-1995, mẹ đã được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ SO

Mẹ Nguyễn Thị So sinh năm 1911; dân tộc Kinh; quê ở xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; đã từ trần và an táng tại xã Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ Dương Nghĩa Vụ hi sinh ở chiến trường miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ.

Mẹ Nguyễn Thị So sinh trưởng trong một gia đình bố, mẹ đều làm ruộng. Do ở quê đất chật, người đông, gia đình mẹ lại ruộng vườn không có nên mẹ đã sớm phải rời bỏ nơi chôn rau, cắt rốn của mình để đi lên xã Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên tìm việc làm thuê kiếm sống. Mãi tới năm 37 tuổi, mẹ mới có điều kiện để xây dựng gia đình. Năm 38 tuổi mẹ sinh con trai đầu lòng đặt tên là Dương Nghĩa Vụ và đó cũng là người con độc nhất của mẹ. Do hoàn cảnh chồng mẹ (ông Dương Nghĩa Huân, sinh năm 1899) đã có vợ và có con nên mẹ phải một mình tần tảo thức khuya, dậy sớm làm lụng để kiếm sống và nuôi con. Khi Dương Nghĩa Vụ đến tuổi trưởng thành, mẹ đã lo lắng xây dựng gia đình cho anh. Con dâu của mẹ là Nguyễn Thị Thế, sinh năm 1949, người cùng huyện Phú Bình. Tháng 9-1966, đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân vào xâm lược miền Nam và tăng cường dùng Không quân và Hải quân đánh phá miền Bắc rất ác liệt. "Miền Nam gọi, miền Bắc trả lời", "Tiền tuyến gọi, hậu phương xốc tới", người con trai Dương Nghĩa Vụ của

mẹ đã xung phong lên đường xẻ dọc Trường Sơn vào Nam đánh Mỹ. Con đi rồi, ở nhà mặc dù đã qua tuổi 55 mẹ vẫn cùng với con dâu việc ruộng, việc vườn khuya, sớm và mong con mau hoàn thành nghĩa vụ trở về. Nhưng điều mẹ mong đợi đã không bao giờ đến nữa. Con trai Dương Nghĩa Vụ của mẹ chiến sĩ Tiểu đoàn 1 đơn vị KN đã anh dũng hy sinh tại Mặt trận phía Nam ngày 27-8-1968. Sau khi hy sinh, con trai của mẹ được truy tặng 1 Huân chương Chiến công hạng ba, 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng ba, 1 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng ba.

Tin con hy sinh làm cho mẹ bàng hoàng, đau xót, bao nhiêu hy vọng cậy nhờ con khi trái gió, trở trời, lúc tuổi già, sức yếu giờ đây đã chẳng còn. Mẹ chơi vơi giữa biển trời bất hạnh, chẳng muốn ăn, chẳng muốn ngủ, bao đêm ngồi bó gối khóc thương con. Nhưng rồi được cấp ủy, chính quyền địa phương và bà con xóm, thôn, động viên, an ủi, mẹ cũng dần dần bình tâm trở lại... Mẹ lại làm, lại ăn, lại sống cuộc đời bình dị. Và ngày ngày cầu mong cho vong linh liệt sĩ Dương Nghĩa Vụ - con trai của mẹ - được thanh thản, an nhàn.

Mẹ từ trần năm 1992, hưởng thọ 81 tuổi. Ghi nhận công lao của mẹ đã cống hiến người con độc nhất của mình cho Tổ quốc ngày 24-4-1995 Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG DUYỆT THỊ QUYẾT

Mẹ Dương Thị Quyết sinh ngày 18-12-1903; dân tộc Kinh; quê ở xóm Đại Lễ, xã Bảo Lý, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần và an táng tại quê; Có con độc nhất là liệt sĩ hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Mẹ Dương Thị Quyết sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân nghèo, ngay từ khi mới lớn dậy mẹ đã phải cùng với các cụ thân sinh ra mẹ đi làm thuê, làm mướn để kiếm ăn. Năm 22 tuổi mẹ lấy chồng. Chồng mẹ là người làm ruộng ở cùng quê. Do không có ruộng, có vườn nên ngày ngày hai vợ chồng mẹ phải đi cày thuê, cấy mướn, xay lúa, giã gạo... thuê cho các nhà giàu để sinh sống. Năm 1929, mẹ sinh con trai đầu lòng, đồng thời đó cũng là người con độc nhất của mẹ. Vợ chồng mẹ đặt tên con là Dương Văn Lũy. Vợ chồng mẹ tần tảo sớm khuya, hai sương, một nắng làm lưng vất vả, để nuôi con khôn lớn, trưởng thành.

Cách mạng tháng 8-1945 thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, cũng như bao nhiêu người phụ nữ Việt Nam nghèo, khổ khác, mẹ Dương Thị Quyết đã từ kiếp đời nô lệ, lầm than của một người dân mất nước, được đứng dậy ngẩng cao đầu, thở hít không khí trong lành của độc lập, tự do. Nhưng niềm vui của mẹ cũng "ngắn chẳng tày gang", thực dân Pháp đã quay trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Hưởng

ứng lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Bác Hồ, tháng 3-1947 mẹ tiễn người con trai độc nhất của mình vào bộ đội đánh Pháp.

Con đi bộ đội, mẹ ở nhà do cuộc đời đã phải nếm trải nhiều đắng cay, lam lũ lại cộng thêm nỗi bồn chồn, lo lắng, nhớ thương con ở nơi mũi tên, hòn đạn nên mẹ kém ăn, mất ngủ rồi ốm nặng và đột ngột qua đời ngày 20-11-1949, giữa lúc mẹ mới 46 tuổi. Sớm ra đi về cõi vĩnh hằng, nên mẹ có biết đâu rằng mẹ đã cống hiến cho quê hương, cho đất nước người con độc nhất mà mẹ thương, yêu hết mực. Ngày 11-12-1951, anh Dương Văn Lữ, người con trai độc nhất của mẹ đã hi sinh trong chiến đấu, hiến dâng trọn cuộc đời mình cho sự nghiệp giải phóng quê hương, đất nước.

Ghi nhớ công lao sinh thành và nuôi dưỡng liệt sĩ Dương Văn Lữ của mẹ, Đảng ủy, chính quyền và nhân dân xã Bảo Lý, huyện Phú Bình đã xây mộ và dựng bia ghi tên mẹ. Ngày 24-4-1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ ĐÀI



Mẹ Nguyễn Thị Đài sinh năm 1906; dân tộc Kinh; quê ở xã Lương Phú, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần và an táng tại quê; có con độc nhất là liệt sĩ hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ Nguyễn Thị Đài sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân "trung lưu" ở huyện Phú Bình. Năm 1936, vừa tròn 30 tuổi mẹ lấy chồng. Chồng mẹ cũng là người làm ruộng ở cùng quê. Vợ, chồng mẹ muộn mẫn và hiếm hoi về đường con cái, mãi 7 năm sau khi xây dựng gia đình, mẹ mới sinh được một người con trai đặt tên là Nguyễn Văn Thời. Trong những năm kháng chiến chống Pháp, một mình mẹ vừa gánh vác việc đồng áng bảo đảm cuộc sống gia đình, vừa đảm nhiệm việc nuôi, dạy con để chồng yên tâm tham gia du kích đánh giặc. Khi con đến tuổi trưởng thành, mẹ đã lo lắng xây dựng gia đình cho con chu tất. Con dâu của mẹ là Bùi Thị Chung, sinh năm 1943, cùng làm ruộng ở quê. Từ đầu năm 1965, giặc Mỹ leo thang mở rộng chiến tranh ra cả 2 miền Nam, Bắc nước ta. Ngày 26-4-1966, theo

tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, mẹ tiễn người con trai độc nhất của mình lên đường đánh Mỹ. Khi con trai lên đường nhập ngũ là lúc con dâu của mẹ sắp đến ngày "ở cữ". Mẹ dặn con trai "hãy yên tâm ra đi chân cứng, đá mềm, phấn đấu cho bằng anh, bằng em. Ở nhà mẹ sẽ lo cho con, cho cháu chu toàn tất cả". Tháng 7-1966, ba tháng sau ngày con trai ra trận, ở nhà mẹ lên chức bà nội. Cháu nội của mẹ là Nguyễn Văn Khương. Mẹ đã chăm nom con dâu và cháu nội tận tình, chu đáo. Ở tuổi 60, nhưng mẹ còn khỏe lắm. Lúc cháu nội còn nhỏ, mẹ ở nhà vừa dỗ cháu, vừa đảm nhiệm việc rau cám, lợn, gà. Mẹ mong con dâu khỏe mạnh, yên tâm đi làm Hợp tác xã, mẹ mong con trai mau chóng trở về. Nhưng mong ước của mẹ đã không thành sự thật. Giữa năm 1972, mẹ nhận được tin sét đánh ngang tai con trai của mẹ "Liệt sĩ Nguyễn Văn Thời, sinh năm 1943, nhập ngũ tháng 4-1966, cấp bậc: Trung sĩ, chức vụ Tiểu đội phó đã hy sinh ngày 19-3-1969 tại Mặt trận phía Nam". Liệt sĩ Nguyễn Văn Thời đã được truy tặng: 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng ba, 1 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng ba.

Tin con hy sinh đã làm cho lòng mẹ xót xa, đau đớn như cắt từng khúc ruột. Mẹ nằm liệt giường, không ăn, không ngủ mấy ngày liền. Mẹ lúc nào cũng chỉ nghĩ về con của mẹ. Mẹ thương con mẹ phải một mình yên nghỉ nơi đèo heo, gió lạnh? hay thịt xương còn vương vãi nơi đâu? Mẹ thương con dâu mới tuổi xuân mà đã thành góa bụa; mẹ thương cháu nội sinh ra mà chẳng

bao giờ được biết mặt cha... Được bà con xóm, làng động viên, an ủi, dần dần mẹ cũng nguôi ngoai và bình tâm trở lại. Mẹ lại cùng chồng và con dâu gánh vác việc gia đình và nuôi dạy cháu nội ăn, học.

Ngày 20-9-1984, mẹ đã từ trần, hưởng thọ 78 tuổi. Ghi nhận công lao của mẹ đã cống hiến người con độc nhất của mình cho độc lập, tự do của Tổ quốc, ngày 24-4-1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG TRẦN THỊ KHUYÊN



Mẹ Trần Thị Khuyên, sinh năm 1900; dân tộc Kinh; quê ở xã Quang Khải, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; đã từ trần và an táng tại xóm Tân Sơn, xã Đào Xá, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; Có con độc nhất là liệt sĩ hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Mẹ Trần Thị Khuyên sinh trưởng trong một gia đình nông dân. Do nghèo nên mẹ đã sớm phải làm thuê, làm mướn để kiếm sống. Đến tuổi trưởng thành, không muốn sống cuộc đời cầy thuê, gánh mướn cho phú nông, địa chủ ở nông thôn, mẹ đi ra vùng Quảng Ninh xin vào làm công nhân ở mỏ than Uông Bí. Nhưng rồi cuộc sống của người công nhân ở mỏ cũng chẳng hơn gì cuộc sống thân trâu, kiếp ngựa ở nông thôn. Không cam chịu áp bức, bóc lột, cùng với đồng đảo công nhân ở mỏ than Uông Bí, mẹ đã tham gia đấu tranh, đình công đòi tăng lương, giảm giờ làm, chống áp bức, bóc lột, đánh đập công nhân... Trong những năm làm công nhân ở mỏ than Uông Bí, mẹ đã xây dựng gia đình. Chồng mẹ cũng là công nhân mỏ. Năm 1944 vợ, chồng mẹ sinh

con trai đầu lòng, rồi sau đó do bệnh tật nên mẹ không sinh nở được một người con nào nữa. Vợ chồng mẹ đặt tên con là Trần Văn Quảng để luôn nhớ về một kỷ niệm con mình đã sinh ra trên đất mỏ Quảng Ninh.

Sau ngày Toàn quốc kháng chiến 19-12-1946, hưởng ứng lời kêu gọi tản cư và tiêu thổ kháng chiến của Đảng, Chính phủ và Bác Hồ, cùng với hàng trăm các gia đình công nhân khác ở vùng mỏ Quảng Ninh, vợ chồng mẹ đã bỏ cửa, bỏ nhà tản cư lên Việt Bắc tham gia kháng chiến. Mẹ vừa tham gia phục vụ ở cơ quan báo Cứu quốc vừa đảm nhiệm việc nuôi dạy con để cho chồng thoát ly đi kháng chiến. (Cơ quan báo Cứu quốc lúc đó đóng tại xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên). Khi cơ quan báo Cứu quốc chuyển đi nơi khác, mẹ đưa con sang định cư và làm ruộng ở xã Tân Thành, huyện Phú Bình. Được bà con xóm, thôn thương yêu, dùm bọc nên tuy chỉ có một mình nhưng mẹ vẫn tận tảo nuôi được con ăn, học bằng người. Khi con đến tuổi trưởng thành, mẹ đã lo cho con được yên bề gia thất.

Tháng 7-1968, con trai Trần Văn Quảng của mẹ đi bộ đội. Từ đó, ở nhà mẹ nhận trách nhiệm nặng nề nuôi hai cháu Trần Thị Đạo (sinh năm 1963) và Trần Văn Đức (sinh năm 1965) ăn, học đến tuổi trưởng thành (vì bố, mẹ các cháu đã li hôn, mẹ cháu đi lấy chồng khác).

Sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, ở quê có nhiều người ra trận đã trở về. Mẹ nóng lòng, chờ mong và hi vọng một ngày mai không xa con trai của mẹ sẽ trở về. Mẹ mong mãi, mong hoài, mẹ bồn chồn, lo lắng...

Thế rồi, điều mẹ không mong đợi đã đến, cuối năm 1976 mẹ đau xót nhận được giấy báo tử con "Liệt sĩ, Thượng sĩ Trần Văn Quảng, Tiểu đội trưởng thuộc Sư đoàn 305 đã anh dũng hy sinh trong chiến đấu ngày 7-9-1972 tại Mặt trận phía Nam"; Liệt sĩ đã được truy tặng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhì, 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng nhì và 1 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng nhì.

Nghĩ tới hai cháu nội cô út đang còn nhỏ dại, bố hy sinh ở chiến trường, mẹ đi lấy chồng xa, nên mẹ cố nén lòng mình lại để động viên và nuôi dạy các cháu ăn, học đến tuổi trưởng thành.

Ngày 8-3-1984, vì tuổi cao, sức yếu mẹ đã từ trần hưởng thọ 84 tuổi. Xét công lao sinh thành, nuôi dạy người con độc nhất là liệt sĩ Trần Văn Quảng của mẹ, ngày 24-4-1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG HOÀNG THỊ TUẾ

Mẹ Hoàng Thị Tuế sinh năm 1898; dân tộc Kinh; quê ở xóm Thi Đua, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần và an táng tại xóm Xuân Lai, xã Tân Kim, huyện Phú Bình; có con độc nhất là liệt sĩ Đồng Văn Huyền hi sinh trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ Hoàng Thị Tuế sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo. Vì nghèo nên đến tuổi đi học mẹ không được theo bạn cấp sách đến trường mà phải theo bố, theo mẹ đi tìm việc để làm thuê, làm mướn kiếm sống. Năm 34 tuổi mẹ mới có điều kiện để xây dựng gia đình. chồng mẹ là Đồng Văn Hoan, sinh năm 1895, làm ruộng ở xã Tân Kim, huyện Phú Bình. Số mẹ muộn mắn, mãi tới năm 39 tuổi (5 năm sau ngày lấy chồng) mẹ mới sinh được một người con trai là Đồng Văn Huyền. Sau đó do tuổi tác và bệnh tật nên mẹ không sinh đẻ được nữa. Đồng Văn Huyền là đứa con độc nhất của mẹ. Thương con đơn độc, lẻ loi, không có anh trên, em dưới, mẹ đã dồn tất cả tình thương yêu, trù mến cho con... Khi Đồng Văn Huyền khôn lớn, trưởng thành mẹ đã lấy vợ cho anh. Con dâu của mẹ là chị Phạm Thị Từ, sinh năm 1940, làm ruộng ở cùng quê. Rồi mẹ được "lên chức" bà nội. Các cháu nội của mẹ là: Đồng Thị Hợi sinh năm 1961, Đồng Thị Hường sinh năm 1963, Đồng

Thị Thường sinh năm 1965 và Đông Văn Trường sinh năm 1967. Tháng 7-1965, trước tình hình đế quốc Mỹ ô ạt đưa quân vào xâm lược miền Nam và dùng Không quân, Hải quân leo thang mở rộng chiến tranh phá hoại ra toàn miền Bắc, anh Đông Văn Huyền xung phong vào bộ đội và 1 năm 2 tháng sau anh xuất ngũ vì yếu sức khỏe. Sau Tết Mậu Thân năm 1968, trước đòi hỏi cấp bách của chiến trường, tháng 4-1968, anh Đông Văn Huyền tiếp tục xung phong tái ngũ và lần này anh đã toại nguyện. Sau hơn 3 tháng huấn luyện ở miền Bắc, anh cùng đồng đội hành quân sang đánh giặc ở Mặt trận phía Tây. Ngày 3-3-1969, mười một tháng sau ngày tái ngũ, anh Đông Văn Huyền, người con độc nhất của mẹ Hoàng Thị Tuế đã anh dũng hi sinh trong chiến đấu. Anh đã được công nhận là liệt sĩ và được truy tặng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng ba, 1 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng ba. Còn mẹ ở nhà, sau ngày con trai tái ngũ 4 tháng, mẹ không may bị ốm nặng rồi đột ngột từ trần ngày 11-8-1968, hưởng thọ 70 tuổi.

Công lao sinh thành, nuôi dưỡng và cống hiến người con trai độc nhất của mẹ cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đã được Đảng, Nhà nước và nhân dân ghi nhận. Ngày 24-4-1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG ĐỖ THỊ GÁI



Mẹ Đỗ Thị Gái dân tộc Kinh; sinh năm 1906; quê ở xã Bồ Đề, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; gia đình trú tại xóm Tân Hương, xã Đồng Bẩm, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ hi sinh trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Cũng như bao người dân nghèo khổ khác, từ tám bé mẹ Đỗ Thị Gái đã phải cùng với cha, mẹ đi làm thuê, làm mướn cho địa chủ để kiếm sống. Ở quê lao động vất vả, cực nhọc, nhưng vẫn không có miếng ăn, gia đình mẹ phải rời bỏ nơi chôn rau, cắt rốn, di cư lên xóm Tân Hương, xã Đồng Bẩm, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên để sinh sống.

Từ năm 1931, mẹ xây dựng gia đình và sinh được hai người con. Vợ, chồng mẹ chịu khó làm lụng để nuôi các con, mong các con đến ngày khôn, lớn. Nhưng ước mong của mẹ đã không thành. Năm 1945, Nhật - Pháp đã gây ra nạn đói khủng khiếp cướp đi mạng sống của hơn 2 triệu đồng bào ta. Hai người con và người chồng của mẹ cũng nằm trong số hơn 2 triệu người Việt Nam bất hạnh ấy. Sau khi chồng và

các con chết, một mình mẹ sống bơ vơ nơi đất khách quê người. Mẹ tìm nơi nương tựa ở một người đàn ông cùng cảnh ngộ và hai người đã xây dựng tổ ấm gia đình. Năm 1952, mẹ sinh được một người con trai, đặt tên là Trần Xuân Lợi. Vào thời gian này, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta đang trên đà phát triển mạnh. Ở hậu phương, Đảng và Chính phủ đang chỉ đạo thực hiện chính sách giảm tô, cải cách ruộng đất, từng bước đem lại quyền lợi "người cày có ruộng" cho nông dân. Anh Lợi lớn lên vào lúc một nửa đất nước được hoàn toàn giải phóng khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến. Anh được vui chơi, được học hành... Đây là niềm vui sướng nhất của mẹ. Càng nghĩ, mẹ càng thấm thía công ơn trời biển của Đảng, của cách mạng. Trải qua hai chế độ, mẹ hiểu sâu sắc nỗi tủi nhục của người dân nô lệ và niềm hạnh phúc to lớn của người dân được sống trong độc lập, tự do. Những tư tưởng và tình cảm ấy mẹ đã dần dần truyền cho người con duy nhất của mẹ. Tháng 12-1970, khi vừa tròn 18 tuổi, anh Lợi xung phong tòng quân lên đường đánh Mỹ. Được tin anh đi ra nơi mũi tên, hòn đạn, mẹ lo lắng vì mẹ có mình anh, mẹ đã phải nén lòng mình lại, vui vẻ động viên anh an tâm vững bước mà đi. Anh đi rồi ở nhà mẹ bồn chồn, chờ đợi... Và điều mẹ lo lắng đã xảy ra. Cuối năm 1972, trong một trận chiến đấu quyết liệt với địch ở Mặt trận phía Tây anh Lợi đã vĩnh viễn nằm lại trên chiến trường, khi anh vừa tròn 20 tuổi. Nhận được giấy báo tử con, lòng mẹ đau như đứt từng khúc ruột...

Những năm cuối đời, mẹ sống trong sự chăm nom, săn sóc của con, cháu người chồng thứ hai và của bà con làng, xóm.

Công lao sinh thành, nuôi dưỡng và cống hiến người con độc nhất là liệt sĩ Trần Xuân Lợi cho Tổ quốc của mẹ Đỗ Thị Gái đã được Đảng, Nhà nước và nhân dân ta ghi nhận. Ngày 24-4-1995 mẹ được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

Tháng 7-1996, mẹ từ trần, hưởng thọ 90 tuổi.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG ĐẶNG THỊ THẮNG



Mẹ Đặng Thị Thắng sinh năm 1921; dân tộc Kinh; quê ở xã Bình Nghĩa, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; gia đình ở mỏ sắt Trại Cau, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, Có con trai duy nhất là liệt sĩ Phạm Nghĩa Độ hi sinh trong kháng chiến chống Mỹ; mẹ đã mất ngày 2-7-1994, an táng tại Đồng Hỷ.

Mẹ Đặng Thị Thắng sinh ra và lớn lên ở một vùng quê nghèo, nơi đồng chiêm, nước trũng - sống ngâm da, chết ngâm xương - nên việc làm ăn, sinh sống hết sức khó khăn, vất vả. Đây cũng là một vùng có tiếng hiếu học, nên dù nhà nghèo mẹ vẫn được ăn học đến tuổi trưởng thành. Năm 21 tuổi, trong một trận càn, thực dân Pháp đã bắt mẹ và nhiều người dân lương thiện đi phu làm đường cho chúng tại Lào. Cũng trong thời gian này, mẹ đã gặp một người con trai cùng cảnh ngộ, hai người yêu nhau và nên vợ, nên chồng. Vì bị bóc lột sức lao động quá nặng nề và dã man, nên cuộc sống của phu đường vô cùng cực khổ, vợ chồng mẹ đã bỏ trốn sang Thái Lan làm ăn, buôn bán kiếm sống. Tại nơi đất khách quê người, năm 1946 vợ chồng mẹ sinh được một người con trai là Phạm Nghĩa Độ. Đó là niềm

động viên, an ủi lớn giúp vợ chồng mẹ vượt qua mọi khó khăn, thiếu thốn cả về vật chất và tinh thần. Năm 1961, hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Bác Hồ, gia đình mẹ phấn khởi về nước góp phần xây dựng quê hương. Và vùng mỏ Trại Cau thuộc huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã trở thành quê hương thứ hai của gia đình mẹ. Vợ chồng mẹ đều là công nhân mỏ và được sống trong không khí thi đua sôi nổi của những năm, tháng thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất 1961 - 1965. Đời sống của gia đình mẹ được cải thiện dần dần. Từ đầu năm 1965, vì bị thua đau trên chiến trường miền Nam, đế quốc Mỹ leo thang mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại bằng Không quân và Hải quân ra toàn miền Bắc. Cả nước ta bước vào thời kỳ có chiến tranh. Ý thức được trách nhiệm của mình đối với vận mệnh Tổ quốc, tháng 8-1967, anh Độ - con trai duy nhất của mẹ - đã xung phong lên đường làm nhiệm vụ thiêng liêng bảo vệ Tổ quốc. Sau đợt huấn luyện cấp tốc, anh được điều vào chiến trường miền Nam chiến đấu. Do lập được nhiều thành tích xuất sắc trong công tác và chiến đấu, năm 1968, anh được đứng trong hàng ngũ của Đảng. Anh đã hi sinh trong chiến đấu ngày 22-3-1969, tại Mặt trận phía Nam. Tin con hi sinh đến với vợ chồng mẹ như sét đánh ngang tai. Vì quá buồn phiền, chồng mẹ đã lâm bệnh và qua đời ở tuổi 51. Gần như cùng một lúc, mẹ bị mất đi những người thân yêu nhất của mình. Mặc dù vô cùng đau khổ, song mẹ đã cố gắng vượt lên để hương khói cho chồng, cho con trong căn nhà 2 gian lợp dạ, vách đất đơn sơ. Uống nước, nhớ nguồn, trong những năm 1990, 1991, Ủy ban

nhân dân thị trấn Trại Cau ủng hộ mẹ gỗ và hơn 1 vạn
gạch, giúp đỡ mẹ xây nhà. Năm 1994, do tuổi cao, sức
yếu, mẹ đã qua đời, thọ tuổi 73.

Với sự hy sinh, cống hiến người con độc nhất của
mẹ cho Tổ quốc, ngày 24-4-1995, Chủ tịch nước Cộng
hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh
hiệu " Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

Đã từ trần và an táng tại quê;
có người con độc nhất là
liệt sĩ Đông Văn Kỳ hi sinh
trong kháng chiến chống
Pháp.

Sinh ra trong một gia đình
nghèo dân nghèo nên ngay từ
nhỏ mẹ đã phải đi làm thuê
phụ giúp gia đình sinh sống.

Trong hoàn cảnh đất nước ta lúc đó, cả nước ngập
chìm trong đau khổ, tối tăm thì việc mẹ phải làm thân,
lặn lội vì miếng cơm, manh áo cũng là lẽ đương nhiên.
Không chỉ có mẹ mà còn có hàng triệu người khác
muốn thoát ra khỏi cảnh đời nghèo, nhưng thật bất lực,
bị hoàn cảnh xô đẩy, nên đành phải cam chịu cảnh
khốn khổ đó.

Năm 18 tuổi mẹ xây dựng gia đình với mong muốn
có được một nơi ấm có tiếng đàn và có được một
cuộc sống no đủ hơn. Nhưng gia đình chồng mẹ cũng
nghèo khổ từng phần nên hai vợ chồng mẹ làm lụng
ăn suốt tháng suốt ngày mà cũng không sao thoát khỏi
cảnh bán hàn. Hai vợ chồng mẹ chỉ sinh được một
người con trai duy nhất là Đông Văn Kỳ vào năm mẹ

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG ĐỒNG THỊ RỖ



Mẹ Đồng Thị Rõ sinh năm 1901; quê ở thôn Đăng Đông, xã Yên Hồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; dân tộc: Kinh; đã từ trần và an táng tại quê; có người con đẻ độc nhất là liệt sĩ Đồng Văn Kỳ hi sinh trong kháng chiến chống Pháp.

Sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo nên ngay từ nhỏ mẹ đã phải đi làm thuê phụ giúp gia đình sinh sống.

Trong hoàn cảnh đất nước ta lúc đó, cả nước ngập chìm trong đau khổ, tối tăm thì việc mẹ phải làm than, lặn lội vì miếng cơm, manh áo cũng là lẽ đương nhiên. Không chỉ có mẹ mà còn có hàng triệu người khác muốn thoát ra khỏi cảnh đói nghèo, nhưng thật bế tắc, bị hoàn cảnh xô đẩy, nên đành phải cam chịu cảnh khốn khó đó.

Năm 16 tuổi mẹ xây dựng gia đình với mong muốn có được một mái ấm của riêng mình và có được một cuộc sống no đủ hơn. Nhưng gia đình chồng mẹ cũng nghèo khổ, túng bần nên hai vợ chồng mẹ lam lũ làm ăn suốt tháng, suốt ngày mà cũng không sao thoát khỏi cảnh bần hàn. Hai vợ chồng mẹ chỉ sinh được một người con trai duy nhất là Đồng Văn Kỳ vào năm mẹ

17 tuổi. Trong cảnh đói nghèo của đất nước và gia đình Đồng Văn Ky đã lớn lên trong vòng tay yêu thương của cha, của mẹ. Năm 1944 vợ chồng mẹ xây dựng gia đình cho anh Ky. Năm 1945 chồng mẹ đột ngột qua đời. Tháng 10-1945, anh Ky lên đường nhập ngũ trong lúc vợ anh là chị Đồng Thị Tuất sắp sinh con. Con trai nhập ngũ và tình nguyện vào Nam chiến đấu, mẹ ở nhà cùng với con dâu làm ăn, sinh sống và đón đưa cháu nội là Đồng Hương Nhi ra đời. Gần một năm sau khi con nhập ngũ, tháng 7-1946 mẹ ốm nặng rồi qua đời. Mẹ đã "ra đi" mà không biết được rằng con trai của mẹ đã hy sinh vì Tổ quốc. 19 năm sau khi anh hi sinh ngày 24-7-1965 cấp ủy, chính quyền và nhân dân xã Yên Hồng mới nhận được giấy báo tử Đồng Văn Ky là liệt sĩ đã hy sinh tháng 10-1946 tại đơn vị 41 Thủ Dầu Một. Khi đó con trai của liệt sĩ Đồng Văn Ky là anh Đồng Hương Nhi đã trưởng thành đang làm nghĩa vụ quân sự chiến đấu ở chiến trường Lào. Tháng 7-1975, anh Nhi chuyển ngành ra công tác tại Ban chỉ đạo quản lý thị trường tỉnh Bắc Thái. Gia đình anh hiện trú tại tổ 2, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên.

Công lao sinh thành, nuôi dưỡng và cống hiến người con độc nhất là liệt sĩ Đồng Văn Ky cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của mẹ Đồng Thị Rỡ đã được Đảng, Nhà nước và nhân dân ghi nhận. Ngày 24-4-1996 Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ NUÔI

Mẹ Nguyễn Thị Nuôi sinh năm 1903; quê ở huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương; dân tộc Kinh; đã từ trần an táng tại xóm Xoi, xã Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên; có một con đẻ duy nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Thiệu hi sinh trong cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp xâm lược.

Cho đến tận bây giờ các cháu của mẹ cũng không biết được lúc trẻ mẹ đã sinh sống như thế nào và làm ăn vất vả ra sao? Các cháu của mẹ cũng chỉ được nghe nói rằng lúc còn nhỏ gia đình mẹ túng thiếu vô cùng, mẹ phải tự lo kiếm sống. Lớn lên mẹ đã bỏ quê hương để ra vùng mỏ Vàng Danh làm công việc nặng nhọc của người công nhân đội than, với đồng lương chết đói. Không chịu đựng nổi cực khổ ở vùng than, năm 1947 mẹ đã đi lên sinh sống ở đất Thái Nguyên. Người ta thấy cùng đi với mẹ là người con trai của mẹ là anh Nguyễn Văn Thiệu nhưng không ai biết được là mẹ đã có một cuộc sống gia đình như thế nào trong hoàn cảnh sống nhọc nhằn lúc đó. Cuộc sống mới ở đất Thái Nguyên cũng không làm cho mẹ được sung sướng hơn, hai mẹ con đã phải tần tảo, làm thuê, làm mướn kiếm kế sinh nhai. Năm 1950 anh Nguyễn Văn Thiệu lên đường nhập ngũ, tham gia chiến đấu ở Lạng Sơn. Cùng năm này, mẹ đã xây dựng lại gia đình với ông Phùng Duy Điền (lúc này ông Điền đã có vợ và 2 người con). Vì tuổi cũng đã nhiều nên sau khi lấy chồng mẹ không sinh được người con nào nữa. Về mặt kinh tế, mẹ sống

phụ thuộc vào gia đình chồng, cuộc sống cũng còn nhiều khó khăn, vất vả. Nhưng mẹ không phải là một phụ nữ an phận, mẹ đã làm tròn bốn phận của một người vợ và tích cực tham gia vào Hội mẹ chiến sĩ ở địa phương, góp phần vào việc thực hiện tốt chính sách hậu phương trong kháng chiến của Đảng. Năm 1952, khi nhận được tin người con trai duy nhất của mình đã hy sinh, mẹ như đứt từng khúc ruột, bao nhiêu năm một mình tần tảo nuôi con khôn lớn, chiến tranh đã cướp đi niềm an ủi lớn nhất của cuộc đời mẹ. Nhưng mẹ đã không gục ngã, mẹ hăng say làm việc cùng với các mẹ trong Hội mẹ chiến sĩ, mong muốn được dành nhiều nhất cả vật chất và tinh thần cho những đứa con yêu ngoài mặt trận. Ghi nhận sự đóng góp của mẹ, Đảng và Nhà nước đã tặng thưởng cho mẹ 1 Huy chương kháng chiến. Ngày 26-4-1981 mẹ đã tử trận hưởng thọ 78 tuổi.

Xét công lao sinh thành và nuôi dưỡng một người con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Thiệu của mẹ, ngày 24-4-1996, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG PHẠM THỊ HẢI



Mẹ Phạm Thị Hải sinh năm 1915; dân tộc Kinh; quê ở xã Mỹ Hương, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây; từ trần ngày 5-6-1990, an táng tại Hà Nội; có con độc nhất là liệt sĩ hi sinh trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

Mẹ Phạm Thị Hải sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo. Năm 11, 12 tuổi mẹ theo các cụ thân sinh ra phố Hàng Vôi, Hà Nội làm nghề "buôn thúng, bán mẹt" kiếm sống. Lớn lên mẹ xây dựng gia đình. Chồng mẹ là Trần Đăng Thực, quê ở xã Lương Phú, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, một người tham gia hoạt động cách mạng đã từng bị thực dân Pháp bắt giam tại nhà tù Hỏa Lò, Hà Nội. Lấy chồng, mẹ theo chồng về quê chồng ở Lương Phú - Phú Bình làm ăn, sinh sống. Từ một cô gái "buôn thúng, bán mẹt" ở thị thành, về nông thôn mẹ lại nhanh chóng hòa nhập vào cuộc sống "chân lấm, tay bùn" nên được bà con xóm, làng thương yêu, quý mến. Năm 33 tuổi mẹ mới sinh con đầu lòng - một người con trai - đồng thời đó cũng là người con độc nhất của mẹ. Vợ chồng mẹ đặt tên con là Trần Đăng Ngọc. Cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp thắng lợi,

hòa bình lập lại, mẹ cho con trai của mẹ cấp sách đến trường. Khi con trai đến tuổi trưởng thành, đầu năm 1967, mẹ xây dựng gia đình cho anh. Con dâu của mẹ là chị Nguyễn Thị Toàn làm ruộng ở cùng xã. Tháng 7-1967, con trai của mẹ làm đơn tình nguyện xung phong vào bộ đội đánh Mỹ. Mặc dù chỉ có một người con trai độc nhất vừa mới cưới vợ, chưa có con để nối dõi tông đường, song khi Tổ quốc yêu cầu mẹ đã sẵn sàng vui vẻ tiễn con ra trận.

Đầu năm 1973 Hiệp định Pa Ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết. Trong khi lòng mẹ đang tràn đầy niềm tin và hy vọng con trai của mẹ sắp được trở về thì mẹ bàng hoàng nhận được tin sét đánh: Con trai của mẹ là Trần Đăng Ngọc, sinh năm 1948, nhập ngũ tháng 7-1967, nguyên là Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng thuộc đơn vị KN đã hy sinh trong chiến đấu tại Mặt trận phía Nam ngày 7-8-1972. Nổi đau thương và mất mát lớn quá làm mẹ không ăn, nằm liệt giường, liệt chiếu mất mấy ngày liền. Được cấp ủy Đảng, chính quyền và bà con hàng xóm, láng giềng động viên, an ủi, nỗi đau của mẹ cũng dần dần được nguôi ngoai. Thương con dâu sớm thành góa bụa, sau ngày báo tử con trai, mẹ đã động viên cô đi bước nữa, mẹ tự nguyện gánh vác việc gia đình, động viên, an ủi chồng cùng vượt qua nỗi đau thương và niềm bất hạnh lớn lao này.

Năm 1977 chồng mẹ không may ốm nặng rồi qua đời. Đã mất con, nay lại mất chồng, chỉ còn một mình mẹ sống bơ vợ, cô đơn trong căn nhà tranh, vách đất. Ban ngày có bà con làng xóm, láng giềng thì lòng mẹ

phần nào bớt đi sự trống vắng, nhưng ban đêm chỉ có một mình mẹ với một ngọn đèn dầu leo lét cháy thì sự cô đơn, trống trải trong lòng mẹ đã dâng cao đến tận nhẫn, lạnh lùng...

Năm 1984, mẹ chuyển lên sống cùng với vợ chồng người cháu họ gọi mẹ là bác là anh Trần Đăng Mậu và chị Ngô Thị Hiền ở phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên. Mặc dù tuổi đã cao, sức đã yếu nhưng ngày ngày mẹ vẫn tần tảo việc cơm, nước, giặt giũ và trông nhà cho cháu, cho chắt đi làm, đi học. Từ năm 1986 mẹ được Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Bắc Thái đón vào nuôi dưỡng chăm sóc ở Khu dưỡng lão (nay là Công ty Bảo trợ xã hội của tỉnh Thái Nguyên) cho đến lúc qua đời.

Ngày 24-4-1996, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu " Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ NỖ



Mẹ Nguyễn Thị Nỗ sinh năm 1909; dân tộc Kinh; quê ở xã Ninh Thành, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình; đã từ trần ngày 8-12-1986 (30 tháng chạp năm Ất Sửu), an táng tại phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ hi sinh trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mẹ Nguyễn Thị Nỗ sinh trưởng trong một gia đình nông dân, cụ bà thân sinh ra mẹ mất sớm vì bệnh tật. Mẹ có 3 chị em gái, mẹ là cả. Vì hoàn cảnh nhà nghèo, mẹ lại mất sớm nên ở tuổi đi học mẹ không được cấp sách đến trường mà phải đi ở đợ, làm thuê, làm mướn, vừa kiếm sống, vừa phụ giúp cha nuôi các em. Năm 21 tuổi mẹ xây dựng gia đình. Chồng mẹ là ông Nguyễn Văn Tập làm ruộng ở cùng quê. Vợ chồng mẹ sinh được 2 người con (1 gái, 1 trai) Nạn đói khủng khiếp năm 1945 do phát-xít Nhật và đế quốc Pháp gây ra đã cướp đi của dân tộc Việt Nam ta hơn 2 triệu người trong đó có người chồng và người con gái đầu lòng mới 13 tuổi của mẹ. Từ đó mẹ chỉ còn lại người con trai độc nhất mới 6 tuổi là Nguyễn Văn Lộc (sinh năm 1939). Chồng và con gái đầu lòng chết đói, gia đình mẹ chỉ

còn một mẹ, một con sống vất vưởng, bơ vơ không ruộng, không vườn. Ngày ngày mẹ dắt con đi lang thang vừa tìm việc làm thuê, làm mướn, vừa mò cua, bắt ốc kiếm sống. Sau ngày kháng chiến chống Pháp thành công, và cải cách ruộng đất thắng lợi, gia đình mẹ được chia một nửa nhà bếp của địa chủ và 4,5 sào ruộng. Từ đây cuộc sống của gia đình mẹ cũng như bao gia đình nông dân Việt Nam khác nhờ ơn Đảng và Chính phủ đã dần dần được đi đến ấm no, hạnh phúc, con trai của mẹ được cấp sách đến trường. Năm 1959 con trai của mẹ xung phong lên Thái Nguyên sát cánh cùng với hàng vạn thanh niên và bộ đội chuyển ngành san đồi, xẻ núi, xây dựng khu gang thép Thái Nguyên, khu công nghiệp luyện kim đầu tiên của Tổ quốc. Năm 1964 anh Lộc, con trai của mẹ xây dựng gia đình. Con dâu của mẹ là chị Ngô Thị Nga, sinh năm 1939, quê ở Thanh An, Thanh Hà, Hải Dương, lên làm công nhân xây dựng khu gang thép Thái Nguyên từ năm 1961. Năm 1966, vợ chồng anh Lộc, chị Nga sinh con gái đầu lòng là Nguyễn Thị Tuyết. Đầu năm 1967, mẹ rời quê hương chôn rau, cắt rốn nơi có phần mộ của người chồng và người con gái đầu lòng của mẹ để lên Lạng Sơn rồi xuống Thái Nguyên trông nhà, bế cháu cho con. Ngày 10-8-1968, con trai của mẹ - lúc đó đang công tác ở Lạng Sơn - đã tình nguyện xung phong vào bộ đội đánh Mỹ. Con trai ra trận giữa lúc ở nhà con dâu đang "bụng mang, dạ chứa", khó khăn chồng chất khó khăn, nhưng mẹ vẫn bình tĩnh động viên, an ủi con dâu và cháu làm ăn giữ vững cuộc sống gia đình.

Sau khi con trai ra trận, ở nhà mặc dù tuổi đã cao, sức đã yếu nhưng mẹ vẫn tận tảo sớm hôm chăn lợn, chăn gà, trông nhà, dỗ cháu... cho con dâu an tâm đi làm việc ở cơ quan. Sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, mẹ nóng lòng ngày, đêm mòn mỏi mong tin con trai của mẹ, nhưng càng mong thì lại càng "bặt vô âm tín"... Mẹ mong hoài, mong mãi, mong đến hơn mười năm trời mà mong vẫn hoàn mong... Mãi gần 2 năm sau kể từ ngày mẹ "ra đi" về nơi yên nghỉ ở cõi vĩnh hằng, con dâu và cháu nội của mẹ mới nhận được giấy báo tử con trai của mẹ là liệt sĩ, Trung sĩ Nguyễn Văn Lộc đơn vị Trung đoàn 1, Quân khu 9, sinh năm 1939, nhập ngũ ngày 10-8-1968, đã hy sinh trong chiến đấu chống quân Pôn Pốt xâm lược tại thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang ngày 1-1-1978.

Xét công lao sinh thành và nuôi dưỡng người con độc nhất là liệt sĩ của mẹ, ngày 24-4-1996, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT ANM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ TẬP



Mẹ Nguyễn Thị Tập sinh ngày 13-1-1927; dân tộc Kinh; quê ở xã Liên Bảo, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh; đã từ trần và an táng tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Mạnh Hà hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ Nguyễn Thị Tập sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân nghèo. Các cụ thân sinh ra mẹ vì có ít ruộng nên xong mùa cày, cấy, gặt hái là lại lên Phú Thọ mua gom sơn ta để bán lại cho các chủ thầu. Mẹ có 3 chị em gái, mẹ là thứ hai. Năm 26, 27 tuổi mẹ lấy chồng (chồng mẹ là ông Nguyễn Mạnh Trừ, sinh năm 1923, ở cùng quê, đã có vợ cả là chị ruột của mẹ. Vì hoàn cảnh vợ cả đã 2 lần sinh nở nhưng đều không nuôi được con, theo quan niệm của gia đình lúc ấy chồng mẹ phải lấy vợ lẽ thì vợ cả mới sinh và nuôi con được, do đó mẹ tự nguyện làm vợ lẽ ông Nguyễn Mạnh Trừ). Lấy chồng, mẹ về nhà chồng làm ruộng thay cho bà cả đi theo chồng lên thị xã Bắc Giang buôn bán kiếm sống. Cách mạng tháng 8-1945 thành công, rồi cuộc kháng chiến Toàn quốc bùng nổ, hưởng ứng lời kêu gọi tản cư kháng

chiến của Đảng và Chính phủ, mẹ theo gia đình nhà chồng di cư lên làm ăn, sinh sống ở xã Gia Sàng, huyện Đồng Hỷ (nay là thành phố Thái Nguyên). Ngày ngày mẹ phải cùng chồng đi bộ từ 20 cây số đến 30 cây số xuống tận Chợ Đồn (Phú Bình) mua mủ mang lên thị xã Thái Nguyên bán kiếm lời để sinh sống. Có ngày không bán được mủ hết tiền đóng gạo, vợ chồng mẹ phải ăn chuối xanh luộc thay cơm. Sau cải cách ruộng đất được chia ruộng, mẹ không buôn bán nữa mà ở nhà làm ruộng để sinh sống. Mẹ sinh được ba người con (hai gái đầu, một trai út) nhưng hai người con gái đầu đều bị ốm chết từ lúc 1 tuổi, 2 tuổi. Mẹ chỉ còn người con trai độc nhất là Nguyễn Mạnh Hà sinh ngày 20-3-1956. Sau khi sinh con trai út được một thời gian ngắn, do cuộc sống lam lũ, vất vả nên mẹ bị bệnh lao lực, người ốm yếu, gầy mòn. Gia đình đưa mẹ đi chữa ở bệnh viện Lao Thái Nguyên mấy tháng liền, sau đó về lại cắt thuốc bắc, thuốc nam chữa liên tục hàng năm trời nhưng mẹ vẫn không khỏi. Ngày 1-2-1964 (18 tháng Chạp năm Quý Mão) mẹ qua đời ở tuổi 36.

Sau khi mẹ qua đời, chồng mẹ tiếp tục nuôi con Nguyễn Mạnh Hà của mẹ ăn, học đến khôn lớn, trưởng thành. Tháng 6-1974 vừa tốt nghiệp cấp 2 phổ thông con trai Nguyễn Mạnh Hà của mẹ xung phong vào bộ đội, hành quân về học Trường Sơn vào chiến trường miền Nam đánh Mỹ. Ngày 27-3-1975, trên đường truy kích địch, con trai của mẹ lúc đó là Hạ sĩ, chiến sĩ thuộc Trung đoàn 4 Bộ Tư lệnh miền Đông Nam Bộ đã bị thương nặng vào đầu, rồi hy sinh tại sông Ưu, Rừng Lá, Bình Tuy, Long Khánh.

Đã ghi nhận công lao sinh thành và nuôi dưỡng người con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Mạnh Hà của mẹ, ngày 24-4-1996, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

Sau khi mẹ qua đời, chồng mẹ tiếp tục nuôi con Nguyễn Mạnh Hà của mẹ ăn học đến khôn lớn, trưởng thành. Tháng 6-1974 vừa tốt nghiệp cấp 2 phổ thông con trai Nguyễn Mạnh Hà của mẹ xung phong vào bộ đội hành quân về học Trường Sĩ Quan Dự Bị Chiến Trường miền Nam danh Mỹ Ngày 27-6-1975, trên đường truy kích địch, con trai của mẹ lúc đó là Hà Sĩ Chiến sĩ thuộc Trung đoàn 4 Bộ Tư lệnh miền Đông Nam Bộ đã bị thương nặng vào đầu, rơi xuống sông Úr Rông là Bình Tuy, Long Khánh.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ BÌNH



Mẹ Nguyễn Thị Bình sinh năm 1900; quê ở xóm Thái Ninh, xã Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên; dân tộc Kinh; đã từ trần và an táng tại quê; có một con nuôi độc nhất là liệt sĩ hi sinh trong kháng chiến chống Pháp.

Khi còn nhỏ mẹ phụ giúp gia đình làm ruộng, kinh tế gia đình mẹ tạm đủ ăn. Mẹ là một phụ nữ nét na, sống giản dị, nhưng sôi nổi. Khi trưởng thành mẹ xây dựng gia đình, chồng mẹ là Nguyễn Văn Bách -- người cùng xóm -- gia đình chồng mẹ làm nghề tráng bánh đa. Hai vợ chồng mẹ hiếm hoi về đường con cái, không sinh được người con nào, nên đã xin cháu Nguyễn Văn Sửu, sinh năm 1924 về làm con nuôi. Mẹ đã chăm lo cho Sửu như chăm lo cho con đẻ của mình, cho Sửu ăn, học đến nơi đến chốn. Từ năm 1940 đến năm 1944, chồng mẹ bị bắt đi lính cho Pháp, một mình mẹ ở nhà phải vừa lo kiếm sống vừa nuôi dạy con. Năm 1946, mẹ xây dựng gia đình cho con. Con dâu của mẹ là Phạm Thị Lý người cùng xóm. Năm 1947 vợ chồng anh Sửu sinh được một người con trai

à Nguyễn Văn Thân. Năm 1948 khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc bước vào thời kỳ gay go, quyết liệt, mẹ đã tiễn người con nuôi độc nhất của mình lên đường nhập ngũ. Ở nhà mẹ vừa làm tròn bổn phận người vợ, người mẹ, vừa cùng con dâu chăm sóc cháu và tham gia công tác xã hội. Mẹ được bầu vào Ban chấp hành phụ nữ xã Túc Duyên, tham gia vận động nhân dân học văn hóa để xóa nạn mù chữ. Nhân dân xã Túc Duyên đã tích cực tham gia học tập. Phong trào xóa nạn mù chữ ở xã Túc Duyên phát triển mạnh. Còn con trai của mẹ sau ngày nhập ngũ được điều về làm chiến sĩ Đại đội 52, Tiểu đoàn 57, Trung đoàn 62, làm nhiệm vụ chiến đấu trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Anh đã chiến đấu rất dũng cảm và anh dũng hy sinh ngày 22-8-1949. Nhận được tin con hy sinh, lòng mẹ đau đớn vô cùng, tuy mẹ không sinh ra, nhưng mẹ đã nuôi anh từ trứng nước bằng tất cả sự hi sinh và tấm lòng của mẹ. Nỗi đau mất con đã không làm mẹ gục ngã, mẹ động viên chồng, con cháu và tìm kiếm niềm an ủi từ công việc xã hội mà mẹ đang làm. Sau khi hòa bình lập lại, năm 1959 gia đình mẹ vào hợp tác xã nông nghiệp, làm ở tổ trồng bánh đa của Hợp tác xã. Mẹ sống rất tình nghĩa với làng, xóm nên luôn được bà con kính trọng, yêu mến.

Năm 1985 mẹ đau đớn tiễn đưa người bạn đời của mình về nơi yên nghỉ cuối cùng. Ba năm sau đó - năm 1988 - mẹ cũng "đi về" cùng tổ tiên, thọ 88 tuổi. Hiện nay vợ chồng anh Nguyễn Văn Thân (con của

liệt sĩ Nguyễn Văn Sửu) ở xã Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên đang thờ cúng và hương khói cho mẹ. Công lao nuôi dưỡng và cống hiến cho sự nghiệp giải phóng dân tộc người con nuôi độc nhất của mẹ Nguyễn Thị Bình đã được Đảng, Nhà nước và nhân dân ghi nhận. Ngày 24-4-1996, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG MA THỊ TIÊU

Mẹ Ma Thị Tiêu sinh năm 1910; dân tộc Tày; quê ở xóm Tân Thành, xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; có con duy nhất là liệt sĩ hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Mẹ mất năm 1949, an táng tại quê nhà.

Mẹ Ma Thị Tiêu sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo. Mẹ có 8 anh, chị, em. Mẹ là thứ 6. Nhà nghèo, lại đông miệng ăn, nên từ bé mẹ đã phải giúp đỡ bố mẹ và các anh chị cày ruộng, phát nương, kiếm củi... Tuổi ấu thơ của mẹ đã phải trải qua nhiều nỗi tủi nhục, đắng cay. Lớn lên, mẹ trở thành một thiếu nữ xinh đẹp, tính tình thùy mị, nét na. Nhiều chàng trai thôn, bản muốn được kết tóc, xe duyên cùng mẹ. Đám cưới của mẹ với chàng trai Lương Văn Ngử được tổ chức vào một ngày cuối Thu năm 1935. Mùa Thu năm sau, nguồn hạnh phúc mới đến với vợ chồng mẹ: đứa con đầu lòng cất tiếng khóc chào đời. Mẹ sinh được 5 người con (4 trai, 1 gái). Do cuộc sống khó khăn, thiếu thốn, ốm đau, bệnh tật nảy sinh đã cướp mất của mẹ 4 người con. Mẹ chỉ còn lại người con trai duy nhất là anh Lương Văn Tình. Tất cả tình thương của mẹ đều dồn vào việc chăm sóc, nuôi dạy anh.

Cách mạng tháng 8-1945 thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, chấm dứt cuộc đời nô lệ của người dân lao động Việt Nam. Cuộc sống của gia đình mẹ cũng bắt đầu thay đổi từ đó. Vui mừng vô hạn trước cuộc đổi đời, cùng với bà con trong làng, trong xã mẹ hăng hái tham gia phong trào bình dân học vụ,

tăng gia sản xuất, phục vụ kháng chiến. Do sức khỏe bị hao mòn vì phải lao động nặng nhọc hàng chục năm trước đó, mẹ đã qua đời vào lúc 40 tuổi, để lại đứa con trai vừa tròn 10 tuổi cho người chồng nuôi dưỡng. Chồng mẹ đã thay mẹ nuôi con ăn học đến tuổi trưởng thành. Năm 1965, đế quốc Mỹ phát động chiến lược "chiến tranh cục bộ", ồ ạt đưa quân viễn chinh và quân chư hầu vào miền Nam, đồng thời đẩy mạnh cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra toàn miền Bắc. Căm thù giặc Mỹ xâm lược, nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, tháng 11-1966, anh Lương Văn Tình con trai của mẹ đã xung phong nhập ngũ. Trong những năm cầm súng trên chiến trường, anh đã chiến đấu dũng cảm và lập nhiều chiến công. Ngày 28-12-1968, anh đã hi sinh trong chiến đấu ác liệt tại Mặt trận phía Nam. Anh đã được truy tặng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 2 Huân chương Chiến sĩ giải phóng.

Xét công lao của mẹ đã sinh thành, nuôi dưỡng và cống hiến người con độc nhất của mình cho độc lập, tự do của Tổ quốc, ngày 24-4-1996, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG LÝ THỊ VẪNG

Mẹ Lý Thị Vãng sinh năm 1913; dân tộc Tày; quê ở xóm Thôn Thành, xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; có một con duy nhất đã anh dũng hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo. Ông bà thân sinh ra mẹ có 4 người con; mẹ là con gái thứ hai trong gia đình. Từ bé, mẹ không được học hành, mà ngày ngày phải chăn trâu, kiếm củi... giúp đỡ bố mẹ. Cũng như bao gia đình nông dân khác ngày ấy, dù phải một nắng, hai sương, làm lưng vất vả, nhưng gia đình mẹ vẫn không đủ bữa rau, bữa cháo.

Thời đó, bọn cường hào trong vùng cậy quyền cậy thế cướp đoạt ruộng vườn, bóc lột thậm tệ đối với dân nghèo bằng đủ mọi hình thức. Nhà mẹ Vãng cũng không thoát khỏi tai họa ấy, càng trở nên cơ cực, lầm than. Tuổi niên thiếu của mẹ đã trải qua những năm tháng đói nghèo. Mặc dù vậy, khi lớn lên, mẹ trở thành cô gái khỏe mạnh, xinh đẹp, có nước da trắng hồng, làm cho bao cô gái trong bản phải trầm ghen. Bao chàng trai trong bản đều muốn ngỏ lời cầu hôn với mẹ. Nhiều đêm trăng sáng, trai gái thôn bản vui chơi, ca hát tỏ tình với nhau. Đang trong tuổi yêu đương, mẹ vẫn ở nhà cặm cụi dệt vải giúp đỡ bố mẹ. Cuộc sống gia đình đã đến khi mẹ kết duyên cùng ông Nguyễn Văn Thịnh, một người cùng cảnh nghèo như mẹ. Nhà ông Thịnh nghèo, lại mất cha, chỉ còn mẹ già cô quạnh. Gia đình mẹ Vãng thương con, mong cho con

sống hạnh phúc với người mình yêu, nên không thách lộn tạ, gạo gánh mà chỉ cần cái lễ đơn sơ để cúng tổ tiên, ông bà. Trở về làm dâu bên nhà chồng, hàng ngày mẹ cùng chồng xuống ruộng, lên nương cày cấy, gieo trồng. Cuộc sống của đôi vợ chồng trẻ tuy nghèo nhưng ấm êm, hạnh phúc. Vợ chồng mẹ sinh được 3 người con. Đó là niềm hạnh phúc lớn nhất đối với mẹ. Ngày qua ngày, vợ chồng mẹ phải vất vả chiụ từng hạt thóc, bắp ngô, vừa chăm sóc mẹ già vừa nuôi dạy các con. Cuộc sống cứ lặng lẽ trôi đi. Nhưng rồi một tai họa lớn ập đến đối với dân bản và gia đình mẹ. Bệnh dịch tả đã cướp đi hai người con của mẹ. Từ đó, mẹ trở nên lặng lẽ như một cái bóng, ít ăn, ít nói. Mẹ chỉ còn lại một người con duy nhất là anh Nguyễn Văn Vượng. Nỗi đau mất con và cuộc đời lao động vất vả trong những năm trước đó làm cho sức khỏe của mẹ bị giảm sút nhanh chóng. Mẹ đã từ giã cõi đời vào một ngày cuối Thu năm 1961, để lại cho chồng một đứa con trai 8 tuổi. Chồng mẹ ở vậy nuôi con cho đến ngày khôn lớn.

Được bố mẹ nuôi dạy từ tuổi ấu thơ, lớn lên được cấp sách tới trường, anh Vượng hiểu rõ trách nhiệm vinh quang của người thanh niên đối với công cuộc bảo vệ Tổ quốc. Tháng 4-1970, anh xung phong tòng quân, tham gia chiến đấu tại chiến trường phía Nam và lập được nhiều chiến công.

Ngày 27-1-1973, Hiệp định Pa ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết, đánh dấu thắng lợi to lớn trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta. Niềm vui chiến thắng đến gần, nhưng người con còn lại duy nhất của

mẹ là anh Vương thì đã vĩnh viễn nằm lại trên chiến trường. Anh đã hy sinh anh dũng trong chiến đấu ngày 1-10-1973 tại Mặt trận phía Nam. Anh đã được truy tặng 2 Huân chương Chiến công, 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, 1 Huân chương Chiến sĩ giải phóng.

Công lao sinh thành, nuôi dưỡng liệt sĩ Nguyễn Văn Vương của mẹ Lý Thị Văng đã được Đảng, Nhà nước và nhân dân ta ghi nhận. Ngày 24-4-1996, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ NGÁT

Mẹ Nguyễn Thị Ngát sinh năm 1901; dân tộc Kinh; quê ở Làng Vang, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần và an táng tại quê nhà. Mẹ đã cống hiến người con độc nhất của mình cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc.

Mẹ Nguyễn Thị Ngát sinh trưởng trong một gia đình nông dân. Các cụ thân sinh ra mẹ có hơn 5 mẫu ruộng phải thuê người ở cấy, bừa, cấy hái... Mẹ có 7 anh chị em, mẹ là thứ sáu. Lúc nhỏ mẹ bệnh tật, ốm yếu, gầy gò nên các cụ thân sinh ra mẹ phải tìm hết thầy thuốc này, đến ông lang nọ mới chữa khỏi. Năm mẹ 23 tuổi, các cụ thân sinh ra mẹ do quý mến anh Nguyễn Văn Văn (sinh năm 1905, quê ở xã Xuân Phương, huyện Phú Bình) một người ở đợ, làm thuê nhưng khỏe mạnh, cần cù, chịu khó nên đã gả mẹ về làm vợ anh. Hai vợ, chồng mẹ dựng một căn nhà nhỏ một gian, hai chái ở riêng tại Làng Vang, ngoài việc làm 5 sào ruộng do bố mẹ cho, vợ chồng mẹ còn cần cù, chịu khó lên rừng hái nẫu, lấy vỏ mang xuống chợ Đình Cả bán để kiếm sống. Mẹ đã qua 3 lần sinh nở được 3 người con trai, nhưng 2 người con đầu có sinh mà không có dưỡng, đều bị chết từ lúc mới lọt lòng, chỉ có người con thứ 3 là Nguyễn Thanh Chúc sinh năm 1947 là mẹ nuôi được đến tuổi trưởng thành. Năm con trai Nguyễn Thanh Chúc của mẹ lên 3 tuổi, biết mẹ không còn khả năng sinh nở nữa, chồng mẹ đã lấy vợ hai. Mẹ tự nguyện gánh vác việc nuôi dạy đứa con độc nhất của mình. Từ năm 1967, cuộc kháng chiến chống

Mỹ, cứu nước trở nên ác liệt. Sau thắng lợi mùa khô lần thứ hai (1966-1967), quân và dân ta chuẩn bị bước vào cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1968. Đáp lại lời kêu gọi của Đảng và Bác Hồ: "Tất cả cho tiền tuyến", "tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", quân và dân miền Bắc tích cực chi viện sức người sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam. Sinh ra và lớn lên tại quê hương cách mạng, mẹ Ngát hiểu rõ yêu cầu, nhiệm vụ của mỗi người dân đối với Tổ quốc. Bởi vậy tuy chỉ có một người con duy nhất, mẹ vẫn vui vẻ động viên anh Chúc đăng ký nhập ngũ. Tháng 7-1967, mẹ tiễn con lên đường vào miền Nam chiến đấu với bao niềm thương, nhớ và hy vọng đến ngày chiến thắng sẽ đón đưa con thân yêu trở về.

Trên chiến trường, anh Chúc, con trai của mẹ đã cùng đồng đội chiến đấu anh dũng và lập được nhiều thành tích. Ngày 24-3-1969, anh đã hy sinh anh dũng, được Nhà nước truy tặng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 1 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng ba và 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng ba.

Tin anh Chúc hy sinh đến với mẹ Ngát vào ngày 29-10-1970 chẳng khác gì sét đánh ngang tai. Nỗi đau không gì bù đắp này đã làm cho sức khỏe của mẹ vốn đã yếu, bị giảm sút nhanh chóng. Tháng 12-1977, mẹ qua đời, thọ 65 tuổi. Linh cữu mẹ được mai táng tại quê nhà. Mẹ được truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" ngày 24-4-1996.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG BÙI THỊ HẸN

Mẹ Bùi Thị Hẹn sinh năm 1917; dân tộc Kinh; quê ở xóm Gò Chè, xã Cao Ngạn, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ hi sinh trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Mẹ qua đời vào tháng 8-1968, an táng tại quê nhà.

Cũng như cha mẹ mình, mẹ Bùi Thị Hẹn sinh ra đã sớm bước vào cuộc sống lam lũ, phải đi làm thuê, làm mướn để nuôi thân. Lớn lên, mẹ lấy chồng. Nhưng nổi vất vả vẫn theo mẹ như một nghiệp chướng; ba lần mẹ xây dựng gia đình, do khó khăn về đường con cái nên cả ba lần mẹ đều bất hạnh. Mãi tới khi xây dựng gia đình lần thứ tư, sau một thời gian thuốc thang, chạy chữa mẹ mới sinh được một con trai là Lê Văn Chung. Mẹ vui sướng tự nhủ: "Vậy là ông trời đã thương mẹ, ban cho mẹ một đứa con trai". Từ đó, mẹ tận tảo làm lụng khuya, sớm để nuôi con. Mẹ tự đặt lên đôi vai chưa bao giờ được thanh thoi của mình gánh nặng gia đình để chồng mẹ yên tâm làm công tác giao thông, liên lạc cho xã, nhờ vậy mà suốt 10 năm từ 1951 đến 1961, chồng mẹ đã hoàn thành tốt công việc được giao.

Cuộc sống của gia đình mẹ chỉ thực sự đổi khác từ sau ngày cải cách ruộng đất, lần đầu tiên trong đời, gia đình mẹ có ruộng đất, trâu cày. Hơn ai hết, mẹ cảm nhận rõ nhờ có cách mạng, những người nông dân nghèo như mẹ mới có ruộng cày, cơm ăn, áo mặc. Mẹ tích cực tham gia các hoạt động xã hội gia đình mẹ vào tổ đổi công, vào hợp tác xã, con trai mẹ được cấp sách

tới trường. Con trai của mẹ lớn lên giữa lúc đế quốc Mỹ đang tiến hành mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược ra cả 2 miền Nam, Bắc nước ta, cũng như bao thanh niên khác, anh nhận thức được trách nhiệm của mình. Mặc dù thuộc diện được miễn nghĩa vụ quân sự, nhưng tháng 6-1968, anh vẫn hăng hái xung phong vào bộ đội. Khi đó, dù đang lâm bệnh nặng, nhưng mẹ vẫn động viên anh yên tâm lên đường làm tròn nghĩa vụ đối với Tổ quốc. Tháng 7-1968, 1 tháng sau khi anh Chung nhập ngũ mẹ đã qua đời trong sự chăm sóc chu đáo của chị Trần Thị Lan (vợ người con riêng của chồng) và trong niềm tiếc thương vô hạn của bà con làng xóm, láng giềng.

Còn anh Chung con mẹ trong những năm, tháng cầm súng ở chiến trường, đã chiến đấu dũng cảm, lập được nhiều chiến công và đã hi sinh anh dũng tháng 1-1973 tại Mặt trận phía Nam. Anh đã được truy tặng 1 Huy chương Chiến sĩ giải phóng, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba. Mặc dù người con độc nhất của mẹ đã hy sinh, nhưng nhang khói thờ phụng mẹ không khi nào lạnh trong căn nhà tường xây, lợp ngói 4 gian của chị Trần Thị Lan ở xóm Gò Chè, xã Cao Ngạn, huyện Đồng Hỷ.

Công lao sinh thành, nuôi dưỡng và cống hiến người con độc nhất của mình cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc của mẹ Bùi Thị Hẹn đã được Đảng, Nhà nước và nhân dân ta ghi nhận. Ngày 24-4-1996, mẹ đã được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ HỒNG

Mẹ Nguyễn Thị Hồng sinh năm 1901; dân tộc Kinh; quê ở huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình; gia đình trú tại xã Đồng Bầm, huyện Đông Hy, tỉnh Thái Nguyên; có một con trai độc nhất là liệt sĩ hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Mẹ mất vào tháng 3-1984, an táng tại huyện Đông Hy, tỉnh Thái Nguyên.

Mẹ sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo khổ. Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã biến vùng đất Thái Bình quê mẹ từ vùng trồng lúa trở thành những đồn điền của bọn địa chủ, thực dân, biến những người nông dân thuần phác trở thành những người tha hương. Câu ca dao thời ấy đã trở thành dấu ấn không phai mờ trong tâm trí của nhiều người:

Thái Bình là đất "ăn chơi"

Tay bị, tay gậy khắp nơi tung hoành(!)

Dù còn nhỏ tuổi, mẹ Hồng cũng phải cùng cha, mẹ làm thuê, làm mướn rất cực khổ, vậy mà vẫn không đủ sống. Cuối cùng, mẹ và gia đình buộc phải rời bỏ nơi chôn rau cắt rốn, hòa vào dòng người tha hương. Trên bước đường lưu lạc đó, xóm Tân Thành (xã Đồng Bầm, huyện Đông Hy, tỉnh Thái Nguyên) trở thành nơi đất lành chim đậu. Chính tại nơi đây, vào năm 1944, mẹ Hồng đã sinh người con trai độc nhất của mình là Bùi Ngọc Thắng. Anh Thắng là niềm hy vọng và nguồn hạnh phúc to lớn của người mẹ ngoài tuổi 40. Mẹ tận tảo một mình nuôi con qua khỏi nạn đói năm 1945. Trong những ngày tháng khốn khó đó, chẳng ai hay

biết chồng mẹ tên là gì, ở đâu, hai người lấy nhau lúc nào và mất năm nào. Tháng 8-1945, trong không khí sôi sục của những ngày Tổng khởi nghĩa, mẹ Hồng đã trực tiếp chứng kiến sự vùng dậy quật khởi của dân tộc. Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Nhân dân ta trở thành người làm chủ đất nước, được hưởng mọi quyền tự do dân chủ. Cũng từ đó, xóm nhỏ Tân Thành cũng sôi động hẳn lên: Những tổ đổi công ra đời, những lớp học bình dân học vụ được tổ chức; các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, thiếu nhi hoạt động sôi nổi. Cuộc sống của mẹ con mẹ Hồng cũng đỡ vất vả hơn trước. Cứ như vậy, mẹ nuôi con khôn lớn. Sống qua hai chế độ, hơn ai hết, mẹ nhận thấy rõ nỗi khổ nhục của người dân mất nước và niềm hạnh phúc của người dân tự do. Mẹ thường kể cho con nghe những tháng ngày cày thuê, cuốc mướn của mình trước kia, tả lại cho con thấy cảnh nông thôn thời thực dân, phong kiến. Qua lời mẹ kể, anh Thắng cảm nhận niềm vui sướng được lớn lên trong lòng xã hội mới ưu việt, được cơm no, áo ấm và được học hành...

Ngày 5-8-1964, sau khi dựng lên "sự kiện vịnh Bắc bộ" để lấy cớ trả đũa, đế quốc Mỹ gây ra cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc nước ta. Những làng quê miền Bắc không còn yên ả. Dưới những rặng tre xanh, dọc theo các trục đường... là những giao thông hào, hầm hố, ụ súng. Lớp lớp thanh niên xung phong tòng quân chiến đấu. Anh Thắng cũng nhận rõ nghĩa vụ thiêng liêng của tuổi trẻ thời chiến. Dù chỉ có một con trai độc nhất, mẹ Hồng vẫn vui vẻ động viên con lên

đường đánh Mỹ. Tháng 9-1965, anh Thắng chào tạm biệt người mẹ thân yêu, hòa vào dòng người "xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước". Không phụ công lao nuôi dạy của mẹ, anh Thắng đã chiến đấu dũng cảm, lập nhiều thành tích.

Ở hậu phương miền Bắc, mẹ Hồng cũng ra sức lao động sản xuất, thi đua với con trai và các chiến sĩ ngoài mặt trận. Mẹ thường nghĩ, những hạt gạo mẹ làm ra, được đóng góp cho tiền tuyến, nhất định sẽ đến tận con trai mình.

Năm 1966, những tin chiến thắng từ mặt trận liên tiếp bay về cũng là lúc mẹ Hồng nhận được tin đau xé lòng: anh Thắng - con trai của mẹ - đã hy sinh anh dũng.

Chiến tranh ác liệt ở Mặt trận phía Nam đã cướp đi người con trai của mẹ khi anh mới tròn 22 tuổi. Anh chưa được chăm sóc người mẹ yêu quý khi mẹ bước vào tuổi già thì đã hy sinh vì Tổ quốc. Mất con, mẹ Hồng không cô đơn, mẹ được các cháu chăm sóc, được bà con xóm làng thương yêu đùm bọc. Tháng 3-1984 mẹ qua đời trong tình cảm ấm áp đó, thọ 83 tuổi. Ngày 24-4-1996, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG CAO THỊ HỢI

Mẹ Cao Thị Hối sinh năm 1905; dân tộc Kinh; quê ở huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; đã từ trần và an táng tại xã Bá Xuyên, huyện Đông Hi (nay là thị xã Sông Công), tỉnh Thái Nguyên. Mẹ có người con độc nhất là liệt sĩ Cao Văn Long đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ Cao Thị Hối sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo. Đến tuổi trưởng thành, do cuộc sống ở vùng đồng quê chiêm chũng quá khó khăn nên mẹ đã phải rời bỏ quê hương chôn rau, cắt rốn của mình, di cư lên huyện Đông Hi, tỉnh Thái Nguyên để làm thuê, làm mướn kiếm kế sinh nhai. Năm 32 tuổi mẹ mới có điều kiện để xây dựng gia đình. Chồng mẹ là Cao Văn Hoàn, nhiều hơn mẹ 4 tuổi, làm ruộng ở xã Thành Công, huyện Đông Hỷ (nay là xã Bá Xuyên, thị xã Sông Công), tỉnh Thái Nguyên. Năm 1938, đã 33 tuổi mẹ sinh con trai đầu lòng đồng thời đó cũng là người con độc nhất của mẹ. Mẹ đặt tên con là Cao Văn Long. Vì hoàn cảnh đi làm lẹ, nên mẹ phải một mình vất vả nuôi con ăn, học. Mặc dù ở nhà tranh, vách đất nhưng trong nhà có mẹ, có con nên mẹ cũng phần nào vơi đi nỗi vất vả, nhọc nhằn và sự cô đơn, trống vắng... Khi con trai đến tuổi trưởng thành, mẹ đã lo lắng xây dựng gia đình cho anh. Con dâu của mẹ là chị Trần Thị Dung, làm ruộng ở Bá Xuyên. Vợ chồng anh Long, chị Dung đã sinh được 3 cháu gái. Đó là các cháu: Cao Thị Tuất (sinh năm 1958),

Cao Thị Nụ (sinh năm 1966) và Cao Thị Chè (sinh năm 1968). Tháng 6-1968, trước những đòi hỏi cấp thiết của các chiến trường sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta ở miền Nam Tết Mậu Thân năm 1968, anh Cao Văn Long đã tạm biệt gia đình, vợ, con xung phong lên đường nhập ngũ. Con trai ra trận, ở nhà mặc dù đã ngoài 60 tuổi nhưng hàng ngày mẹ vẫn cùng con dâu làm lụng vất vả sớm, khuya để đảm bảo cuộc sống gia đình và nuôi các cháu ăn, học... Mẹ hi vọng và đón chờ một ngày không xa anh Cao Văn Long - con trai của mẹ - hoàn thành nhiệm vụ đánh giặc, sẽ trở về với mẹ và sum họp với vợ, con. Nhưng hi vọng của mẹ mãi mãi chỉ là vô vọng. Và, điều mẹ không mong, chờ đã đến. Ngày 30-5-1972, mẹ bàng hoàng nhận được giấy báo tử con trai của mẹ là Liệt sĩ Cao Văn Long, Trung sĩ, Tiểu đội phó thuộc đơn vị KB đã hy sinh ngày 29-5-1969 tại Mặt trận phía nam tỉnh Quảng Bình. Liệt sĩ đã được truy tặng 1 Huân chương Chiến công hạng ba và 1 huân chương. Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng ba.

Cả một đời gian nan vất vả nuôi người con độc nhất trưởng thành, nay con hy sinh, mẹ vô cùng xót xa, đau khổ nhưng nghĩ tới con dâu tuổi trẻ chưa qua và 3 đứa cháu nội đang còn thơ dại nên mẹ phải cố gắng can đảm, nén lòng mình để động viên con và động viên các cháu. Tháng 6-1975, con dâu của mẹ đi bước nữa, từ đó một mình mẹ lại gánh vác việc gia đình và nuôi các cháu ăn, học cho đến tuổi trưởng thành.

Ngày 11-11-1981, do tuổi cao, sức yếu mẹ đã từ trần sau một cơn đau nặng, hưởng thọ 76 tuổi.

Với công lao sinh thành và nuôi dưỡng người con độc nhất là liệt sĩ Cao Văn Long của mẹ, ngày 24-4-1996, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu cao quý "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ PHÚ

Mẹ Nguyễn Thị Phú; dân tộc Kinh; sinh năm 1923; quê ở xóm Huế Trung, xã Đông Tiến, huyện Đông Hy, tỉnh Thái Nguyên. Hiện nay gia đình mẹ trú tại xóm Đồng Bầm, xã Đồng Bầm, huyện Đông Hy.

Năm 1966, sau nhiều năm thất bại dồn dập trên chiến trường miền Nam, đế quốc Mỹ ngày càng tăng cường chuẩn bị cho cuộc tiến công chiến lược mùa khô 1966 - 1967; đồng thời, đẩy mạnh leo thang dùng Không quân và Hải quân đánh phá miền Bắc. Thái Nguyên cũng là một trong những mục tiêu đánh phá ác liệt của giặc Mỹ. Ngày 17-7-1966, Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước. Hưởng ứng lời kêu gọi của Người, những chàng trai, cô gái đang độ tuổi "bẻ gãy súng trâu" nô nức lên đường tòng quân giết giặc với tinh thần "Không có gì quý hơn độc lập tự do". Trong đoàn quân đó, có anh thanh niên Nguyễn Văn Hủy.

Anh Nguyễn Văn Hủy là con độc nhất của mẹ Phú. Mẹ sinh anh vào năm 1949 và nuôi nấng anh trong vất vả, nhọc nhằn. Khi đó, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trường kỳ còn đang tiếp diễn và ác liệt, đa số nông dân trong đó có mẹ chưa có ruộng cày. Mẹ lại gặp hoàn cảnh hết sức éo le: Chồng mẹ đối xử với mẹ rất khắc nghiệt, buộc mẹ phải chia tay và nuôi con một mình. Mẹ thức khuya, dậy sớm, làm thuê, làm mướn tần tảo nuôi con và hạnh phúc lại mỉm cười với mẹ. Sau cải cách ruộng đất, mẹ được chia ruộng, chia cày, bừa, rồi mẹ tham gia vào tổ đổi công. Năm 1956 mẹ đi bước nữa và cùng chồng nuôi dạy con mình và con

chông khôn lớn, những mong anh Hủy trở thành chỗ dựa cho mẹ lúc về già. Nhìn anh Hủy lớn lên cùng bạn bè trang lứa, mẹ Phú không quên những tháng ngày mẹ bằng tuổi anh. Lúc đó, mẹ phải cùng gia đình làm thuê, làm mướn để kiếm sống. Một người sống qua hai chế độ như mẹ mới cảm nhận một cách sâu sắc hạnh phúc to lớn mà cách mạng đã đem lại cho những người nông dân như mẹ. Vì vậy, nghe theo lời kêu gọi thiêng liêng của Tổ quốc, mặc dù khi đó anh Hủy mới vừa 17 tuổi, mẹ vẫn vui lòng cho anh lên đường tòng quân. Cho con lên đường đánh giặc ở vào tuổi còn non nớt, mẹ Phú chỉ biết căn dặn con: "Ra đi chân cứng đá mềm, bằng chúng, bằng bạn...". Không phụ lòng mong mỏi của mẹ, ngoài chiến trường anh Hủy đã chiến đấu rất anh dũng. Năm 1968, anh đã hy sinh trong chiến đấu tại Mặt trận phía Nam. Anh đã được truy tặng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 1 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng ba. Anh Hủy hy sinh, những tưởng mẹ sẽ không qua được sự hy sinh, mất mát to lớn ấy, nhưng rồi, tình cảm ấm áp, gần gũi, yêu thương của bà con làng xóm đã giúp mẹ nguôi ngoai. Mặc dù chỉ có người con duy nhất đã hy sinh, nhưng những tháng, năm tuổi già, mẹ đã được vợ, chồng anh Nguyễn Tiến Vân, con riêng của người chồng thứ hai trông nom, chăm sóc. Tháng 01 năm 1989, do tuổi già sức yếu, mẹ đã qua đời. Ngày 24-4-1996, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ KHÁNH



Mẹ Nguyễn Thị Khánh sinh năm 1921; dân tộc Kinh; quê ở xã Nam Cao, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; đã từ trần và an táng tại xã Hướng Thượng, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; có một con độc nhất là liệt sĩ hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ Nguyễn Thị Khánh sinh ra và lớn lên ở một vùng quê Thái Bình đất chật, người đông, nơi đã từng bị nạn đói năm 1945 do giặc Pháp, giặc Nhật gây ra đã cướp đi sinh mạng của hàng vạn người dân lương thiện. Trước cảnh đói nghèo, khổ cực và bế tắc gia đình mẹ phải rời bỏ quê hương lên định cư tại xóm Sộp, xã Hướng Thượng, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên để làm thuê, làm mướn kiếm ăn. Tại đây mẹ xây dựng gia đình với ông Nguyễn Thiện Chúc (sinh năm 1921). Tháng 6 năm 1947, mẹ sinh được một người con trai. Vợ chồng mẹ đặt tên con là: Nguyễn Thiện Tăng. Cũng từ đây, cuộc đời mẹ lại thêm nhiều vất vả. Mẹ vừa nuôi con, vừa gánh vác mọi công việc gia đình để tạo điều kiện cho chồng mẹ tham gia vào đội du kích. Vì cuộc sống lam lũ vất vả, dài nắng, dầm mưa, ăn đói, mặc rét nên sức khỏe của mẹ bị giảm sút.

Mẹ mắc bệnh không có khả năng sinh nở nữa. Biết vậy, chồng mẹ đã lấy vợ hai, một mình mẹ phải tần tảo nuôi con ăn, học. Dòng sữa ngọt và đôi tay chai sần của mẹ đã làm nên hạt lúa, củ khoai, nuôi anh Tăng khôn lớn, trưởng thành. Tháng 4 năm 1966, 19 tuổi, anh Tăng - con trai của mẹ - xung phong lên đường nhập ngũ. Ở nhà, mẹ lại một mình vò võ làm ăn, sinh sống và mong đợi con về. Nhưng mong đợi của mẹ mãi mãi cũng chỉ là mong đợi. Vì sự nghiệp giải phóng miền Nam và thống nhất Tổ quốc, ngày 8-4-1968, anh Tăng - người con độc nhất của mẹ - đã ngã xuống, vĩnh viễn nằm lại ở chiến trường miền Nam.

Con hy sinh, niềm hy vọng trông cậy vào con lúc tuổi già, sức yếu đã không còn nữa. Mẹ bàng hoàng, đau đớn, xót xa... Mặc dù mẹ vẫn biết rằng có chiến thắng nào mà không có hy sinh, mất mát, nhưng với mẹ thì sự mất mát hi sinh này lớn quá... Mẹ lâm bệnh nặng rồi qua đời ở tuổi 57.

Ghi nhận sự hy sinh to lớn của mẹ, ngày 24-4-1995, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG DUYNG THỊ TỨ

Mẹ Duyệt Thị Tứ sinh năm 1908; dân tộc Kinh; quê ở xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần và an táng tại quê; có con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Giác hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ Duyệt Thị Tứ sinh ra trong một gia đình nông dân không có ruộng, không có vườn, các cụ thân sinh ra mẹ phải quanh năm đi tìm việc để làm thuê, làm mướn kiếm sống. Dưới chế độ thực dân, phong kiến, cũng như bao nhiêu người phụ nữ khác ở xã Mỹ Yên này, mẹ đã sớm phải đi ở đợ bé con, chăn trâu, cắt cỏ cho nhà giàu để kiếm bát cơm, manh áo. Năm 18 tuổi, mẹ lấy chồng. Chồng mẹ cũng là một nông dân nghèo ở cùng quê. Hai vợ chồng mẹ ngày ngày lên rừng hái măng, đốn củi đem xuống chợ bán để lấy tiền sinh sống. Mẹ đã 2, 3 lần mang thai mà chẳng lần nào con mẹ được làm người, lần thì do làm ăn vất vả bị xảy thai, lần thì thai bị chết lưu... Mãi tới tháng 7-1940, mẹ mới "vượt cạn", sinh "mẹ tròn, con vuông" được một đứa con trai. Vợ, chồng mẹ vui mừng đặt tên con là Nguyễn Văn Giác. Cuộc sống gia đình mẹ tưởng rằng cứ thế sẽ yên ả trôi đi. Nào ngờ, năm 1949, một nỗi bất hạnh lớn đã giáng xuống cuộc đời vốn đã không ít khổ đau của mẹ. Đó là người bạn đời của mẹ không may ốm nặng rồi đột ngột qua đời để lại cho mẹ một sự mất mát, cô đơn và hẫng hụt lớn trong tình cảm cùng với một đứa con thơ dại vừa tròn 9 tuổi. Một mình mẹ phải tần tảo nuôi con ăn học, khôn lớn. Khi con đến tuổi trưởng

thành, mẹ đã sớm lo cho con được yên bề gia thất. Con dâu của mẹ là chị Phạm Thị Mộc, sinh năm 1945 ở cùng quê. Rồi mẹ thành bà nội của 2 cháu Nguyễn Văn Xuyên (sinh năm 1966) và Nguyễn Thị Phương (sinh năm 1968).

Tháng 7-1968, trước những đòi hỏi phải chi viện hết sức cấp bách cho chiến trường về sức người và sức của, anh Nguyễn Văn Gác, con trai của mẹ đã xung phong nhập ngũ. Thay con ra trận, ở nhà mẹ lại cùng với con dâu tận tảo làm lụng sớm, khuya để vừa đảm bảo cuộc sống gia đình, vừa nuôi các cháu ăn, học. Cuối năm 1970, mẹ nhận được tin sét đánh: người con độc nhất của mẹ là anh Nguyễn Văn Gác, hạ sĩ chiến sĩ thuộc Đại đội 9, đơn vị KT đã hy sinh ngày 16-6-1969 tại Mặt trận phía Nam, thi hài an táng tại nghĩa trang gần mặt trận. Anh đã được tặng danh hiệu "Dũng sĩ diệt Mỹ" và truy tặng 1 Huân chương Chiến công hạng ba, 1 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng ba. Từ nỗi đau tận cùng trước sự hy sinh của đứa con độc nhất, mẹ đã vượt được lên để động viên con dâu và cùng với con dâu giữ vững cuộc sống gia đình, nuôi dạy các cháu ăn học, trưởng thành. Ngày 15-1-1989, mẹ từ trần sau một cơn đau nặng, thọ 81 tuổi.

Ngày 24-4-1996, mẹ được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ VIẾT



Mẹ Nguyễn Thị Viết sinh năm 1910; dân tộc Tày; quê ở xã Kim Trân, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; đã từ trần và an táng tại xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ Nguyễn Thị Viết khi còn nhỏ sống ở quê, sau đó theo bố mẹ sang sinh sống ở xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Mẹ bị tật nguyên (khoèo chân và khoèo tay) từ nhỏ nên tuổi thơ của mẹ có nhiều thiệt thòi, không được chạy nhảy, vui đùa như nhiều bạn gái cùng lứa khác. Tháng 2-1945, mẹ lấy chồng. Chồng mẹ là Nguyễn Văn Liên (tức Trung Phương) sinh năm 1916, quê ở xã Phú Xuyên (Đại Từ). Hai vợ chồng mẹ dựng một túp lều gianh, vách nửa đất ở tại xã Yên Lãng, huyện Đại Từ. Năm 1947, mẹ sinh con trai đầu lòng và đó cũng là người con độc nhất của mẹ. Vợ chồng mẹ đặt tên con Nguyễn Văn Đặng. Tuy bị tật nguyên nhưng mẹ vẫn cố gắng gánh vác việc gia đình và nuôi dạy con, giành nhiều thời gian cho chồng đi tham gia kháng chiến chống Pháp. Chồng mẹ tích cực phấn đấu, đã được bổ

nhiệm làm chính trị viên phó trung đội tự vệ chiến đấu của huyện Đại Từ. Ngày 15-4-1948, chồng mẹ không may ốm nặng rồi đột ngột qua đời để lại cho mẹ một đứa con trai côi cút chưa tròn 1 tuổi. Đối với một người đàn bà khỏe mạnh bình thường một mình vừa kiếm sống, vừa nuôi con đã vất vả, với mẹ bị tật nguyên thì nỗi vất vả, gian truân ấy sẽ phải nhân lên gấp bội phần. Chồng chết, sự mất mát, đau thương và niềm bất hạnh đối với mẹ là không gì có thể bù đắp được. Vượt lên tất cả mọi sự mất mát, đau thương và bất hạnh ấy, mẹ đã cố gắng nuôi, dạy con trai của mẹ ngày càng khôn lớn và trưởng thành. Rồi mẹ lấy vợ cho anh. Con dâu của mẹ là chị Đào Thị Lê, kém con trai của mẹ 1 tuổi. Giữa năm 1966, mẹ lên chức bà nội. Cháu nội của mẹ là Nguyễn Văn Khanh (nay cháu nội của mẹ đã có vợ và có 2 con trai là Nguyễn Văn Khánh và Nguyễn Văn Anh).

Tháng 11-1966, hưởng ứng lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước của Bác Hồ, cùng với hàng trăm thanh niên trong huyện Đại Từ hăng hái lên đường tòng quân giết giặc anh Đặng xung phong vào bộ đội. Con trai ra trận, ở nhà mẹ lại tận tảo làm vườn, trồng rau, nuôi lợn, dỗ cháu, trông nhà cho con dâu của mẹ an tâm đi làm việc đồng, việc hợp tác xã. Đầu năm 1973 khi được tin "Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam" đã được ký kết, lòng mẹ mừng khắp khởi vì hòa bình rồi con trai của mẹ sắp trở về. Nhưng con trai của mẹ đã không bao giờ trở về được nữa. Vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam và thống nhất nước nhà, anh đã vĩnh viễn nằm lại trong lòng

đất mẹ miền Nam. Giữa năm 1973, điều mà mẹ không mong đợi đã đến. Mẹ nhận được giấy báo tử con trai của mẹ Liệt sĩ Nguyễn Văn Đăng, binh nhất, chiến sĩ đơn vị KT đã anh dũng hy sinh trong chiến đấu ngày 29-5-1972 tại Mặt trận phía Nam. Liệt sĩ đã được tặng và truy tặng 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng nhất. 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 3 huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng nhất, nhì, ba. Nhận tin con hy sinh, lòng mẹ xót thương vô hạn và khổ đau khôn xiết. Tự nén lòng mình, mẹ động viên con dâu và cháu nội cố gắng vượt qua niềm đau thương và nỗi bất hạnh này để giữ yên cuộc sống gia đình. Ngày 23-7-1983, mẹ đã từ trần sau một trận ốm nặng và kéo dài, thọ 73 tuổi.

Ngày 24-4-1996 mẹ đã được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG HOÀNG THỊ ĐỆT



Mẹ Hoàng Thị Đệ sinh ngày 8-12-1912; dân tộc Kinh; quê ở xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; đã từ trần và an táng tại xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ Phạm Văn Phúc hy sinh vì sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ sinh ra trong một gia đình mà cả bố và mẹ đều làm ruộng. Năm mẹ lên 8 tuổi thì bố của mẹ không may ốm rất nặng rồi qua đời. Mồ côi bố, gia đình lại nghèo nên mẹ đã sớm phải tha phương cầu thực đi nhiều nơi rồi cuối cùng là tới đất Thái Nguyên để kiếm sống. Năm 20 tuổi, mẹ xây dựng gia đình. chồng mẹ cũng là một nông dân nghèo nhưng cần cù, chịu khó làm ăn. Vợ chồng mẹ sinh được 3 người con, 1 gái, 2 trai. Người con gái đầu lòng của mẹ đã bị bệnh chết từ lúc còn ít tuổi. Năm 1947, mẹ cho người con thứ hai là Phạm Văn Cấp đi bộ đội kháng chiến chống Pháp. Cuộc sống khó khăn, vất vả, thiếu thốn của người lính nơi "rừng thiêng, nước độc" đã khiến con trai Phạm Văn Cấp của mẹ ngã bệnh mà chết vào năm 1948 tại Bệnh viện Bắc Cạn. Từ đây mẹ chỉ còn Phạm Văn Phúc, người con thứ ba và cũng là người con còn lại độc nhất của mẹ mới vừa

8 tuổi. Thương con chẳng còn anh, còn chị như bao người khác, mẹ đã dồn tất cả tình thương cho con, nuôi dưỡng, chăm chút con ngày càng khôn lớn, trưởng thành, những mong con sẽ bù đắp lại cho mẹ những gì về tình cảm mà anh, chị của con đã sớm ra đi, chưa làm kịp. Năm 1958, con của mẹ vừa tròn 18 tuổi, mẹ đã cưới vợ cho con. Con dâu của mẹ là chị Bùi Thị Bài, sinh năm 1940 cùng quê và cùng tuổi với con trai của mẹ. Ba, bốn năm sau vợ chồng người con trai của mẹ đã sinh cho mẹ được 2 cháu nội. (Phạm Văn Việt, sinh tháng 8-1959 và Phạm Văn Hữu sinh tháng 12-1961). Có cháu nội, mẹ như trẻ lại. Ngày ngày mẹ ở nhà vừa trông nom dạy dỗ các cháu, vừa quét dọn cửa nhà và rau cám, lợn gà giúp đỡ các con. Năm 1966, giặc Mỹ ồ ạt đưa quân vào xâm lược miền Nam và cho không quân, hải quân đẩy mạnh đánh phá miền Bắc. Trên bầu trời Đại Từ, quê hương thứ hai của mẹ, không ngày nào là không có tiếng gầm rít của máy bay giặc Mỹ.

Tháng 5-1966, Phạm Phúc Như – người con còn lại độc nhất của mẹ – xung phong lên đường đánh Mỹ. Thay con trai ra trận, chẳng quản tuổi cao, sức yếu, ngày ngày mẹ lại cùng với con dâu cần mẫn việc ruộng, việc vườn để có gạo, có tiền nuôi các cháu ăn, học. Còn người con độc nhất của mẹ ở chiến trường sau hơn 4 năm chiến đấu đã phấn đấu trở thành đảng viên, đã giữ các cương vị tiểu đội phó, tiểu đội trưởng, trung đội phó rồi thiếu úy, chính trị viên trung đội thuộc đơn vị KT, đã được tặng thưởng 2 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất, 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì, 3 Huân chương Chiến sĩ

giải phóng hạng nhất, nhì, ba. Ngày 20-1-1970 con trai của mẹ đã hy sinh anh dũng trong chiến đấu tại Mặt trận phía Nam. Được tin con hy sinh, mẹ đã ngất đi, ngất lại... Nghĩ tới con dâu còn tuổi "trẻ chưa qua" và 2 cháu nội còn nhỏ dại, mẹ đã nén lòng gương dạy dỗ động viên con, động viên cháu làm ăn và học hành. Ngày nay các cháu nội của mẹ đều đã khôn lớn và trưởng thành. Cháu đầu Phạm Văn Việt đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương làm ăn sinh sống.

Ngày 19-5-1981, mẹ Hoàng Thị Đẹt đã từ trần. Với công lao của mẹ đã sinh thành và nuôi dạy người con độc nhất là liệt sĩ, ngày 24-4-1996 Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG VI THỊ LY



Mẹ Vi Thị Ly sinh năm 1905, dân tộc Tày; quê ở tỉnh Lạng Sơn; đã từ trần và an táng tại xóm Bình Khang, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ Vi Thị Ly sinh ra và lớn lên ở tỉnh Lạng Sơn. Đến tuổi trưởng thành, mẹ lấy chồng. Chồng mẹ cũng là người Lạng Sơn. Năm 1935, mẹ sinh được một người con trai là Lương Văn Hiến. Ngày ngày vợ, chồng mẹ thay nhau người lên rừng đón củi đem xuống chợ bán lấy tiền đóng gạo, người ở nhà chăn nuôi gà, lợn và trông con. Cuộc sống của vợ, chồng, con cái mẹ tưởng rằng cứ thế sẽ trôi đi theo năm tháng. Nào ngờ, sau một trận ốm "thập tử, nhất sinh" chồng mẹ đã vĩnh viễn rời bỏ cuộc sống trần gian để "ra đi" về cõi vĩnh hằng. Khổ đau và bất hạnh, chồng chết rồi, còn một mẹ, một con thơ làm sao mà sống nổi bằng nghề lên rừng đón củi, mẹ đành bế con đi sang tỉnh Thái Nguyên, tìm đến xóm Bình Khang, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ để làm ăn, sinh sống... Được bà, con xóm Bình Khang cứu mang đùm bọc, mẹ đã bước đầu vượt

qua được nổi bất hạnh đầu tiên của cuộc đời. Rồi con mẹ lớn lên, mẹ đã lo cho con ăn, học bằng người. Khi con mẹ đến tuổi trưởng thành, mẹ lo lắng cưới vợ cho con. Con dâu của mẹ là chị Vũ Thị Hợi người cùng làng, cùng xóm với quê hương thứ hai của mẹ. Vợ, chồng người con trai của mẹ cần cù, chịu khó làm ăn, nên tuy đông con nhưng cuộc sống cũng không đến nỗi long đong, vất vả. Mẹ có 4 cháu nội (3 gái, 1 trai) là Lương Thị Quyến, Lương Thị Hương, Lương Thị Hương và Lương Văn Tâm.

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân Mậu Thân năm 1968 của quân và dân ta ở miền Nam, nhu cầu chi viện sức người, sức của cho chiến trường ngày càng lớn. Cùng với 11.860 con, em nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Thái (cũ) lên đường đánh giặc trong năm 1968, tháng 7-1968, Lương Ngọc Hiến - người con độc nhất của mẹ - đã tình nguyện nhập ngũ vào chiến trường miền Nam đánh Mỹ. Con trai ra trận, mặc dù tuổi đã ngoài 60, sức khỏe yếu nhiều, nhưng ngày ngày mẹ vẫn cùng với con dâu tần tảo, cần mẫn việc ruộng, việc vườn để lấy gạo, lấy tiền nuôi các cháu ăn, học. Mẹ luôn hi vọng một ngày mai không xa con của mẹ sẽ trở về. Nhưng hy vọng của mẹ mãi mãi cũng chỉ là hy vọng. Cuối năm 1971, mẹ nhận được giấy báo tử con trai của mẹ: Liệt sĩ Lương Văn Hiến, đảng viên, Trung sĩ, Tiểu đội phó thuộc Đại đội 2, Tiểu đoàn 80 đơn vị KT đã hy sinh ngày 26-10-1969 tại Mặt trận phía Nam. Liệt sĩ Lương Ngọc Hiến đã được truy tặng 1 Huân chương Chiến công hạng ba và 1 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng ba.

Ngày địa phương đến báo tử và làm lễ truy điệu con trai của mẹ, mẹ đã ngắt đi, ngắt lại. Sức khỏe của mẹ suy sụp, tưởng rằng mẹ không chịu đựng nổi, nhưng nghĩ đến con dâu và đàn cháu nhỏ mẹ lại gắng gượng để động viên con dâu làm ăn và động viên các cháu học hành.

Năm 1973, mẹ từ trần hưởng thọ 68 tuổi. Với công lao sinh thành, nuôi dạy và cống hiến người con độc nhất của mình cho Tổ quốc, ngày 24-4-1996 mẹ được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

Cách mạng tháng 8-1945 thành công, huyện Hải Tỳ quá hường của mẹ được giải phóng, cuộc sống của gia đình mẹ cũng đã bớt khó khăn và đỡ chật vật hơn. Tháng 2-1949, anh Nguyễn Văn Cánh lãnh nguyên xướng phong vào bộ đội đánh Pháp. Trong quân đội, anh đã phân hiệu trưởng thành. Tháng 3-1954 anh được kết nạp vào Đảng tháng 9-1954 anh trở thành đảng viên chính thức. Hết bình lập lại, trong lúc ở quê hương mẹ Đảng và Chính phủ đang chi đạo thì điểm rơi cách tương đối, thì mẹ không may ốm nặng rồi đột ngột qua đời không được hưởng niềm vui và hạnh phúc của "người cây cò ruộng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ LĨNH

Mẹ Nguyễn Thị Lĩnh sinh năm 1898; dân tộc Kinh; quê ở xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần và an táng tại quê; có con độc nhất là liệt sĩ hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Mẹ Nguyễn Thị Lĩnh lúc còn nhỏ do nhà nghèo nên phải đi làm thuê, làm mướn để kiếm kế sinh nhai. Đến tuổi trưởng thành, mẹ xây dựng gia đình. Chồng mẹ là Nguyễn Văn Cấn, cũng cùng cảnh con nhà nghèo nên cũng phải đi cày thuê, cuốc mướn để kiếm ăn như mẹ. Hai vợ chồng mẹ dựng một túp lều gianh để ở rồi ngày ngày cùng nhau đi tìm việc để làm thuê kiếm sống. Năm 1932, khi đã ở tuổi 34 mẹ mới sinh được một người con trai, cũng là người con độc nhất của mẹ. Vợ, chồng mẹ đặt tên con là Nguyễn Văn Cách.

Cách mạng tháng 8-1945 thành công, huyện Đại Từ quê hương của mẹ được giải phóng, cuộc sống của gia đình mẹ cũng đã bớt khó khăn và đỡ chật vật hơn. Tháng 2-1949, anh Nguyễn Văn Cách tình nguyện xung phong vào bộ đội đánh Pháp. Trong quân ngũ, anh đã phấn đấu trưởng thành. Tháng 3-1954 anh được kết nạp vào Đảng, tháng 9-1954 anh trở thành đảng viên chính thức. Hòa bình lập lại, trong lúc ở quê hương mẹ, Đảng và Chính phủ đang chỉ đạo thí điểm cải cách ruộng đất, thì mẹ không may ốm nặng, rồi đột ngột qua đời không được hưởng niềm vui và hạnh phúc của "người cày có ruộng".

Còn con trai của mẹ, hết đánh Pháp rồi lại đi đánh Mỹ, anh đã có gia đình, đã có vợ, có con. Con dâu của mẹ là Nguyễn Thị Niên làm ruộng ở xã An Mỹ và cháu nội của mẹ là Nguyễn Thị Bích Liên, sinh năm 1960 (nay cũng đã yên bề gia thất ở xóm Mỹ Linh, xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ). Năm 1965, con trai của mẹ đã tạm biệt quê hương miền Bắc thân yêu, hành quân vượt Trường Sơn vào chiến trường miền Nam đánh giặc. Ngày 16-1-1968, anh Nguyễn Văn Cách, Thượng úy, Đại đội trưởng thuộc đơn vị KN - người con trai độc nhất của mẹ - đã anh dũng hy sinh tại Mặt trận phía Nam. Anh đã được tặng và truy tặng: 1 Huân chương Chiến công hạng nhất, 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất, 1 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng nhất.

Công lao sinh thành và hơn 20 năm nuôi dưỡng, dạy bảo người con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Cách của mẹ Nguyễn Thị Linh đã được Đảng, Nhà nước và nhân dân ta ghi nhận. Ngày 24-4-1996, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu cao quý "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

HAI NGƯỜI ĐÀN BÀ

(Viết về Bà mẹ Việt Nam anh hùng

Đinh Thị Bé, được phong tặng

ngày 24-4-1996)



Ở ven núi Tán, khu vực Làng Cẩm, xã Phục Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên có một ngôi nhà ba gian rất sạch, trước cửa có ao cá, bên cạnh có vườn cây, vườn rau, chuồng gà, chéch bên sườn đồi có rừng cây. Đó là ngôi nhà của Bà mẹ Việt Nam anh hùng Đinh Thị Bé và người bạn cùng giới là bà Vũ Thị Đào. Cứ quan sát từ trong nhà ra ngoài sân đến bờ ao, mảnh vườn là biết ngay hai người đàn bà sống với nhau hòa thuận. Trên bàn thờ treo Huân chương Chiến công hạng ba, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng ba, Bằng Tổ quốc ghi công của liệt sĩ Ngô Anh Đạo và Bằng Bà mẹ Việt Nam anh hùng của mẹ Đinh Thị Bé. Hai tấm ảnh chân dung lồng kính treo ngang nhau trên tường dưới tờ giấy hoa tiên ghi lời Đức Phật. Đúng là các mẹ biết làm việc nghĩa, xả thân cho đời.

Mẹ Đinh Thị Bé sinh năm 1918 tại xã Vũ Thắng, huyện Vũ Tiên (nay là Vũ Thư) tỉnh Thái Bình, chồng mẹ là ông Ngô Đình Thực sinh năm 1917, cùng quê.

Đất Kiến Xương thời ấy đông người, ít ruộng lại bị thiên tai liên tiếp nên người dân sống rất cơ hàn. Năm 13 tuổi ông Thực đã phải theo người làng lên mỏ Cẩm làm phu. Gửi thân vào chốn rừng thiêng, nước độc, nhiều người đã bỏ xác trên đất mỏ, nhiều người mang về bệnh tật, tai ương. Ông Thực lúc ấy loắt choắt mà dai sức, chịu đựng được cái khắc nghiệt của khí hậu, của muối rừng, chịu đựng được cái tàn bạo của cai kí và chủ mỏ. Với đồng lương chết đói, ông vẫn dè sẻn được ít nhiều. Thấm thoát đã thành chàng trai phu mỏ khỏe mạnh, ngang tàng, ông về quê cưới vợ rồi dắt díu nhau lên đất thượng du.

Mẹ Bé lúc ấy là cô gái quê mùa vừa lớn dậy, ngỡ ngàng trước cuộc sống nơi đất khách quê người. Cũng như vợ những người phu mỏ khác, mẹ phải bươn chải chăm sóc chồng rồi bới đất, lật cỏ kiếm thêm củ khoai, củ sắn, rồi làm thuê, làm mướn để kiếm miếng ăn. Mẹ cũng qua vài lần sinh nở nhưng bệnh tật đã cướp đi tất cả niềm hy vọng.

Cùng cảnh khổ, bà Vũ Thị Đào quê Nam Định, 5 tuổi đã theo cha mẹ lên miền núi kiếm ăn. Đến đất Thái Nguyên đuối sức, cả hai ông bà nằm xuống, bỏ lại con cái mỗi đứa phiêu bạt một phương. Bà Đào đi làm con nuôi, mò cua bắt ốc, chăn trâu cắt cỏ, lam lũ thế mà ngày tháng cũng đưa bà đến thì con gái. Có sức khỏe lại chịu đựng được gian khổ, bà trở thành phu mỏ đội than.

Năm ấy là năm 1944, bọn chủ Pháp lăm lét trước mũi lê quân phát xít Nhật, Cai kí thừa cơ đục nước, béo cò, trạnh thủ vợ vét, chơi bời trác táng. Bọn lưu

manh nhằm lúc nhộn nhạo giở trò đều cằng. Cô gái quê mùa, trong trắng làm sao giữ nổi phẩm hạnh trước bao con mắt cú diều. Ông Thực, một phu mỏ ngang tàng ở tuổi 28 cường tráng, dám đưa tay ra che chở. Và chỉ còn một cách nhận bà Đào làm vợ thì mới yên thân.

Mẹ Bé sinh ba lần nữa. Một chết ngay khi chào đời. Bé Ngô Thị Luật đã bảy tuổi lại bỏ mẹ mà đi. Tháng 6-1958, cả nhà vui, Ngô Anh Đạo cất tiếng khóc chào đời khi bố mẹ đã bước vào tuổi 40. Đạo lớn lên, được cấp sách đi học trong không khí hòa bình. Thời ấy mức sống chưa cao nhưng ổn định. Bà Đào cũng sinh ba gái, gia đình đã bảy miệng ăn. Khó khăn đấy nhưng vui nhà, vui cửa.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước bước vào giai đoạn quyết liệt. Máy bay địch bắn phá vùng mỏ than, bà Đào dính bom phải nghỉ mất sức. Cuộc sống gia đình trông vào lương thợ mỏ của ông Thực và sự cần cù nương bái, chợ búa của hai người đàn bà.

Học hết cấp hai, Ngô Anh Đạo vào làm công nhân Xưởng xi măng thuộc Công ty xây lắp, tròn 20 tuổi anh lên đường ra trận. Ngày 2-6-1980, gia đình được tin báo tử: Liệt sĩ Ngô Anh Đạo, nhập ngũ 8-1978, đơn vị Đại đội 16, Trung đoàn 677, Sư đoàn 346 Quân khu I, hy sinh ngày 24-8-1979 tại Thông Nông, Cao Bằng trong chiến đấu bảo vệ biên cương Tổ quốc.

Bây giờ, mẹ Đinh Thị Bé được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" được đãi ngộ 360.000 đồng, Công ty xây lắp II phụng dưỡng mỗi tháng 150.000 đồng và tặng một sổ tiết kiệm 1 triệu, bà Đào vẫn được hưởng trợ cấp mất sức. Tôi nhắm tính với số tiền trên 600.000 đồng cùng với con cá dưới ao, quả trứng trên ổ, nắm rau, quả chuối trong vườn, hai người đàn bà ấy có cuộc sống khá khá so với mức sống của nông thôn.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG LÊ THỊ MẠC

Mẹ Lê Thị Mạc sinh năm 1917; dân tộc Kinh; quê ở thôn Kim Bằng, xã Lam Sơn, thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên; đã từ trần và an táng tại xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ Trương Ngọc Đảm đã hy sinh vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc năm 1969.

Mẹ Lê Thị Mạc sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo. Dưới chế độ thực dân phong kiến, mẹ cũng như nhiều phụ nữ Việt Nam khác ở nông thôn đã phải sớm đi ở đợ cho địa chủ hoặc cấy thuê, gánh mướn cho nhà giàu để kiếm sống. Tuổi thơ của mẹ gắn liền với chăn trâu, cắt cỏ, bẻ con cho nhà giàu. Mẹ không được cắp sách tới trường. Năm 20 tuổi, mẹ lấy chồng. Chồng mẹ cũng là người làm ruộng ở cùng quê. Do ở quê làm ăn khó khăn nên vợ chồng mẹ đã dắt nhau lên vùng Bình Thuận, Đại Từ, Thái Nguyên để sinh sống. Đường con cái của mẹ cũng gặp nhiều khó khăn, trắc trở. Sau khi lấy chồng gần 10 năm sau mẹ mới mang thai lần đầu. Do phải làm lụng vất vả, ăn uống kham khổ nên đứa con trai đầu lòng mà mẹ sinh ra vừa bé nhỏ lại vừa hay ốm đau, quặt quẹo. Thế rồi, khi chưa đầy 1 tuổi, chỉ sau một trận ốm xoàng, do không có thuốc thang chạy chữa nên nó đã "bỏ mẹ" ra đi. Mãi tới năm 1952, khi đã bước sang tuổi 33 mẹ mới sinh nở lần thứ hai được một đứa con trai đặt tên là Trương Ngọc Đảm. Mẹ lần hồi tần tảo sớm, khuya làm lụng vất vả để nuôi con khôn lớn. Dưới sự chăm sóc,

nuôi dạy ân cần và tình thương yêu bao la của mẹ, Trương Ngọc Đảm đã nhanh chóng lớn khôn, năm 16 tuổi anh đã trở thành một thanh niên cao, to, khỏe mạnh, cường tráng.

Tháng 8-1968, trước những đòi hỏi cấp thiết của chiến trường miền Nam, mẹ đã tiễn người con trai còn lại độc nhất của mình mới 16 tuổi xung phong lên đường đánh giặc. Chưa đầy một năm sau đó, tháng 7-1969, tại Mặt trận phía Nam, Trương Ngọc Đảm - con trai của mẹ - đã hy sinh, hiến dâng trọn vẹn cuộc đời mình cho độc lập, tự do của Tổ quốc.

Ở nhà mẹ mong tin con, nhưng càng mong thì lại càng biên biệt...

Mẹ ốm, yếu kéo dài. Ngày 21-4-1970, sau một cơn đau nặng, mẹ đã từ trần. Với công lao sinh thành, nuôi dạy và cống hiến cho Tổ quốc người con độc nhất của mình, ngày 24-4-1996, mẹ được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGÔ THỊ CHẤT



Mẹ Ngô Thị Chất sinh năm 1911; dân tộc: Kinh; quê ở xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; đã từ trần và an táng tại xã Phục Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sĩ Đinh Văn Quán đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Mẹ Ngô Thị Chất sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân nghèo. Ngay từ khi mới 7 - 8 tuổi mẹ đã phải đi ở chăn trâu, cắt cỏ cho địa chủ. Lớn lên vì gia đình không có ruộng nên mẹ đã phải cùng với bố, mẹ đi cấy thuê, cuộc mưu sinh để kiếm sống. Năm 19 tuổi mẹ lấy chồng. Chồng mẹ là người cùng làng, cũng cùng cảnh con nhà nghèo như mẹ. Vợ, chồng mẹ sinh được 6 người con (3 trai, 3 gái). Năm 1945 chính sách nhổ lúa để trồng đay và vợ vét lúa gạo của phát xít Nhật và thực dân Pháp đã gây ra nạn đói khủng khiếp ở nước ta làm cho hơn 2 triệu đồng bào ta bị chết đói. Nạn đói năm 1945 đã giáng tai họa khủng khiếp xuống đầu mẹ: Chồng và 2 con của mẹ bị chết đói ngay trên mảnh đất Thái Bình màu mỡ, nơi vẫn được coi là một trong những vựa lúa của đồng bằng Bắc Bộ. Sau khi chồng và 2 con bị chết đói, giữa quê

hương "ruộng đồng thẳng cánh cò bay" mà chẳng có gì ăn, mẹ đành dắt 4 đứa con nhỏ dại đi tha phương, cầu thực. Mẹ có biết đâu rằng một tai họa khủng khiếp nữa đang chờ đón mẹ ở phía trước. Khi năm mẹ con mẹ đi đến gần Hà Nội thì bị máy bay Pháp ném bom làm cho 3 đứa con nữa của mẹ bị chết ngay tại chỗ. Thế là chỉ trong vòng mấy tháng giặc đói và giặc ngoại xâm đã cướp đi của mẹ người bạn đời thân yêu và năm đứa con mà mẹ đã phải dứt ruột để sinh ra và mất bao công lao nhọc nhằn nuôi, dạy. Mẹ không muốn sống nữa. Nhưng mẹ nghĩ mẹ không thể để cho đứa con trai còn lại độc nhất của mình là Đinh Văn Quán sinh ngày 20-5-1933 phải sống bơ vợ, cô cút một mình không mẹ, không cha, không anh, không em ở trên cõi đời đen bạc này, nên mẹ phải sống và mẹ quyết sống. Mẹ lại dắt con về quê. Ý chí quyết sống, quyết nuôi con khôn lớn của mẹ đã thắng. Dưới bàn tay cấy thuê, cuốc mướn và mò cua, bắt ốc cùng với tình thương yêu bao la của mẹ, con trai Đinh Văn Quán của mẹ đã trưởng thành. Ngày 10-2-1952, anh Đinh Văn Quán xung phong lên đường nhập ngũ đánh giặc trả thù cho cha, cho các anh, các chị và các em. Con đi rồi một mình mẹ lại ở nhà cần mẫn, tần tảo ruộng vườn và mò cua, bắt ốc kiếm sống. Ngày 7-5-1954, chiến thắng Điện Biên Phủ làm chấn động địa cầu. Sau đó Hiệp định Giơ-ne-vơ đã được ký kết, hòa bình đã được lập lại trên miền Bắc nước ta trong đó có quê hương Thái Bình của mẹ. Ngày ngày mẹ ngóng trông, nóng lòng mong con của mẹ trở về. Nhưng con trai của mẹ không bao giờ trở về nữa. Vì Tổ quốc, anh đã hiến dâng trọn đời mình, vĩnh viễn nằm lại trên mảnh đất Điện Biên lịch sử. Năm 1956, mẹ

nhận được giấy báo tử: Liệt sĩ Đinh Văn Quán, hy sinh trong chiến đấu tại chiến trường Tây Bắc ngày 28-3-1954. Liệt sĩ đã được truy tặng 1 Huân chương Chiến thắng hạng ba và 1 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng ba. Con trai hy sinh, chỉ còn lại một mình, năm 1960 mẹ theo người em trai ruột lên sinh sống tại làng Cẩm, xã Phục Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Ngày 9-9-1992, mẹ từ trần. Hiện nay anh Ngô Văn Cải là con người em trai ruột của mẹ đang trông nom phần mộ, thờ cúng mẹ và thờ cúng liệt sĩ Đinh Văn Quán – con trai của mẹ.

Ngày 24-4-1996, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG DUYNG THỊ LỄ

Mẹ DUYNG Thị Lễ sinh năm 1914; dân tộc Sán Chí; quê ở xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần và an táng tại xã Bình Thuận, huyện Đại Từ; có con độc nhất là liệt sĩ hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ DUYNG Thị Lễ sinh ra và lớn lên trong một gia đình mà các cụ thân sinh ra mẹ đều làm ruộng. Do hoàn cảnh nhà nghèo, lại đông anh, chị em nên lúc nhỏ mẹ không có điều kiện cấp sách đến trường mà phải ở nhà phụ giúp bố mẹ làm ruộng để kiếm sống. Năm 23, 24 tuổi mẹ xây dựng gia đình. Chồng mẹ là Nguyễn Hữu Khoa sinh năm 1915 làm ruộng ở xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Lấy chồng "thuyền theo lái, gái theo chồng", mẹ về quê chồng làm ăn, sinh sống. Tháng 8-1938, mẹ sinh được một người con trai đặt tên là Nguyễn Hữu Thoa.

Vào những năm 1943, 1944 phong trào cách mạng ở Đại Từ phát triển khá mạnh. Mẹ đã đảm đương hầu hết việc nhà và nuôi dạy con để cho chồng tham gia hoạt động cách mạng. Năm 1945 chồng mẹ là Bí thư chi đoàn thanh niên xã Bình Thuận. Sau này ông được kết nạp vào Đảng và giữ các cương vị Chủ tịch, Bí thư Đảng ủy rồi Chủ tịch Mặt trận xã Bình Thuận nhiều năm. Hiện nay ông là cán bộ được hưởng chế độ trợ cấp hưu trí của xã.

Còn mẹ, sau khi con trai được gần 8 tuổi do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, phải thức khuya, dậy

sớm, làm lụng vất vả nên bị ốm nặng và ngày 20-9-1945 thì qua đời, lúc đó mẹ vừa tròn 31 tuổi.

Mẹ qua đời, chồng mẹ tiếp tục nuôi, dạy người con độc nhất mà mẹ để lại đến tuổi trưởng thành và xây dựng gia đình cho anh. Năm 1959 anh đi làm công nhân ở Bưu điện huyện Đại Từ. Năm 1965 anh xung phong vào bộ đội đánh Mỹ. Ngày 10-3-1975 anh đã hy sinh trong chiến đấu tại Mặt trận Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Qua 10 năm chiến đấu trong quân ngũ, anh đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất, 3 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng nhất, nhì, ba, 3 huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, nhì ba.

Sau khi con trai của mẹ hy sinh, con dâu của mẹ đã ở vậy nuôi 3 cháu gái nội của mẹ ăn, học, trưởng thành. Hiện nay các cháu đều đã có nghề nghiệp tương đối ổn định.

Xét công lao sinh thành và nuôi dưỡng người con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Hữu Thoa của mẹ, ngày 24-4-1996, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG NGUYỄN THỊ NHƯỢNG

Mẹ Nguyễn Thị Nhượng sinh tháng 3-1896; quê ở huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; gia đình trú tại xóm Đồi Chè, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần ngày 21-7-1985; an táng tại xóm Đồi Chè, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương; có con độc nhất hy sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Mẹ sinh ra và lớn lên trong một gia đình làm nghề thủ công (nghề mộc). Thời đó Hà Nam là nơi đất chật, người đông, chiêm khô, mùa thối, nhân dân đói khổ nên nghề mộc của gia đình mẹ cũng nhiều phen chìm, nổi. Vì kế sinh nhai năm 1918, mẹ phải theo gia đình rời bỏ quê hương lên xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương kiếm ăn sinh sống. Rồi mẹ lấy chồng. Chồng mẹ là Nguyễn Văn Đông (cũng làm nghề mộc). Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, ốm đau không có thuốc chạy chữa, khi thai nghén đến gần ngày sinh nở không được nghỉ ngơi, bồi dưỡng... nên 10 lần sinh trước của mẹ đều xa sẩy. Năm 1938 mẹ mới sinh và nuôi dưỡng được người con thứ 11 là Nguyễn Văn Trung. Ngoài 40 tuổi mẹ mới có được mụn con, cả gia đình hết sức vui mừng, phấn khởi. Mẹ giành tất cả tình thương yêu, chăm sóc, dạy dỗ con khôn lớn, trưởng thành đặng có người nhờ, cậy lúc tuổi già. Khi anh Trung đến tuổi trưởng thành mẹ xây dựng gia đình cho anh. Vợ chồng anh đã sinh cho mẹ hai cháu nội là Nguyễn Thị Duyên (1963) và Nguyễn Văn Dung (1966).

Năm 1967, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta đang ở giai đoạn quyết liệt, chiến trường đang cần chi viện sức người. Hiểu được điều đó, tháng 7-1967, anh Trung xung phong vào bộ đội cầm súng bảo vệ Tổ quốc. Trong quân ngũ anh đã phấn đấu, rèn luyện và trưởng thành. Tháng 8-1969 anh được kết nạp vào Đảng. Từ chiến sĩ anh vươn lên thành Tiểu đội phó, Trung đội trưởng, Chính trị viên phó rồi Chính trị viên đại đội. Ở cương vị nào anh cũng lãnh đạo chỉ huy đơn vị hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Ngày 2-11-1972, anh đã chiến đấu và hy sinh anh dũng tại Mặt trận phía Nam.

Ngày 1-6-1974 nhận được tin con hy sinh, mẹ đau đớn tưởng chừng như không thể sống nổi. Nhưng rồi được sự chăm sóc, động viên của gia đình và bà con hàng xóm, mẹ lại gắng gượng đứng dậy, vượt lên nỗi đau cùng con đau nuôi dạy hai cháu trưởng thành. Năm 1985 mẹ ốm nặng rồi qua đời, hưởng thọ 89 tuổi.

Để đền đáp công lao sinh thành và nuôi dưỡng người con duy nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Trung của mẹ, ngày 24-4-1996, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu cao quý "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG HOÀNG THỊ SỢI

Mẹ Hoàng Thị Sợi sinh năm 1921; dân tộc: Kinh; quê ở xóm Bãi Nha, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần ngày 31-12-1961; có con độc nhất là liệt sĩ hy sinh trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Sinh ra trong một gia đình nghèo, ít ruộng, đông anh em, lúc nhỏ mẹ phải cùng gia đình đi làm thuê, làm mướn kiếm sống. Cuộc sống của gia đình mẹ hết sức gieo neo, vất vả. Đến tuổi trưởng thành mẹ lấy chồng. Chồng mẹ là Đặng Văn Quảng, sinh năm 1913, quê ở huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn cũng vì cuộc sống khó khăn phải theo gia đình di cư sang xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương sinh sống. Hai vợ chồng mẹ dựng một túp lều gianh tại xóm Bãi Nha làm nơi trú ngụ. Năm 1945, giữa lúc nạn đói khủng khiếp do thực dân Pháp và phát xít Nhật gây ra thì vợ chồng mẹ sinh được một người con trai đặt tên là Đặng Quang Dậu. Sau khi mẹ sinh con, chồng mẹ vào bộ đội đi chiến đấu ở khắp các chiến trường Việt Bắc, Tây Bắc và chiến trường Lào mãi sau hòa bình lập lại ông mới trở về quê và chuyển ngành sang công tác ở một số cơ quan kinh tế trong tỉnh. Suốt những năm chồng đi xa, mẹ ở nhà một mình vừa chờ chồng, vừa nuôi con. Cuộc sống của mẹ đã vất vả lại càng gieo neo hơn bởi sức mẹ yếu và con còn thơ dại. Mẹ chịu ăn đói, mặc rách, dành dụm, chất chiu chỉ mong nuôi con khôn lớn bằng người. Năm 1961, mẹ lâm bệnh nặng. Con trai Đặng Quang Dậu của mẹ đã đi khắp các bệnh viện để chăm sóc mẹ.

Nhưng vì bệnh quá hiểm nghèo, mẹ đã qua đời ở tuổi 40. Mất mẹ, Đặng Quang Dậu như mất đi chỗ dựa tin cậy và gần gũi nhất. Gánh nặng gia đình dồn cả sang hai vai người chồng của mẹ. Nhớ lời trăng trối của vợ trước khi qua đời, mặc dù điều kiện kinh tế hết sức khó khăn nhưng ông Quang vẫn cố gắng nuôi con ăn, học. Học hết cấp II, Đặng Quang Dậu được tuyển vào học ở 1 trường trung học chuyên nghiệp của tỉnh. Năm 1966, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta diễn ra rất gay go và ác liệt trên cả hai miền Nam - Bắc, đáp lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước thiêng liêng của Hồ Chủ tịch "Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa... song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập tự do...". Đặng Quang Dậu cùng hàng trăm thanh niên các dân tộc trong tỉnh đã tình nguyện lên đường cầm súng bảo vệ Tổ quốc. Ba năm công tác, học tập chiến đấu ở chiến trường anh đã trưởng thành, được phong quân hàm thượng sĩ, được đề bạt chức vụ Tiểu đội trưởng. Ngày 24-4-1969, trong một trận chiến đấu quyết liệt với địch ở Mặt trận phía Nam, Đặng Quang Dậu đã hy sinh anh dũng.

Xét công lao của mẹ sinh thành và nuôi dưỡng người con độc nhất đã chiến đấu và hy sinh anh dũng vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc, ngày 24-4-1996, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng mẹ danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

Phân II

**ANH HÙNG
LỰC LƯỢNG
VŨ TRANG NHÂN DÂN**

Phần II

ANH HÙNG
LỰC LƯỢNG
VỤ TRANG NHÂN DÂN

ANH HÙNG PHẠM THANH NGÂN



Đồng chí Phạm Thanh Ngân sinh năm 1939; dân tộc Kinh; quê ở xã Lương Phú, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; gia đình trú tại đường Trường Chinh, quận Đống Đa, Hà Nội; nhập ngũ tháng 3-1959. Đồng chí đã qua các cương vị công tác: Chiến sĩ và chỉ huy các cấp từ tiểu đội đến đại đội thuộc Binh chủng Pháo binh; Học viên đào tạo lái máy bay tại Liên Xô (cũ); Chiến sĩ lái máy bay, Biên đội trưởng, Phi đội trưởng, Trung đoàn trưởng, Sư đoàn trưởng, Phó Tư lệnh và Tư lệnh Quân chủng Không quân, Ủy viên Trung ương Đảng khóa 7, khóa 8. Hiện nay đồng chí là Trung tướng, Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam. Đồng chí đã được tặng thưởng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, 1 Huân chương Quân công hạng ba, 4 Huân chương Chiến công (1 hạng nhất, 1 hạng nhì và 2 hạng ba), 2 lần được bầu là chiến sĩ Thi đua và chiến sĩ Quyết thắng.

Khi được tặng thưởng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, đồng chí là Thượng úy, Phi đội trưởng Phi đội máy bay phản lực tiêm kích MIC 21, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân.

Từ năm 1966 đến năm 1968, đồng chí đã trực tiếp chiến đấu bắn rơi 8 máy bay Mỹ gồm 3 máy bay F4, 2 máy bay F105, 1 máy bay RF101, 1 máy bay F102 và 1 máy bay không người lái (năm 1966 bắn rơi 1 chiếc, năm 1967 bắn rơi 6 chiếc và năm 1968 bắn rơi 1 chiếc), đồng chí còn chỉ huy biên đội bắn rơi 8 máy bay khác của địch.

Ngày 7-10-1967, trên vùng trời Hà Tây, biên đội MIC 21 của đồng chí đã chiến đấu với 12 máy bay F4 của Mỹ. Mặc dù lực lượng của địch đông hơn gấp nhiều lần, điều kiện dẫn đường của ta có nhiều hạn chế, nhưng đồng chí đã dũng cảm, mưu trí, bình tĩnh phát hiện chỗ yếu của địch, chỉ huy biên đội bất ngờ lao thẳng vào đội hình của chúng, bắn 2 phát tên lửa tiêu diệt 2 chiếc (đồng chí bắn rơi 1 chiếc). Bọn giặc lái máy bay Mỹ hoảng hốt ném bom bừa bãi rồi tháo chạy. Biên đội của đồng chí đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, phá tan cuộc tiến công của địch, trở về hạ cánh an toàn.

Ngày 18-11-1967, đánh địch trên vùng trời Phú Thọ, Hà Tây đồng chí đã chỉ huy biên đội đánh vào đội hình 8 máy bay F105 và F4 của địch. Từ xác định chính xác cự ly giữa các tốp máy bay địch, phán đoán nếu ta tấn công chớp nhoáng thì chúng không thể ứng cứu cho nhau được, đồng chí đã chỉ huy biên đội kiên quyết, linh hoạt công kích thẳng vào tốp F105 đi đầu bắn rơi tại chỗ 2 chiếc (đồng chí bắn rơi 1 chiếc), tên trung úy lái máy bay Mỹ nhảy dù ra bị lực lượng ta ở mặt đất bắt sống. Biên đội của đồng chí đã hoàn thành

nhiệm vụ tiêu diệt địch, bảo vệ được mục tiêu, trở về hạ cánh an toàn.

Ngày 20-11-1967, cũng trên vùng trời Phú Thọ, Hà Tây, đồng chí đã chỉ huy biên đội chiến đấu với 24 máy bay F4 và F105 của địch. Khi phát hiện lực lượng ta chỉ có 2 máy bay Míc thì 1 tốp 4 máy bay F4 của địch liền quay lại triển khai đội hình đánh trả. Đồng chí đã dũng cảm, bình tĩnh phán đoán tình hình địch, chọn đúng đối tượng, chỉ huy biên đội, chủ động vượt lên trên đầu tốp F4, thọc sâu vào tốp F105 bay sau, bắn rơi 2 chiếc (đồng chí bắn rơi 1 chiếc) bẻ gãy mũi tiến công của địch vào Hà Nội, bảo vệ được mục tiêu.

Đồng chí Phạm Thanh Ngân có ý chí, quyết tâm cao, dũng cảm, mưu trí, linh hoạt trong chiến đấu và chỉ huy chiến đấu, kiên định, vững vàng trong mọi tình huống khó khăn, có nhiệt tình học tập và rèn luyện kỹ thuật, chiến thuật, không ngừng nâng cao trình độ, năng lực chỉ huy và chiến đấu, gương mẫu trong công tác và sinh hoạt được anh em, đồng đội tin yêu, quý trọng.

Ngày 18-6-1969 đồng chí được Quốc hội và Chính phủ tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".

ANH HÙNG ĐÀM VĂN NGUYỄN



Đồng chí Đàm Văn Nguyễn sinh ngày 1-5-1928; dân tộc Tày; quê ở xã Minh Khai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng; trú tại khu dân cư Mỏ Bạch - phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; tham gia Cách mạng từ năm 1942; nhập ngũ tháng 2-1945; vào đảng ngày 9-1947, chính thức tháng 3-1948. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp đồng chí đã giữ các chức vụ chỉ huy tiểu đội, chỉ huy trung đội và chỉ huy đại đội xung kích; Trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước đồng chí đã qua các cương vị công tác: Tiểu đoàn phó, tiểu đoàn trưởng, Trung đoàn phó, Trung đoàn trưởng thuộc Sư đoàn 316 và Sư đoàn trưởng Sư đoàn 316; Sư đoàn phó Sư đoàn 1, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 7, Phó Tư lệnh Mặt trận 301 thuộc Miền Đông Nam Bộ. Trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng chí là: Phó Hiệu trưởng trường Sĩ quan Chính trị, Phó tư lệnh Quân khu I kiêm Tư lệnh Mặt trận Cao Bằng, kiêm Tư lệnh Quân đoàn 26; Tư lệnh Quân khu I. Đồng chí là Ủy viên Trung ương Đảng khóa 6, khóa 7, đại biểu Quốc hội khóa 8, khóa 9. Hiện nay đồng chí nguyên là Trung tướng, Tư lệnh Quân khu I đã nghỉ hưu. Đồng chí đã được tặng thưởng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; 3 Huân chương

Quân công hạng nhất, nhì, ba; 3 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, nhì, ba; Huân chương Kháng chiến của Lào; Huy hiệu 45 năm tuổi Đảng. Khi được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân đồng chí là: quyền Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 11, Trung đoàn 176, Đại đoàn 316.

Sinh trưởng trong một gia đình vốn có truyền thống cách mạng nên ngay từ năm 14 tuổi đồng chí Đàm Văn Ngụy đã được giác ngộ vào Hội Việt Minh, làm liên lạc dẫn đường, tiếp tế nuôi dưỡng cán bộ hoạt động bí mật ở địa phương. Tháng 2-1945 đồng chí nhập ngũ. Ngày 1-4-1945, đơn vị đồng chí đánh đồn Pò Mã, Thất Khê (Lạng Sơn). Khi ta nổ súng tấn công thì địch co vào lô cốt cầm cự, đồng chí đã cùng hai đồng chí khác xung phong lên chọc thủng mái lô cốt (bằng ngói) ném lựu đạn vào làm 30 tên địch hốt hoảng mang súng ra hàng. Trong trận phòng ngự ở Đồng Đăng (Lạng Sơn) tháng 6 năm 1946, đồng chí nhận nhiệm vụ chỉ huy tiểu đội chiếm một mỏm núi ở đầu phố, chặn giữ địch cho các đơn vị và cơ quan rút ra ngoài. Một đại đội địch dùng hỏa lực mạnh vây quanh tiến công vào. Đồng chí đã bình tĩnh chỉ huy tiểu đội đánh lui 4 đợt phản kích của địch, hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao. Cuối năm 1946, tại Cồn Pheo (Lạng Sơn) trung đội của đồng chí bị gần 1 tiểu đoàn địch bao vây, đồng chí nhận lệnh chỉ huy 1 tiểu đội đánh cản địch và rút sau cùng. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, đồng chí dẫn tiểu đội vượt qua một cánh đồng tới chân núi thì bị 2 đại đội địch chặn

đường bao vây. Đồng chí đã bình tĩnh chỉ huy tiểu đội đánh lui nhiều đợt tiến công của chúng, diệt nhiều tên, giữ vững trận địa từ trưa đến tối, buộc chúng phải rút. Tháng 4-1947, trong trận phục kích đoàn xe của địch ở Bó Củng (Lũng Vài), đồng chí đã dẫn đầu tiểu đội xung phong nhảy lên xe thiết giáp địch, ném lựu đạn vào trong xe diệt một số tên. Một tên lính nhảy ra ôm chặt lấy đồng chí, cả hai cùng lăn xuống đường vật lộn nhau, vừa lúc đó cả đơn vị đã kịp xông tới, dùng lựu đạn đánh xe, diệt và bắt bọn địch còn sống sót. Tháng 8-1949, trong trận phục kích đoàn xe ô tô 70 chiếc của địch ở Lũng Vài, đồng chí đã dẫn đầu trung đội xung phong đánh chia cắt đội hình phía sau quân địch, diệt 20 tên, làm cho chúng rối loạn, tạo điều kiện cho đơn vị tiến công diệt nhiều xe và lính địch. Tháng 3-1953, khi đơn vị đồng chí đang di chuyển đội hình để bao vây, tiến công Nà Sản (Sơn La) thì bị 1 đại đội biệt kích của địch bất ngờ đánh vào bộ phận quân y phía sau rồi rút. Là đại đội phó, đồng chí đã nhanh chóng chỉ huy và tổ chức anh em luồn rừng truy kích địch trong hơn 6 giờ đồng hồ diệt 14 tên, bắn bị thương nhiều tên khác. Thu Đông 1953 - 1954, đồng chí chỉ huy đại đội đánh nhiều trận tiểu phỉ ở biên giới Việt - Lào, diệt được nhiều tên phỉ, đảm bảo an ninh Biên giới. Đồng chí còn lãnh đạo đơn vị vận động nhân dân trong 20 làng, bản gọi được 70 con, em theo phỉ trở về. Ngày 7-5-1956, đồng chí được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG TRẦN THẾ LẠI



Đồng chí Trần Thế Lại, Bí danh: Xuân Tùng; sinh năm 1933 tại Thái Lan⁽¹⁾; dân tộc Kinh; quê ở xã Quảng Tiến, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; nhập ngũ tháng 8-1950; vào Đảng tháng 3-1951 - chính thức tháng 1-1952; nguyên là: Chiến sĩ giao thông liên lạc, Tiểu đội phó, Quản lý đại đội vận tải thuộc Đoàn 82; Tiểu đội trưởng thuộc Sư đoàn 338; Trung đội phó thuộc Công trường 382; Quản lý xe thuộc Trung đoàn 58 - Sư đoàn 335; Trợ lý Phòng II Quân khu Tây Bắc; Đội trưởng Đội 4, Đoàn 33, Quân khu Tây Bắc; Đội trưởng Đội 48, Phân đoàn 168, Sư đoàn 305; Chính ủy, Đại tá - Đoàn trưởng Đoàn 1 Bộ Tư lệnh Đặc công; đã nghỉ hưu từ tháng 3-1990; hiện trú tại thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

1. Gia đình đồng chí Trần Thế Lại di cư sang Thái Lan từ lâu. Tháng 8-1950, đồng chí từ Thái Lan về nước, đến Lào thì nhập ngũ vào làm chiến sĩ Đội biệt động hoạt động Thượng Lào. Năm 1960 gia đình đồng chí hồi hương về xã Dân Chủ, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Trải qua 40 năm liên tục công tác, chiến đấu trong quân đội đồng chí đã được tặng thưởng: danh hiệu cao quý Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, 1 Huân chương Quân công hạng ba, 2 Huân chương Chiến công hạng nhất, hạng ba, 1 Huân chương ITXALA và nhiều bằng khen, giấy khen. Khi được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, đồng chí là Thiếu tá, Đội trưởng thuộc Đoàn 1 Bộ tư lệnh Đặc công.

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đồng chí Trần Thế Lại hoạt động ở chiến trường xa, có rất nhiều khó khăn, địch luôn luôn theo dõi nhưng đồng chí vẫn kiên trì hoạt động, xây dựng được một số cơ sở và đưa lực lượng của ta vào hoạt động. Nhiều lần đồng chí dẫn bộ đội vào tận sân bay, khéo ngụy trang và bí mật ẩn nấp để điều tra theo dõi máy bay Mỹ lên xuống. Đồng chí đã chỉ huy đơn vị phá hủy 10 máy bay trong đó có một số máy bay B52, 2 giàn Ra đa và diệt nhiều lính Mỹ.

Ngày 28-7-1969, đồng chí chỉ huy một tổ vượt qua lớp rào thép gai, bãi mìn và khu vực có địch canh gác, phá hủy được 2 máy bay và 2 giàn ra đa. Ngày 10-1-1972, sau nhiều lần trinh sát nắm chắc tình hình địch, đồng chí đã tổ chức một bộ phận bí mật vượt qua nhiều khu vực có địch kiểm soát chặt chẽ, tập kích vào sân bay, phá hủy được 8 máy bay địch, trong đó có 1 số máy bay B52 và diệt hàng chục tên giặc lái máy bay Mỹ.

Nhiều năm xa sự chỉ đạo của cấp trên, hoạt động độc lập ở chiến trường xa, phải tự lo liệu về ăn, mặc, đồng chí đã luôn luôn tỏ ra vững vàng, giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng, luôn tìm mọi cách động viên đồng đội hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ. Hành động của đồng chí có tác dụng động viên, lôi kéo mọi người trong đơn vị noi theo.

Ngày 20-12-1979, đồng chí được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định số 187/L CT tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.



ANH HÙNG TRIỆU VĂN BẢO



Đồng chí Triệu Văn Bảo sinh năm 1932; dân tộc Nùng; quê ở xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng; nhập ngũ ngày 20-2-1950; vào Đảng ngày 20-4-1954 – chính thức ngày 20-9-1954; nguyên là chiến sĩ liên lạc huyện đội Trùng Khánh; Liên lạc viên Ban Tuyên giáo – Tỉnh ủy Cao Bằng; Tiểu đội phó, Trung đội trưởng, phụ trách Đại đội trưởng thuộc Trung đoàn 174, Sư đoàn 316; Đại đội trưởng thuộc Trường quân chính Quân khu Việt Bắc, Tiểu đoàn trưởng, tham mưu phó Trung đoàn thuộc Sư đoàn 303; Trung đoàn phó Trung đoàn, 1 Sư đoàn 304; Trung đoàn phó các Trung đoàn 247, 248 QKVB; Hiệu phó Trường hạ sĩ quan Quân khu I; Hiệu trưởng Trường Quân sự tỉnh Bắc Thái; Sư đoàn phó Sư đoàn 353 và Sư đoàn trưởng Sư đoàn 392 Quân khu I; Đại tá – Hiệu phó Trường Quân chính Quân khu I; đã nghỉ hưu từ tháng 5-1989; từ trần ngày 22-6-1994; an táng tại xã Nam Tiến, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Đồng chí đã được tặng thưởng: danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, 2 Huân chương Quân công hạng nhất, hạng nhì, 2

Huân chương Chiến công hạng nhất và 1 Huân chương Chiến công hạng nhì, 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng nhất; Chiến sĩ thi đua toàn quốc năm 1952. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là Đại đội phó Đại đội Thông tin thuộc Sư đoàn 316.

Đồng chí Triệu Văn Báo là chiến sĩ thông tin đã luôn luôn nêu cao tinh thần chiến đấu dũng cảm, hết lòng phục vụ đơn vị, kiên quyết vượt qua mọi khó khăn, gian khổ đảm bảo thông tin liên lạc kịp thời, thông suốt trong mọi tình huống.

Năm 1952, trong trận đánh đồn La Ri Ve (Bắc Ninh) – trận đầu tiên đơn vị đánh địch ở trong công sự vững chắc – đồng chí được giao nhiệm vụ làm tổ trưởng thông tin phụ trách đường dây từ tiểu đoàn xuống đại đội. Khi chỉ huy tiểu đoàn vừa ra lệnh nổ súng thì đại đội trưởng bị trúng đạn hy sinh không kịp bắn súng báo hiệu tấn công. Không chậm trễ, đồng chí Triệu Văn Báo đã chủ động hô to lệnh phát hỏa, bảo đảm kịp thời sự thống nhất hiệp đồng giờ nổ súng tấn công cho toàn đơn vị. Pháo địch bắn tới tấp. Đơn vị đang tấn công thì gặp lô cốt địch bắn cản dữ dội. Giữa lúc đơn vị đang cần gọi điện cho phía sau mang bộc phá lên để đánh lô cốt thì đường dây thông tin bị đứt. Không đủ dây nối, đồng chí Triệu Văn Báo đã không ngần ngại, dũng cảm cắn 2 đầu dây cho dòng điện chạy qua người để nối thông liên lạc. Máy quay gấp, tuy đồng chí bị điện giật ngất đi, nhưng thông tin liên lạc đã được thông suốt, kịp thời truyền đạt mệnh lệnh

chiến đấu, bộc phá từ phía sau được nhanh chóng đưa lên đánh sập lô cốt địch.

Trận Cầu Ngà (Bắc Ninh) năm 1952, đơn vị của đồng chí làm nhiệm vụ đánh chặn viện. Trong lúc đang nổ súng, vì còn thiếu 500 mét dây điện thoại nên đại đội của đồng chí không nối thông được liên lạc với tiểu đoàn. Để đảm bảo thông tin liên lạc cho trận đánh, đồng chí đã dũng cảm chạy bộ 7 lần dưới tầm đạn pháo của địch để truyền lệnh. Có lần đạn địch bắn dữ dội, đồng chí phải dùng động tác lặn từ sườn đồi xuống rãnh nước dưới chân đồi rồi lại tiếp tục chạy đi truyền lệnh, nhờ đó đã đảm bảo chỉ huy thông suốt, góp phần giành thắng lợi cho trận đánh.

Trận Vạn Tải (Hải Dương), khi 2 trung đội của ta đã vào sát 2 bên đồn thì bị lộ. Địch bắn ra ác liệt, lực lượng đại đội chưa vào hết, trước mặt lại vướng đầm lầy, không ngần ngại, đồng chí đã đặt máy lên lưng bò xoài trên mặt đầm, đưa máy vào trước mở đường an toàn qua bãi lầy cho đại đội trưởng và lực lượng phía sau nhanh chóng vào chiếm lĩnh trận địa nổ súng kịp thời. Khi gần kết thúc trận đánh, đại đội trưởng bị thương nặng đồng chí đã chủ động cùng 2 người đặt đại đội trưởng lên lưng rồi trườn qua bãi lầy đưa ra ngoài an toàn.

Ngày 7-5-1956, đồng chí đã được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG NGÔ VĂN SƠN



Đồng chí Ngô Văn Sơn, sinh ngày 20-3-1947; dân tộc: Kinh; quê ở xã Đồng Bẩm, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 1 năm 1966; vào Đảng ngày 29-4-1969, chính thức ngày 29-1-1970; nguyên là chiến sĩ thuộc Đoàn 250 Quân khu Việt Bắc, Trung đoàn đặc công 426 Bộ Tổng Tham mưu; Trung đội trưởng thuộc Đoàn đặc công 429 Bộ tư lệnh miền Đông Nam Bộ; Đại đội trưởng

Đại đội trinh sát thuộc Đoàn đặc công 113 Bộ tư lệnh miền Đông Nam Bộ; Đại đội trưởng thuộc Đoàn 113, Sư đoàn đặc công 2 Bộ tư lệnh Đặc công; Học viên trường Văn hóa Quân khu Việt Bắc; Đoàn phó Đoàn an dưỡng 159, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái (cũ); Thượng tá, Đoàn trưởng Đoàn an dưỡng 159, Quân khu I; đã nghỉ hưu từ năm 1990; hiện trú tại xã Đồng Bẩm, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Trải qua gần 25 năm chiến đấu, công tác liên tục trong quân đội dù ở cương vị nào đồng chí cũng đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đồng chí đã được tặng thưởng: danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; 4 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba; 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng ba; 3 Huân

chương Chiến sĩ giải phóng hạng nhất, nhì, ba, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, nhì ba; 3 lần được bầu là Chiến sĩ Thi đua, 6 lần được tặng bằng khen và giấy khen. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là Trung úy, Đại đội trưởng Đại đội 3, Tiểu đoàn 23, Đoàn 113, Quân khu 7.

Đồng chí Ngô Văn Sơn sinh trưởng trong một gia đình nông dân. Vì hoàn cảnh đồng chí có 6 anh, em mà đồng chí lại là lớn nhất nên ngay từ khi còn đi học đồng chí đã phải tranh thủ thời gian giúp đỡ bố, mẹ làm lụng để đảm bảo cuộc sống gia đình và nuôi các em ăn, học.

Cuối năm 1965 đầu năm 1966, khi cuộc chiến tranh phá hoại do đế quốc Mỹ gây ra bước vào thời kỳ gay go và quyết liệt, theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, đồng chí đã tình nguyện lên đường nhập ngũ. Sau hơn 2 năm học tập, huấn luyện ở miền Bắc, tháng 5-1969, đồng chí đã cùng đơn vị hành quân vào Nam chiến đấu. Từ năm 1969 đến năm 1974, đồng chí đã trực tiếp chiến đấu và chỉ huy chiến đấu nhiều trận, trong đó có 9 trận tiêu biểu ở khu vực thành phố Biên Hòa (tỉnh Biên Hòa), diệt hàng trăm tên địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, gây cho Mỹ, ngụy nhiều tổn thất lớn (riêng đồng chí đã diệt 40 tên địch, phá hủy 7 kho đạn, 22 xe quân sự và 14 nhà lính). Điển hình là 2 trận tập kích bí mật vào Tổng kho Long Bình đêm 13-8-1972 và đêm 16-12-1972.

Tổng kho Long Bình, nơi được coi là "Cái dạ dày khổng lồ" chứa đủ các loại bom, đạn, xăng, dầu, chất độc hóa học và nhiều phương tiện chiến tranh phục vụ

cho tác chiến và dự trữ chiến lược của địch. Đây là tổng kho lớn nhất miền Nam, có diện tích 24km², nằm trên 2 trục đường 1 và 15, cách Sài Gòn 21 km về phía Bắc gồm 16 mỏm chạy theo hình cánh cung, trong đó mỏm 50 và 53 có kho bom, đạn lớn nhất (trữ lượng hàng trăm ngàn tấn). Lực lượng chiếm đóng, bảo vệ, kỹ thuật, vận tải ở trong tổng kho có tới hàng vạn tên địch (trong đó có khoảng 2000 lính Mỹ, chủ yếu là cố vấn và chuyên viên kỹ thuật), Bộ tư lệnh Hậu cần Mỹ, Bộ tư lệnh tiếp vận 3 quân đội Sài Gòn đóng trong tổng kho. Tổng kho Long Bình nằm trong hệ thống phòng thủ tây bắc Sài Gòn nên được địch bảo vệ rất vững chắc. Ngoài lực lượng bảo vệ đông, hệ thống hỏa lực mạnh, hệ thống vật cản (hàng rào, bãi mìn, chông, hầm, hào và đèn chiếu sáng...) bố trí hiện đại, địch còn bố trí hệ thống máy phát hiện tiếng động. Bên trong tổng kho thường xuyên có 1 tiểu đoàn địch và hàng chục con chó béc giê chuyên canh gác, tuần tra. Bên ngoài tổng kho địch ủi đất, phát quang tạo nên một vành đai trắng từ 6km đến 10km.

Đêm 13 rạng ngày 14-8-1972, đồng chí đã chỉ huy mũi chiến đấu 10 người của Đại đội 1 tập kích bí mật vào khu kho 53, tổng kho Long Bình. Sau khi chỉ huy đơn vị vượt qua 10 lớp hàng rào dây thép gai và nhiều bãi mìn dày đặc, dưới sự tuần tra nghiêm ngặt của địch, đột nhập được vào tổng kho, đồng chí đã trực tiếp đưa từng tổ chiến đấu đến từng vị trí đặt mìn ở các kho. Trong trận này mũi chiến đấu do đồng chí chỉ huy cùng với 2 mũi khác của Tiểu đoàn 9 (Đoàn 113 đặc công) đã phá hủy 15.000 tấn bom đạn, 200 tấn thuốc nổ và tiêu diệt hàng trăm tên địch (mũi chiến

đấu của Đại đội 1 của đồng chí đã phá hủy được 6 dãy, 39 kho đạn, riêng đồng chí phá hủy được 7 kho). Ngay sau trận này, tên Tư lệnh Quân đoàn 3 nguy Sài Gòn đã phải ra lệnh mỗi ngày mỗi khẩu pháo của chúng chỉ được bắn 3 viên đạn; tên Tổng Tham mưu trưởng quân lực Việt Nam cộng hòa đã phải ra lệnh khẩn cấp thành lập "Ủy ban chống đặc công cộng sản" gồm 11 thành viên đặt trụ sở tại Long Bình.

Đêm 16-12-1972, đồng chí chỉ huy một tổ chiến đấu 7 người của Đại đội 53 tập kích vào khu để xe ô tô vận tải của địch ở tổng kho Long Bình. Sau khi trực tiếp đưa đơn vị bí mật đột nhập vào khu để xe, đồng chí đã tổ chức chỉ huy bộ đội đặt 61 quả mìn hẹn giờ, sau đó rút về hậu cứ an toàn. Kết quả trận đánh, tổ chiến đấu của đồng chí đã phá hủy gần 200 xe vận tải quân sự của địch¹. (Riêng đồng chí đã đặt mìn phá hủy 22 xe).

Đêm 23 tháng 11 năm 1974 đồng chí vào trinh sát căn cứ địch ở Tân Uyên (Biên Hòa), trong lúc đang làm nhiệm vụ thì bị vướng mìn của địch gãy một chân. Để bảo đảm bí mật, đồng chí nén đau, không hề kêu rên, đồng đội tiếp tục hoàn thành công việc.

Đồng chí Ngô Văn Sơn là một cán bộ chỉ huy gan dạ, mưu trí, dũng cảm, luôn luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, được anh em đồng đội tin yêu, quý trọng. Ngày 3 tháng 6 năm 1976 đồng chí đã được Quốc hội và Chính phủ tặng danh hiệu cao quý Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

1. Theo địch thú nhận: Chúng bị phá hỏng 101 xe ô tô.

ANH HÙNG HOÀNG VĂN NGHIÊN



Đồng chí Hoàng Văn Nghiên sinh năm 1939; dân tộc Nùng; quê ở xã Ngũ Lão, huyện Hòa An (nay là phường Sông Bằng, thị xã Cao Bằng), tỉnh Cao Bằng; hiện trú tại phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 4-1962; vào Đảng ngày 7-2-1967, chính thức ngày 7-11-1967.

Đồng chí nguyên là: Công nhân ty Giao thông tỉnh Cao Bằng, Chiến sĩ, Tiểu đội trưởng thuộc Trung đoàn 229; Đại đội trưởng, Tiểu đoàn phó, Tiểu đoàn trưởng thuộc Trung đoàn 98; Cán bộ Ban thiết kế Đoàn 473; Tham mưu phó Trung đoàn 89; Phó chủ nhiệm công binh Quân đoàn 29, Quân khu II; Lớp trưởng lớp bổ túc cán bộ chiến thuật, chiến dịch Trường Quân chính Quân khu I; Đại tá - chỉ huy phó Lữ đoàn 575 Quân khu I, đã nghỉ hưu từ tháng 6-1989. Hiện nay đồng chí là Ủy viên Ban chấp hành Hội cựu chiến binh phường Trưng Vương kiêm Chi hội trưởng CCB chi hội Tháng 8.

Qua hơn 27 năm liên tục công tác, chiến đấu trong quân đội, đồng chí đã được tặng thưởng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, 2 Huân chương Chiến công hạng nhất, 1 Huân chương Chiến công hạng ba, 3

Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, nhì, ba. 2 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng nhì, hạng ba. Khi được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, đồng chí là Trung sĩ, Trung đội trưởng thuộc Đại đội 5, Tiểu đoàn 2, Trung đoàn công binh 98, Đoàn 559.

Là một chiến sĩ công binh, đồng chí Hoàng Văn Nghiên đã nêu cao tấm gương tiêu biểu về quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược trên mặt trận giao thông vận tải, luôn luôn nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo, dũng cảm, mưu trí, quyết tâm khắc phục khó khăn cùng đồng đội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ làm đường, phá thác, tạo điều kiện cho đơn vị bạn bảo đảm được kế hoạch vận chuyển tiếp tế cho chiến trường. Kết thúc thời gian huấn luyện, đơn vị vừa nhận thêm lớp chiến sĩ mới thì có lệnh hành quân cấp tốc đến địa điểm tập kết làm đường ngay trong mùa mưa. Số chiến sĩ mới trong đơn vị chiếm tới 50%, dụng cụ thiếu, nơi thi công ở cách xa hậu phương nên tiếp tế không đầy đủ, có khi cả tuần đơn vị phải ăn cháo, trong điều kiện lao động rất nặng nhọc và vất vả. Đồng chí đã kiên trì chịu đựng gian khổ, gương mẫu trong mọi mặt công tác, đi sát giúp đỡ, động viên anh em cùng nhau chung sức, chung lòng hoàn thành nhiệm vụ trên giao. Tuy nhiều gian khổ, khó khăn nhưng năng suất lao động của đơn vị ngày một tăng. Đồng chí cùng anh em trong đại đội cải tiến phương pháp làm việc, làm được 100 đả trượt đưa năng suất từ $5m^3$ lên $9m^3$ mỗi người một ngày. Tầm tháng liên tục lặn lội với tuyến đường, đơn vị của đồng chí đã góp phần cùng đơn vị bạn chuyển hàng nhanh, kịp thời phục vụ các chiến dịch lớn. Trong 2 năm 1964 - 1965, đồng chí cùng đơn vị nhận nhiệm vụ phá thác trên sông Bạc và sông Se. Hai con

sông này có nhiều thác, đặc biệt có 19 cái thác rất nguy hiểm, hàng chở đến đó phải bốc dỡ lên bờ, khuôn vác qua đoạn có thác, làm chậm tốc độ vận chuyển và tốn rất nhiều công sức. Lần đầu tiên đi phá thác, đơn vị chưa có kinh nghiệm, đồng chí xung phong đi trước thăm dò và phá những thác nguy hiểm nhất.

Khi phá thác Chà Rạc, một tảng đá lớn nằm chắn ngang dòng chảy, đang mùa mưa nước sông dâng cao, chảy xiết, bơi, lội không được mà làm mảng thì không có địa hình thuận lợi, đồng chí đã lợi dụng các mô đá nổi làm cầu, bò ra dần, buộc dây bảo hiểm lặn xuống nghiên cứu trước. Nhiều lần đồng chí bị trôi vào chỗ nước xoáy, anh em phải kéo lên, nghỉ đỡ mệt, đồng chí lại tiếp tục lặn xuống tìm vị trí đặt thuốc nổ phá vỡ tảng đá.

Phá thác Hồ Giồng: Thác này hẹp nhưng lại nằm liên tiếp, nước chảy xiết. Hai chiến sĩ trong tiểu đội dùng sào đẩy mảng ra mấy lần mảng đều bị lật trôi. Đồng chí đã tự tay đẩy mảng ra, gần tới chỗ nguy hiểm, đồng chí nhảy xuống nước, hay tay giữ mảng, hai chân quờ tìm kè đá lấy chỗ đứng cho chắc. Nước chảy xiết, mảng quay tròn giạt mạnh, sơ hở một tý có thể bị vụn gãy chân, nguy hiểm đến tính mạng, đồng chí đã kiên trì đứng cảm dôn hết sức vừa giữ mảng vừa tìm chỗ đặt thuốc nổ, sau đó đồng chí lại vượt sóng trực tiếp mang khối bộc phá đặt vào hốc đá phá thông cái thác nguy hiểm này. Trong mọi mặt công tác đồng chí luôn gương mẫu, xung phong nhận việc khó về mình, nhường thuận lợi cho bạn, đoàn kết thương yêu đồng đội, tích cực đùm bọc giúp đỡ chiến sĩ mới, khiêm tốn, giản dị, được mọi người tin yêu.

Ngày 1-1-1967, đồng chí Hoàng Văn Nghiên được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".

ANH HÙNG DƯƠNG QUẢNG CHÂU



Đồng chí Dương Quảng Châu tên khai sinh là Dương Ngọc Chiên, sinh tháng 10-1927; dân tộc Kinh; quê ở xã Hoàng Hanh, huyện Phù Tiên, tỉnh Hưng Yên; trú tại xã Thành Công, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ ngày 5-1-1948; vào Đảng tháng 2-1951 chính thức tháng 11-1951. Đồng chí nguyên là: Chiến sĩ, Tiểu đội trưởng, Trung đội phó Trinh sát thuộc Trung đoàn 36, Sư đoàn 308; Học viên trường Văn hóa Quân đội; Sinh viên khoa chế tạo máy Trường Đại học Bách khoa Hà Nội; Đại đội trưởng, Tiểu đoàn phó, Tiểu đoàn trưởng thuộc Trung đoàn 285; Thiếu tá - Phó trưởng phòng kỹ thuật Sư đoàn 363, thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân; đã nghỉ hưu từ tháng 12-1980. Đồng chí đã được khen thưởng: danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, 1 Huân chương Quân công hạng ba, 3 Huân chương Chiến công hạng nhì, 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất và nhiều bằng khen, giấy khen. Khi được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân đồng chí là Trung đội phó thuộc Đại đội Quân báo Trung đoàn 36, Đại đoàn 308.

Đồng chí Dương Quảng Châu sinh trưởng trong một gia đình lao động nghèo, bố làm nghề "Sơn tràng", mẹ làm thuê, làm mướn kiếm sống. Do hoàn cảnh đời sống khó khăn, đói kém, gia đình đồng chí đã phải rời bỏ quê hương lên làm tá điền ở các đồn điền Nam Lý và Thác Nhái (Phổ Yên - Thái Nguyên). Nạn đói năm 1945 do phát xít Nhật và thực dân Pháp gây ra đã làm hơn 2 triệu người Việt Nam chết đói trong đó có 8 người thân của đồng chí (gồm bố, mẹ, anh, chị và các cháu). Gia đình đồng chí còn lại 3 anh em trai (đồng chí là lớn nhất). Sau cách mạng tháng 8-1945, đồng chí tham gia vào du kích xã Thành Công; trong chiến dịch Việt Bắc Thu Đông 1947, đồng chí là Tiểu đội trưởng chỉ huy du kích đánh địch ở đèo Nứa. Đầu năm 1948 đồng chí nhập ngũ vào Trung đoàn 121 (Thái Nguyên - Phúc Yên) sau đó chuyển sang Trung đoàn 36. Suốt 5 năm chiến đấu đồng chí đã dự các chiến dịch từ Biên Giới đến Điện Biên Phủ, lúc nào cũng nêu cao tinh thần dũng cảm, mưu trí, linh hoạt của một chiến sĩ quân báo, điều tra cụ thể, tỉ mỉ gặp địch là chủ động kiên quyết tiến công, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Năm 1949, một mình đồng chí nhận nhiệm vụ đi trinh sát bắt Bông Lai, Hạ Trì, Hà Đông. Hai, ba ngày bị địch vây, bị đói, nằm trong lòng địch, đồng chí vẫn kiên trì khéo léo giả làm phu lột vào trong bốt địch trinh sát cụ thể, rồi mới tìm cách thoát ra, trở về đơn vị báo cáo. Chiến dịch Biên Giới 1950 địch đánh lên Khau Luông, đồng chí được lệnh từ Thất Khê quay về làm nhiệm vụ. Giữa đường phát hiện có tàn binh địch lẩn trốn trong rừng, đồng chí liền chỉ huy anh em

nhanh chóng bao vây vừa nổ súng uy hiếp, vừa kêu gọi đầu hàng, bắt được 4 tên. Năm 1953 được đơn vị giao nhiệm vụ điều tra bót Thái Đào, Bắc Giang, đồng chí chỉ huy 1 mũi luôn lách vượt qua 2 con đường thường xuyên có lính tuần tra, 1 con máng và 11 hàng rào vào sát tận nơi điều tra nắm chắc tình hình về đơn vị báo cáo. Cuối năm 1953 trên đường truy kích địch ở Mường Ngòai, đồng chí chỉ huy 1 tiểu đội vượt sông đuổi địch. Trong 1 ngày đồng chí đã 9 lần dẫn đầu tiểu đội đánh tan 1 tiểu đoàn địch. Khi hết đạn, đồng chí lấy súng, đạn địch tiếp tục truy kích, những tên địch còn đang lẩn trốn. Một lần khác tiểu đội đồng chí trên đường truy kích địch từ Mường Ngòai đến Nậm Bắc, anh em vừa dừng lại tạm nghỉ ăn cơm, đột nhiên 4 tên tàn quân địch xuất hiện bất ngờ, tên đi đầu hung hăng giương súng định bắn đồng chí Trung đoàn phó, nhanh như cắt đồng chí đã gạt được súng ra và dùng dao đâm nó chết tại chỗ, 3 tên còn lại hốt hoảng giơ tay hàng. Hôm sau, tổ của đồng chí đang chuẩn bị đánh Nậm Ngàn thì 1 đại đội địch ập tới, chúng xả súng bắn, đồng chí nhanh nhẹn chỉ huy anh em nấp vào gốc cây bắn trả quyết liệt làm chúng chết và bị thương một số tên. Cùng lúc đó đơn vị ở phía sau vận động lên, kịp thời bao vây địch. Phát hiện 1 tên Pháp bị vấp gốc cây ngã, đồng chí nhảy ra bắt sống, rồi bắt nó gọi hàng được 40 tên khác thu 43 súng, cùng đơn vị tiêu diệt gọn 1 đại đội địch.

Trong thời kỳ chuẩn bị chiến trường Điện Biên Phủ, một hôm đơn vị đi làm nhiệm vụ, chỉ còn đồng chí và 1 chiến sĩ bị sốt nằm ở nhà. Gần trưa, cơn sốt

vừa dứt, đồng chí đang ngồi lau súng thì thấy 1 toán địch đi từ hướng Lai Châu về, đồng chí bình tĩnh phán đoán đây là tàn binh địch vừa bị ta đánh hôm trước nên liền mưu trí hô to nghi binh, rồi xông ra chặn bắt được 22 tên, thu 8 súng. Ngày hôm sau đồng chí còn chỉ huy 1 tổ lùng bắt được 10 tên nữa. Bước vào chiến dịch Điện Biên Phủ, trong 1 trận đánh phản kích, đồng chí bị thương gãy chân không đi được, nhưng vẫn nằm tại chỗ bình tĩnh giao nhiệm vụ cho tổ và đồng viên anh em quyết tâm chiến đấu.

Trong khi nằm điều trị, đồng chí đã gương mẫu tham gia lao động, góp phần xây dựng viện và vận động 60 thương binh còn khỏe cùng với 90 đồng bào địa phương đắp đê cứu được 480 mẫu lúa khỏi bị ngập lụt.

Ngày 7-5-1956 đồng chí đã được tặng danh hiệu cao quý Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG NGUYỄN MAI TÂM



Đồng chí Nguyễn Mai Tâm tên khai sinh là Nguyễn Văn Ty; sinh năm 1933; dân tộc Kinh; quê ở xã Tân Tiến (nay là xã Đông Cao), huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 1-1953; nguyên là Chiến sĩ Đại đội 85 thuộc tỉnh đội Thái Nguyên; Khẩu đội trưởng pháo 105 ly thuộc Trung đoàn 4, Sư đoàn 312; Tổ trưởng tổ lao động xã hội chủ nghĩa thuộc các Tổng đội

2 và 62 Cục Doanh trại, Tổng cục Hậu cần; trợ lý Chính trị, trợ lý Bảo vệ Kho K 150, Cục Quân khí; trợ lý Chính sách, Cục Doanh trại; Thiếu tá Đoàn trưởng Đoàn 290, Cục Doanh trại, Tổng cục Hậu cần; đã nghỉ hưu từ tháng 10-1983; trú quán tại quê. Hiện nay đồng chí là Ủy viên Ban chấp hành Hội cựu chiến binh huyện Phổ Yên kiêm Chủ tịch hội Cựu chiến binh xã Đông Cao. Trải qua hơn 30 năm chiến đấu, công tác trong quân đội đồng chí đã được tặng thưởng danh hiệu Anh hùng lao động, 1 Huân chương Quân công hạng ba, 1 Huân chương Lao động hạng nhất, 1 Huy chương Chiến thắng hạng nhì, 13 bằng khen, 14 giấy khen và 9 năm liên tục từ 1953 đến 1961 được bầu là Chiến sĩ thi đua. Khi được tuyên dương Anh hùng lao động đồng chí là đảng viên, Tổ trưởng Tổ 5, Đại đội 6,

Công trường 35 thuộc Tổng đội 62 Cục Doanh trại,
Tổng cục Hậu cần.

Đồng chí Nguyễn Mai Tâm sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo, mồ côi cha từ năm 13 tuổi, mẹ lại mắt kém, được anh trai và chị dâu nuôi ăn, học nhưng vì hoàn cảnh kinh tế của gia đình anh, chị khó khăn nên học hết lớp 2, đồng chí đã phải bỏ học để lao động cùng anh, chị kiếm sống. Tháng 1 năm 1953, đồng chí và 4 người bạn khác ở cùng xã tình nguyện xung phong vào bộ đội. Từ năm 1953 đến năm 1957 đồng chí tham gia chiến đấu, công tác ở các đơn vị thuộc huyện đội Phổ Yên, Quân khu Việt Bắc và Quân khu Tả Ngạn. Bất kỳ ở đơn vị nào và làm việc gì đồng chí cũng đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Năm 1958, Tổng cục Hậu cần quyết định thành lập các Tổng đội xây dựng doanh trại cho quân đội, bảo đảm cho bộ đội ăn, ở theo nề nếp chính quy. Đồng chí được chọn đi học thợ nề. Ra trường đồng chí được điều về Đại đội 6, Công trường 35, Tổng đội 2 làm nhiệm vụ xây dựng doanh trại cho các đơn vị quân đội. Thấm nhuần đường lối xây dựng quân đội tiến lên chính quy, hiện đại của Đảng và sự cấp thiết của công tác xây dựng doanh trại cho quân đội, đồng chí đã luôn luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, lao động quên mình, tích cực thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, không ngừng nâng cao năng suất lao động.

Từ năm 1958 đến năm 1962, đồng chí đã phấn đấu vượt 14 chỉ tiêu định mức lao động của Nhà nước và của đơn vị. Tiêu biểu là: Chỉ tiêu định mức xây móng nhà của Nhà nước là $1,5m^3$ /công, đồng chí đã phấn đấu nâng lên $3,7m^3$ /công, rồi sau đó là $6,3m^3$ /công. Chỉ tiêu

định mức trát tường là $18\text{m}^2/\text{công}$, nhiều anh, chị em chỉ đạt $15\text{m}^2/\text{công}$, đồng chí đã có sáng kiến đổ vữa lên ván, một người trát vữa vào tường, một người cầm ván vừa trát, vừa ném, đạt năng suất $30\text{m}^3/\text{công}$ đồng thời rút được thợ phụ ra làm việc khác. Chỉ tiêu rửa sỏi của công trường là $0,5\text{m}^3/\text{công}$, đồng chí có sáng kiến tận dụng ván vụn ghép thành một chiếc thuyền rửa sỏi, đổ sỏi vào thuyền gỗ chao đi, chao lại dưới vòi nước chảy xiết nâng năng suất lao động lên $2\text{m}^3/\text{công}$. Với sáng kiến trát trụ bê tông theo phương pháp dây chuyên (trát 5,6 trụ lượt đầu, khi vữa cần chặt vào trụ quay lại trát lượt hai), đồng chí đã nâng năng suất trát trụ bê tông lên gấp 2 lần. Đồng chí có sáng kiến dùng thước kẻ áp vào ga để xây ga hình vuông vừa bảo đảm vuông góc, vừa bảo đảm chiều đứng tường đã nâng chỉ tiêu năng suất từ $0,9\text{m}^2/\text{công}$ lên $2,1\text{m}^2/\text{công}$. Chỉ tiêu xây tường đôi của công trường là $1,2\text{m}^3/\text{công}$, đồng chí đã đạt $2,5\text{m}^3/\text{công}$, rồi $2,9\text{m}^3/\text{công}$ và cao nhất là $3,5\text{m}^3/\text{công}$. Nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất của đồng chí đã được phổ biến và áp dụng rộng rãi ra toàn công trường. Đại đội 6 (mà đồng chí là thành viên) nhiều năm đã được công nhận là lá cờ đầu của đơn vị, được Chính phủ tặng thưởng 2 Huân chương. Tổ 5 do đồng chí làm Tổ trưởng, luôn luôn đạt năng suất cao nhất công trường đã được Chính phủ công nhận là Tổ lao động xã hội chủ nghĩa.

Với tác phong khiêm tốn, giản dị, cần cù, chịu khó, lao động quên mình, đồng chí Nguyễn Mai Tâm đã được đồng đội yêu mến, khâm phục. Ngày 4-5-1962 đồng chí đã vinh dự được Ủy ban Thường vụ Quốc hội tặng danh hiệu cao quý: "Anh hùng lao động".

ANH HÙNG MA VĂN VIÊN



Đồng chí Ma Văn Viên sinh năm 1941; dân tộc Tày; quê ở xã Tân Dương, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 8-1965; vào Đảng: tháng 6 năm 1960; nguyên là: Chiến sĩ, Tiểu đội phó, Tiểu đội trưởng, Trung đội trưởng; cán bộ đại đội, Trợ lý chính trị tiểu đoàn, Trợ lý Ban chính trị thuộc các Trung đoàn 289, 259 (Công trường 23); Học viên trường Văn hóa

Bộ Quốc phòng; Trợ lý cán bộ Bộ Tư lệnh Công binh; Thượng úy, Trợ lý Cán bộ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; đã nghỉ hưu từ năm 1987. Hiện nay đồng chí trú tại quê nhà và là Bí thư Đảng ủy xã Tân Dương. Qua 22 năm liên tục công tác, chiến đấu trong quân đội, đồng chí đã được tặng thưởng: danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, 1 Huân chương Chiến công hạng nhất, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, nhì, ba; 4 lần được bầu là chiến sĩ thi đua. Khi được tuyên dương Anh hùng đồng chí là Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng thuộc Đại đội 12, Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 259 (công trường Z3).

Đồng chí Ma Văn Viên sinh trưởng trong một gia đình nông dân ở một vùng quê nghèo nhưng giàu

truyền thống cách mạng. Đồng chí có 6 anh, em (đồng chí là lớn nhất) nên sau khi học hết lớp 7, đồng chí nghỉ học để ở nhà lao động cùng với bố, mẹ nuôi các em ăn, học. Đến tuổi trưởng thành, đồng chí tham gia công tác xã hội ở địa phương: làm Đội trưởng sản xuất, Phó chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp, Phó bí thư Ban chấp hành Đoàn thanh niên xã Tân Dương. Tháng 8-1960 đồng chí được kết nạp vào Đảng. Tháng 8 năm 1965, đồng chí nhập ngũ vào Trung đoàn 259, Công trường Z3.

Ở đơn vị công binh làm nhiệm vụ xây dựng công trình phục vụ chiến đấu, công việc có nhiều vất vả, nặng nhọc và nguy hiểm, nhưng do luôn luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm và tận tụy công tác, chịu khó học tập, tìm tòi, nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa các động tác trong lao động nên đồng chí đã luôn luôn đạt năng suất cao, bảo đảm chất lượng, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình và góp phần cùng với đơn vị đạt và vượt mức chỉ tiêu, kế hoạch cấp trên giao cho.

Làm nhiệm vụ khoan đá, đục đường hầm, đồng chí đã sử dụng máy khoan nặng, có sức rung mạnh, thường làm tức ngực người cầm máy. Vừa làm, đồng chí vừa nghiên cứu tư thế đứng và cách giữ máy sao cho hợp lý nhất nên sử dụng máy khoan nặng đạt năng suất 150%, bảo đảm chất lượng tốt. Khi đục đá để đánh bộc phá, đồng chí đã nghiên cứu tỷ mỷ chất đá ở từng mạch, từng vỉa, tính toán từng lỗ đục đặt bộc phá sao cho tiết kiệm được thuốc nổ mà vẫn phá được nhiều đá. Nhờ đó, đồng chí đã đạt năng suất phá đá 300% (cao nhất đại

đội), góp phần đưa tiểu đội của mình hoàn thành vượt mức kế hoạch 27%). Đồ bê tông là công việc nặng nhọc, khẩn trương, phải bảo đảm đúng quy trình kỹ thuật, tiếp xúc nhiều với mùi vữa xi măng nồng nặc, lại thường xuyên làm việc ở môi trường có nhiệt độ cao, không quản ngại đồng chí đã xung phong đồ bê tông hàng tháng liền. Có lần bị choáng ngất, khi tỉnh lại đồng chí vẫn tự nguyện xin được tiếp tục làm việc.

Với ý thức tổ chức kỷ luật cao, đồng chí đã nghiêm chỉnh chấp hành và nhắc nhở anh em tuân thủ mọi nội quy đảm bảo an toàn sản xuất. Đồng chí thường xung phong làm việc ở những nơi có nhiều khó khăn, nguy hiểm, ở những nơi đất đá dễ bị sạt lở. Hai lần đồng chí đã dũng cảm, mưu trí cứu được đồng đội khỏi bị đất lở vùi lấp.

Với tác phong giản dị, khiêm tốn, gương mẫu trong mọi mặt công tác, sinh hoạt, đồng chí luôn luôn được đồng đội yêu thương, mến phục. Ngày 25-8-1970, đồng chí được Quốc hội, Chính phủ tặng danh hiệu cao quý "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".

ANH HÙNG ÂU VĂN HÙNG



Đồng chí Âu Văn Hùng sinh năm 1945; dân tộc Cao Lan; quê ở xã Sơn Phú, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 11-1965. Đồng chí đã giữ các cương vị công tác: Học viên dự khóa bay thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân; Học viện Trường đào tạo lái máy bay thuộc Liên Xô (cũ); Chiến sĩ lái máy bay thuộc các đơn vị: Trung đoàn 923 (Sư đoàn 371); Biên đội Quyết Thắng, Tiểu đoàn 5 (Sư đoàn 370). Biên đội trưởng thuộc các đơn vị: Trung đoàn 937 (Sư đoàn 372), Tiểu đoàn 52 K (Sư đoàn 370). Hiện nay đồng chí là Thượng tá, cán bộ phòng Thanh tra bay thuộc Quân chủng Không quân. Đồng chí đã được tặng thưởng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, 1 Huân chương Chiến công hạng nhất, 1 Huân chương Chiến công hạng ba và nhiều bằng, giấy khen. Khi được tuyên dương danh hiệu Anh hùng đồng chí là Thượng úy, Lái máy bay chiến đấu thuộc Phi đội 4, Trung đoàn 937, Sư đoàn 372, Quân chủng Không quân, đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam.

Sinh trưởng trong một gia đình nông dân ở một vùng giàu truyền thống cách mạng; đã từng là "Thủ đô kháng chiến", sau khi học hết cấp 3 phổ thông đồng chí nhập

ngũ, được chọn vào học lớp dự khóa bay thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân và được cử đi đào tạo lái máy bay ở Liên Xô. Học xong đồng chí được điều về lái máy bay chiến đấu ở các đơn vị thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân. Từ tháng 5-1975 đến tháng 1-1979, đồng chí đã chiến đấu 55 trận, cùng với biên đội đánh chìm 8 tàu, xuống chiến đấu, diệt 7 sở chỉ huy (trong đó có 2 sở chỉ huy chiến dịch, 2 sở chỉ huy sư đoàn, 3 sở chỉ huy trung đoàn), phá hủy 6 trận địa pháo, 15 xe quân sự, 1 phà, 3 kho hậu cần của địch, chi viện đặc lực cho bộ binh và hải quân ta đánh địch thắng lợi. Ngày 4-2-1978, 1 trung đoàn bộ binh địch tấn công vào xã Khánh An, huyện Khánh Hội, tỉnh An Giang. Chúng đánh chiếm các lô cốt kiên cố mà giặc Pháp xây dựng trước đây, chiếm giữ các điểm cao để khống chế con đường độc đạo, ngăn chặn các mũi tiến công của bộ binh ta. Mặc cho hỏa lực của địch ở dưới đất bắn lên dữ dội, đồng chí vẫn bình tĩnh dẫn biên đội lao vào thả loạt bom đầu tiên trúng sở chỉ huy trung đoàn địch. Tiếp đó, đồng chí lượn nhiều vòng, bắn nhiều loạt đạn trúng vào các công sự kiên cố và các trận địa pháo của địch, diệt 40 tên, tạo điều kiện thuận lợi cho bộ binh ta tấn công đánh địch, bảo vệ được đất, được dân. Ngày 24-9-1978, đồng chí dẫn biên đội vượt qua lưới lửa phòng không dày đặc của địch đến ném bom trúng 1 sở chỉ huy sư đoàn, 1 trận địa pháo, 1 khu trung tâm thông tin và 1 kho hậu cần của địch ở PRây Viêng, gây cho địch nhiều thiệt hại nặng nề. Ngày 6-11-1978, mặc dù thời tiết xấu, nhưng đồng chí vẫn chỉ huy biên đội bay thấp, bí mật, bất ngờ đánh chìm 4 tàu chiến, diệt nhiều tên địch, chi viện đặc lực cho bộ binh ta giải phóng Cù Lao Xếp (trên sông Tiền Giang và sông Hậu Giang giáp biên giới Việt Nam -

Căm Pu Chia). Trong trận này máy bay của đồng chí bị trúng nhiều vết đạn, thùng thùng dầu, đồng chí đã bình tĩnh dũng cảm tìm cách lái máy bay về sân bay hạ cánh an toàn. Trong 2 ngày 20 và 21-12-1978, đồng chí đã chỉ huy biên đội đánh chìm 2 tàu chiến, đánh bị thương 1 tàu chiến khác của địch ở sông Hậu Giang, tạo điều kiện cho bộ binh ta tiêu diệt địch. Ngày 3-1-1979, địch ở PRây Viêng rút chạy qua phà Niếc Nương về PhNôm Pênh. Đồng chí đã chỉ huy biên đội bắn cháy phà Niếc Nương và ném bom phá hủy 2 trận địa pháo ở bên kia sông, đánh chìm 2 tàu chiến, chặt đứt đường rút chạy của địch, tạo điều kiện thuận lợi cho bộ binh ta tiến công, bao vây bắt sống 600 xe quân sự và hàng ngàn tên địch, thu nhiều vũ khí, đẩy nhanh tốc độ tiến công vào giải phóng PhNôm Pênh. Từ ngày 7 đến ngày 17-1-1979, đồng chí đã chỉ huy biên đội đánh trúng nhiều điểm cơ cạm của địch ở Tà Keo, PhNôm Pênh, đảo Kô Công, phá hủy 2 trận địa pháo, đánh chìm 2 tàu chiến, tiêu diệt nhiều tên địch, tạo đà cho bộ binh và hải quân ta đánh địch được nhanh chóng, ít thương, vong.

Nhờ tích cực rèn luyện, nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật mà đồng chí đã lái giỏi các loại máy bay phản lực MIC 17, A37. Trong 45 lần bay thử máy bay phục hồi, đồng chí đều bảo đảm an toàn tuyệt đối. Với đức tính cần cù, chịu khó, ham học hỏi đồng chí luôn được anh em cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị tin yêu, quý trọng. Ngày 20-12-1979, đồng chí đã được Quốc hội, Chính phủ tặng thưởng danh hiệu cao quý "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".

ANH HÙNG TRẦN XUÂN THIỆN



Đồng chí Trần Xuân Thiện sinh ngày 2-3-1954; quê ở thôn Thọ Lâm, xã Động Đạt, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; dân tộc Kinh; trú tại xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 9-1972; vào Đảng tháng 1-1975, chính thức tháng 1-1976; trước khi nhập ngũ là công nhân xưởng Cơ giới thuộc Công ty gang thép Thái Nguyên; nguyên là

chiến sĩ các Tiểu đoàn 71, 76 thuộc Sư đoàn 304 B; Đại đội 4 thuộc Đoàn 3003; Tiểu đội trưởng, Trung đội phó, Trung đội trưởng thuộc Trung đoàn 64 (Sư đoàn 320, Quân đoàn 3); Học viên trường Văn hóa Quân đoàn 3; Học viên trường Sĩ quan Lục quân 2; Trung đội trưởng thuộc Trường Quân chính Quân khu I; Học viên trường Văn hóa Quân khu I; Trợ lý Cán bộ, Đại úy, trợ lý Tác chiến Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương; đã phục viên từ tháng 12-1989. Hiện nay đồng chí là Ủy viên Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh tỉnh Thái Nguyên, Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh, Bí thư chi bộ xóm Cọ Mọt, xã Phấn Mễ. Trong quá trình chiến đấu, học tập và công tác trong quân đội đồng chí đã được tặng thưởng: danh hiệu Anh hùng lực lượng

vũ trang nhân dân, 2 Huân chương Chiến công hạng hai và ba, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, nhì, ba; 4 lần được tặng danh hiệu Dũng sĩ Quyết thắng, 1 danh hiệu Dũng sĩ diệt cơ giới cấp ưu tú, 1 Huy chương Chiến sĩ giải phóng và 3 lần được bầu là Chiến sĩ thi đua. Khi được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân đồng chí là Thượng sĩ, Trung đội trưởng thuộc Đại đội 3, Tiểu đoàn 7, Trung đoàn 64, Sư đoàn 320, Quân đoàn 3. Đồng chí Trần Xuân Thiện sinh trưởng trong một gia đình bố, mẹ đều là đảng viên tham gia cách mạng từ kháng chiến chống Pháp. Là con thứ 2 trong gia đình có 5 anh, em, học hết cấp II phổ thông, đồng chí đi làm công nhân ở xưởng Cơ giới thuộc Công ty gang thép Thái Nguyên, Tháng 9-1972, theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc đồng chí đã lên đường nhập ngũ. Đồng chí đã tích cực rèn luyện, ra sức học tập quân sự, chính trị, sử dụng được thành thạo các loại vũ khí bộ binh, luôn luôn xung phong, gương mẫu trong mọi mặt công tác hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Từ tháng 1-1973 đến ngày 30-4-1975, đồng chí đã chiến đấu ở chiến trường Tây Nguyên, trưởng thành từ chiến sĩ lên cán bộ trung đội. Đồng chí chiến đấu dũng cảm, mưu trí đã diệt và bắt 85 tên địch (có 5 sĩ quan), bắn cháy 2 xe bọc thép, bắt sống 2 xe tăng, thu 40 súng, 3 máy thông tin (riêng trong chiến dịch mùa Xuân năm 1975 đồng chí đã đánh 5 trận lập thành tích xuất sắc).

Trong trận Buôn Hồ ngày 12-3-1975, đồng chí dẫn đầu tiểu đội nhanh chóng đánh chiếm các mục tiêu được giao, đồng thời chủ động phát triển đánh chiếm

các mục tiêu khác, tạo thuận lợi cho đơn vị tiêu diệt toàn bộ quân địch trong quận ly giải phóng hơn 4 vạn dân.

Trận đánh đường số 7 tại Cheo Reo, ngày 19-3-1975, đại đội của đồng chí làm nhiệm vụ dự bị của tiểu đoàn. Trong khi ra trận địa chốt để tải thương, phát hiện thấy đoàn xe địch tháo chạy qua chốt, đồng chí liền lấy súng B40 bắn 2 quả đạn phá hủy 2 xe bọc thép. Sau đó đồng chí trèo lên xe địch dùng súng máy của địch bắn xối xả vào các xe khác làm địch hết hoảng bỏ xe tháo chạy. Đồng chí cùng 6 chiến sĩ khác trong tiểu đội bắt sống toàn bộ địch và thu 25 xe còn lại, tạo điều kiện cho đơn vị giữ vững trận địa chốt. Trong trận này đồng chí đã sử dụng 5 loại súng, diệt 15 tên, bắt 30 tên, thu 36 súng.

Trận truy quét tàn quân địch ở Củng Sơn ngày 24-3-1975 đồng chí đã chỉ huy trung đội tiêu diệt 1 tên sĩ quan ngụy, bắt sống 68 tên khác (riêng đồng chí bắt sống 10 tên, thu 1 súng ngắn).

Trong trận đánh ở quận ly Hóc Môn, đồng chí đã chỉ huy trung đội khắc phục khó khăn, luồn sâu vào lòng địch, đúng thời gian. Tuy địch dùng pháo bắn ác liệt vào đội hình đơn vị, nhưng đồng chí vẫn bình tĩnh động viên anh em kiên quyết chấp hành mệnh lệnh, tổ chức lực lượng tiêu diệt gọn 5 mục tiêu, tạo điều kiện thuận lợi cho đại đội và tiểu đoàn hoàn thành nhiệm vụ đánh chiếm thị trấn và quận ly Hóc Môn, góp phần mở cửa phía tây bắc Sài Gòn.

Trận Cầu Săng ngày 29-4-1975, sau khi 1 đại đội đặc công của ta đánh chiếm cầu không thành công,

đồng chí đã chỉ huy đơn vị đánh chiếm cầu. Trong trận này đồng chí bắn 2 quả đạn B40 vào 2 lô cốt địch ở 2 đầu cầu tiêu diệt 2 hỏa điểm quan trọng của chúng, tạo điều kiện quyết định cho đơn vị xung phong đánh chiếm được cầu.

Với tinh thần dũng cảm, mưu trí và kiên cường trong chiến đấu và chỉ huy chiến đấu, tác phong tử mĩ, kỷ luật nghiêm, đoàn kết tốt, đồng chí được anh em, đồng đội tin yêu, mến phục.

Ngày 6-11-1978 đồng chí được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".

ANH HÙNG PHẠM VIỆT ĐỨC



Đồng chí Phạm Việt Đức sinh tháng 6-1936; dân tộc Kinh; quê ở xã Hoàng Kiêm, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; trú tại tổ 3, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 10-1956; vào Đảng ngày 29-11-1962, chính thức ngày 29-6-1963. Đồng chí nguyên là công nhân Cục Quản lý xe máy thuộc Tổng cục Hậu cần; Tổ trưởng sản

xuất, Quản đốc phân xưởng, Phó giám đốc Nhà máy Z159 thuộc Tổng cục Kinh tế - Quốc phòng; đã nghỉ hưu từ tháng 5-1989. Hiện nay đồng chí là Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên. Đồng chí đã được tặng thưởng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, 3 Huân chương Chiến công hạng nhất, nhì, ba; 6 lần được tặng danh hiệu Chiến sĩ Quyết thắng; 11 lần được bầu là Chiến sĩ Thi đua. Khi được tuyên dương danh hiệu Anh hùng đồng chí là Chuẩn úy QNCC, Tổ trưởng sản xuất Nhà máy Q159, Cục Quản lý xe máy - Tổng cục Hậu cần.

Từ năm 1957 đến năm 1971, làm nhiệm vụ sản xuất phụ tùng sửa chữa xe ở Nhà máy Q159, đồng chí đã luôn nêu cao tinh thần khắc phục khó khăn, bền bỉ,

tận tụy trong công tác, tích cực phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, thực hiện vượt mức kế hoạch, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Từ một người thợ học việc đồng chí đã phấn đấu trở thành thợ bậc 5, tổ trưởng sản xuất. Năm nào đồng chí cũng đạt trên 300 ngày công, đặc biệt từ năm 1965 đến năm 1970, đồng chí chỉ nghỉ 2 ngày. Từ năm 1966 đến năm 1970 tổ do đồng chí phụ trách đã sản xuất được 600 bộ chần bùn xe, 80 bộ tời công binh, 700 bàn ép li hợp, 10.200 quả nén ô tô, hoàn thành vượt mức kế hoạch từ 102% đến 105%. Đồng chí đã lãnh đạo tổ phát huy được 110 sáng kiến (riêng đồng chí có 45 sáng kiến) đưa năng suất lao động từ 100% tăng lên 700%. Các mặt hàng do đồng chí sản xuất đều đạt chất lượng tốt, tiết kiệm nguyên vật liệu, vượt mức chỉ tiêu. Đồng chí đã cải tiến bộ gá cắt rãnh vòng găng, đưa năng suất lao động tăng từ 1 chiếc/lần cắt lên 15 chiếc đến 20 chiếc/lần cắt và cải tiến lần thứ hai đã đưa năng suất lao động từ 50 bộ xe/tháng lên 200 bộ xe/tháng; Cải tiến máy cuốn lò xo đưa năng suất lao động tăng từ 100 chiếc/ngày lên 450 chiếc/ngày. Đồng chí luôn luôn có ý thức tiết kiệm, bảo quản tốt trang bị máy móc, 13 năm liên tục đồng chí không hề làm hỏng hoặc để mất mát một dụng cụ lao động nào. Đồng chí luôn gương mẫu trong mọi mặt công tác, tích cực học hỏi, tận tình bồi dưỡng tay nghề cho anh em thợ mới, 6 năm liên tổ do đồng chí phụ trách đã được công nhận là Tổ lao động xã hội chủ nghĩa. Ngày 01-10-1971 đồng chí được tuyên dương danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".

ANH HÙNG NGUYỄN DUY NHẤT



Đồng chí Nguyễn Duy Nhất sinh ngày 20-10-1959; dân tộc Kinh; quê ở làng Vang, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ ngày 17-7-1977; đã xuất ngũ về quê từ tháng 11-1989; nguyên là: Chiến sĩ Trung đoàn 124 (Sư đoàn 345, Quân khu I); Y tá Đại đội 2, Tiểu đoàn 8, Ban chỉ huy quân sự huyện Cao Lộc (tỉnh Lạng Sơn); Học viên các trường

Hậu cần, Văn hóa, Trung cấp Quân y thuộc Quân khu I, Y sĩ thuộc Trung đoàn 567 (Sư đoàn 322, Quân đoàn 26, Quân khu I); Trợ lý Chính sách, Thượng úy, Trợ lý Động viên Tuyển quân thuộc Ban chỉ huy quân sự huyện Võ Nhai (tỉnh Thái Nguyên).

Hơn 12 năm công tác, chiến đấu trong quân đội, đồng chí đã được tặng thưởng: danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; 1 Huân chương Quân công hạng ba, 2 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhì, hạng ba và 2 giấy khen. Khi được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân đồng chí là: Y tá Đại đội 2, Tiểu đoàn 8, Ban chỉ huy quân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, Đoàn viên Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Sinh trưởng trong một gia đình làm nông nghiệp lại đồng con (đồng chí là thứ tư trong số 9 anh, chị, em) nên học hết lớp 7, đồng chí ở nhà giúp đỡ bố, mẹ làm ruộng. Năm 18 tuổi đồng chí vào bộ đội. Sau thời gian huấn luyện chiến sĩ mới, đồng chí được cử đi học Y tá. Ra trường đồng chí được điều về làm y tá ở Đại đội 2, Tiểu đoàn 8 thuộc Ban chỉ huy quân sự huyện Cao Lộc (tỉnh Lạng Sơn).

Ngày 17-2-1979, địch mở cuộc tiến công xâm lược nước ta trên toàn tuyến Biên giới. Tại cao điểm 499 (thuộc xã Xuất Lễ, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn) địch mở nhiều đợt tiến công, bắn phá ác liệt, quyết tâm chiếm bằng được cao điểm để khống chế các vùng xung quanh. Trận địa Đại đội 2, Tiểu đoàn 8 mịt mù khói đạn và đất, đá bắn tung tóe. Vượt qua mọi nguy hiểm đồng chí đã nhanh chóng cơ động, tìm kiếm, cấp cứu, băng bó chuyển được 2 thương binh về nơi an toàn, rồi khẩn trương trở lại trận địa cùng đồng đội giữ vững quyết tâm, kiên quyết chiến đấu. Đồng chí đã dùng súng tiểu liên AK, trung liên, lựu đạn của đồng đội bị thương, vong để tiêu diệt địch. Cây thế đông, địch hò nhau ồ ạt xông lên trận địa. Bình tĩnh chờ chúng đến gần đồng chí mới nổ súng. Lợi dụng công sự chiến đấu và địa hình, địa vật, đồng chí đã nhanh chóng cơ động, nhiều lúc đứng thẳng người lên thành công sự để bắn vào đội hình dày đặc của chúng.

Trưa 17-2-1979, địch lại tập trung hỏa lực bắn, phá ác liệt vào trận địa và ồ ạt cho quân chiếm điểm cao. Được lệnh rút về phía sau, chí đã bắn 1 loạt đạn AK và

ném 2 quả lựu đạn cuối cùng vào đội hình địch, diệt một số tên, bảo vệ cho đồng đội rút lui an toàn.

Đồng chí Nguyễn Duy Nhất đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tìm kiếm, cấp cứu, chuyển thương binh về phía sau an toàn, đồng thời đã dũng cảm chiến đấu tiêu diệt được 30 tên địch. Hành động chiến đấu kiên cường của đồng chí đã được đồng đội khâm phục và động viên mọi người noi theo. Ngày 20-12-1979, đồng chí đã được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>	
<i>Lời giới thiệu:</i>		5
<i>Phần I.</i>	BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG	7
<i>Phần II.</i>	ANH HÙNG LỰC LƯỢNG	
	VŨ TRANG NHÂN DÂN	291

In: 500 cuốn, khổ 13x19, tại Nhà máy in Quân đội.

Số in : 7247. Giấy phép xuất bản số: 04/VHTT-TT

In xong và nộp lưu chiểu tháng 7-1977